CHƯƠNG 7: CẤU TRÚC VÌ KÈO VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN MẶT BẰNG NHÀ CHÍNH

7.1 CẤU TẠO CƠ BẢN CỦA NHÀ CHÍNH

7.1.a. Nhà số 48 Trần Phú - Ngôi nhà tiêu biểu của Hội An

Chúng tôi cho rằng đây là một ngôi nhà điển hình để có thể xem xét kỹ lưỡng về kết cấu, dựa trên cơ sở đó để rút ra một số điểm cần lưu ý khi xem xét những ngôi nhà khác. Chúng ta bắt đầu tìm hiểu từ các bước tiến hành lắp dựng một ngôi nhà.

Xây tường, đặt đá tảng chân cột

Cấu trúc cơ bản nhất là nhà tường gạch bao quanh với kết cấu gỗ độc lập, nhà số 48 Trần Phú có tường bên trái dày 48,5cm và tường bên phải dày 33cm (hướng về phía mặt đường). Cột, dầm, sàn và vì nóc được làm bằng gỗ nằm phía bên trong tường này. Theo chiều sâu và chiều ngang của nhà có bốn hàng cột, như vậy tổng số có 16 cột. Tuy nhiên, hiện nay một cột ở hàng thứ ba (cạnh bức tường bên phải) đã bị mất, và một cột ở hàng thứ hai (cạnh bức tường bên trái) đã bị xây lại bằng gạch. Ở Hội An, có nhiều mối mọt, vật liệu gỗ bị ăn mòn khá mạnh nên rất hay gặp những tình trạng như vậy. Các cột gỗ được đặt trên các chân đá tảng hình vuông có độ cao bằng với mặt sàn. Ngoài ra, hàng cột hiên được đặt trên hai cấp đá tảng, còn các hàng cột khác thì cột chỉ đặt ngay trên đá tảng sát với sàn.

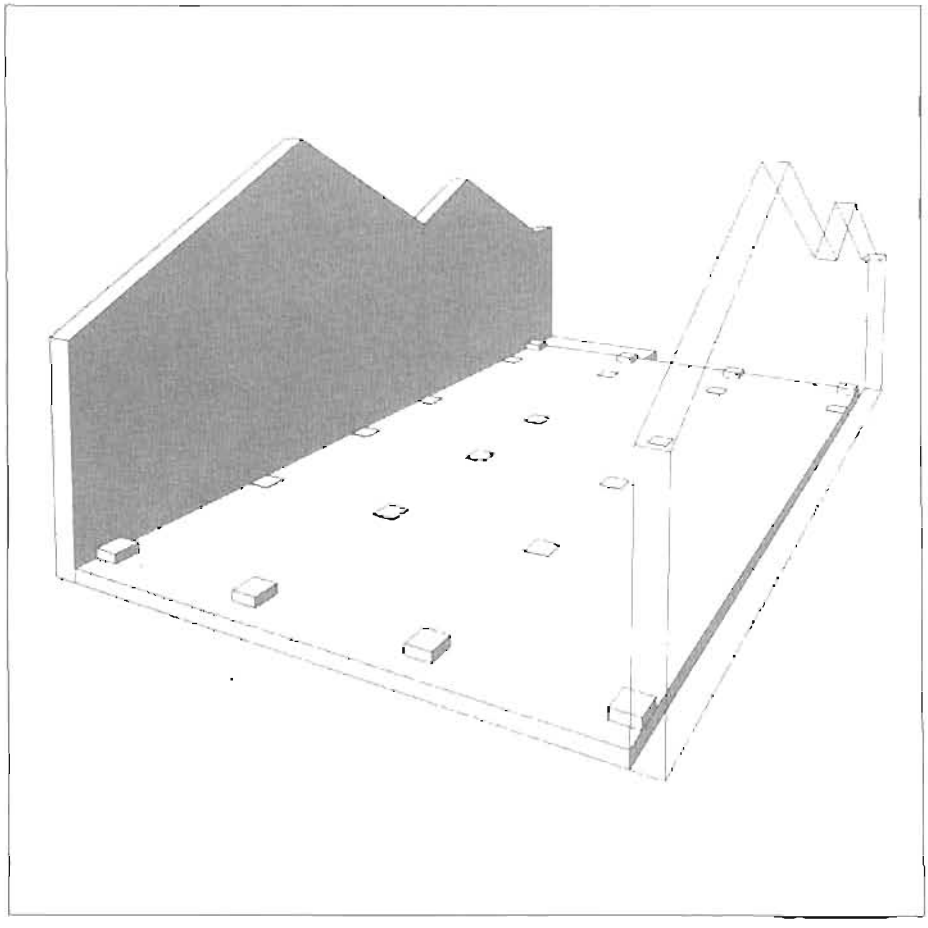

Hình 7.1a. Vị trí chân đá tảng

Hình 7.2a. Móng và cách lắp trính với cột cái (Bản vẽ của Hayachi, Yoshiko. Bản vẽ này dựa trên cơ sở nhà số 80 Trần Phú)

Nhiều ngôi nhà khác có tổng số cột không phải là 16, bởi vì các bộ vì sát với tường bên thường hay có hiện tượng trốn bớt cột. Trong những ngôi nhà mới xây sau này, xu hướng trốn cột không chỉ ở các vị trí sát tường nữa mà ở cả những vị trí khác trong nhà. Đặc biệt, đối với những nhà hai tầng xu hướng trốn cột ở tầng một càng nhiều hơn.

Dựng cột cái, lắp trính

Kết cấu của nhà được tạo thành chủ yếu từ bộ khung chính và hiên. Khung chính là phần được tạo thành giữa hàng cột thứ hai và hàng cột thứ ba, còn giữa hàng cột thứ nhất và hàng cột thứ tư với hàng cột thứ hai và hàng cột thứ ba được gọi là phần hiên. Phần hiên không thuộc phần nói trên sẽ được gọi là hiên phụ.

Ngoài hàng cột thứ nhất nơi sẽ lắp bộ cửa trước và thường được làm hàng cột vuông (mỗi cạnh khoảng 200mm), các cột khác đều là cột tròn có đường kính từ 220~240mm, đầu cột thường được làm bẻ đi. Độ lớn của các cột không hoàn toàn giống nhau, tuỳ vào từng vị trí khác nhau mà độ lớn của chúng cũng khác nhau. Bốn cột cái ở trung tâm của nhà mang một ý nghĩa đặc biệt (gọi là "Tứ Thiên Trụ").

Về phương pháp dựng nhà, đầu tiên người ta dựng các hàng cột thứ hai và thứ ba, rồi dùng các thanh trính để liên kết hai hàng cột này lại với nhau. Những thanh trính này có chiều cao khoảng 30cm, phần bụng trính được điêu khắc nên tiết diện của trính có hình sáu cạnh cao và hẹp. (Hình vẽ bên trái là ví dụ của một ngôi nhà không phải nhà 48 Trần Phú, cho nên tiết diện của dầm cũng hơi khác). Trên thân cột được đục mộng để xuyên trính và ở hai đầu của trính cũng có lỗ mộng để đóng chốt sau khi đã lắp trính vào cột. Chốt này là một chi tiết đã được tính toán từ trước trong quá trình làm nhà.

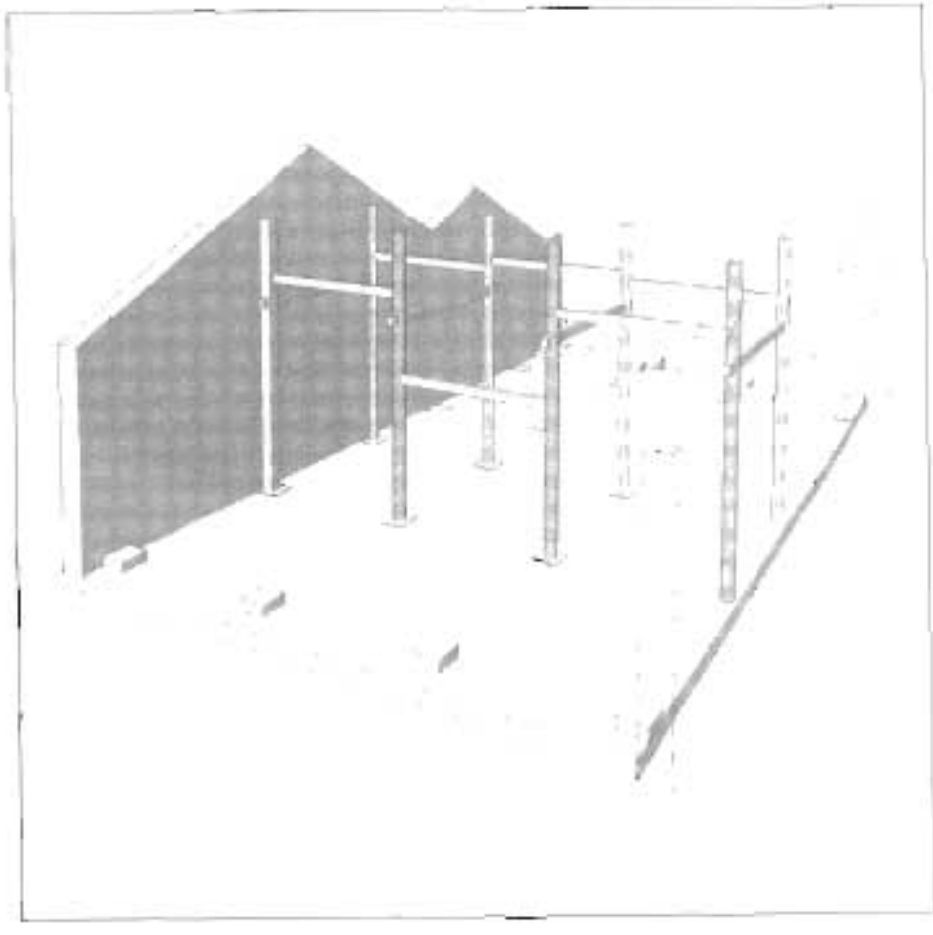

Hình 7.1b. Dựng cột cái, lắp xà ngang

Lắp xà ngang cố định khung ngang nhà, đồng thời dựng cột quân

Sau khi đã lắp trính tạo được một khung bốn cột cái, người ta tiến hành lắp các xà ngang và cố định bộ khung theo chiều ngang của nhà. Các thanh xà có chiều cao 21cm và tiết diện giống như thanh trính.

Xà ngang ở hai gian bên của hàng cột thứ hai ở độ cao 4,1 m, cao hơn rất nhiều so với vị trí của xà ngang ở gian giữa (2,4 m). Nhưng tại hàng cột thứ ba thì sự bố trí hoàn toàn ngược lại là hai gian bên có vị trí của xà ngang thấp hơn ở gian giữa. Điều này là do bàn thờ đặt tại đây. Các thanh xà ở những vị trí dễ dàng nhìn thấy được thì ở bụng xà được chạm trổ giống như trính.

Sau đó, tiến hành dựng đến các hàng cột thứ nhất và thứ tư. Tại hàng cột thứ nhất, ở độ cao khoảng 3m của cột cũng dùng các thanh xà ngang có tiết diện cao khoảng 12 ~ 13cm để cố định hàng cột này. Còn ở hàng cột thứ tư thì không có kết cấu nào liên kết các cột theo chiều ngang tại vị trí này. Hơn nữa, ngoài các thanh kèo thì không có kết cấu nào giữ vai trò liên kết các cột cái và cột quân.

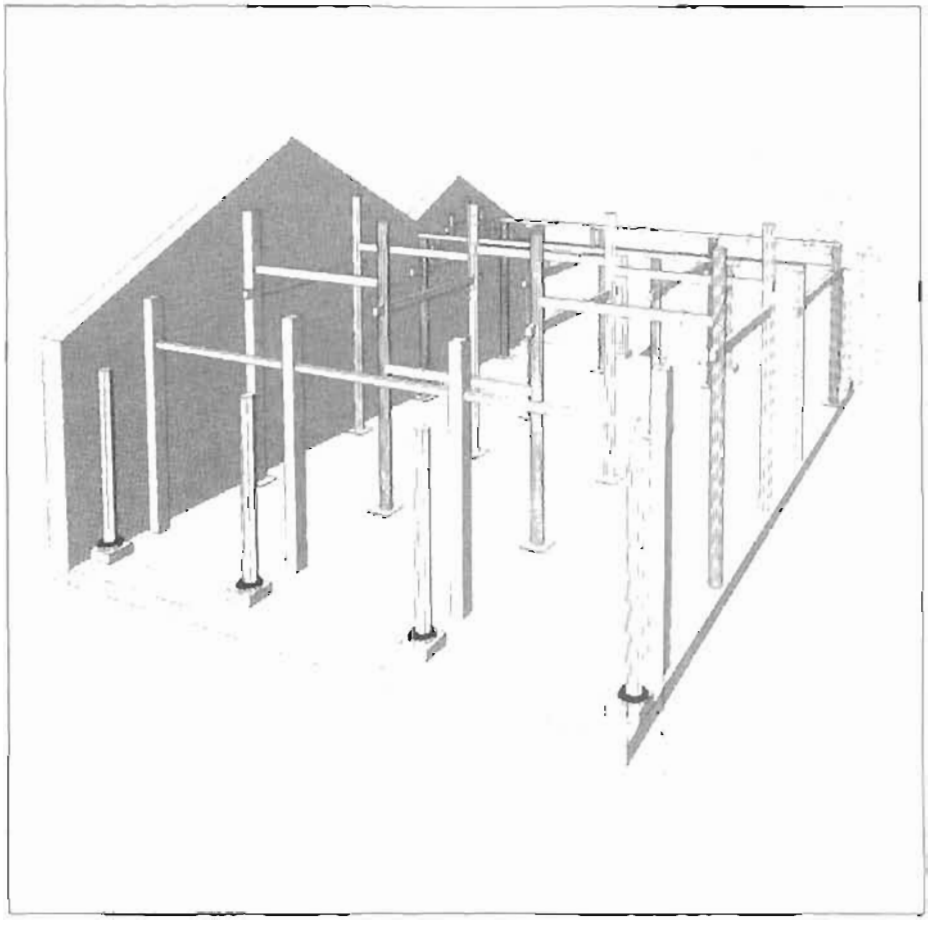

Hình 7.1c. Lắp trính, dựng cột quân và cột hiên

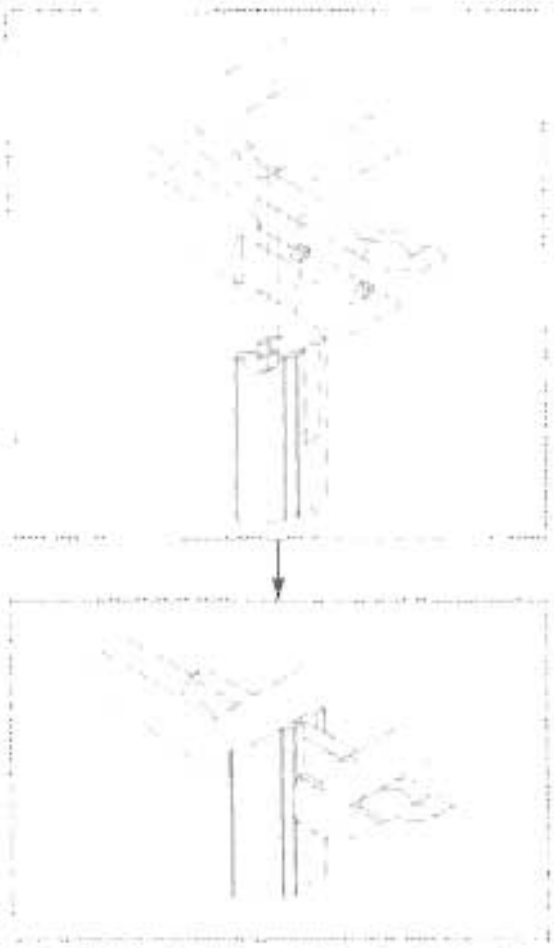

Hình 7.2b. Mộng liên kết theo chiều dọc giữa cột quân và kèo

Lắp kèo

Khi cố định xong hệ thống cột, người ta tiến hành đặt các thanh kèo. Kèo được phân đoạn theo các khoảng của cột, đầu tiên hãy xem cách lắp ráp kèo ở khoảng giữa hai cột cái (giữa hàng cột thứ hai và thứ ba). Ở đây kèo tạo thành hình nóc tam giác, đuôi kèo được lắp mộng vào cột (theo kiểu mộng wanagi ở Nhật Bản). Mặt trên của đuôi kèo được đóng các đinh gỗ để giữ kèo tiếp theo (kèo kiên kết giữa cột cái và cột quân). Kèo có hình dáng hơi cong, hai đầu được trang trí điêu khắc. Hình thức này được gọi là "Kèo chống".

Đối với phần nóc tam giác để đặt đòn đông thì ngay ở ngôi nhà này cũng thấy có hai hình thức khác nhau. Ở bộ vì sát với tường bên thì chỉ đơn giản là nóc tam giác do hai thanh kèo tạo thành, còn ở bộ vì giữa thì dưới phần nóc có một thanh ngang đặt trên một trụ ngắn chống dưới hai thanh kèo. Như vậy, kết cấu vì nóc tam giác có nhiều hình thức khác nhau như: có hoặc không có thanh đỡ ngang, có hoặc không có trụ hoặc cột đội chống trực tiếp vào hai thanh kèo hoặc gián tiếp qua một thanh nằm ngang.

Hình 7.1 c. Lắp kèo

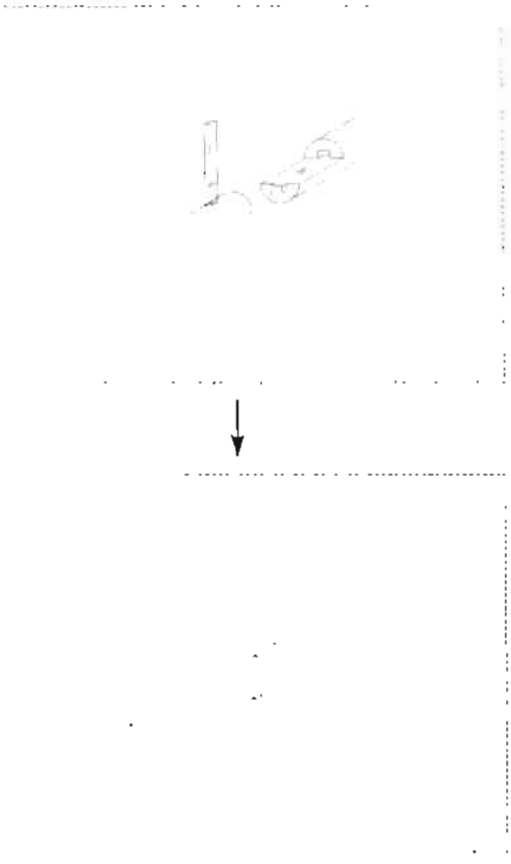

Hình 7.2.c: Cách nối hoành

Đặt hoành

Hoành có tiết diện tròn, đường kính lớn và được đặt trên kèo. Ở vị trí các đầu cột và nóc nhất thiết phải đặt hoành. Ở các khoảng giữa, được chia ra thành các khoảng đặt hoành đều nhau. Tại nhà 48 Trần Phú khoảng giữa hai cột cái (giữa hàng cột thứ hai và thứ ba) có năm hoành (kể cả thanh nóc), khoảng giữa cột cái và cột quân (giữa hàng cột thứ nhất và hàng cột thứ hai, giữa hàng cột thứ ba và hàng cột thứ tư) có bốn hoành. Có thể nói số lượng hoành là một yếu tố phản ánh qui mô của nhà (sẽ nói rõ ở phần sau).

Tại các đầu cột, trước khi đặt hoành người ta thường dùng các thanh xà ngang ăn mộng vào đầu cột để liên kết các cột theo chiều ngang. Nhờ thanh xà ngang này mà các cột không bị xê dịch khỏi vị trí ban đầu. Nhưng cũng có trường hợp xà ngang và hoành được kết hợp với nhau thành một kết cấu vừa đóng vai trò là hoành vừa là xà ngang. Khi đó đa số kết cấu này có tiết diện hình chữ nhật. Khi quan sát nhà 48 Trần Phú ta thấy có cả hai hình thức này, nhưng các bộ phận đó đều trong tình trạng xuống cấp, nên chỉ khi nào hạ giải thì mới có thể phán đoán được hình dáng ban đầu của chúng.

Đối với những thanh hoành không nằm ở vị trí đầu cột hay nóc, người ta đóng lên kèo những đinh gỗ để cố định vị trí của hoành. Vì một thanh gỗ thường không có đủ chiều dài để làm một thanh hoành với độ dài bằng chiều ngang của nhà nên người ta dùng phương pháp ghép nối giống như phương pháp ghép nối Kanawa của Nhật Bản (Hình vẽ). Thanh nóc thường có tiết diện lớn hơn các thanh hoành khác.

Đóng rui, lợp mái

Rui là những tấm ván bản to 9cm dày 1,5cm được đóng trên hoành. Việc đóng rui nhằm mục đích cố định chắc chắn hơn vị trí những thanh hoành nằm trên kèo. Với ý nghĩa như vậy nên có thể nghĩ rằng tên gọi của kết cấu này là ván rui thì phù hợp hơn là ván lót. Ván rui được đóng cách nhau một khoảng 12cm, khoảng hở giữa hai thanh rui được che lấp bằng ngói .

Công việc cuối cùng là lợp ngói, lắp cửa phía trước và các bức ngăn giữa nhà lúc đó coi như đã hoàn thành cơ bản việc xây nhà. Những công việc như xây bờ nóc mái và lắp cửa chúng tôi sẽ trình bày cụ thể hơn ở chương sau.

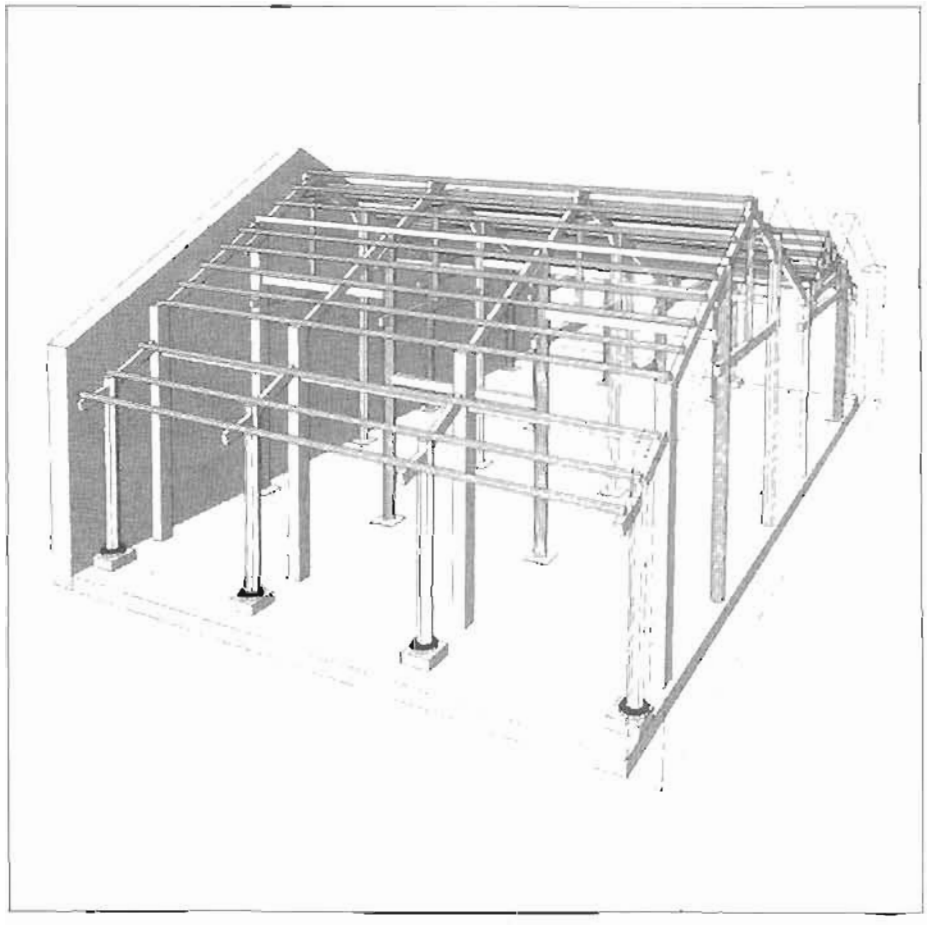

Hình 7.1d: Đặt hoành

7.1.b. Trường hợp nhà hai tầng (Nhà số 80 Trần Phú)

Sẽ là thiếu sót nếu không đề cập đến trường hợp nhà hai tầng. Nhà số 80 Trần Phú (hiện là Bảo tàng gốm sứ mậu dịch) là ngôi nhà hai tầng được Nhật Bản tiến hành trùng tu đầu tiên. Sau đây xin giới thiệu sơ lược cấu trúc của ngôi nhà này.

Mặt bằng tổng thể

Mặt tiền ngôi nhà gần 8m và chiều sâu khoảng 35m, cũng giống như nhà số 48 phía sau nhà hơi chếch về phía Đông. Trong cách bố cục nhà trước, sân trong, nhà cầu, nhà phụ và sân sau hoàn toàn giống như nhà số 48. Tuy nhiên, toàn bộ ngôi nhà này có cấu trúc hai tầng, nhà sau hơi nhỏ hơn nhà trước. Phía sau của nhà sau về phía Đông được xây một nhà phụ bằng gạch. Tại đây trước kia có một ngách thông ra hẻm nhỏ từ đường Trần Phú về phía Bắc. Hiện nay người ta đã xây một nhà vệ sinh trên vị trí này nên lối thông ra hẻm nhỏ bị bịt lại chỉ chừa một cửa lấy phân từ phía đường nhỏ. Trên phần đất chếch về phía Đông là khu vực bếp, hiện tại tường, mái và cột đều không còn, chỉ còn giữ lại những dấu tích của bếp lò. Do được cải tạo để làm nhà bảo tàng nên một phần ngôi nhà này đã có cơ hội được khôi phục lại nguyên trạng.

Hình 7.3. Mặt bằng và mặt cắt nhà 80 Trần Phú 1/200

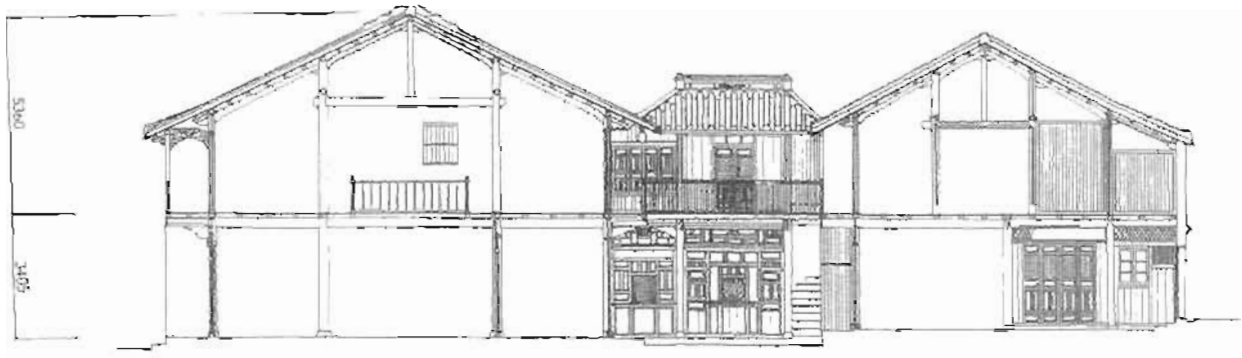

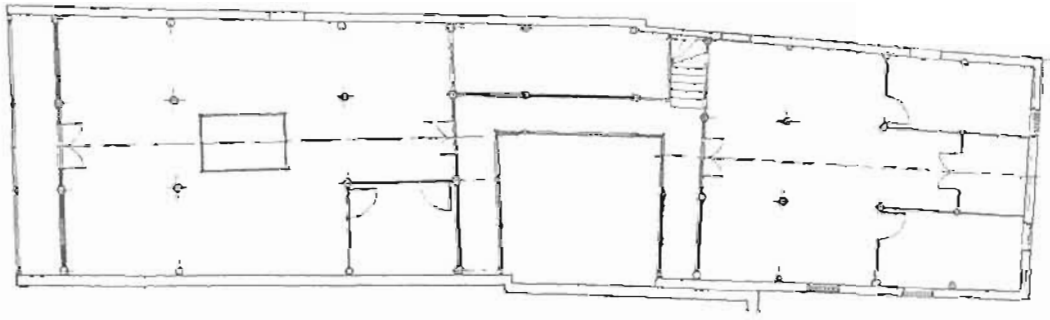

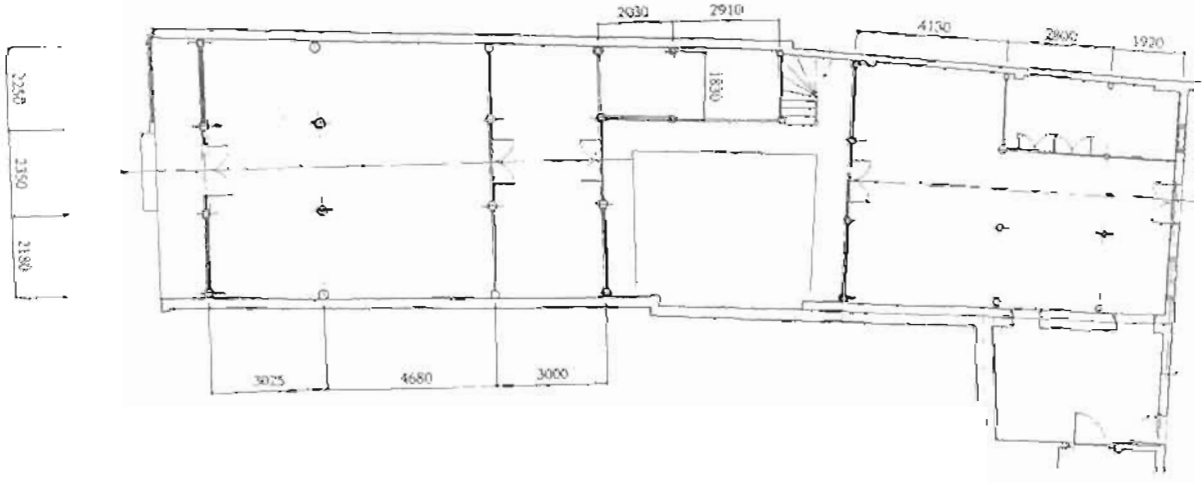

Nhà trước/Nhà cầu/Nhà sau

Nhà trước hai tầng với mặt tiền ba gian xây hết chiều ngang của khuôn viên đất, chiều sâu bốn gian và hai mái dốc theo kiểu nhà phố. Tường hai bên nhà được xây bằng gạch đơn, khung vì kèo được dựng sát với bức tường này về phía trong nhà. Mặt bằng tầng một được chia thành: phòng trước và phòng sau tại vị trí hàng cột thứ ba. Trên tầng hai toàn bộ mặt tiền phía trước là ban công với hình thức trần kiểu Obakushu (một hình thức thuộc kiến trúc Phật giáo Trung Quốc* tg), hiện nay hình thức này được gọi là trần vỏ cua (crab shell roof). Phía trong nhà chỉ có một phòng lớn và một phòng nhỏ, phòng nhỏ mỗi chiều một gian được làm lệch về phía Đông nằm ở cuối phòng lớn.

Nhà cầu hai tầng với kiểu bốn mái tiếp ngay sau nhà trước nhưng nằm về phía Tây, mỗi chiều chỉ có một gian. Thanh nóc được đặt theo chiều Nam Bắc. Cột dựng sát với tường bên phía Tây. Phía trong nhà ở cả tầng một và tầng hai đều chỉ có một phòng. Không gian của phòng này không giới hạn trong phạm vi một gian mà được kết hợp thêm cả khoảng không gian tiếp nối giữa nhà trước và nhà cầu. Trước mặt nhà cầu về phía Đông của nhà chính là sân trong. Tầng hai ba mặt hướng về sân trong đều có ban công. Cầu thang lên tầng hai nằm ở giữa nhà cầu và nhà sau.

Nhà sau ba gian cũng được thiết kế hai tầng tận dụng hết chiều ngang của đất, chiều sâu ba gian với hình thức hai mái dốc về phía sân trong. Dầm của sàn tầng hai và kèo mái được ăn vào tường sau của nhà, hình thức này không làm theo kiểu tường và kết cấu gỗ độc lập với nhau giống như kết cấu của bộ vì ở vị trí sát với tường bên. Cột ở tầng hai có vị trí không trùng với vị trí cột ở tầng một. Chiều sâu của tầng hai là bốn gian. Mặt bằng tầng một chỉ ngăn ra một phòng có chiều ngang một gian và chiều sâu hai gian nằm về phía Tây Bắc, không gian còn lại là một phòng lớn. Trên tầng hai có ban công nằm về phía sân trong, trong nhà có hai phòng nhỏ với chiều ngang một gian và chiều sâu hai gian nằm về phía Đông Bắc và Tây Bắc, phần còn lại là một phòng lớn.

Kết cấu

Ngôi nhà có kết cấu ở tầng một không có hàng cột hiên và tổng số cột trong nhà là 4 cột x 4 cột = 16 cột. Cột cái có tiết diện tròn và theo kiểu thượng thu hạ thách, tại hàng cột quân nơi lắp bộ cửa phía trước là cột có tiết diện vuông. Tại vị trí giao giữa các hàng cột theo chiều dọc và ngang đều có cột, ở đây không có hiện tượng dầm kéo dài xuyên qua cột. Tất cả các cột đều được đặt trên chân đá tảng, hình dáng của đá tảng phù hợp với tiết diện cột, nghĩa là cột tròn được đặt trên chân đá tảng tròn và cột vuông được đặt trên chân đá tảng hình vuông. Cột tại bốn góc nhà là cột chạy suốt từ tầng 1 lên đến tận nóc, ở các vị trí khác thì cột ở tầng một và tầng hai không đồng nhất. Dầm ở tầng một liên kết các cột theo chiều sâu của nhà còn hệ các thanh ngang đỡ ván sàn tầng hai liên kết cột theo chiều ngang. Tiết diện của dầm có hình dáng giống như mặt trống. Dầm hướng về phía trước nhà và phía sân trong được kéo dài ra để đỡ ban công. Để làm được điều này, dầm và cột được ăn mộng với nhau, tuy nhiên hình thức dầm làm theo kiểu hình bụng trống thì chỉ nhằm mục đích trang trí mà thôi.

Ở tầng hai ngoài bốn cột ở góc chạy suốt từ dưới lên trên, còn các cột khác đều riêng biệt so với các cột tầng một, có thể cho rằng kết cấu của tầng hai gần giống như kết cấu của nhà số 48 Trần Phú. Nghĩa là cấu trúc của nhà được tạo thành từ phần không gian giữa hai cột cái và hiên. Hai cột cái được liên kết với nhau bằng trính, chúng được giữ lại với cột nhờ mộng và chốt. Ngoài ra, ở đầu cột cái được xẻ mộng để lắp kèo tạo thành nóc, mặt trên của đuôi kèo được đóng đinh gỗ để liên kết với kèo của gian kế tiếp, ở đầu của cột hiên (cột quân) cũng có mộng giống như ở đầu cột cái để lắp kèo. Ở nhà số 48, tiếp với phần hiên chính có thêm một hiên phụ, nhưng ở nhà số 80 thì ở trên đuôi kèo lòng nhì có một thanh con son ngang đưa ra đỡ lấy dầm hiên. Mái hiên được đỡ bằng hệ thống trần vỏ cua với dầm được trang trí với motif rất cầu kỳ.

Như vậy, chúng ta đã xem qua cấu trúc của nhà một tầng và nhà hai tầng. Qua đó sẽ cho chúng ta những khái niệm cơ bản làm cơ sở để xem xét những ngôi nhà tiếp theo.

Bảng 7.1. Phân bố theo chiều sâu của nhà

	Nhà 1 tầng		Nhà 2 tầng					Toàn bộ
	Tường gỗ	Nhà 1 tầng Tường gạch	Hiên độc lập	Nhà 2 tầng Tường gỗ có ban công	Tường gạch có ban công	Tường gạch không có ban công	Tường gạch có ban công mặt đứng kiểu châu Âu	
Gian thứ nhất	2.16 0.486	2.01 0.518	2.14 0.421	2.50 0.641	2.17 0.907	2.55 0.577	2.97 0.397	2.34 0.658
Gian thứ hai	2.54 (35.5%) 0.541	2.47 (37.6%) 0.618	2.64 (38.0%) 0.719	3.73 (41.4%) 1.073	2.84 (37.6%) 0.991	4.20 (44.8%) 1.149	3.18 (33.7%) 0.579	3.06 (38.5%) 1.046
Gian thứ ba	2.45 0.649	2.09 0.423	2.17 0.381	2.78 0.700	2.55 0.696	2.63 0.576	3.30 0.458	2.55 0.676
Tổng số	7.14 1.463	6.57 1.258	6.95 1.198	9.01 2.132	7.56 2.296	9.38 1.960	9.46 1.033	7.94 2.030

Bảng 7.2. Tỷ lệ giữa gian cột cái theo chiều sâu/toàn bộ chiều sâu

	Nhà 1 tầng		Nhà 2 tầng					Toàn bộ
	Tường gỗ	Tường gạch	Hiên độc lập	Tường gỗ có ban công	Tường gạch có ban công	Tường gạch không có ban công	Tường gạch có ban công mặt đứng kiểu châu Âu	
0.25					TP: 127			TP: 127
0.26							TP: 79	
0.27								
0.28	TP: 72							
0.29		TP: 182	MK: 11					
0.30							TP: 145	
0.31	TH: 10	TH: 116						
0.32							TH: 119	
0.33	TP: 113b			TH: 22	TH: 66		TH: 53	
	TP: 136							
0.34	TP: 41, 141, 170	TP: 168		TP: 23		TH: 15	TP: 186	
	LL: 59					TH: 130		
0.35	LL: 55, 57	TP: 62	TH: 101, 53	TH: 16		TH: 132	TH: 47	
0.36	TP: 77, 85, 131	TP: 35	TH: 2					
	TP: 62, 102							
0.37	TP: 65, 67	TP: 29	MK: 5	TH: 39	LL: 45	TP: 43		
	TH: 57							
0.38	TP: 75		TH: 42	TH: 60, 80	TP: 119	TP: 73		
	TP: 48							
0.39	TP: 33	TP: 135		TH: 14	TP: 78, 104		TP: 149	
	TP: 142					TH: 102		
0.40		MK: 2			TH: 24, 85			
0.41	TH: 3	TP: 31	TP: 178	MK: 4				
			TH: 20					
0.42		TP: 39ab		TH: 54	TP: 95			
0.43	TP: 25	TP: 117		MK: 6		TH: 28		
0.44					TH: 55	TH: 17		
0.45				TH: 52				
			TP: 148					
0.46								
0.47						TP: 69		
					TH: 103, 118			
0.48		MK: 3						
0.49				TH: 46		TP: 115		
0.50						TH: 33		
0.51				TH: 12				
0.52			MK: 7	TP: 37		TP: 143 TH:13		

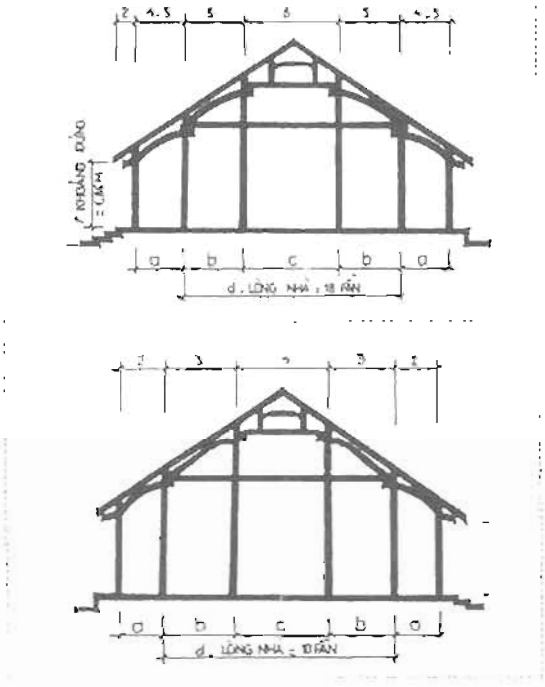

Hình 7.4. Sự phân bố cột trong một bộ vì kèo truyền thống (theo kiến trúc nông thôn, truyền thống và cải tiến)

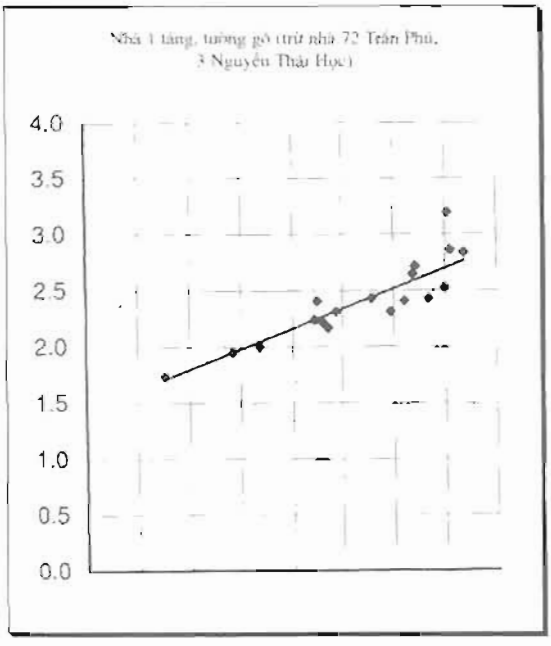

Hình 7.5. Biểu đồ phân tán chiều sâu gian cột cái của kiểu nhà 1 tầng/tường gạch
Trục tung: chiều sâu gian cột cái
Trục hoành: chiều sâu nhà chính

7.2.a. Phân bố cột theo chiều dọc nhà

Đối với những ngôi nhà truyền thống thì chiều ngang và chiều sâu đều có ba gian (cấu trúc 3 gian x 3 gian), tức là có bốn hàng cột theo chiều sâu và chiều ngang, với tổng số là 16 cột. Tất nhiên không phải trường hợp nào cũng tuân thủ đúng như vậy, nhưng đầu tiên chúng ta hãy xem xét đến trường hợp mang tính nguyên tắc này.

Tổng số có 96 nhà trước được làm theo kiểu 3 gian x 3 gian, với chiều sâu trung bình của nhà là 7,61m, chiều ngang trung bình là 6,31m. Cả chiều sâu và chiều ngang của những nhà hai tầng đều lớn hơn nhà một tầng. Đặc biệt có sự chênh lệch rất lớn giữa chiều sâu của nhà một tầng và nhà hai tầng. Chiều sâu trung bình của nhà một tầng là 6m, nhưng chiều sâu của nhà hai tầng lại đến 8m (Bảng 7.2).

Hơn nữa chiều sâu của nhà cũng không chia làm ba gian bằng nhau. Giá trị trung bình của các gian khi phân tích dựa trên 96 ví dụ cho kết quả như sau: gian thứ nhất là 2,33m (giá trị phương sai 0,564), gian thứ hai là 2,91m (phương sai 0,851), gian thứ ba là 2,50m (phương sai 0,608). Cần lưu ý là trong một số trường hợp do việc mở đường mà ngôi nhà bị cắt bớt nên gian thứ nhất bị ngắn lại.

Giá trị theo từng kiểu nhà khác nhau được thống kê ở bảng 7.1, nếu như giá trị của gian thứ nhất và gian thứ ba gần như không biến đổi đáng kể giữa các kiểu nhà khác nhau thì đối với kiểu "Nhà hai tầng/kết cấu gỗ/có ban công phía trước" và "Nhà hai tầng/không có ban công" lại có giá trị của gian thứ hai lớn hơn một cách đáng kể, hầu hết chúng có giá trị không nằm trên đường giá trị chung.

Trong một buổi thảo luận tại trường đại học Waseda người ta nói rằng dựa theo lời của những thợ mộc ở Huế thì "nếu chia lòng nhà làm 18 phần bằng nhau, khi đem nhân giá trị đó với 8 sẽ được khoảng cách giữa hai cột cái, nhân với 5 sẽ được khoảng cách giữa cột cái và cột quân".Trong một số tài liệu về kiến trúc truyền thống ở Việt Nam cũng nói tương tự như vậy (hình 7.4). Nếu dựa theo phương pháp đó người ta có thể quyết định độ lớn của các gian khi biết tổng chiều sâu của nhà. Như vậy ta thử xem xét tỷ lệ giữa gian giữa (gian thứ hai) với toàn bộ chiều sâu nhà (chiều sâu nhà nhà chính) bằng cách lập một biểu đồ phân bố với trục hoành biểu diễn giá trị chiều sâu, trục tung biểu diễn giá trị của gian giữa, nếu như kết quả là một tỷ lệ nhất định thì các điểm biểu diễn giá trị sẽ nằm gần trên một phương trình đường thẳng, kết quả như hình 7.6.

Dựa vào biểu đồ lập trên 65 trường hợp cho thấy đúng là khi chiều sâu của nhà tăng lên thì chiều rộng của gian giữa cũng tăng theo. Đường biểu diễn có độ nghiêng 0,3841 là đường giá trị bình phương nhỏ nhất khi phương trình đường thẳng y bắt đầu từ 0. Tuy nhiên đường giá trị này không còn đúng với những nhà có chiều sâu lớn hơn 7m. Khi xem xét riêng đối với từng kiểu nhà khác nhau thì hiếm thấy trường hợp nhà một tầng có chiều sâu của nhà đạt tới 8m, đặc biệt là trường hợp nhà có kết cấu tường gỗ thì ta thấy rằng chúng nằm trên một phương trình đường thẳng có độ nghiêng 0,350. Chỉ có một trường hợp duy nhất có kết cấu dạng đặc biệt là nhà số 72 Trần Phú, nếu loại trừ trường hợp này thì phương trình đường thẳng sẽ có độ nghiêng là 0,364, =0,7787.

Phần lớn trường hợp nhà hai tầng không đúng với qui luật trên, chỉ có trường hợp "Nhà hai tầng/kết cấu gỗ/có ban công phía trước" và "Nhà hai tầng/không có ban công" thì phần nào còn tuân thủ theo qui tắc đã nêu. Khi đó độ nghiêng của phương trình đường thẳng đối với trường hợp thứ nhất là 0,43 (R^2=0,870), đối với trường hợp thứ hai là 0,460 (R^2=0,763). Những giá trị này gần giống với giá trị mà những người thợ mộc ở Huế đã nêu ra (8/18=0,44). Nhưng nếu xét trên tổng thể thì giá trị này ở Hội An lại không giống với những giá trị mà những thợ mộc ở Huế đã nói.

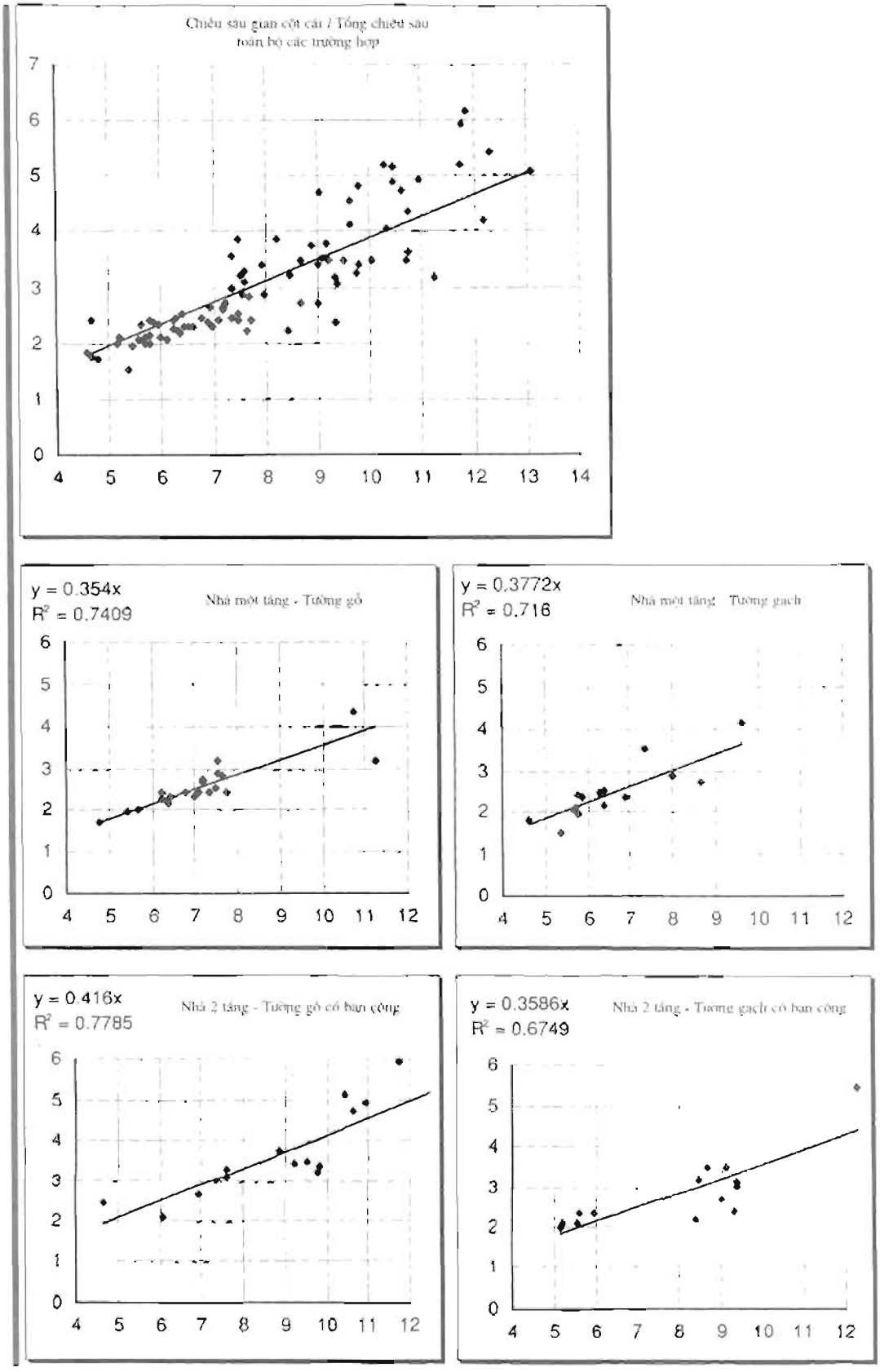

Hình 7.6. Biểu đồ phân tán chiều sâu gian cột cái theo kiểu nhà
Trục tung: chiều sâu gian cột cái
Trục hoành: chiều sâu nhà chính

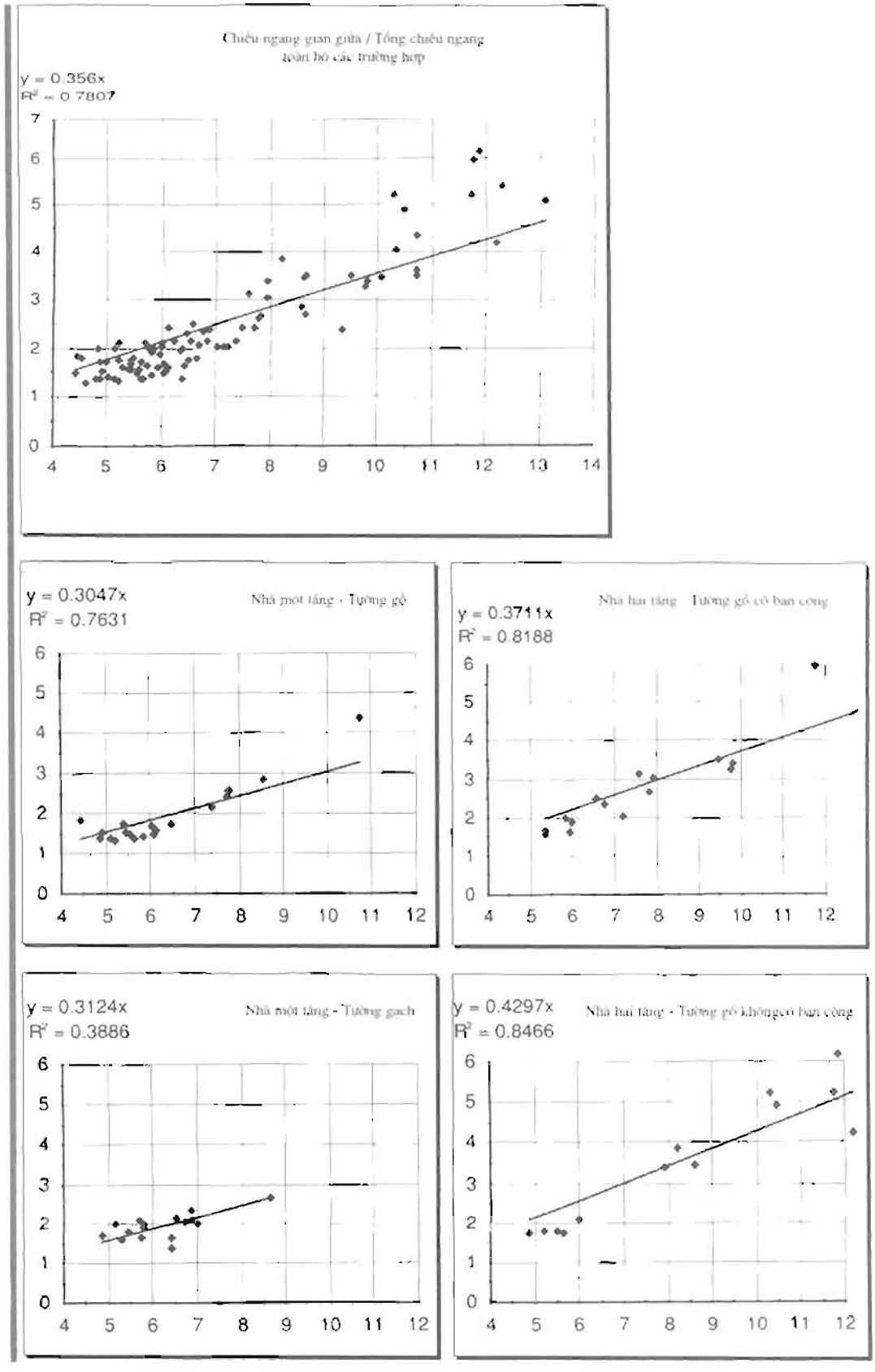

Hình 7.7. Biểu đồ phân tán chiều ngang gian cột cái theo kiểu nhà
Trục tung: chiều ngang gian cột cái
Trục hoành: chiều ngang nhà chính

Bảng 7.3. Phân bố cột theo chiều ngang của nhà

	Nhà 1 tầng		Nhà 2 tầng					Toàn bộ
	Tường gỗ	Tường gạch	Hiên độc lập	Tường gỗ có ban công	Tường gạch có ban công	Tường gạch không có ban công	Tường gạch có ban công mặt đứng kiểu châu Âu	
Gian bên trái	2.09 0.336	2.11 0.306	1.87 0.252	2.10 0.363	1.92 0.180	2.07 0.418	2.62 0.489	2.13 0.392
Gian giữa	1.68 (28.5%) 0.342	1.90 (29.3%) 0.244	1.77 (31.6%) 0.301	2.11 (33.4%) 0.421	1.83 (33.7%) 0.345	2.37 (36.1%) 0.650	2.33 (30.3%) 0.697	1.94 (31.7%) 0.505
Gian bên phải	2.12 0.342	2.09 0.317	1.92 0.172	2.10 0.351	1.70 0.476	2.08 0.414	2.63 0.693	2.11 0.452
Tổng số	5.88 0.905	6.10 0.748	5.56 0.669	6.31 1.030	5.42 0.799	6.52 1.365	7.60 1.733	6.31 1.191

Bảng 7.4. Từ bảng trên rút ra những nhà có chiều ngang dưới 6,5 m

	Nhà 1 tầng		Nhà 2 tầng				Toàn bộ
	Tường gỗ	Tường gạch	Hiên độc lập	Tường gỗ có ban công	Tường gạch không có ban công	Tường gạch có ban công mặt đứng kiểu châu Âu	
Gian bên	1.99 0.0714	2.00 0.0937	1.91 0.0401	1.99 0.0105	1.75 0.0911	1.78 0.0199	1.93 0.0724
Gian giữa	1.51 (27.5%) 0.0258	1.77 (30.7%) 0.0419	1.78 (31.8%) 0.0892	1.86 (31.8%) 0.1025	1.72 (30.9%) 0.1067	1.74 (32.8%) 0.001	1.70 (31.0%) 0.0736
Tổng số	5.49 0.2797	5.77 0.3222	5.60 0.4341	5.84 0.1624	5.56 0.3951	5.31 0.0789	5.56 0.3454

Bảng 7.5. Tỷ lệ gian cột cai theo chiều ngang nhà (gian cột cai/toàn bộ chiều ngang)

	Nhà 1 tầng		Nhà 2 tầng					Toàn bộ
	Tường gỗ	Tường gạch	Hiên độc lập	Tường gỗ có ban công	Tường gạch có ban công	Tường gạch không có ban công	Tường gạch có ban công mặt đứng kiểu châu Âu	
1.0 -	TP: 48	TP: 182 MK: 2 LL: 59				TH: 132	TH: 119	
0.9 -	TP: 65 TH: 10	TP: 29			LL: 45		TH: 47, 53	
0.8 -		TP: 62, 142 TH: 16, 62	TH: 101	TP: 80 MK: 4	TP: 127 TH: 24		TH: 130	TP: 127 TH: 23
0.7 -	TP: 41, 75, 77, 131 TP: 62, 102, 136, 170 LL: 55	TP: 168 TH: 57	MK: 5, 11 TH: 2, 42	TP: 23 TH: 39	TP: 95 TH: 66	TP: 43 TH: 28, 33	TP: 79, 145	
0.6 -	TP: 85, 141 LL: 57	TP: 31, 35, 39, 117, 135	TP: 53	TP: 37 TH: 22, 54 MK: 6	TP: 78, 104	TH: 103, 118		
0.5 -	TP: 33, 113 TH: 3	MK: 3	TP: 178 MK: 7	TH: 16, 20, 46		TP: 73 TH: 15	TP: 149	
0.4 -	TP: 25, 67 TP: 72			TP: 148 TH: 60	TP: 119 TH: 55, 85		TP: 186 TH: 102	
0.3 -				TH: 12, 14, 52		TP: 69, 115 TH: 13, 17		
	0.695	0.785	0.691	0.603	0.689	0.599	0.746	

7.2.b. Phân bố cột theo chiều ngang nhà

Ta tiến hành xem xét một cách tương tự với sự phân bố cột theo chiều ngang của nhà. Nếu đứng trước nhà nhìn vào ta thấy có những nhà có gian giữa rộng và có những nhà lại có gian giữa hẹp. Điều này liệu có tuân theo một qui tắc nào không?

Nếu tính bình quân của tất cả các trường hợp thì giá trị trung bình của toàn bộ chiều ngang nhà là 6,31m, của hai gian bên sát tường là 2,11m (phương sai 0,542) và 2,13m (phương sai 0,392), của gian giữa là 1,94m (phương sai 0,505). Tỷ lệ trung bình của gian giữa với toàn bộ chiều ngang nhà là 37%. Bảng 7.3 biểu diễn giá trị này tương ứng với từng trường hợp nhà khác nhau. Nhìn chung, gian bên của tất cả các kiểu nhà có giá trị rất bé, nhưng đối với gian giữa của kiểu "Nhà hai tầng/kết cấu gỗ/có ban công" và "Nhà hai tầng/không có ban công" thì lại có giá trị tương đối lớn hơn so với các kiểu nhà khác. Tuy nhiên trong toàn bộ 5 ví dụ của trường hợp thứ hai có một trường hợp có gian giữa lớn (143 Trần Phú, chiều ngang nhà 8,6m, gian giữa là 3,5m).

Cụ thể hơn, ta lập biểu đồ phân tích với trục tung biểu diễn giá trị của gian giữa, trục hoành biểu diễn giá trị toàn bộ chiều ngang nhà. Dựa theo biểu đồ phân bố giá trị của toàn bộ 96 nhà cho thấy: nếu chiều sâu của nhà càng lớn thì chiều rộng của gian giữa cũng lớn theo. Đường thẳng có độ nghiêng 0,317 biểu diễn giá trị bình phương nhỏ nhất. Tuy nhiên ngay cả đối với những nhà có chiều ngang hẹp thì cũng vẫn thấy xu hướng gian giữa rộng.

Nếu xem xét riêng đối với các kiểu nhà khác nhau thì xu hướng này đặc biệt được thể hiện rõ nhất ở kiểu nhà một tầng. Ví dụ như trường hợp "Nhà một tầng/kết cấu gỗ" thì phương trình đường thẳng sẽ có độ nghiêng là 0,297 (R^2=0,6775), cụ thể hơn về độ lớn thì trừ ba trường hợp (nhà số 75, 65, 48 Trần Phú) có tổng chiều ngang trên 7m, các trường hợp còn lại có chiều rộng của gian giữa tập trung trong khoảng trên dưới 1,5m (kích thước trung bình là 1,51m, bé nhất là 1,32m, lớn nhất là 1,84m). Với trường hợp "Nhà một tầng/kết cấu gạch" thì không tìm thấy mối quan hệ về mặt tỷ lệ giữa giá trị của toàn bộ chiều ngang nhà với giá trị của gian giữa. Giá trị trung bình của gian giữa là 1,85m, lớn hơn trường hợp nhà có kết cấu gỗ.

Mặt khác, đối với nhà hai tầng ta lại thấy mối quan hệ tỷ lệ còn rõ ràng hơn. Trường hợp "Nhà hai tầng/kết cấu gỗ/có ban công" có phương trình đường thẳng với độ nghiêng là 0,33, trên toàn bộ các ví dụ ta thấy có xu hướng chiều rộng của gian giữa đúng bằng 1/3 của chiều ngang nhà (R^2=0,7147).

Như vậy có thể tóm tắt lại như sau: đối với những nhà có chiều ngang rộng thì mối quan hệ tỷ lệ giữa giá trị của gian giữa và giá trị của toàn bộ chiều ngang nhà là khoảng 1/3, còn đối với những nhà có chiều ngang hẹp thì chiều rộng của gian giữa không thay đổi. Có nghĩa là thông thường không để cho gian giữa có sự phân chia một cách cố định giống như trường hợp chiều sâu của nhà. Điều này nói lên rằng chiều ngang của nhà đã không có mối quan hệ nào cả mà chủ yếu là muốn ưu tiên cho các không gian ở cạnh tường bên luôn được bảo tồn một giá trị nhất định. Tuy vậy, thậm chí ở những nhà có chiều ngang hẹp, thì đối với các trường hợp "Nhà kết cấu gỗ một tầng", "Nhà gạch một tầng", "Nhà hai tầng" độ lớn của gian giữa cũng hoàn toàn khác nhau. Trường hợp đầu có giá trị trung bình khoảng 1,5m, hai trường hợp sau khoảng từ 1,7~1,8m. Dựa theo biểu đồ phân bố thì phương trình đường thẳng của trường hợp "Nhà kết cấu gỗ một tầng" có độ nghiêng là 0,27, các trường hợp khác nằm trong khoảng 0,32 và gần với 1/3. Sự phân bố cột theo chiều ngang nhà ở loại "Nhà kết cấu một tầng" và khác các loại nhà đã kể trên dường như bị phân bố theo những nguyên tắc khác.

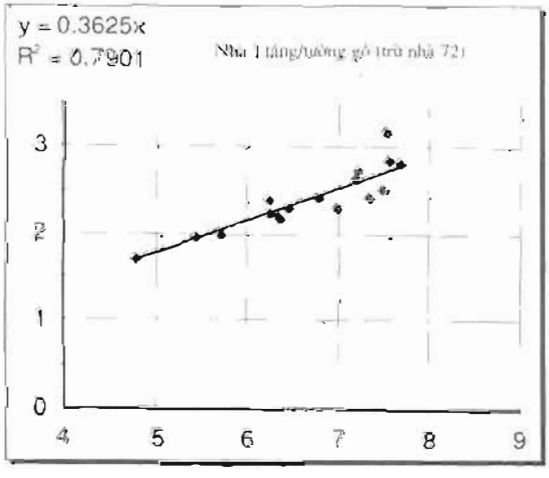

Hình 7.8. Biểu đồ phân tán độ lớn gian giữa theo chiều ngang của nhà 1 tầng/tường gỗ (trừ nhà số 72)
Trục tung: chiều ngang gian cột cái
Trục hoành: chiều ngang nhà thính

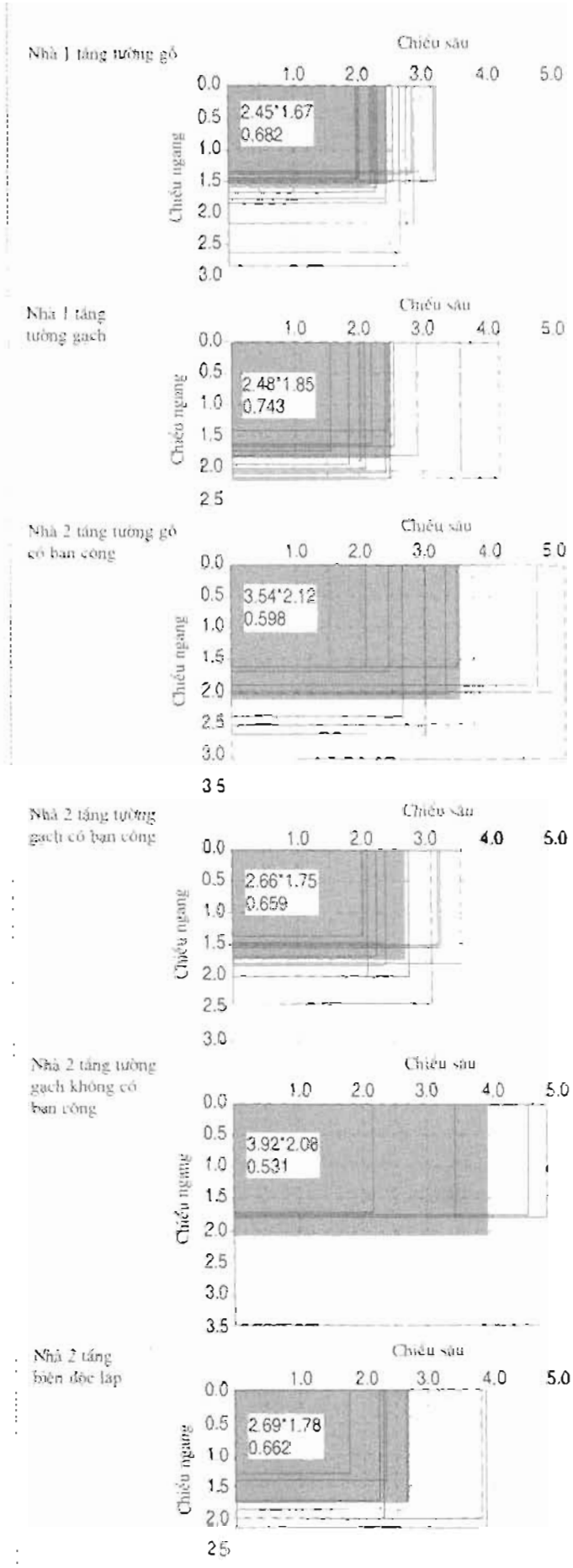

Hình 7.9. Phân bố độ lớn chiều ngang và chiều sâu gian cột cái theo kiểu nhà
Phần đậm là trung bình
Số hàng trên là (chiều ngang * chiều sâu)
Hàng dưới là (trung bình chiều ngang/trung bình chiều sâu)

7.2.c. Kết hợp chiều sâu và chiều ngang nhà

Chúng ta đã thấy được những đặc trưng nhất định của từng kiểu nhà khác nhau dựa trên quá trình xem xét riêng rẽ sự phân bố cột theo chiều sâu và chiều ngang. Sẽ thế nào nếu như đồng thời xem xét cả hai điều trên. Hãy thử kiểm tra mối liên hệ giữa chiều sâu và ngang của gian trung tâm được tạo thành từ bốn cột cái (Tứ Thiên trụ)

Đầu tiên thiết lập biểu đồ phân bố với trục hoành là giá trị chiều dọc gian chính và trục tung là giá trị chiều ngang. Nếu dựa vào kết quả trên biểu đồ thì khó có thể thấy được một mối liên hệ nào giữa hai yếu tố này, cho dù chiều sâu của gian chính có tăng lên thì đồng thời với nó chiều ngang của gian này không tăng theo, mà nó tập trung trong một khoảng giá trị cố định (có thể điều này là đương nhiên). Nói một cách khác là không có mối quan hệ nào giữa hai thành phần chiều sâu và chiều ngang của gian chính. Hai thành phần ấy không được tạo thành từ một ý tưởng có từ trước mà có thể nói chúng được tiến hành thiết kế độc lập với nhau.

Nếu xét tỷ lệ giữa chiều ngangvà chiều sâu gian giữa của các loại nhà khác nhau thì giá trị cũng khác nhau. Có thể nêu lên một số điểm như sau:

- Một số trường hợp nhà một tầng có gian trung tâm gần với hình vuông (Tường gỗ: 48, 65 Trần Phú; Tường gạch: 29, 182 Trần Phú, 2 Minh Khai, 59 Lê Lợi; Nhà hai tầng: 45 Lê Lợi). Tuy nhiên với hình thức nhà một tầng, có những nhà mà tỷ lệ giữa chiều ngang và chiều sâu khá lớn (0.4~0.5).
- Đối với "Nhà một tầng/kết cấu gỗ" thì tập trung nhiều trong khoảng 0.6 ~ 0.7 (có 11 trong tổng số 18 trường hợp, kể cả trường hợp của hai ngôi nhà số 77 và 85 Trần Phú cũng nằm trong nhóm này).
- Đối với nhà hai tầng, nhìn chung có nhiều trường hợp có chiều sâu của gian giữa dài. Có thể kết luận rằng phần lớn đối với nhà hai tầng thường có chiều sâu lớn.

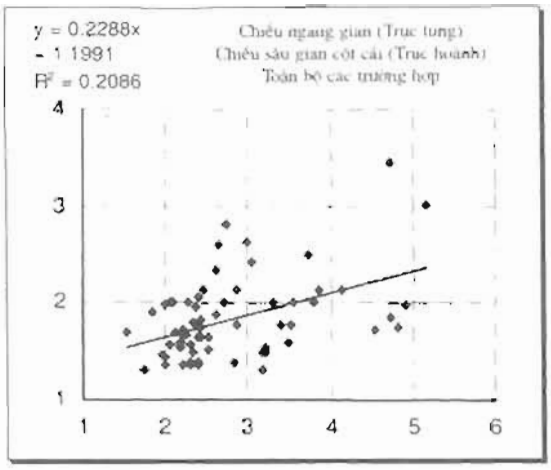

Hình 7.10. Phân bố của chiều ngang và chiều sâu gian cột cái

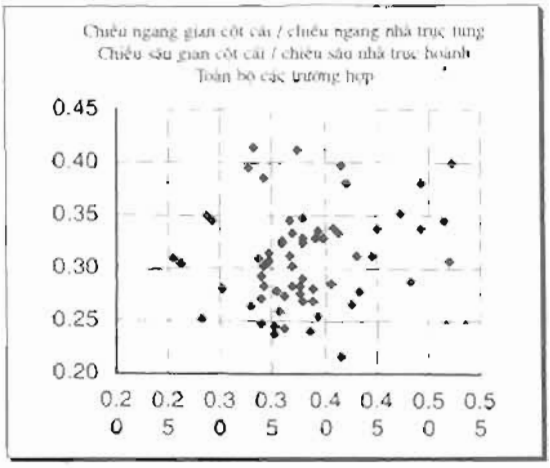

Hình 7.11. Tỷ lệ giữa chiều ngang và chiều sâu gian cột cái với toàn bộ chiều ngang và chiều sâu của nhà

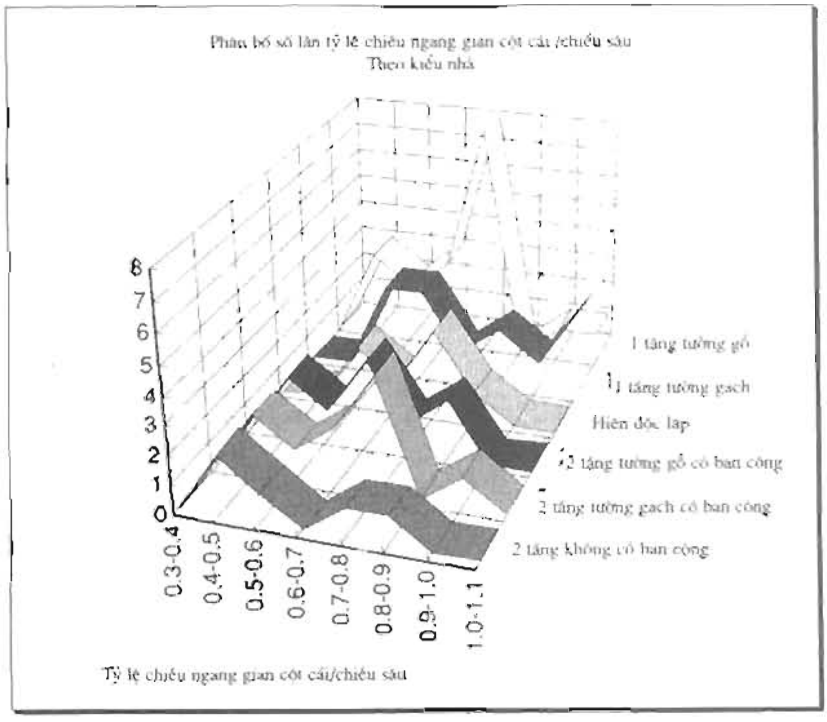

Hình 7.12. Kiểu nhà phân bố số lần tỷ lệ giữa chiều ngang gian cột cái/chiều sâu

7.2.d. Các trường hợp mặt bằng khác dạng 3 gian x 3 gian

Ngoài các trường hợp có dạng 3 gian x 3 gian, còn thấy một số trường hợp ngoại lệ như sau:

1. Trường hợp mặt tiền ba gian x chiều sâu hai gian

Trường hợp này nhìn thấy ở nhà số 83 Trần Phú (một tầng, kết cấu gỗ), và nhà số 9 Minh Khai (một tầng, không có ban công), nhưng cả hai ngôi nhà này đều đã bị sửa chữa rất nhiều.

2. Trường hợp mặt tiền hai gian

Có thể nêu lên một số ví dụ cụ thể như nhà số 87 Trần Phú (nhà có gác lửng, 2 gian x 2 gian, chiều ngang rộng 4,3m), nhà số 122 (nhà một tầng, 2 gian x 3 gian, chiều ngang rộng 3,7m), nhà số 150 (nhà một tầng, 2 gian x 3 gian, chiều ngang rộng 3,7m). Mặt tiền của những ngôi nhà dạng này tương đối hẹp chỉ trong khoảng trên dưới 4m.

3. Trường hợp mặt tiền một gian

Trường hợp này phần lớn các nhà có mặt tiền rất hẹp, vì kèo đỡ mái nằm sát ở hai tường bên.

Hình 7.13. Trường hợp 2x2 1/200

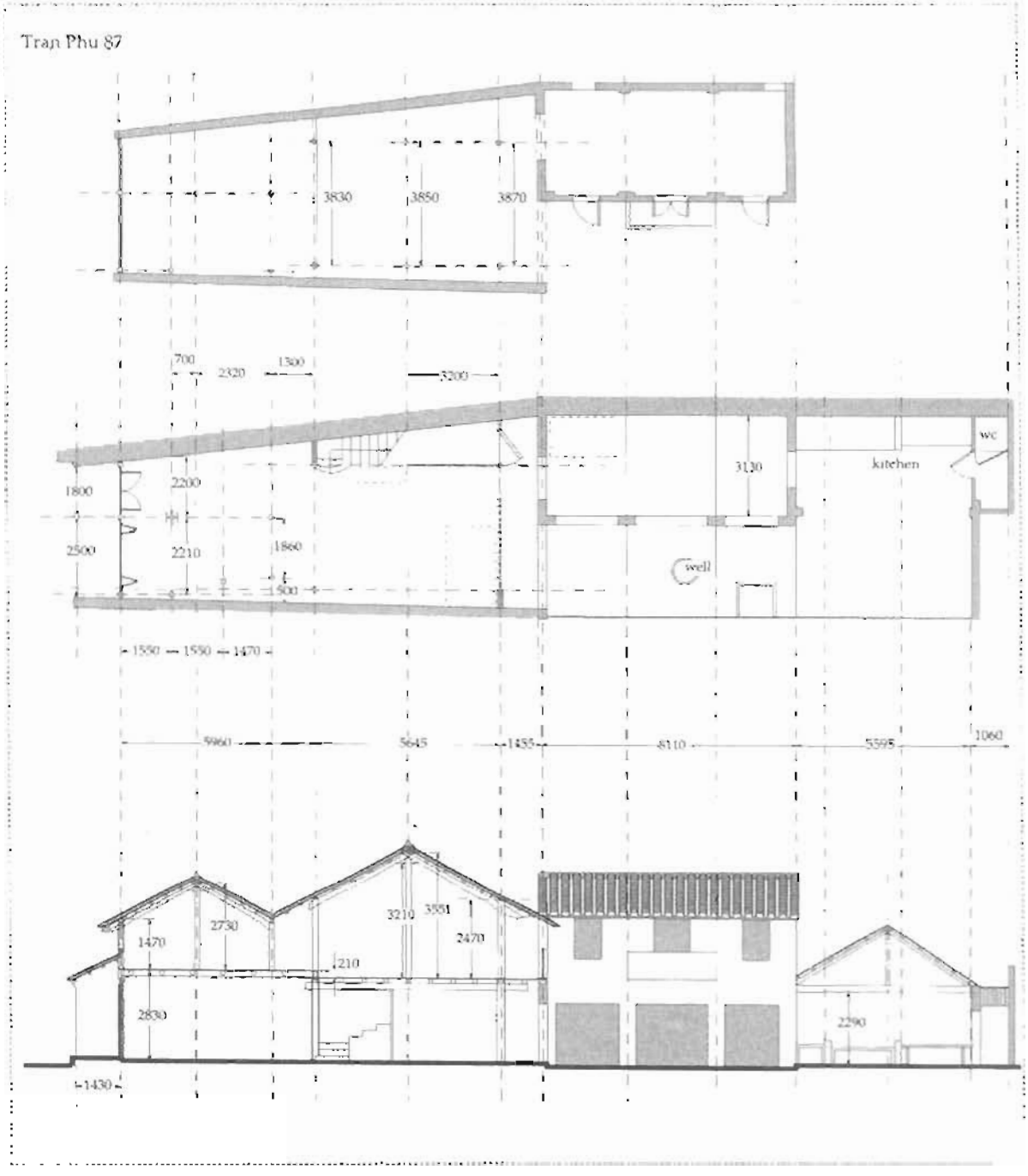

4. 3gian x 5gian: nhà số 130 Trần Phú (kiểu nhà có mặt đứng kiểu châu Âu) và nhà số 42 Nguyễn Thái Học (kiểu truyền thống 3x5)

Ở Hội An còn tồn tại một số ít những ngôi nhà có mặt tiền ba gian và chiều sâu năm gian. Ngôi nhà số 42 Nguyễn Thái Học có mặt bên rất đẹp, nằm ở góc đường giao giữa đường vào Hội quán Trung Hoa và đường Nguyễn Thái Học. Phía trước nhà là một ban công có kết cấu độc lập với nhà chính, ở trong nhà có một gác lửng không có cửa sổ. Nhìn vào bản vẽ ta có thể thấy rằng số cột bị lược đi một cách đáng kể, hơn nữa vị trí các cột bị lược bớt cũng không thống nhất từ tầng một đến tầng hai. Tuy nhiên vị trí của các cột được bố trí rất hợp lý, ở tầng một số lượng cột được giảm đến mức tối đa để tạo nên một không gian rộng, còn ở tầng hai cột được bố trí theo đúng nguyên tắc của hệ cột cơ bản. Có thể nói rằng các cột được bố trí một cách rất hợp lý.

Hình 7.14. Trường hợp3x5 1/200

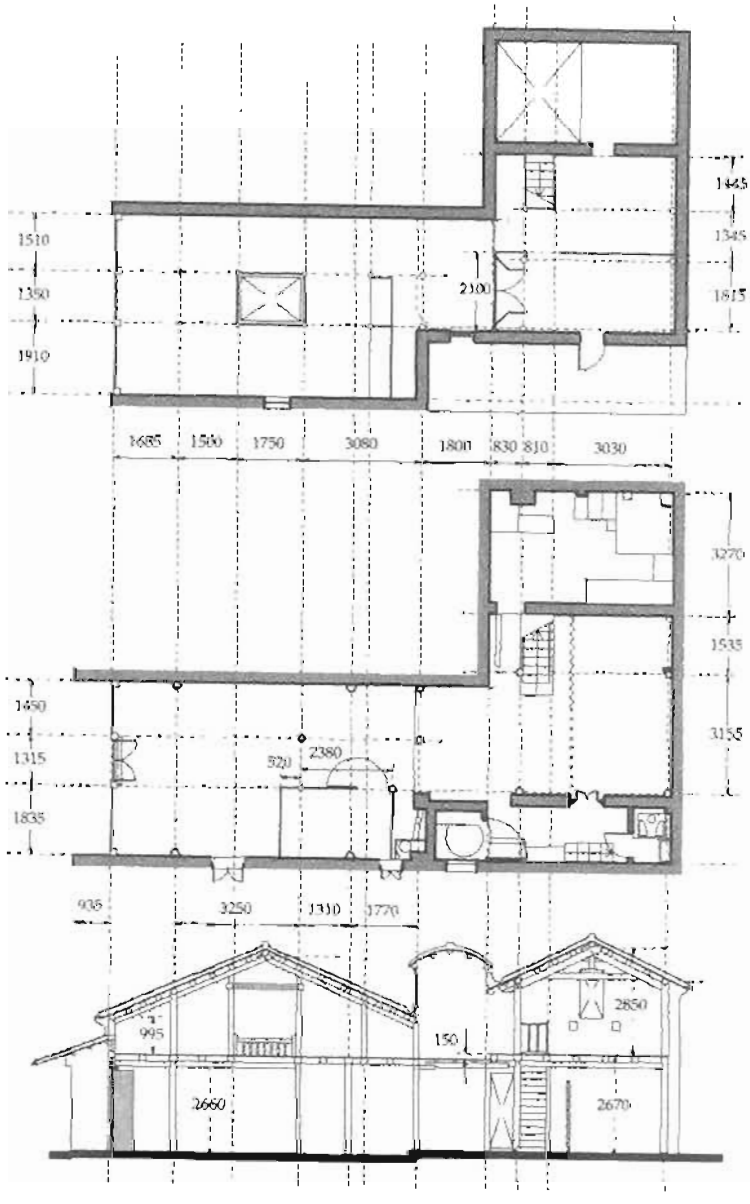

Hình 7.15: Ví dụ về trốn cột

1/200

29 Trần Phú

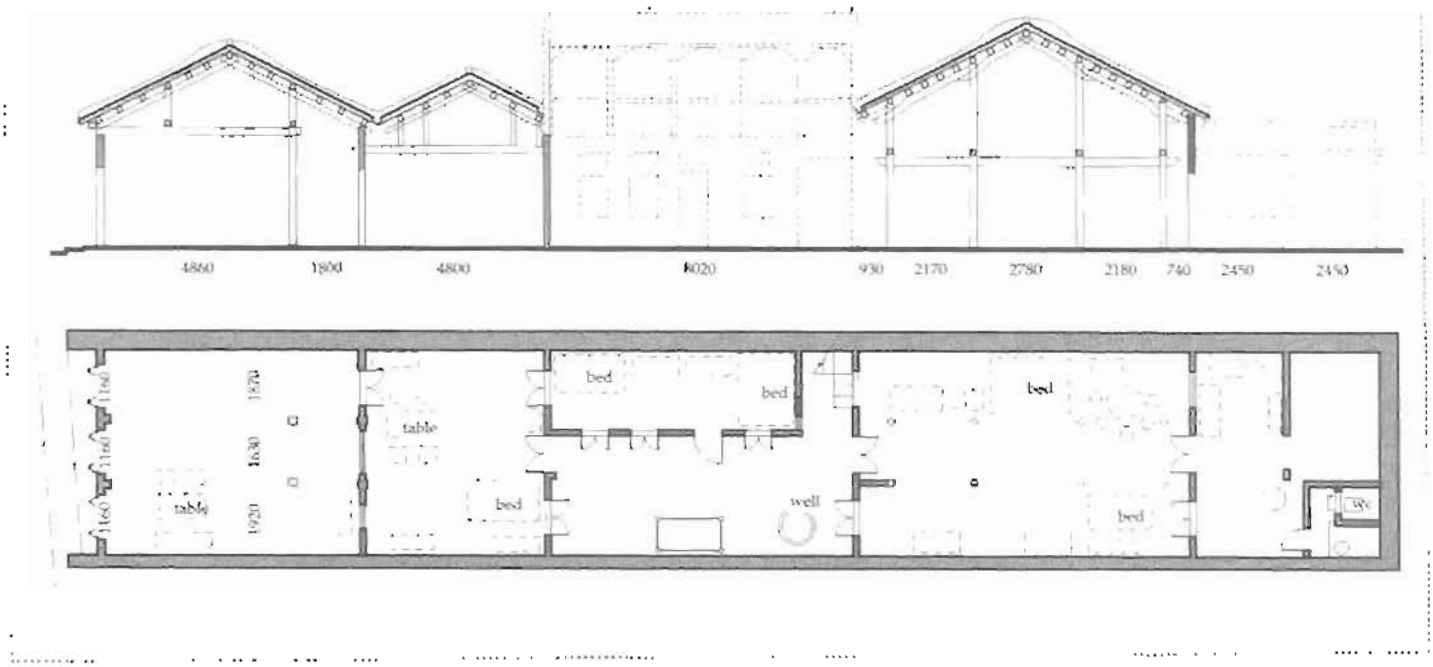

78 Trần Phú

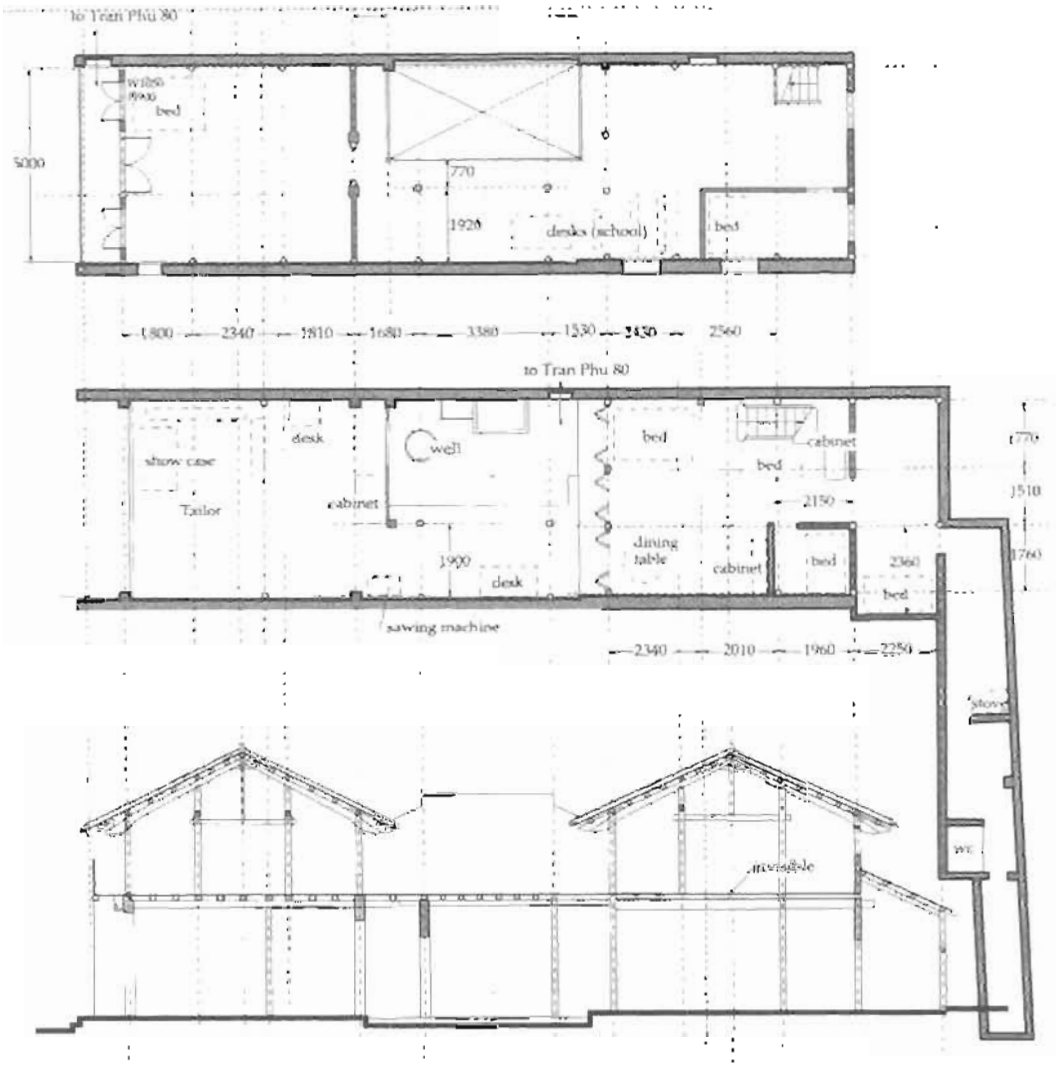

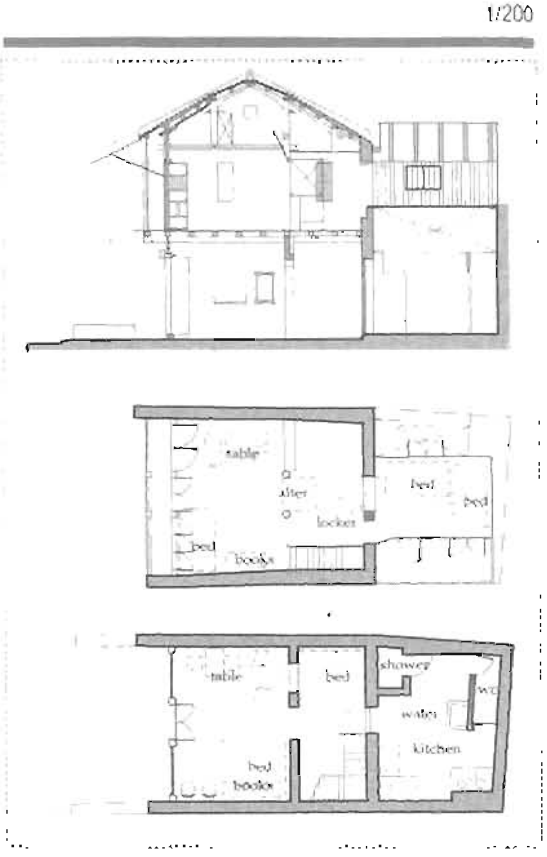

7.2.e. Trốn cột

Cho dù là trường hợp 3 gian x 3 gian đi nữa thì không hẳn lúc nào cũng có đầy đủ 12 cột. Có những trường hợp một số cột được giảm bớt. Hiện tượng trốn cột có thể là do vật liệu quá mục nát bị cắt đi qua quá trình cải tạo lại. Tuy nhiên những trường hợp trốn cột nêu lên dưới đây là những trường hợp trốn cột ngay từ khi vừa mới dựng nhà.

Trốn cột ở vị trí sát với tường bên

Trường hợp trốn cột ở những vị trí sát với tường bên thường gặp nhiều nhất. Bảng 7.6 thống kê về việc có hay không có cột ở cạnh tường bên theo từng loại nhà của 65 trường hợp nêu trên.

Nhìn vào bảng này có thể thấy rằng đối với nhà một tầng thì tỷ lệ phần trăm nhà có hiện tượng trốn cột ở vị trí sát với tường bên rất ít (tường gạch và tường gỗ kết hợp với nhau là 20%), còn đối với nhà hai tầng thì tỷ lệ này có tăng lên (toàn bộ nhà hai tầng là 46,8%). Trong kiểu nhà "Một tầng, kết cấu gỗ" thì ở nhà số 67 và 141 Trần Phú cột cái của bộ vì kèo sát với tường bên không chống lên tận nóc mà dừng lại ở dưới xuyên. Nhưng lại có những căn cứ để xác định được trước kia ở đây có một cột khác nhỏ hơn cột hiện tại.

Trốn cột ở vị trí hàng cột cái

Tiếp theo là phải kể đến trường hợp lược bớt cột cái bằng cách thay vào đó một thanh dầm ngang. Cho đến cuộc điều tra vào mùa xuân năm 1995 vẫn không có ngôi nhà một tầng nào ngay từ đầu đã có hiện tượng trốn cột (không kể những ngôi nhà đã bị sửa chữa), nhưng trong phần sau ta sẽ thấy hiện tượng trốn cột ở hàng cột cái thường xảy ra ở miền Bắc Việt Nam. Còn ở Hội An tất cả các trường hợp trốn cột ngay từ khi xây dựng thì chỉ thấy ở nhà hai tầng.

Trong những ngôi nhà đó thì nhà số 74 Trần Phú (hai tầng kết cấu gỗ, có ban công phía trước) là ngôi nhà kiểu truyền thống. Hàng cột cái phía trước của cả tầng một và tầng hai đều bị lược bỏ, thay vào đó là một thanh dầm ngang nối từ hàng cột thứ nhất đến hàng cột thứ ba (khoảng cách là 3,2m). Như trên đã nêu lên ví dụ nhà số 42 Nguyễn Thái Học (nhà một tầng có tầng lửng với kết cấu gỗ và hiên độc lập) có chiều ngang ba gian và chiều sâu năm gian, là một kiểu nhà có kết cấu hơi khác so với những nhà khác là ở bộ vì gian giữa của tầng một có các cột ở hàng thứ hai, thứ ba và thứ năm nhưng đối với bộ vì ở sát hai bên tường thì

Bảng 7.6. Phân loại các hình thức kiến trúc. Có hoặc không có bộ vì kèo sát tường

	Nhà 1 tầng		Nhà 2 tầng				
	Tường gỗ	Tường gạch	Hiên độc lập	Tường gỗ có ban công	Tường gạch có ban công	Tường gạch không có ban công	Kiểu nhà Pháp
Sát tường bên không có cột	TP: 102 131, 136	TP: 29, 117, 36, 42*, 112** MK: 3, 2 TH: 9**, 116 HV: 12	TH: 42 MK: 7	TP: 148++, TH: 14, 20, 52+	TP: 95, 127, TH: 55, 66, LL: 45	TP: 69, 73, 115 TH: 13, 15= 17, 21, 33++, 61/, 26, 114, 122	TP: 79/, 145, 149, 151 TH: 47, 49, 53, 85/, 119, 4, 102, 106/ LL: 47, 98*
Chiều ngang Chiều dọc	5.52 6.33	6.13 6.85	5.42 6.06	5.82 10.55	5.73 8.44	6.05 10.57	7.09 8.75
Hàng thứ hai không có cột	TH: 5	TP: 27, 29, 54 (TP 81**)	TH: 42+	TP: 74	TP: 57, TH: 90	(TH: 15++)	TP: 57, TH: 90
TB Chiều ngang TB Chiều dọc	7.20 7.11	5.65 5.22	4.6 4.66	4.32 5.28	5.07 3.95	6.25 12.18	5.69 5.77
Không có bốn cột cái	TP: 150	TP: 56		TH: 16, 70- LL: 51			
TB chiều ngang TB chiều dọc	3.7 7.49	4.01 5.10		5.39 9.46			
Hoàn toàn không có cột	TP: 83, 122!	MK: 9, LL: 59!	TP: 124, 134	TH: 63, 73,	TP: 123!, 125, 34, 50!, 100	TP: 99, 60, 172, 174 TH: 19!, 91, 93, 95	TH: 35, 37, 75!, 77!, 95, 107!, 109!, 110
TB chiều ngang TB chiều dọc		4.97 7.55		3.63 6.78	4.64 9.71	4.39 8.29	6.01 10.88
Tầng 1 không có cột							TP: 186 (TP: 145, TH: 119)
Tầng 1 chỉ có cột ở hàng thứ 3					TH: 36		TP: 126
Tầng 1 bố trí cột theo hệ 3 x 2						TH: 61	TP: 79 TH: 85106

Ghi chú: * Hệ cột 3x1; ** Hệ cột 3x2; + chỉ liên quan đến nhà 1 tầng; ++ chỉ liên quan đến nhà 2 tầng; / tầng 1: 3x2 - 1x3; = tầng 2 của nhà trước không có 4 cột cái; ! kết cấu kèo chống

lại trốn cột ở hàng thứ ba. Còn bộ vì giữa của tầng hai (tầng lửng) thì lại có đủ sáu hàng cột, nhưng lại không có bộ vì sát với hai tường bên. Đối với nhà sau của nhà số 34 Trần Phú thì ở bộ vì giữa của tầng một có hiện tượng trốn cột ở hàng cột thứ hai và thứ ba, còn tầng hai thì có đủ các cột. Những cột này đặt trên dầm đỡ ván sàn tầng hai (ở vì sát hại bên tường thì lại trốn cột ở hàng thứ hai và thứ ba).

Từ những ví dụ trên ta có thể nói rằng nhờ có dầm đỡ ván sàn tầng hai nên mới có xu hướng trốn cột ở tầng một. Xu hướng này đặc biệt rất hay thấy ở những ngôi nhà kiểu Pháp như nhà số 79, 85, 145, 186 Trần Phú. Bộ vì giữa của những ngôi nhà này ở tầng hai có đầy đủ cột nhưng ở tầng một thì lại trốn cột ở hàng cột thứ hai (ở cả tầng một và tầng hai của nhà 79 và 145 Trần Phú đều không có bộ vì sát tường. Chỉ riêng nhà số 106 Nguyễn Thái Học thì có bộ vì ở vị trí này). Hơn nữa, mặc dù toàn bộ vì nóc của ngôi nhà này đều nằm trên các thanh dầm nhưng vẫn có hiện tượng trốn cột ở tầng hai. Không những có hiện tượng trốn cột mà bình thường các thanh kèo được liên kết với nhau ở vị trí đầu cột, nhưng trong trường hợp nhà xây dựng kiểu Pháp thì họ đã dùng một thanh dầm nối giữa hai cột cái để việc đặt các cột ở dưới đó được linh động hơn. Cụ thể là cột đã được đặt đúng vào vị trí thẳng với nóc nhà và tạo ra một tỷ lệ tương đối hợp lý (tương tự như vậy cột ở tầng một cũng đỡ lấy dầm sàn của tầng hai tại phần giữa của dầm). Có thể nói rằng vị trí đặt cột đã không biểu hiện một qui định nhất thiết trong việc lắp ráp cấu thành vì kèo.

Nếu như ở nhà một tầng, bàn thờ được đặt ở trên gian giữa thì đối với nhà hai tầng nó được đặt ở tầng hai nên vị trí cột ở tầng một sẽ không cần phải bố trí để đảm bảo một không gian để đặt bàn thờ, do đó vị trí của cột ở tầng một trở nên linh động hơn.

Hình 7.16. Ví dụ về trốn cột

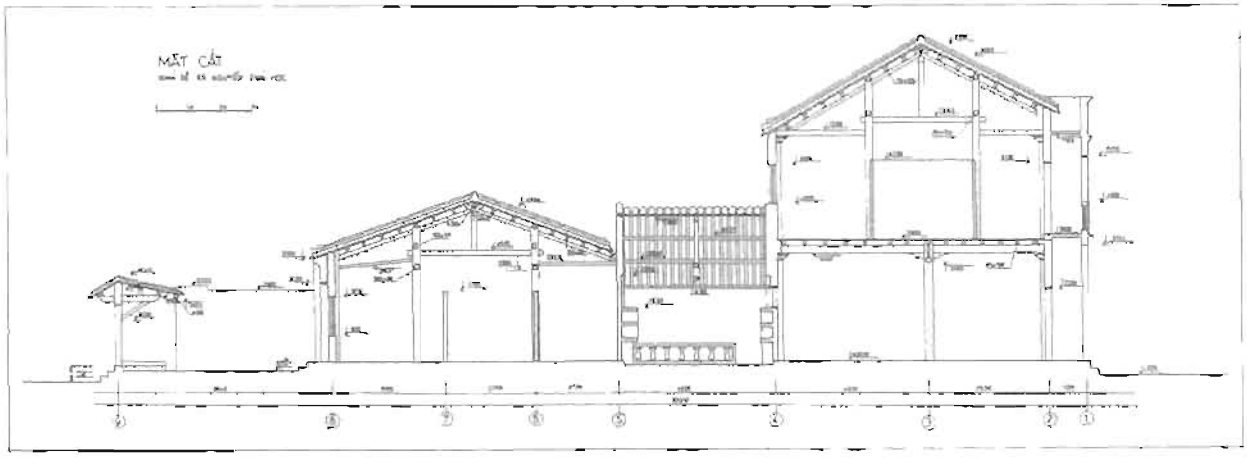

85 Thái Học

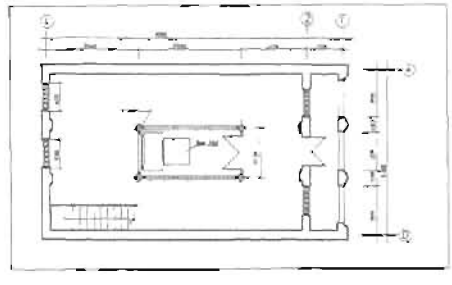

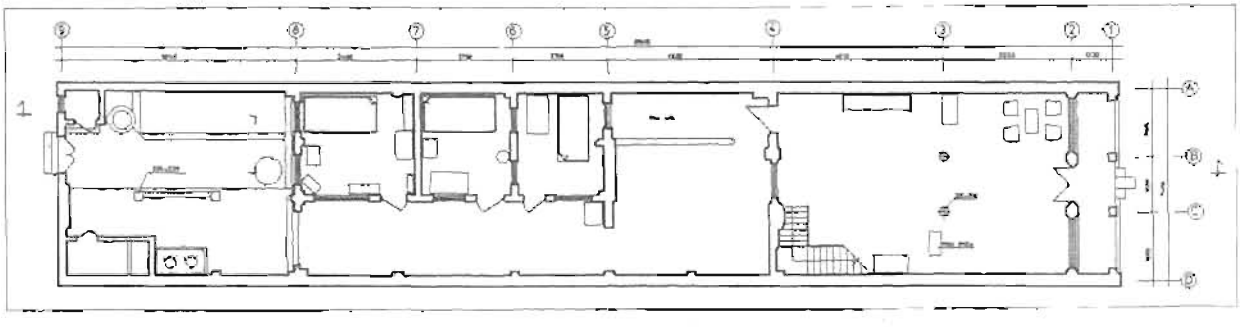

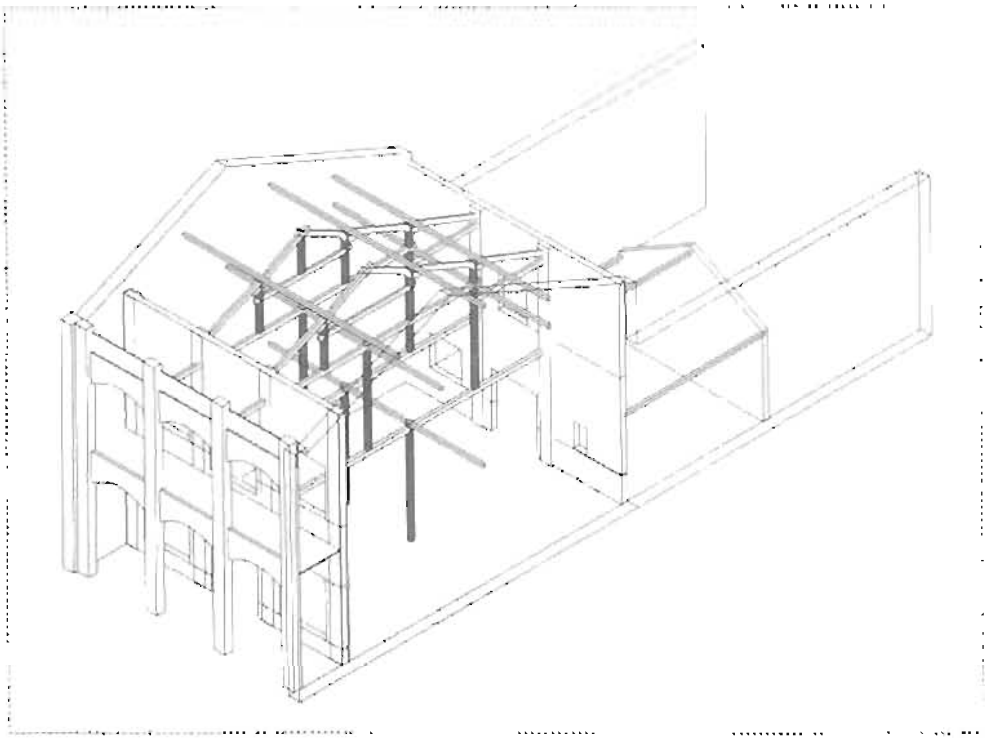

Hình 7.18. Nhà số 106 Nguyễn Thái Học

Hình 7.17. Ví dụ về trốn cột 1/250

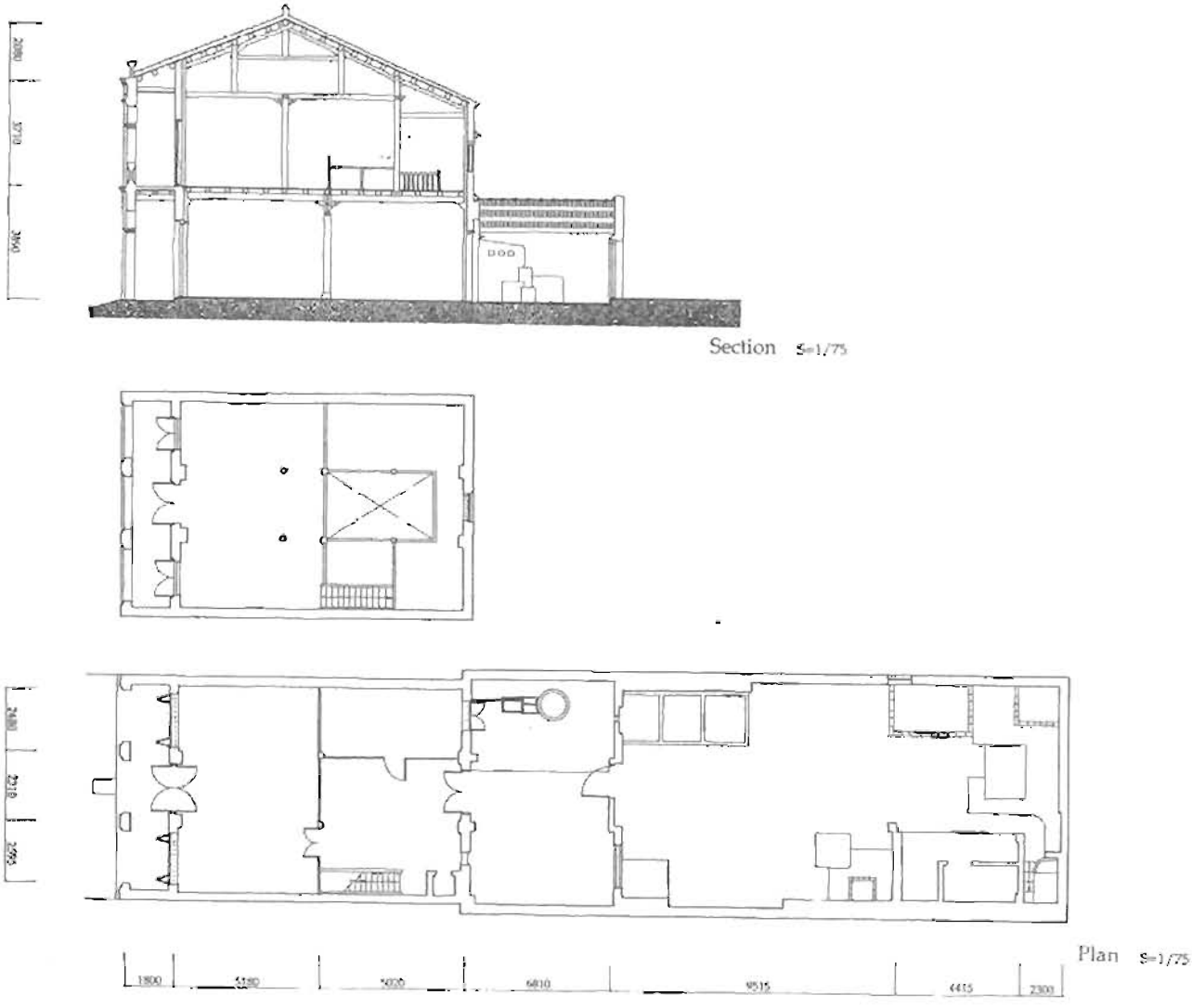

7.2.f. Tiết diện cột (Cột tròn và cột vuông)

Thông thường hay sử dụng các loại cột tròn, cột vuông và cột xây bằng gạch. Những cột có tiết diện khác nhau này được sử dụng như thế nào? Như ở đầu chương này đã đề cập đến hai ngôi nhà số 48 và 80 Trần Phú thì phía trong nhà sử dụng cột tròn còn phía trước mặt tiền lại sử dụng cột vuông (Cột ở vị trí tường hướng về sân trọng của ngôi nhà số 80 Trần Phú cũng là cột vuông). Việc sử dụng cột vuông là rất hợp lý ở những vị trí được bố trí vách ngăn và cửa ra vào. Đối với những ngôi nhà khác thì như thế nào, hãy thử xem xét một lần nữa theo các kiểu nhà khác nhau. Kiểu nhà "một tầng/kết cấu gỗ" có số lượng rất ít, với hình thức điển hình nhất là nhà 48 Trần Phú thì tất cả các cột đều là cột tròn. Tuy nhiên hai ngôi nhà số 77 và 85 Nguyễn Thái Học thường

Bảng 7.7. Cách sử dụng cột vuông và tròn

	Nhà 1 tầng		Nhà 2 tầng				
Hàng cột trung tâm ở tầng 1	Tường gỗ Tường gạch	Hiên độc lập	Tường gỗ	Tường gạch có ban công	Tường gạch có ban công	Tường gạch không có ban công	Nhà kiểu Pháp
C-C-C-C	TP: 38, 68 LL: 57 C-C-C-C	TP: 39ab C-C-C-C		TH: 22 N-N-N-N C-C-C-C N-N-N-N		TP: 143 C-C-C-C ?-?-?-? ?-?-?-?	
C-C-C-S					TH: 46 (cột hiên S) B-C-C-S C-C-C-B N-N-N-N		
C-C-C-C/C	TP: 41, 65, 75, TP: 168 C-C-C-C/C TP: 131, C-N-N-C/C TP: 62 C-C-C-C/S TP: 102 (cột hiên C) C-C-N-N-C-N		TP: 101 (cột hiên C) C-C-C-C/C C-C-C-C C	C-C-C-			
C-C-C-C/B				TP: 103	C-C-C-C/B		
C-N-N-C	TP: 105 C-C-C-B						
S-C-C-C	TP: 141 (cột hiên C) LL: 55 (cột hiên C) S-C-C-C		MK: 7 (cột hiên S) S-S-S S-N-S S-N-N-N	TH: 148 S-C-C-C S-C-C-C S-N-N-N TH: 60 S-C-C-C S-C-C-C C-C-C-C			
S-C-C-C/C	TP: 85 (cột hiên C) TP: 48 (cột hiên C) S-C-C-C/C		TP: 53 S-C-C-C/C S-C-C-C S-C-C-C	TP: 23 S-C-C-C/C S-C-C-C S-C-C-C			
S-C-C-C/S	TP: 67, 77 S-C-C-C/S						
S-C-C-C/S				TP: 54, 80 S-C-C-S S-C-C-S S-C-C-S			
S-C-C-B	TP: 72 (cột hiên C) S-C-C-B						
S-S-C-S			MK: 5 S-S-C-C S-S-N-C S-C-C-N				
S-S-S-C			MK: 11 (cột hiên C) S-S-S-C				
S-S-S-S				MK: 4, 6 S-S-S-S S-S-S-S S-S-S-S	TH: 62 N-N-N-N S-S-S-S B-B-B-B	TP: 69 N-N-N-N C-C-C-S N-N-N-N	
S-C-C-C-C-C			TH: 42 S-N-N-C-N-C S-C-N-N-C-C N-N-N-N				

Chú thích: C cột tròn, S: cột vuông, B cột gạch (bê tông), N: không có cột/ cột được làm thêm mới
Hàng cột gần với tầng 1 là hàng cột sát với tường bên
Hàng cột gần với tầng 2 là hàng cột nằm sát với tường 2 bên, trung tâm của tầng 2.

hay được nhắc tới có cột ở phía trước là cột vuông. "Kiểu nhà một tầng/tường gạch" thì ngoài cột xây bằng gạch ở mặt trước nhà (và tường gạch) thì nhìn chung có nhiều nhà sử dụng cột tròn.

Trường hợp nhà hai tầng, có nhiều xu hướng cột vuông phía mặt tiền, còn những cột khác là cột tròn. Tuy nhiên rất ít những nhà như nhà 80 Trần Phú cột vuông không chỉ ở phía trước mà có cả ở phía sân trong. Cũng cần phải chú ý đến một số trường hợp mà tất cả các cột đều là cột vuông, đó là nhà số 4 và số 6 Nguyễn Thị Minh Khai. Không chỉ có hai ngôi nhà này mà trên đường Nguyễn Thị Minh Khai còn có rất nhiều nhà toàn bộ là cột vuông (nhà có hiên độc lập). Còn kiểu nhà hai tầng với mặt tiền được xây bằng gạch thì như đã nêu.

Bảng 7.7 Cách sử dụng cột vuông và cột tròn (tiếp)

	Nhà 1 tầng		Nhà 2 tầng				
Hàng cột trung tâm ở tầng 1	Tường gỗ Tường gạch	Hiên độc lập	Tường gỗ	Tường gạch có ban công	Tường gạch có ban công	Tường gạch không có ban công	Nhà kiểu Pháp
B-C-C-C		TP: 35 TP: 117 B-N-N-C LL: 182 N-N-N-N					
B-C-C-C/C		TP: 113 TP: 170, 142 B-C-C-C/C TP: 136 N-N-N-N-/N					
B-C-C-C/B		TP: 31 TP: 27* B-N-B-N/B					
B-C-C-C/S-						TP: 43 B-C-C-C/S S-C-C-C S-C-C-C	
B-C-C-B		TP: 25, 135 B-C-C-B			TH: 66 N-N-N-N B-C-C-B N-N-N-N TH: 119 N-N-N-N B-N-S-B B-C-C-B		
B-C-S-B						TP: 115 N-N-N-N B-C-C-B N-N-N-N	
B-S-S-B			TP: 178 N-N-N-N				TP: 151 N-N-N-N B-S-S-B N-N-N-N
B-S-S-C						TP: 73 N-N-N-N B-C-C-C N-N-N-N	
B-B-B-B							TP: 149 N-N-N-N B-S-S-B N-N-N-N
B-N-B-B							TP: 79 N-N-N-N B-C-C-B N-N-N-N TP: 186, 145 N-N-N-N B-S-S-B B-B-B-B
B-S-S-B/B		MK: 2 N-N-N-N-N					
B-N-C-B/B		TP: 29 N-N-N-N-N					
Khác				TP: 74 S-N-B-B S-N-B-B S-N-C-B S-N-N-B	TP: 78 N-N-N-B B-N-N-B B-N-N-B B-C-C-B		
Không rõ ràng, bị cải tạo nhiều hình thức lạ	TP: 105, 122	TP: 160, 81, 129, TP: 36 LL: 59 MK: 3		TP: 37, 57, TP: 82*.	TP: 95, 104, 26 LL: 45, 53 TH: 50	TP: 123, TP: 38	TP: 128, 130 TH: 106

Hiện tại không có cột, dựa vào những tư liệu còn lại thì có nhiều khả năng trước kia là cột tròn

ta thường hay thấy hiện tượng tròn cột tại những vị trí sát tường, còn những cột khác thông thường là cột tròn. Với kiểu nhà Pháp thì có thể nghĩ rằng tần suất sử dụng cột vuông rất cao, tuy nhiên vì số các ví dụ thực tế thu được còn hạn chế, nên đây là một vấn đề cần được điều tra tiếp. Tóm lại, đối với những nhà có qui mô lớn và niên đại muộn thì việc sử dụng cột vuông càng nhiều.

Ngoài ra hàng cột hiên tầng một thường là cột tròn (cột ở ban công phổ biến là cột vuông). Thế nhưng nhà 101 Nguyễn Thái Học và nhà số 7 Nguyễn Thị Minh Khai lại sử dụng cột vuông. Đối với nhà 101 thì có thể là do ở dưới mái hiên có thiết kế cửa che phía trước, nhưng nhà số 7 Nguyễn Thị Minh Khai thì toàn bộ hiên phía trước là không gian mở thông ra đường.

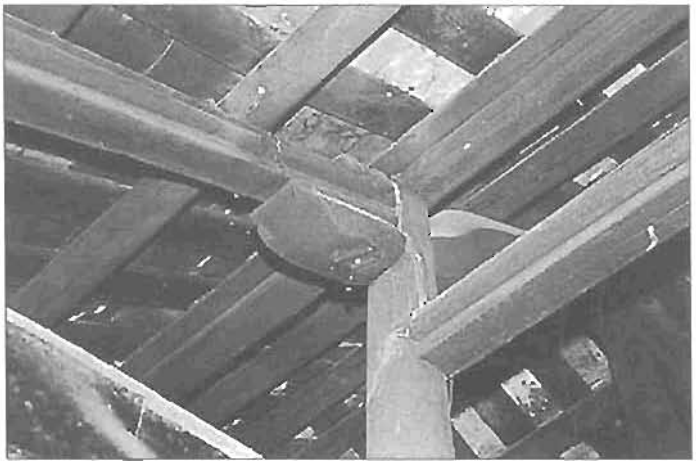

Bảng 7.8. Phân biệt loại hình kiến trúc, hệ kết cấu vì nóc

	Nhà 1 tầng		Nhà 2 tầng					
	Tường gỗ	Tường gạch	Hiên độc lập	Tường gỗ có ban công	Tường gạch có ban công	Tường gạch không có ban công	Nhà pháp	Nhà hiện đại
Kết cấu bằng tường bên chịu lực		TP: 83, 137, 139 TH: 87, 111 TH: 88	TH: 71	TP: 71 TP: 124, 134, 162 TH: 36	TP: 30 TH: 7, 63, 97	TP: 125 TP: 60, 172, 174 TH: 71, 91, 95 TH: 48, 122	TP: 99 TH: 98	TP: 51, 109 TP: 52, 108 MK: 1
TB chiều sâu TB chiều ngang		6.79 5.03		8.16 4.08	9.36 5.28	6.96 4.35	13.54 4.02	
Kèo chống	TP: 33, 41, 65, 67, 75, 77*, 85, 105, 131 TP: 48*, 68, 72, 102, 136, 150 TH: 10, 67 LL: 55, 57 MK: 8*	TP: 27, 31*, 35, 39*, 81, 117, 129, 135 TP: 122, 142 TH: 8+, 62, 57 LL: 59	TP: 53 TH: 2 MK: 5,11	TP: 23, 103, 74, 80, 148 TH: 12, 16, 20, 22, 60, 70, 39	TP: 95, 104 TH: 24, 66	TP: 43, 69, 73 TH: 13, 15, 17, 19, 21, 33, 61, 103	TP: 79, 186 TH: 102, 106, 23	TP: 168 TH: 64
TB chiều sâu TB chiều ngang	6.87 5.95	8.75 5.98	6.94 5.31	8.67 6.57	7.48 5.82	9.82 6.32	8.55 6.65	
Kèo suốt	TP: 62, 141*, TH: 5,43	TP: 29 TP: 36, 178, 182 TH: 2, 6, 116 MK: 2	TP: 87 TH: 42 TH: 101 MK: 7	TP: 37 TH: 14, 52 MK: 4, 6	TP: 26, 78 TP: 119 LL: 50, 55	TP: 115, 123 TP: 178 TH: 114	TP: 57 TH: 37, 49, 53, 75, 77, 85, 107, 109, 119, TH: 4, 130 LL: 47, 63	TP: 44, 90, 158 TP: 59 TH: 27, 59
TB chiều sâu TB chiều ngang	6.05 5.51	6.44 5.97	6.85 5.20	8.80 6.19	8.31 6.36	8.45 5.18	8.08 7.17	
Khác					TH: 117		LL: 98	

* Bị cải tạo nhiều, + mái con được nằm trong long của mái chính

7.3. VÌ NÓC

7.3.a. Các loại vì nóc

Sau khi dựng xong cột, căn cứ vào cách bố trí cột người ta bắt đầu tiến hành lắp ráp vì nóc mái. Qua khảo sát ta thấy có các hình thức vì nóc như sau:

1. Loại vì chỉ tạo một mái trong khoảng giữa hai bức tường trước sau (gọi là kết cấu một mái chính)
2. Vì nóc được cất lên từ hệ thống kèo chống liên kết từng khoảng gian (gọi là kèo chống)
3. Loại kết cấu kèo suốt
4. Loại vì được tạo nên từ thanh nằm ngang và con đội (gọi là chồng giường)
5. Những loại khác

Trong năm loại trên thì loại thứ hai (kèo chống) là loại có số lượng nhiều nhất. Loại thứ tư (chồng giường) được thấy hầu hết ở vì nóc của nhà phụ nối tiếp ngay sau nhà chính, còn loại kết cấu một mái chính thì có rất ít ví dụ thực tế.

Hình 7.19 Các kiểu vì nóc 1/200

a. Kết cấu chịu lực bằng tường bên
Tham khảo ví dụ ở bảng bên trái

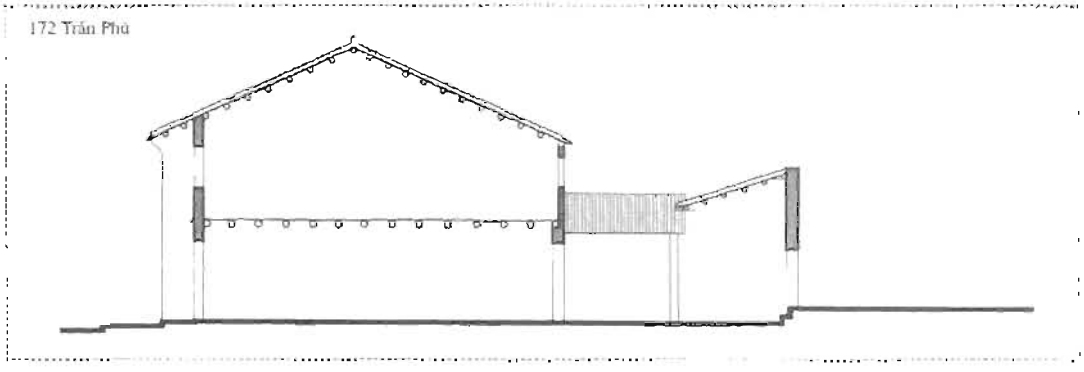

b. Kèo chống
Tham khảo ví dụ ở bảng bên trái

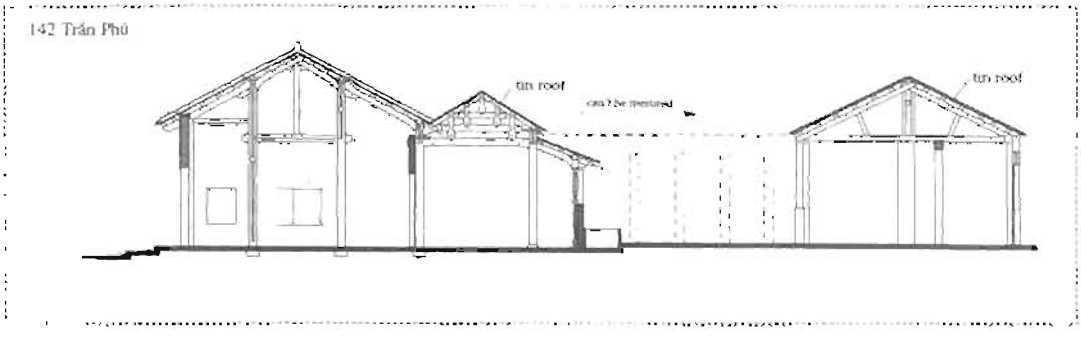

c. Kèo suốt
Tham khảo ví dụ ở bảng bên trái

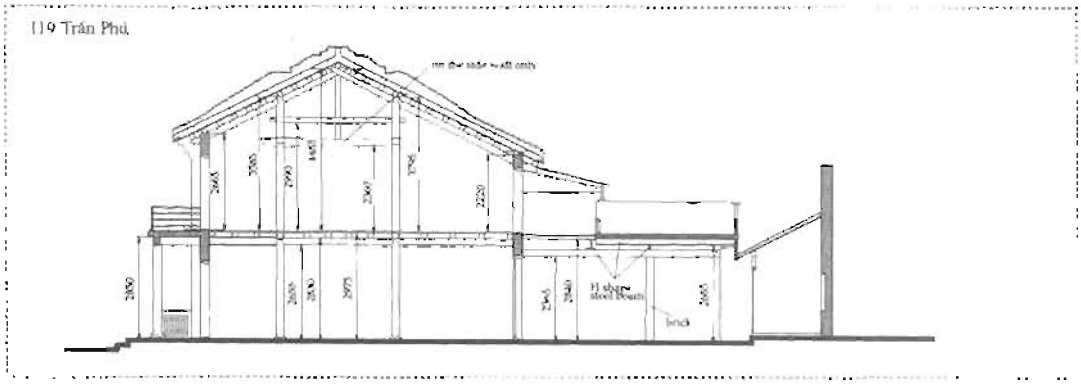

Kết cấu một mái chính dựa vào tường hai bên

Kết cấu một mái chính là hình thức kết cấu mái cất trên hai bức tường ở hai bên, chứ không có hệ cột ở trong nhà. Tuy nhiên hình thức này chỉ thường được sử dụng đối với những nhà có chiều ngang hẹp. Nếu như so với giá trị trung bình chiều ngang nhà của tất cả các nhà đã điều tra là 5,4m, thì giá trị trung bình của loại nhà có kết cấu này chỉ là 4,2m. Đương nhiên mặt bằng nhà cũng không tuân thủ theo dạng 3 gian x 3 gian. Hiện nay hình thức kết cấu này rất phổ biến ở những nhà nằm ở ngoại vi phố cổ hay là nhà ở của nông dân. (Nhà 152 Trần Phú có mặt bằng và kết cấu là trường hợp ngoại lệ).

Kết cấu kèo chồng

Nếu như kèo của loại thứ ba là một thanh kèo chạy suốt từ dưới lên mái thì kèo của loại thứ hai này lại chia ra làm nhiều thanhh kèo gối lên nhau trong từng khoảng một. Có một điều chắc chắn là hình thức kèo chồng này được sử dụng

Hình 7.20. Kết cấu chồng rương ở phần mái phụ (* ở nhà 2 tầng)

a. Chồng giương 1 tầng
Trần Phú / o: 53, 65, 75, 141
Trần Phú / e: 168, 170
Thái Học / o: 29
Thái Học / e: 52*

Trần Phú / o: none
Trần Phú / e: 62
Thái Học / o: none
Thái Học / e: none

62 Trần Phú

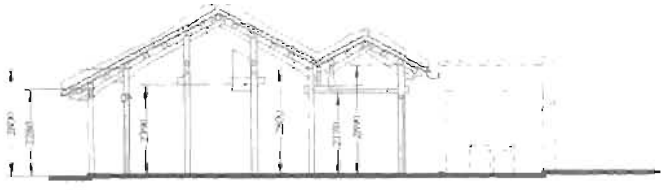

b. Chồng giương 2 tầng
Trần Phú / o: 113
Trần Phú / e: none
Thái Học / o: 117
Lê Lợi: 80

113 Trần Phú

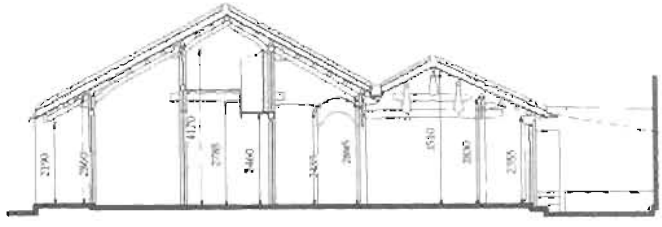

c. Chồng giương 3 tầng
Trần Phú / o: 27, 31, 33, 41, 67, 77, 85, 109, 129, 131
Trần Phú / e: 42, 48, 142, 158*
Thái Học / o: 5, 57
Thái Học / e: 8, 84, 23*, 89*
Minh Khai: 2

Trần Phú / o: 23, 37, 43
Trần Phú / e: none
Thái Học / o: 5, 57
Thái Học / e: 10, 62

131 Trần Phú

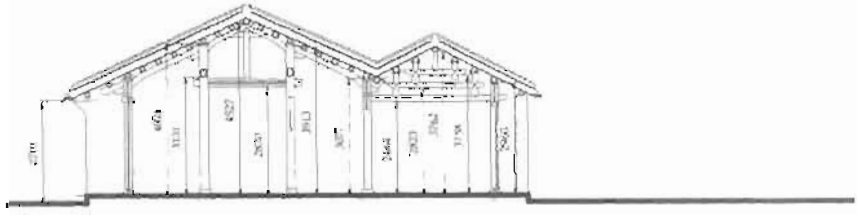

d. Hình thức mái lớn
Chồng giương 1 tầng
Chồng giương 2 tầng
Chồng giương 3 tầng
Trần Phú / o: 23, 37, 43

141 Trần Phú

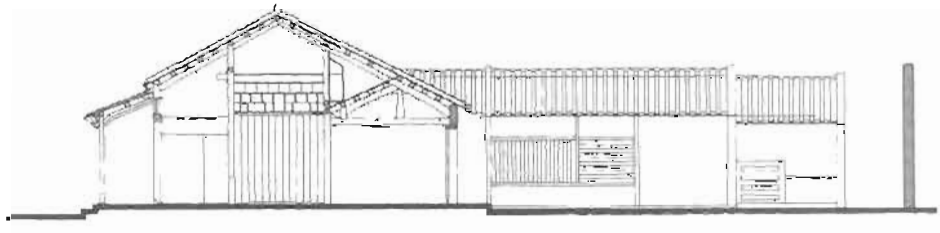

nhiều đối với nhà hai tầng (kèo chống chiếm 41% trong tổng số 71%). Còn đối với nhà một tầng thì nhà số 62 Trần Phú là một ví dụ còn lưu giữ lại nhiều yếu tố ban đầu, cho thấy cột cái của nhà chỉ có đường kính 173 cm rất bé, nên kèo không ngàt đoạn tại vị trí đầu cột là rất hợp lý. Những ví dụ khác của nhà một tầng không còn lưu giữ được nhiều yếu tố nguyên gốc. Điểm qua tất cả các trường hợp ta có thể nói rằng loại vì kèo này thường chỉ được sử dụng cho những nhà có qui mô nhỏ. Ở đầu các kèo chống lên nhau thường được trang trí điêu khắc, nhưng trong trường hợp này lại không được trang trí. Nhìn chung đã có một xu hướng đơn giản hoá và hợp lý hoá. Điều này cũng thường thấy trong trường hợp nhà hai tầng vì việc trang trí ở đây sẽ ít mang lại ý nghĩa.

Tuy nhiên, vì nóc của ngôi nhà nổi tiếng 101 Nguyễn Thái Học được trang trí điêu khắc rất đẹp, có thể nói đây là một trường hợp rất ngoại lệ. Và điều này càng khẳng định thêm rằng nhà số 101 Nguyễn Thái Học có cơ cấu khác so với hệ thống những nhà kiểu như nhà 48 và 77 Trần Phú.

Một điều đáng nói nữa là các thanh kèo thường chạy suốt từ dưới lên đến tận nóc, nhưng cũng tuỳ vào từng nhà mà thanh kèo có thể được nối tại điểm giao với cột. Đây là điều mà cuộc điều tra lần này chưa được tiến hành kỹ lưỡng.

Kết cấu chống giường

Chống giường là kết cấu được dùng ở phần nhà phụ nhỏ hơn nằm ngay sau nhà chính, gồm các thanh rường nằm ngang và cột chống. Nếu phân loại dựa theo hình thức bề ngoài thì ta thấy có 11 trường hợp kiểu chống nhất (chỉ có một thanh giường), 4 trường hợp kiểu chống nhị và 28 trường hợp kiểu chống tam. Không chỉ như vậy mà số thanh chống giường càng nhiều thì điêu khắc trang trí càng duyên dáng và cầu kỳ. Trên thực tế thì kiểu vì chống tam thường gặp nhiều nhất.

Kiểu chống nhất thường thấy nhiều là kiểu kết hợp với kèo tạo thành nóc tam giác, trường hợp này không khác mấy so với hình thức kèo chống có cột đội.

Cũng có 9 trường hợp nhà chính là nhà hai tầng (hoặc một tầng rưỡi) có phần nhà phụ tiếp ngay sau nhà chính được lợp chung với nhà chính bởi một mái lớn trùm lên cả hai phần nhà. Dựa trên tính hợp lý của kết cấu để đánh giá thì ta thấy, nếu chỉ với một mục đích đơn giản là mở rộng thêm một không gian hướng về phía sân trong thì việc dùng hình thức kết cấu vì chống giường ở đây sẽ không mang tính tự nhiên. Có thể lý giải và hiểu được việc sử dụng hình thức kết cấu chống giường chỉ mang một ý nghĩa là nó nhằm trang trí cho những không gian hướng về phía sân trong.

Cũng tồn tại trường hợp ngoại lệ là hình thức chống giường được dùng trong kết cấu nhà chính. Cụ thể là nhà 96 Trần Phú và 117 Nguyễn Thái Học (nhà 96 Trần Phú là nhà một tầng và 117 Nguyễn Thái Học là nhà hai tầng). Nhà sau của nhà 72 Trần Phú có vì kèo gian giữa là kèo chống nhưng ở hai gian bên lại là chống giường. Ngoài ra ta cũng thấy hình thức vì kèo này ở phần kết cấu của mái hiên (nhà số 10 Nguyễn Thái Học). Kết cấu vì kèo nhà trước của nhà 72 Trần Phú là hình thức kèo chống nhưng lại có một thanh đấm ngang chạy dọc nhà. Đây là một hình thức kết cấu ít được nhìn thấy, tuy nhiên nếu coi đây là một ngôi nhà hai tầng không có ván sàn thì kết cấu của nhà này lại hoàn toàn hợp lý.

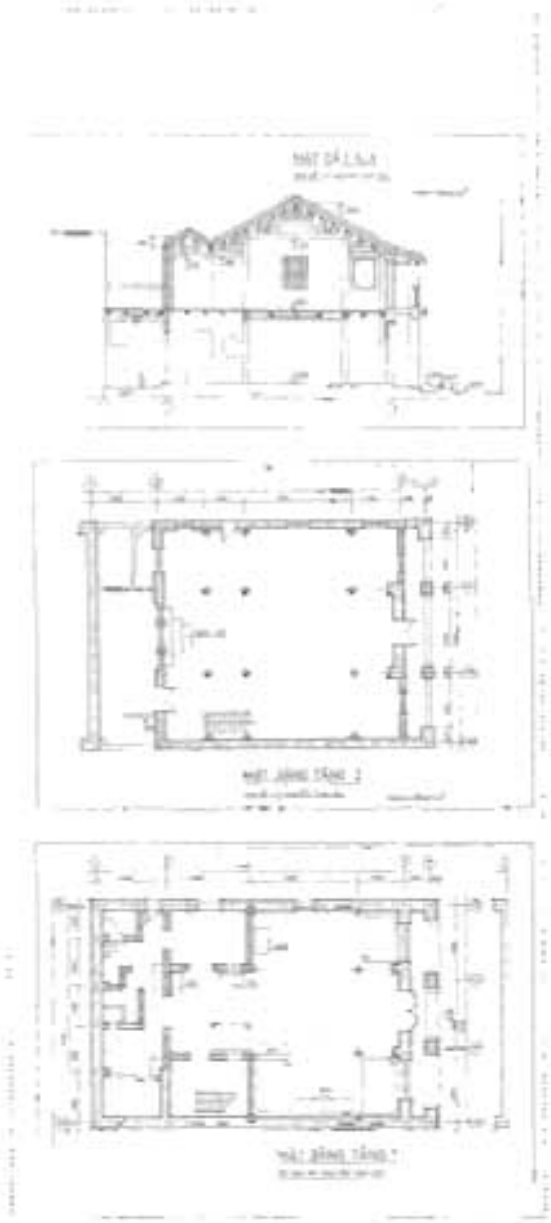

Hình 7.21 Ví dụ về kết cấu chống giường sử dụng ở phần nhà chính

1/150

72 Trần Phú

7.3.b. Vì kèo sát tường hai bên

Trường hợp hình thức vì nóc ở giữa và sát tường khác nhau

Không phải tất cả các nhà đều có đầy đủ bốn bộ vì kèo, mà rất hay gặp trường hợp bỏ bớt vì kèo (hoặc trốn cột) ở hai bên sát tường. Trong trường hợp này hoành được đặt trực tiếp lên tường hai bên và ít thấy trường hợp nhà một tầng có hình thức kèo chồng bị lược bớt vì kèo nằm sát với tường hai bên (chỉ có 4 trường hợp trong tổng số 20 trường hợp). Cũng trong trường hợp nhà một tầng, những nhà có dạng kèo suốt lại rất hay bỏ bớt cột hay kèo ở vị trí sát tường bên (có 3 trong số 6 trường hợp). Ngoài ra, đối với nhà hai tầng thì việc bỏ bớt kèo cũng tăng lên ngay cả với hình thức kèo chồng (có 12 trong tổng số 24 trường hợp). Đối với những nhà có mặt đứng theo kiểu châu Âu thì việc lược bớt kết cấu là điều rất thông thường (4 trong tổng số 5 trường hợp).

Trên đây ta đã xét đến việc lược bỏ bớt kèo và cột ở bộ vì sát tường, còn ít nhiều cũng nhìn thấy những trường hợp trốn cột và giản lược vì nóc ở ngay bộ vì gian giữa (nhà 78 Trần Phú và 70 Nguyễn Thái Học) nhưng ở sát tường bên lại có bộ vì kèo. Cả hai ngôi nhà này đều có mặt tiền tương đối hẹp, nhà 70 Nguyễn Thái Học là 4,6m còn nhà 78 Trần Phú là 4,4m. Thực chất có thể nói hình thức này không khác mấy với hình thức kết cấu tường chịu lực.

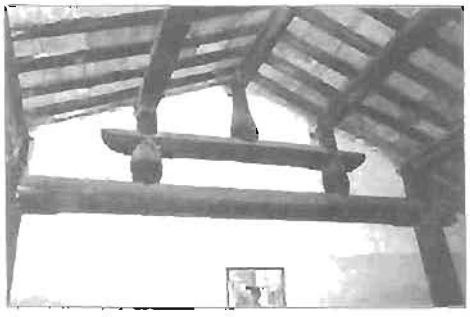

Chồng giường 2 tầng

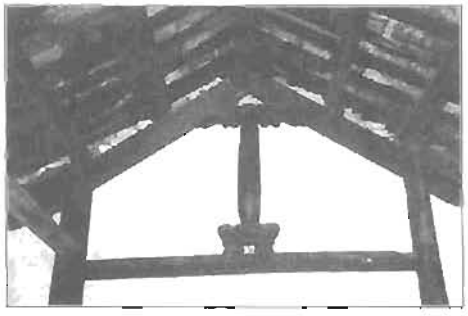

Hình thức vì nóc sát tường

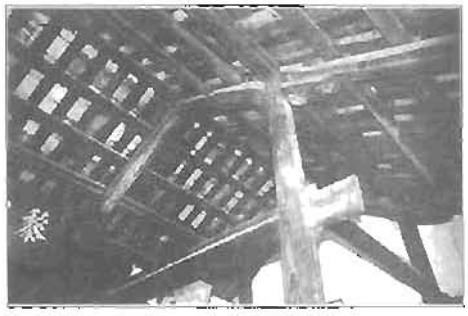

Kèo chồng không có cột đôi

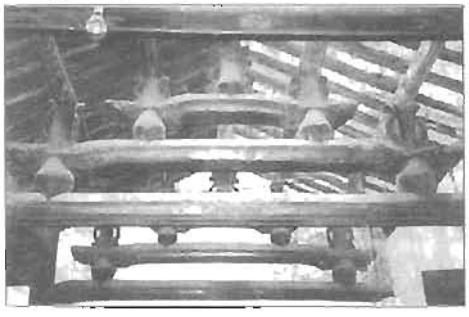

Chồng giường 3 tầng

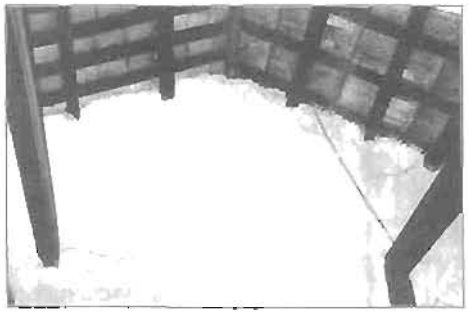

Không có hệ vì kèo sát tường

Kèo chồng có cột đôi

Bảng 7.9. Có hay không có hệ vì kèo ở sát tường, phân loại theo kiểu nhà

	Nhà 1 tầng		Nhà 2 tầng					
	Tường gỗ	Tường gạch	Hiên độc lập	Tường gỗ có ban công	Tường gạch có ban công	Tường gạch không có ban công	Nhà Pháp	Nhà hiện đại
Kèo chồng 43	TP: 33, 41, 65, 75, 85, 105 TP: 68, 72, 122, 150, 168., 170, LL: 55, 57, TP: 77, 48,	TP: 25, 27, 35, 81, 113b, 129, 135 TP: 142 LL: 59 TP: 31, 29ab	TP: 53 MK: 5, 11,	TP: 23, 103, 80, 148, TH: 60, 64, 66		TP: 43, 53,		
Sát tường không có vì kèo 13	TP: 67*, 131*, 102 MK: 8	TP: 117?, 136		TP: 74, 82, 148, TH: 66	TP: 95, 104 TH: 46	TP: 69, 73	TP: 79, 186 TH: 106	
Kèo suốt 16	TP: 62, (114), 182, LL: 53		TP: 87 TH: 101	TP: 37, 57, 119, MK: 4, 6	TP: 26, 78		TP: 57	TP: 59, 90
Sát tường không có vì kèo 15	TP: 141*, 112, 178	TP: 29, 36, MK: 2	TH: 42 MK: 7	TH: 50*, 52		TP: 115, 123	TP: 47	TP: 93, 158

7.3.c. Liên kết tại nóc và cột đội

Phần đỉnh nóc của vì kèo chồng và vì kèo suốt được liên kết với nhau bằng một thanh nằm ngang, ngoài ra cũng có những trường hợp được làm chắc thêm bởi cột đội. Theo điều tra ta thấy ngoài trường hợp bộ vì chỉ đơn giản là hình nóc tam giác thì còn có một số trường hợp được hỗ trợ thêm về mặt kết cấu bằng các chi tiết như thanh nằm ngang hay cột đội (Hình 7.22). Khi chú ý đến kết cấu vì nóc của gian giữa và phân loại chúng, ta thu được kết quả dưới đây.

Qua những số liệu trong bảng cho thấy kiểu vì nóc vừa có thanh nằm ngang vừa có cột đội càng làm tăng thêm sự ổn định của kết cấu. Còn đối với những trường hợp không có thanh nằm ngang cũng không có cột đội thì khi đó sẽ phải làm cho độ đè nặng của mái trải rộng ra và nếu muốn làm cho gian giữa được rộng ra thì toàn bộ lực sẽ dồn vào xà ngang và trính. Nếu như trong trường hợp có thanh đỡ ngang và cột đội hỗ trợ thêm về mặt kết cấu thì phần lực của cột tham gia vào kết cấu chỉ đơn thuần theo chiều xuôi của mái. Đối với trường hợp sử dụng kèo suốt thì rất ít thấy thanh đỡ ngang nếu vì kèo được dựng theo phương pháp lắp ráp toàn bộ trên mặt đất và sau đó mới dựng lên thì có thể rất phức tạp đối với trường hợp xà ngang và trính dài (tuy nhiên đối

Hình 7.22. Kết cấu vì nóc (* kèo suốt, gạch chân: nhà 2 tầng) 1/200

a. Không có liên kết kèo nóc, không có cột đội
- Trần Phú / o: 27, 33, 37*, 77, 81, 85, 95
- Trần Phú / e: 62*, 74, 82, 102, 122, 136, 158*, 182*
- Thái Học / o: 23, 67, , 101*, 103
- Thái Học / e: 10, 20, 28, 42*, 62, 132, 168
- Minh Khai / e: không có
- Minh Khai / o: 11
- Lê Lợi / e: không có
- Lê Lợi / o: 45, 53*, 55, 57

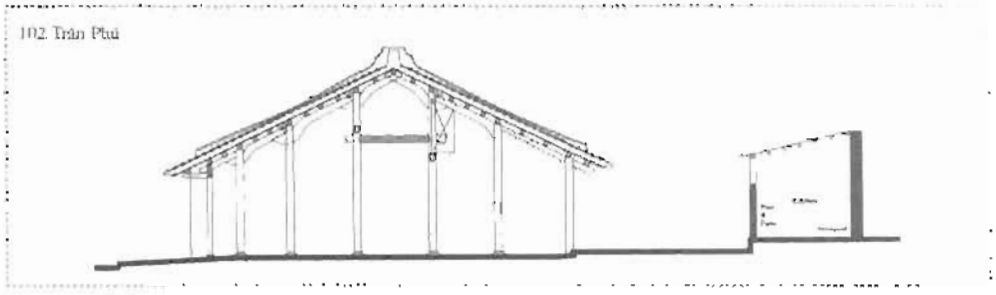

b. Không có liên kết kèo nóc, có cột đội
- Trần Phú / o: 35, 41, 43, 53, 65, 67, 69, 73, 75, 105, 119, 123*, 131, 141*
- Trần Phú / e: 26*, 36*, 48, 68, 78*, 92, 114*, 158*, 186
- Thái Học / o: 13, 17, 19, 33, 43*, 49*, 53*, 55*, 59*, 61, 85*, 107*, 109*
- Thái Học /e: 2, 22, 50*, 64, 66, 106, 114*, 118
- Minh Khai / e: 4*, 6*
- Minh Khai / o: 5, 7*
- Lê Lợi / e: không có
- Lê Lợi / o: 59, 63*

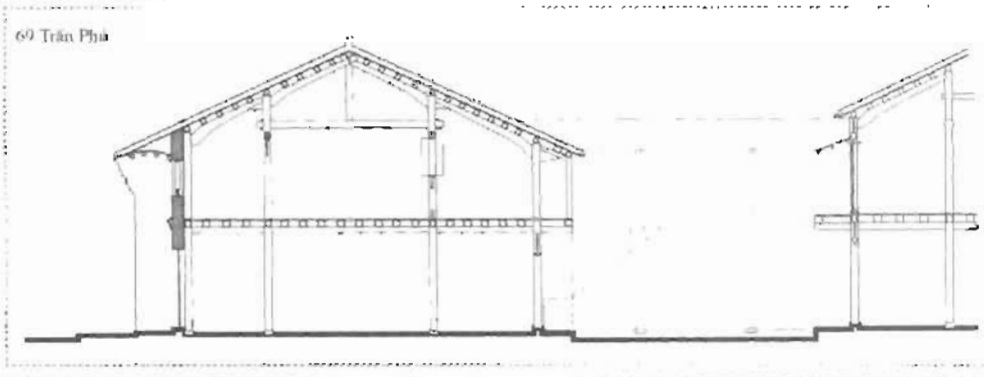

c. Có liên kết kèo nóc, có cột đội
- Trần Phú / o: 23, 25, 31, 39, 79, 87*, 103, 117, 135
- Trần Phú / e: 80, 104, 118, 142, 148, 178*
- Thái Học / o: 15, 21, 27, 37*, 39, 75*
- Thái Học / e: 4*, 8, 12, 14*, 16, 24, 46, 52*, 60, 116*
- Minh Khai / e: không có
- Minh Khai / o: không có
- Lê Lợi / e: không có
- Lê Lợi / o: không có

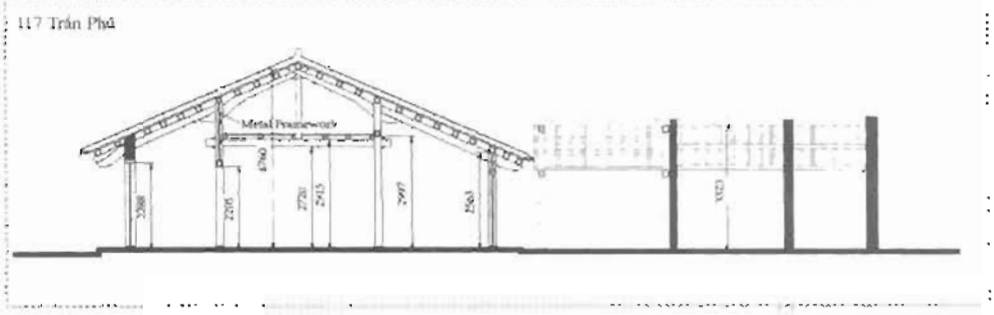

d. Xuyên ngang 2 tầng
- Trần Phú / o: không có
- Trần Phú / e: không có
- Thái Học / o: 13, 17, 19, 21, 33, 61, 103
- Thái Học / e: không có
- Minh Khai / e: không có
- Minh Khai / o: không có
- Lê Lợi / e: không có

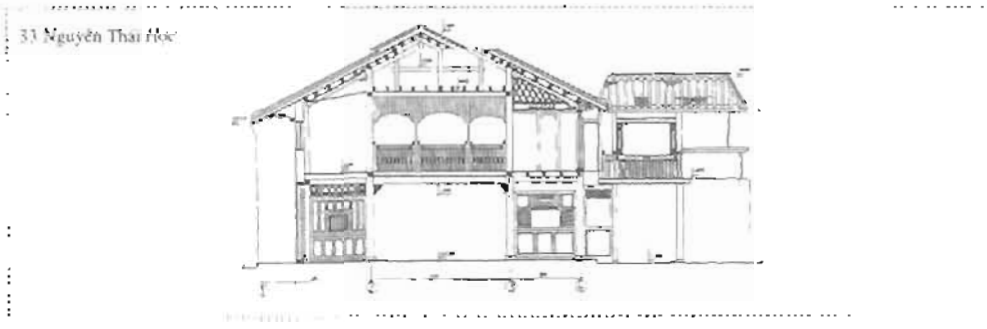

với trường hợp kèo chống thì giả thiết này không có tính thuyết phục - hầu hết ở nhà hai tầng kèo chống không có thanh đỡ ngang).

Nói chung không phải tất cả bộ vì kèo của gian giữa và gian bên đều có hình thức giống nhau, những số liệu trong bảng chỉ là những giá trị liên quan đến gian giữa. Bảng 7.11 là ví dụ những nhà có cùng một lúc hai dạng vì kèo khác nhau.

Như vậy, hình thức kết cấu thanh nằm ngang và cột đội thường được sử dụng trong những trường hợp như thế nào? Hoặc việc có hay không có những kết cấu ấy có liên quan gì đến quá trình biến đổi niên đại của nhà hay không? Nếu xét về mặt chức năng thì đây là chi tiết cần thiết để làm chắc chắn hơn sự an toàn về kết cấu khi kích thước của gian được mở rộng. Trên thực tế đối với những ngôi nhà hai tầng có qui mô lớn thì số nhà mà vì kèo không có cột đội lại rất hiếm (ngoài những nhà 95,37,115 Trần Phú và 53,37 Lê Lợi là kết cấu kèo thẳng. Trong đó, nhà 53 Lê Lợi và nhà 115 Trần Phú có thêm xà ngang, ngoài ra tầng hai của nhà 37 Trần Phú rất thấp).

Đối với nhà một tầng thì sao? Đối với trường hợp kèo chống, số vì kèo có cột đội và không có cột đội bằng nhau. Nếu chỉ phân loại trong hai nhóm nhà này thì rất khó đưa ra được những điểm khác nhau. Vì vậy hãy thử kết hợp cùng xem xét với sự phân bố kích thước cột nêu trên (đặc biệt chú ý đến sự phân bố kích thước cột theo chiều sâu của nhà). Bảng 7.15 là kết quả của sự phân tích này.

Kiểu nhà nguyên thuỷ ban đầu (Nhà một tầng/kết cấu gỗ/không có cột đội)

Đối với những vì có cột đội thì kích thước theo chiều sâu của gian giữa cũng như kích thước theo chiều sâu của toàn bộ nhà luôn luôn lớn hơn những vì không có cột đội, và tỷ lệ giữa chiều sâu gian giữa với chiều sâu của toàn bộ nhà cũng có xu hướng tương tự. Hơn nữa, đối với "Nhà một tầng/kết cấu gỗ/không có cột đội"

Bảng 7.10. Có hay không có cột đội, phân loại theo kiểu nhà

	Kèo chống	Kèo suốt
Không có liên kết kèo nóc Không có cột đội	20	12
Không có liên kết kèo nóc Có cột đội	10	10
Có liên kết kèo nóc Không có cột đội	0	0
Không có liên kết kèo nóc Cột lửng	25	2 hoặc 1
Có liên kết kèo nóc Biến thể cột đội	4	2

Bảng 7.11. Có hay không cột đội trong kết cấu vì kèo phân loại theo kiểu nhà

	Vì sát tường bên	Vì ở giữa
TP: 48, 41, 100, 65, 142	Không có cột đó	Không có cột đội
TP: 33	Có cột đội	Có cột đội

Bảng 7.12. Có hay không có cột đội trong kết cấu vì kèo, phân loại theo kiểu nhà

	Nhà 1 tầng		Nhà 2 tầng					
	Tường gỗ	Tường gạch	Hiên độc lập	Tường gỗ có ban công	Tường gạch có ban công	Tường gạch không có ban công	Mặt đứng kiểu Pháp	Nhà hiện đại
Kèo chống	TP/o: 41, 65, 67, 75, 105, 131 TP/e: 48, 68, 72 MK/e:8	TP/o: 25, 31, 35, 39, 117, 135 TP/e: 142 TH/o: 57 TH/e: 8 LL/o: 59	TP/o: 53 TH/e:2 MK/o: 5	TP/o: 23, 103 TP/e: 80, 148 TH/o: 39 TH/e: 12, 16, 22, 60	TP/e: 104 TH/e: 24, 46, 66	TP/o: 43, 69, 73 TH/o: 13, 15, 17 19, 21, 33, 61 TH/e: 118	TP/o: 79 TP/e: 186 TH/e: 106	TH/e: 64
Không có cột đội	TP/e: 33, 77, 85 TP/e: 102, 136, 150, 170 TH/o: 67 TH/e: 10 LL/o: 55, 57	TP/o: 27, 81, TP/e: 122 TH/e: 62	MK/o: 11	TP/o: 74 TH/e: 20	TP/o: 95 LL/o: 45	TP/o: 82 TH/o: 103 TH/e: 28, 132	TH/o: 23	TH/e: 168
Có liên kết vì nóc	TP/e: 72 MK/e: 8	TP/o: 25, 31, 39, 117, 135 TP/e: 142 TH/o: 57 TH/e: 8		TP/o: 23, 103 TP/e: 80, 148 TH/o: 39 TH/e: 12, 16, 60	TP/e: 104 TH/e: 24, 46	TH/o: 15, 21 TH/e: 118	TP/o: 79	
Thanh ngang 2 tầng						TH/o: 13, 17, 19, 21, 33, 61, 103		
Kèo suốt	TP/o: 141 TH/o: 43	TP/e: 36, 114, 178 TH/e: 116	TP/o: 87 MK/o: 7	TH/e: 14, 52 MK/e: 4, 6	TP/o: 119 TP/e: 26, 78 TH/o: 55, 50	TP/o: 123 TH/e: 114	TH/o: 37, 49, 53, 75, 85, 107, 109 TH/e: 4 LL/o: 63	TP/e: 92, 158 TH/o: 59
Không có cột đội	TP/e: 62, 182		TH/o: 101 TH/e: 42	TP/o: 37	LL/o: 53			TP/e: 158
Có liên kết vì nóc		TH/e: 116	TP/o: 87	TH/e: 14, 52	TP/e: 78 TH/o: 55		TH/o: 37, 75 TH/e: 4	

Bảng 7.13. Có hay không có vì nóc, cột đội và chiều sâu của nhà chính

	1 tầng, tường gỗ		1 tầng, tường gạch		2 tầng				
	Không có cột đội	Có cột đội	Không có cột đội	Có cột đội	Không có cột đội	Có cột đội	Có liên kết kèo nóc	Không có liên kết kèo nóc	Thanh ngang 2 tầng
Chiều sâu của nhà chính (a)	6.44	7.18	6.22	8.47	6.32	8.90	8.83	8.98	11.55
Chiều sâu gian cột cái (b)	2.22	2.75	3.85	3.32	2.95	4.40	3.97	4.95	5.95
Tỷ lệ chiều sâu gian giữa (b/a)	34.6%	40.0%	44.8%	40.1%	42.1%	49.8%	45.1%	55.8%	61.2%

Đầu cột nhà phụ của nhà 80 Trần Phú. Đây là một ví dụ rất đơn giản nhưng cơ bản thì hoàn toàn giống như vậy

Lỗ mộng liên kết giữa hoành và đầu cột đã bị mối

thì tỷ lệ chiều sâu của gian giữa tập trung trong khoảng 0,33-0,36 (do có sự mở rộng đường nên phần phía trước nhà thường bị cắt bớt, nếu như ta phục hồi lại nguyên trạng những ngôi nhà này thì có lẽ tỷ lệ chiều sâu của gian giữa so với chiều sâu của nhà càng được tập trung hơn). Do đó có thể xem "Nhà một tầng/kết cấu gỗ/không có cột đôi" là một hình thức phổ biến. Tuy vậy nếu hình dung về quá trình phát triển kỹ thuật của nó thì đương nhiên có thể nghĩ rằng nó được phát triển từ những kết cấu đơn giản đến kết cấu có tính ổn định và hợp lý hơn. Nhà 85 và 77 Trần Phú là hai ngôi nhà có vẻ như là nhà cổ nhất ở Hội An cũng được nằm trong nhóm vì kèo không có cột đội (chưa có những chứng cứ xác định cụ thể để nói rằng nhà 85 và 77 Trần Phú là nhà cổ nhất. Tuy nhiên người ta thấy sàn của hai ngôi nhà này rất thấp so với những nhà xung quanh, đây cũng có thể là một bằng chứng xác định nó là ngôi nhà cổ). Việc cho "Nhà một tầng/kết cấu gỗ/không có cột đội" là kiểu nhà nguyên thuỷ ban đầu của nhà phố Hội An cũng có cơ sở để chấp nhận.

7.3.d. Hoành và liên kết xà đầu cột

Liên kết xà đầu cột

Phía trên kèo có những thanh hoành được đặt theo chiều ngang của nhà. Hoành thông thường là những thanh có tiết diện tròn và tương đối lớn, hoành ở vị trí xà nóc có tiết diện lớn nhất. Trên các đầu cột nhất thiết phải được đặt hoành.

Ở đầu cột, ngay phía dưới hoành thông thường có một thanh xà liên kết các cột theo chiều ngang nhà. Trong trường hợp xà liên kết đầu cột được lắp vào cột bằng mộng ở trên thanh xà, thì đầu cột sẽ không có lỗ mộng hở. Trong trường hợp này hoành và xà đầu cột thường được kết hợp lại thành một kết cấu. Phần lớn kết cấu này có tiết diện vuông, nhưng cũng có một số ít trường hợp có tiết diện to và tròn (ảnh bên).

Nếu xem xét kỹ trường hợp của các kiểu nhà khác nhau thì đối với nhà một tầng có nhiều trường hợp hoành và xà đầu cột là hai kết cấu riêng biệt, còn đối với nhà hai tầng thì phần lớn các trường hợp lại có hoành và xà đầu cột được kết hợp thành một kết cấu. Tiết diện của xà đầu cột có hai hình thức: chữ nhật nằm ngang hoặc hình chữ nhật đứng. Cũng có một số rất ít trường hợp ở đầu cột người ta khoét lỗ mộng tròn theo tiết diện của hoành. Có khả năng người ta cắm thanh hoành vào lỗ mộng được tạo từ cột (trường hợp nhà 80 Trần Phú).

Hình 7.23. Hoành và xà đầu cột

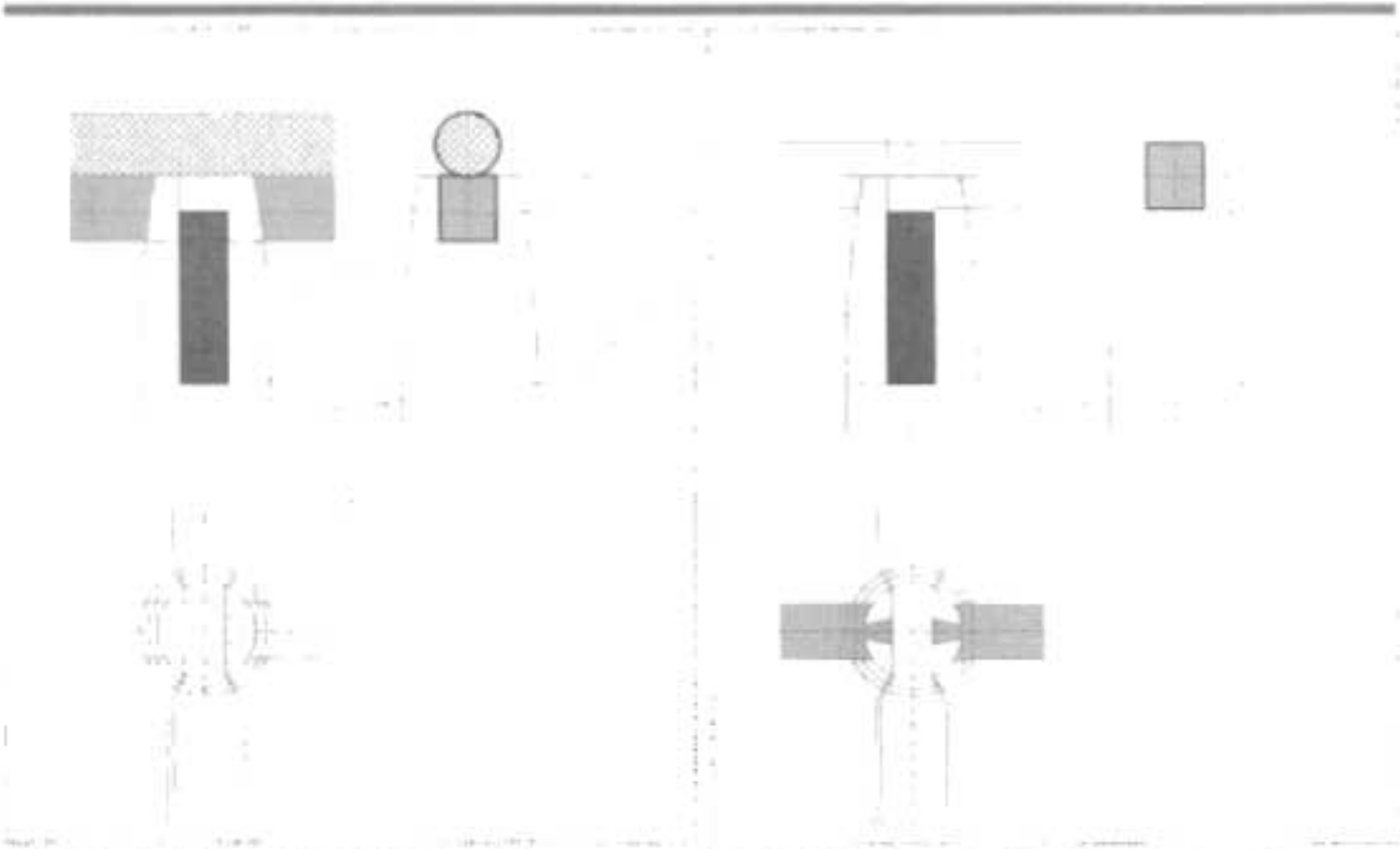

Ví dụ hoành và xà đầu cột tách biệt, xà có tiết diện chữ nhật

Ví dụ hoành và đầu cột cùng chung 1 kết cấu, hoành ăn mộng một nửa vào đầu cột

Bảng 7.4. Hoành và xà liên kết đầu cột, phân loại theo kiểu nhà

	Nhà 1 tầng		Nhà 2 tầng					
	Tường gỗ	Tường gạch	Hiên độc lập	Tường gỗ có ban công	Tường gạch có ban công	Tường gạch không có ban công	Mặt đứng kiểu Pháp	Kiểu khác
Hoành và xà đầu cột là 2 kết cấu tách biệt	TP: 41, 65, 67, 75, 85 TP: 62, 68, 72, 100 LL: 57**	TP: 25, 27, 35, 39, 59 TP: 62, 98	TP: 53	TP: 74		TP: 43		
Hoành và xà đầu cột được thay bằng 1 hoành tiết diện vuông	TP: 77 TP: 102	TP: 59		TP: 23 TP: 80 TH: 52, 54, 60	TP: 104	TP: 69		
Hoành và xà đầu cột được thay bằng 1 hoành tiết diện tròn			MK: 11		TP: 53 TP: 78			
Hoành tròn ăn mộng hoàn toàn vào đầu cột				TH: 66, 70				TP: 96
Lẫn lộn giữa tách biệt và tiết diện tròn				TP: 37				
Lẫn lộn giữa vuông và tròn		TP:	TH: 42		TH: 46			
Trường hợp khác		TP: 142*						
Không có xà liên kết đầu cột	LL: 51							
Không rõ ràng	TP: 48	TP: 36						

Hình 7.24. Trường hợp hoành và xà liên kết đầu cột tách biệt

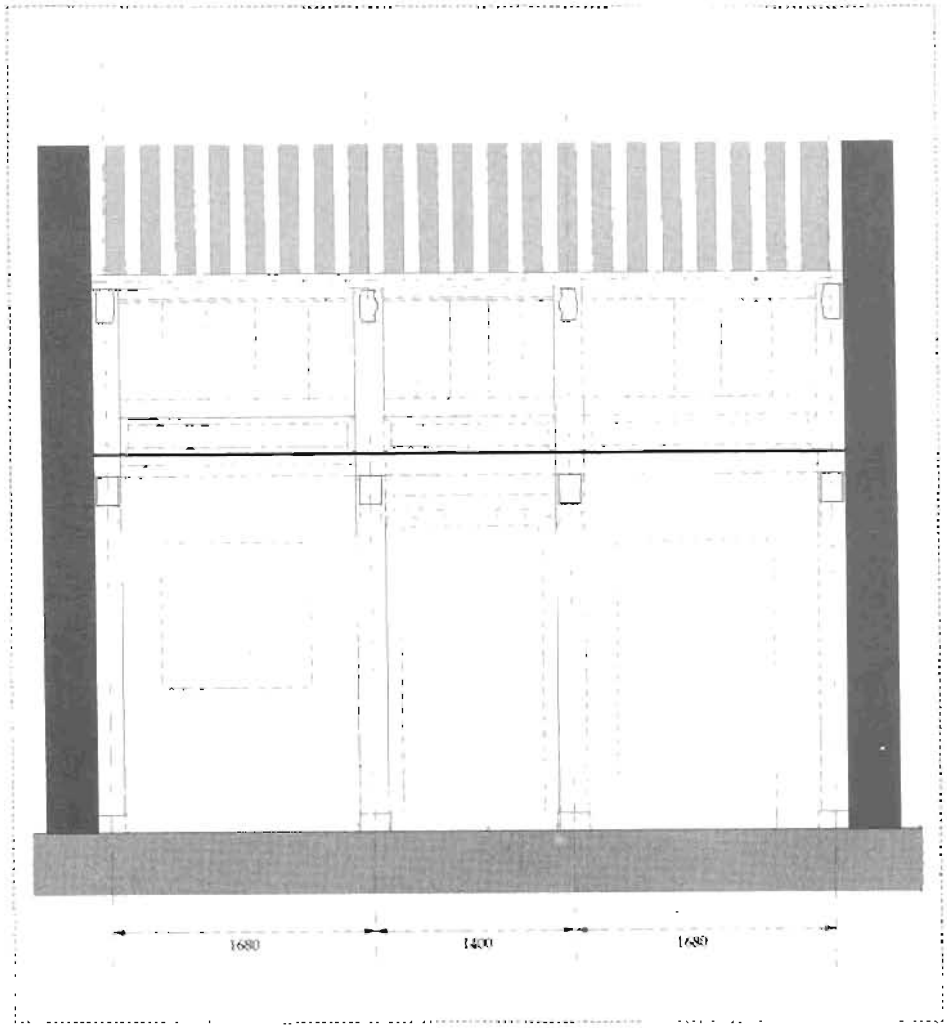

Hình trái: Mặt đứng nhìn từ phía trong nhà
Muốn chú ý đến mặt cắt của kèo được trang trí, điều này ở chương 8 sẽ nêu kỹ hơn (8.3b)
Hình phải: Hoành và xà đầu cột tách biệt. Xà liên kết đầu cột có tiết diện hình chữ nhật đứng. Số hoành phân bố có tính điển hình là 4-5-4

Số hoành

Tiếp theo ta xét đến số lượng hoành đặt ở khoảng giữa các cột, cụ thể như ở nhà 48 Trần Phú, gian giữa có năm hoành (kể cả thanh nóc nhưng không tính thanh hoành ở vị trí đầu cột, khoảng cách giữa hai thanh hoành là 410cm), gian bên phía trước và phía sau (phía đường và phía sân trong) thì đều có bốn hoành (khoảng cách giữa các hoành là 440-450cm). Cũng tương tự như vậy đối với những trường hợp khác số hoành phân bố trên các gian là 3-5-3, 3-3-3, 4-3-4. Trong đó, trường hợp nhiều nhất vẫn là trường hợp 4-5-4, có thể nói tỷ lệ phân bố hoành này đặc trưng nhất ở kiểu nhà "một tầng/kết cấu gỗ". Bây giờ ta hãy xem xét đến số hoành ở phần hiên, ở những nhà 77 và 85 Trần Phú phần hiên có hai thanh hoành.

Ở trên hoành người ta đóng các thanh ván rui (ván lót) và lợp ngói lên trên các thanh rui đó.

Bảng 1.15. Số lượng hoành và kiểu nhà

	Nhà 1 tầng		Nhà 2 tầng					
	Tường gỗ	Tường gạch	Hiên độc lập	Tường gỗ có ban công	Tường gạch có ban công	Tường gạch không có ban công	Nhà kiểu Pháp	Tổng
5-9-5				TP: 148				1
4-5-4	TP: 41, 48, 65, 67, 75, 77, 85, 131, LL: 55	none	TP: 53, TH: 101, MK: 5	MK: 4, 6	TP: 95	none	TP: 186	16
3-5-3				TP: 80				1
4-3-4				TP: 23		TP: 43, 115		3
3-3-3	TP: 102, 105	LL: 590						3
2-3-2		TP: 184	TH: 42					2
2-7-2		MK: 2						1
2-5-2			MK: 5					1
	28	17	7	20	6	11	15	13

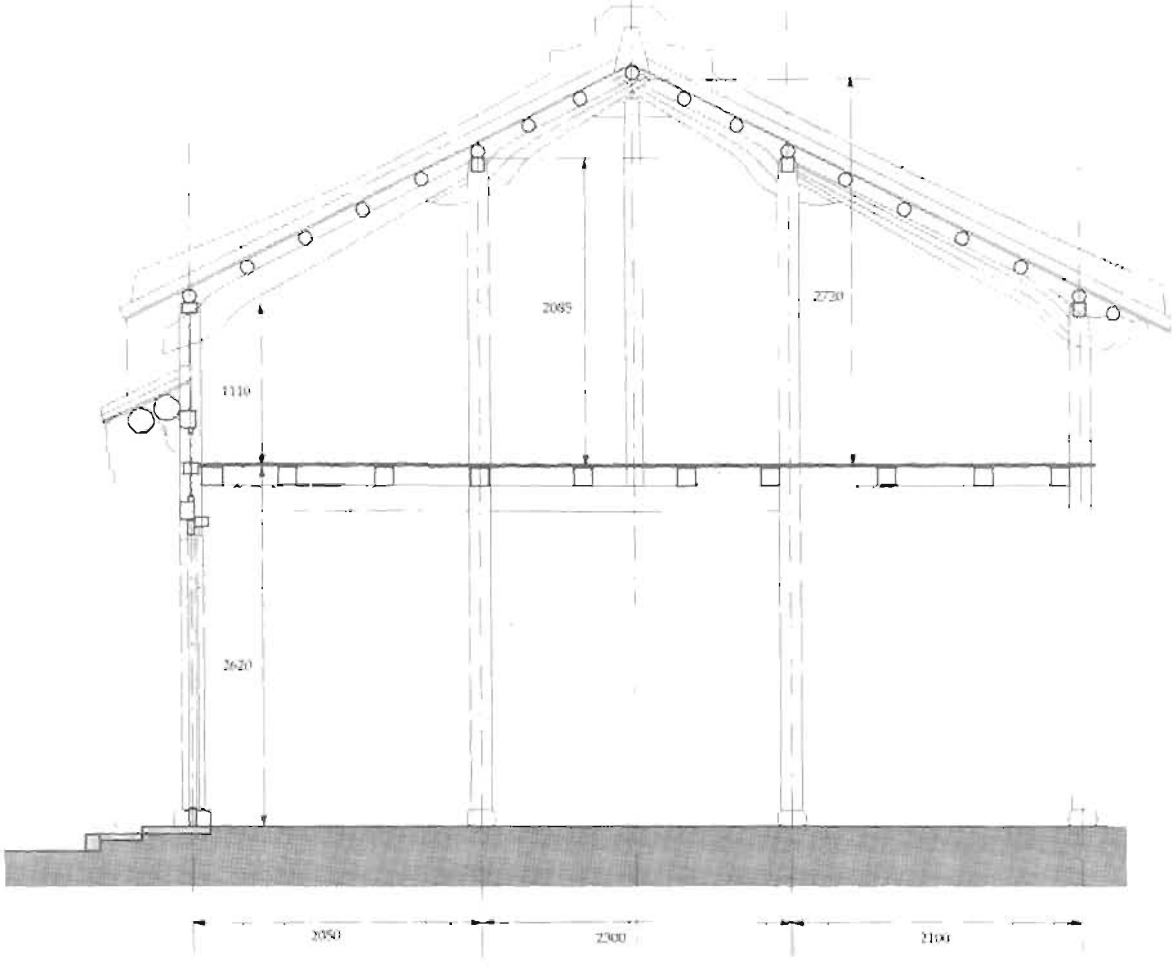

7.3.e. Đầu bẩy kèo

Ví dụ phổ biến nhất là phía trên của đầu kèo hiên có thêm 1 tấm ván để đỡ hoành

Khi quan sát phần đuôi kèo ta thấy chức năng của nó không phải để đỡ hoành mà việc làm đuôi kèo theo hình hơi cong xuống là để đầu kèo của đoạn tiếp theo sẽ gác lên đây. Còn dưới kèo đỡ hiên thì không còn thanh kèo nào nữa, vì thế nó có thể là một thanh kèo thẳng, nhưng trên thực tế vẫn làm cong ở phần đuôi kèo hiên này, trên đó được đóng vào một tấm ván dong để đỡ hoành. Tấm ván này mang tính trang trí nhiều hơn.

Ở một vài trường hợp khác thì chỉ riêng phần đầu kèo cuối cùng thường được làm to hẳn ra để hoành có thể đặt trực tiếp lên đó. (Hình thức điêu khắc ở đây là những hình cuộn sóng hay đuôi cá).

Ngoài ra cũng thấy trường hợp đỡ mái hiên là những con sơn nằm ngang, nhưng khi xem xét kỹ ta thấy có nhiều khả năng đây là trường hợp đã bị sửa chữa lại.

Ví dụ kèo hiên được uốn cong để đỡ hoành

7.3.f. Độ nghiêng của mái

Độ nghiêng của mái khoảng từ 27-28 độ. Theo ông Trịnh Cao Tưởng thì "độ nghiêng mái của tất cả các ngôi nhà cổ ở Hội An là bằng độ nghiêng của cạnh huyền một tam giác vuông có cạnh đứng bằng 2 và cạnh ngang bằng 3" ("Việt Nam với đường tơ lụa trên biển", trang 420), nhưng trên thực tế qua những kết quả điều tra thì độ nghiêng mái gần với giá trị 1:2 (độ nghiêng 5 độ).

Ví dụ kết cấu hiên là một thanh dầm ngang. Số lượng kiểu kết cấu này rất ít, có nhiều khả năng đây là hình thức bị cải tạo lại sau này.

CHƯƠNG 8: NHỮNG BƯỚC HOÀN THIỆN VÀ TRANG TRÍ

8.1 HOÀN THIỆN PHẦN MÁI

8.1.a. Cách lợp mái

Mái của nhà số 80 Trần Phú. Từ trước ra sau gồm có: nhà trước (sau này chỉ thay ngói mới) tiếp đó là nhà cầu vừa được hoàn thành bước sửa chữa và lợp lại ngói, sau cùng là nhà sau

Chúng tôi xin chuyển qua các bước tiến hành để hoàn thiện phần mái. Có lẽ không nhầm khi nói rằng vẻ đẹp quyến rũ của phố cổ Hội An phần lớn nhờ vào sự đẹp duyên dáng của những mái cổ này. Dưới đây, dựa trên thực tế qua quá trình lợp mái tại nhà số 80 Trần Phú, ta sẽ tóm tắt lại các bước tiến hành lợp mái.

Ngói ở Hội An là loại ngói làm từ đất, mỏng, nung thô, có chu vi hình vuông, mỗi cạnh khoảng 22cm và có hình hơi cong. Nếu so sánh với các loại ngói của Nhật Bản thì nó không giống với loại ngói tròn mà gần giống với loại ngói phẳng. Đầu tiên người ta xếp một hàng ngói ngửa lên sau đó là một hàng ngói úp xuống. Cách lợp này theo tiếng địa phương gọi là kiểu lợp ngói "âm dương". Khi lợp xong mái, các viên ngói được cố định bằng vữa xi măng, tạo thành những dải ngói nhô lên dọc xuôi theo mái, làm cho toàn bộ mái toát lên một vẻ cứng cáp, mạnh mẽ.

Kết cấu trực tiếp đỡ mái ngói là một hệ thống các thanh rui, mỗi thanh có chiều rộng 9cm, dày 1,5cm, đóng xuôi theo chiều nghiêng của mái, vuông góc với hoành và cách nhau một khoảng đều đặn là 12cm. Khoảng cách giữa hai thanh rui được xếp vừa vặn một viên ngói ngửa lên. Nếu đứng ở trong nhà nhìn lên ta sẽ thấy các dải ván rui và dải ngói xen kẽ nhau. Có một số trường hợp người ta dùng ngói phẳng để làm ngói lót. Ở vị trí kết thúc của các thanh rui (giọt gianh) được đóng một tấm ván mỏng chạy theo chiều ngang nhà.

Ngói được lợp từ thấp lên cao, ngói lót và ngói lợp được tiến hành lợp đồng thời. Trong quá trình lợp cần phải rất khéo léo, nếu không ngói rất dễ bị trượt vỡ. Hệ thống hoành và rui đã tạo nên một giá đỡ mái ngói rất chắc chắn.

Tại vị trí đỉnh nóc và giọt gianh được ưu tiên lợp trước, ở tâm phía trên đòn đông người ta xây cao lên bằng gạch, còn phía trên giọt gianh của mái người ta lại xếp chồng các viên ngói lên nhau để tạo ra một độ dầy nhất định (ở nhà 80 Trần Phú được đặt hai viên). Sau đó ngói được lợp theo từng hàng dọc từ phía tường bên vào giữa. Ở nơi tiếp giáp với tường bên bao giờ cũng là một hàng ngói ngửa lên, dưới lớp ngói này là các viên ngói cũ xếp chồng lên nhau, và vừa lợp vừa điều chỉnh độ cao cho phù hợp. Viên ngói ở trên được đặt chồng lên khoảng 2/3 diện tích của viên ngói dưới. Sau đó người ta dùng vữa để xây đường diềm mái và cũng để cố định luôn hàng ngói đầu tiên này. Tiếp theo người ta xếp đến hàng ngói trũng thứ hai cũng tương tự như hàng ngói đầu tiên, giữa hai hàng ngói này người ta đổ vữa vào đó và lợp hàng ngói úp xuống, sau đó dùng vữa đắp vào hai bên cạnh của hàng ngói này để cố định chúng lại với nhau. Ở phần gần với giọt gianh người ta úp lên hai viên ngói chồng lên nhau rồi mới đắp vữa, cho nên phía đầu của các hàng ngói được nhìn thấy to hẳn lên và có hình dáng giống như kamaboko (hình của một loại thức ăn làm từ cá xay, trong các dịp lễ tết ở Nhật). Ở đây không phải người ta đã dùng một loại ngói khác mà hầu như tất cả các hình thức ngói này đều được chế tạo từ vữa. Nói chung khoảng cách giữa các thanh rui không có ảnh hưởng gì đến khoảng cách giữa các hàng ngói, khoảng cách này chủ yếu phụ thuộc vào kích thước của các viên ngói.

▽ Tạo nóc mái

▽Xây bờ chảy

▽Lợp toàn bộ mái ngói

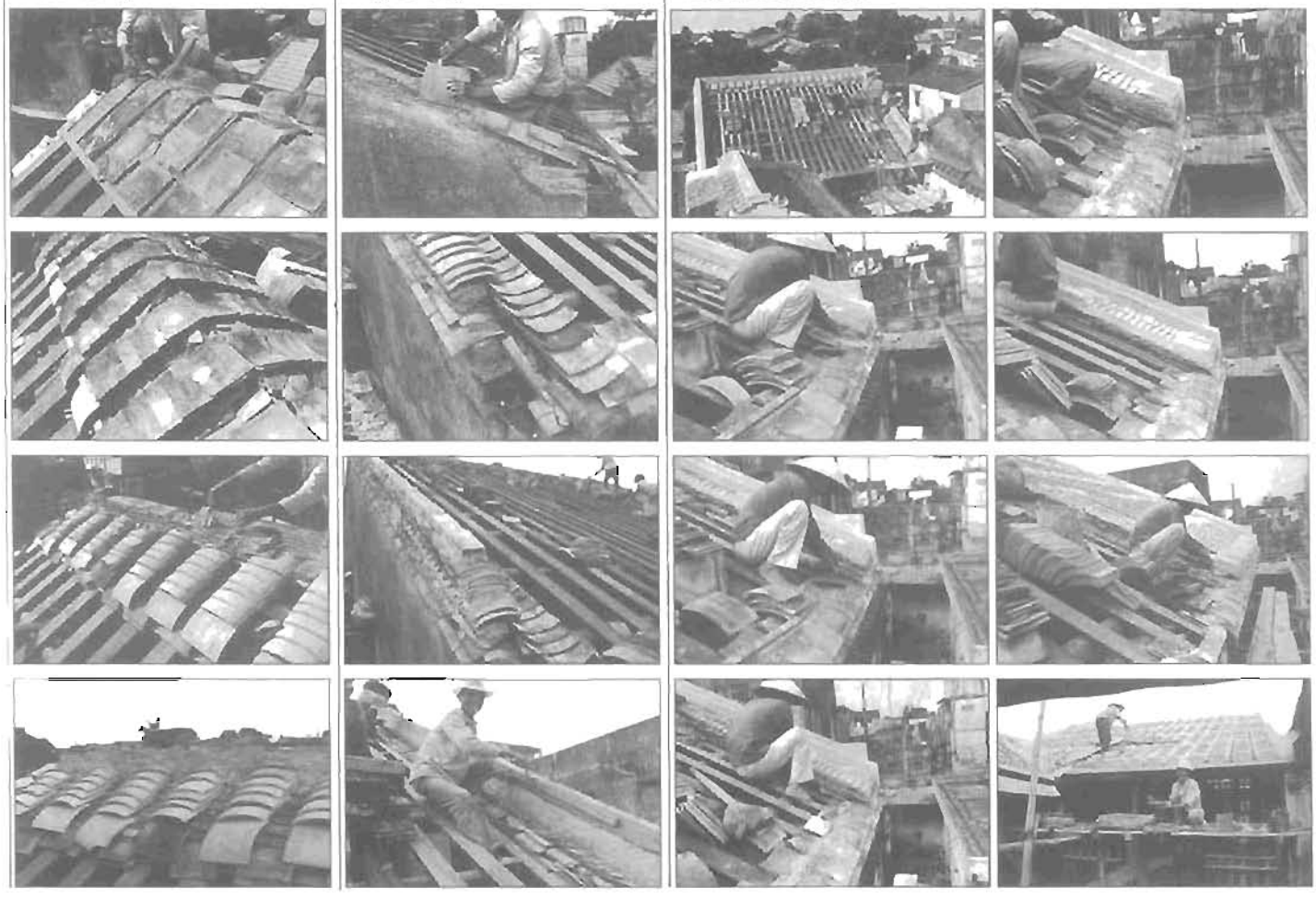

Hình 8.1. Cách lợp ngói

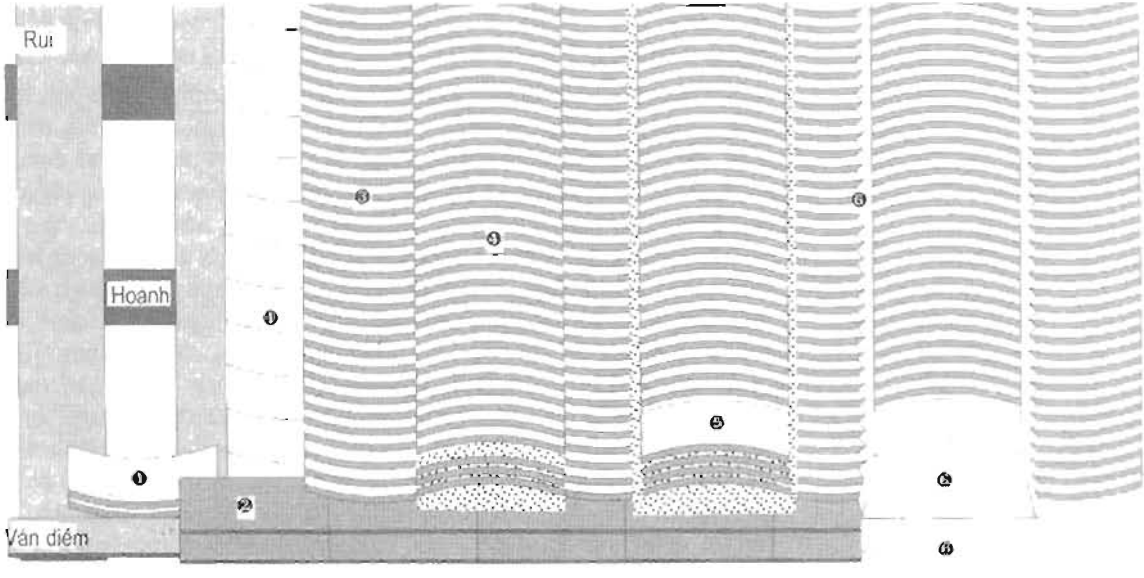

8.1.b. Hình thức trang trí mái

Tường hồi và nóc mái là bộ phận cần thiết trong kết cấu làm ổn định cấu trúc mái phủ từ trên xuống, khi quan sát ta thấy bộ phận này cũng có rất nhiều hình thức đặc biệt. Có thể nói điểm mái này cũng có ý nghĩa tương tự như bộ phận udatsu của Nhật Bản (Udatsu là phần tường hồi hai bên của nhà được xây nhô cao hẳn lên với hình dáng hơi tròn, vừa mang tính trang trí, vừa có tác dụng chống cho toàn bộ mái không bị xô). Ở đỉnh mái thường được xây cao lên hình chữ nhật như một cái hộp, cũng có một số trường hợp hai bên tường hồi cũng được xây cao hẳn lên làm cho toàn bộ tổng thể dường như bị mất cân đối.

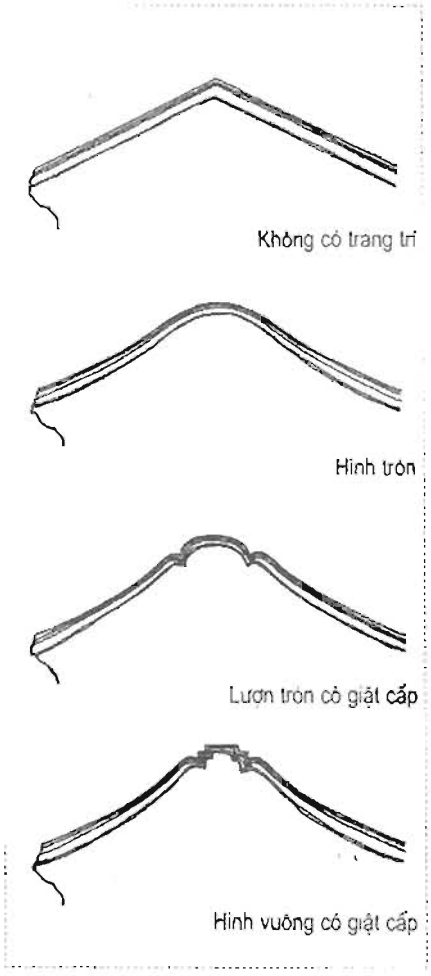

Hình 8.2. Hình dáng bờ chảy

Hình dáng và cách thức trang trí của tường hồi luôn gây một ấn tượng rất mạnh mẽ và đây cũng là một yếu tố tạo ra giá trị rất riêng của phố cổ Hội An. Các họa sỹ thường hay nhấn mạnh đặc điểm này trong những bức tranh miêu tả về Hội An của mình. Tường hồi hai bên của nhà đã được những người thợ nề trang trí theo nhiều hình thức khác nhau. Chỉ cần chú ý quan sát hình thức của điểm mái trong khoảng không gian của đường Trần Phú từ đoạn chùa Cầu đến chợ Hội An thôi thì đã có thể phân ra làm bốn loại hình dáng khác nhau như loại: "không có trang trí điểm mái", "điểm mái tròn", "điểm mái tròn có ngắt đoạn", "điểm mái thẳng có ngắt đoạn" trong tổng số 148 nhà ở đoạn này. Tuy nhiên chỉ có 43 nhà có điểm mái theo các dạng "điểm mái tròn", "điểm mái tròn có ngắt đoạn", "điểm mái thẳng có ngắt đoạn", còn lại chiếm hơn quá nửa là hình thức "không có trang trí điểm mái ở trên tường hồi". Ở những nhà hiện tại không có điểm mái này thì cũng có khả năng là khi lợp lại mái người ta đã lược bỏ đi phần trang trí này. Và nếu chúng ta quan sát vị trí của những ngôi nhà này trên bản đồ thì thấy rõ ràng rằng có đến 3/4 trong tổng số 43 nhà (33 nhà) có hồi mái được trang trí nằm trong khoảng từ chợ Hội An đến ngã tư đường Lê Lợi. Đặc biệt là chúng được tập trung tương đối dày ở xung quanh khu vực hội quán Phúc Kiến. Có thể khẳng định điều này ít nhiều có liên quan đến việc hình thành khu phố chợ Hội An.

Dù thế nào đi nữa, có thể nói rằng hình thức hồi mái tròn là một nét đặc trưng khác hẳn với các hồi mái ở miền Bắc Việt Nam, chúng ta chỉ nhìn thấy một dạng cứng nhắc của các hình dáng hồi mái được tạo thành từ các đường thẳng ngang, dọc. Ngoài ra, việc sử dụng loại ngói đơn 5 cạnh như ở Huế (điểm này giống với miền Bắc Việt Nam) đã tạo cho toàn bộ mái không gây được cảm giác dày và mềm mại như ở Hội An. Hơn nữa các hình thức "hồi mái tròn có ngắt đoạn", "hồi mái thẳng có ngắt đoạn" rất giống hình thức hồi mái của nhà ở dân gian truyền thống miền Nam Trung Quốc như ở tỉnh Phúc Kiến và Quảng Châu. Những nét ảnh hưởng này và hình thức cũng như phương thức lợp mái là dùng vữa để tạo độ dày và liên kết các viên ngói lại với nhau tạo thành mái âm dương, có phải là ấn tượng độc đáo riêng của Hội An hay không? Về điểm này thì bây giờ chúng ta chưa thể khẳng định được điều gì, nhưng sẽ không sai lầm nếu nói rằng cách lợp mái, cách trang trí hồi mái là yếu tố quan trọng tạo cho Hội An vẻ thu hút bề ngoài.

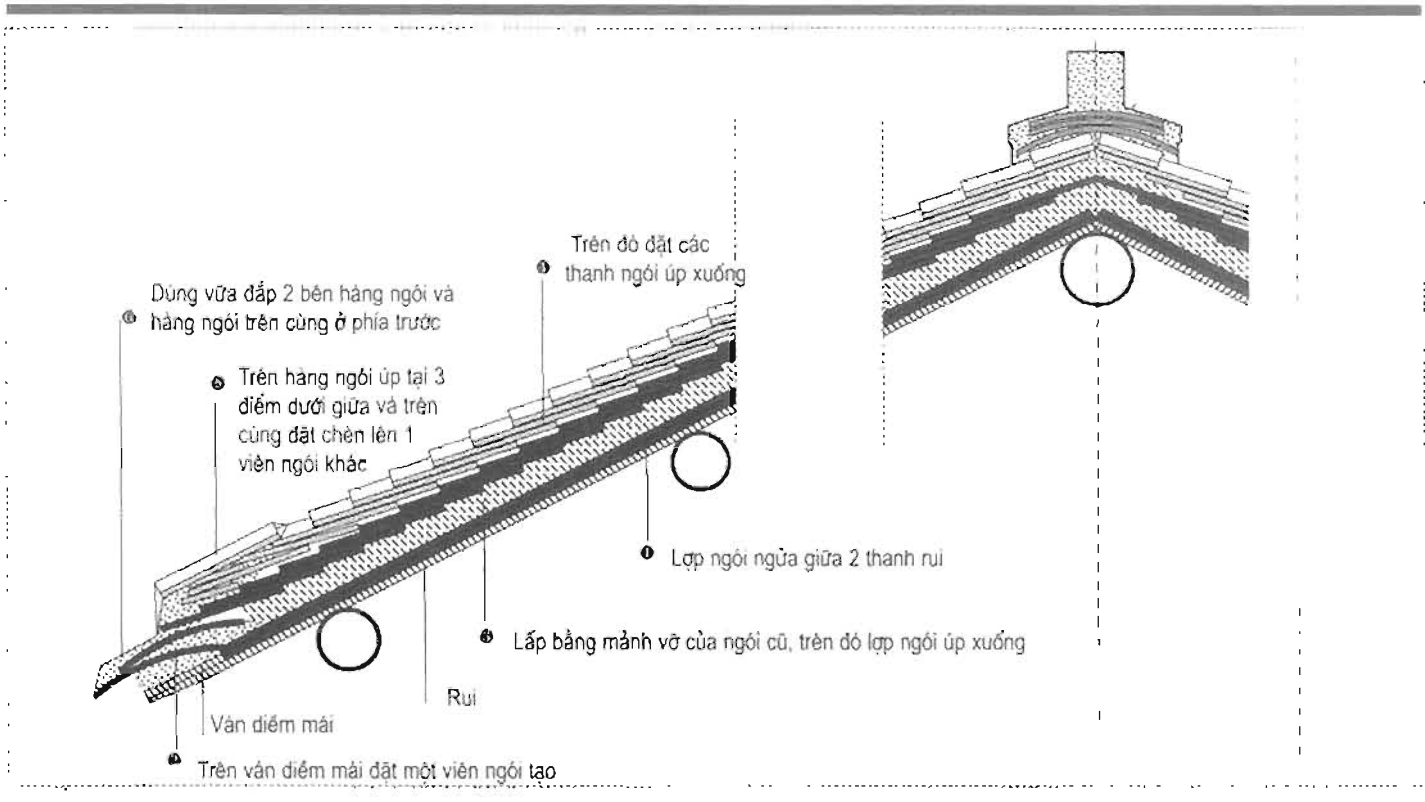

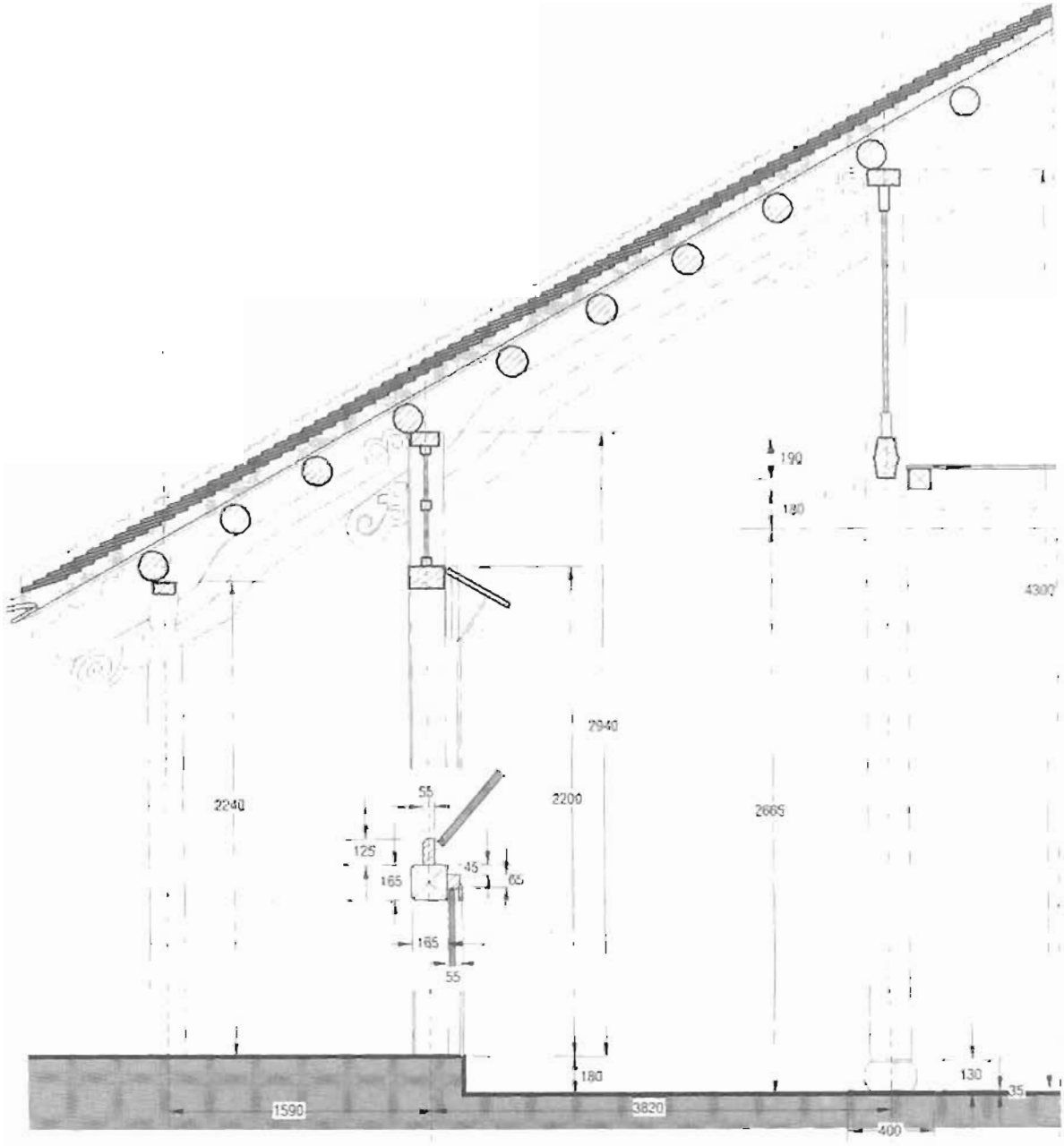

Hình 8.3. Mặt cắt chi tiết phần tường gỗ nhà 1 tầng (85 Trần Phú). 1/30

8.2.a. Kiểu nhà "một tầng/kết cấu gỗ/ không có mái hiên phụ"

Ngôi nhà này bị ngiêng rất nhiều về phía đông. Vì đây là công trình mang tính đặc trưng của nhà phố Hội An nên đã được tiến hành trung tu với nguồn kinh phí của thị xã năm 1996.

Trường hợp nhà số 85 Trần Phú

Chúng ta hãy xem xét ngôi nhà cổ số 85 Trần Phú. Mặt trước nhà ở gian giữa là cửa ván hai cánh mở vào trong, còn hai gian bên là cửa ván xếp ngang còn được giữ lại khá nguyên vẹn. (Kiểu cửa này ở Nhật Bản được gọi là cửa shitomi). Phía trước nhà tiếp xúc với đường là một hàng hiên trống nên hệ thống cửa này được bố trí ở hàng cột thứ hai. Hàng cột này là cột vuông còn các hàng cột khác là cột tròn. Hai gian bên có rãnh để trượt các tấm ván cửa xếp ngang được đặt ở phía trong cột vuông. Còn rãnh phía dưới được đặt trực tiếp trên nền nhà chứ không được đặt trên một hệ thống bậu cửa. Mỗi tấm ván này cao 25cm và toàn bộ có 7 tấm. Tuy nhiên tấm ván ở trên cùng được gắn liền với trục quay và được mở vào phía trong nhà. Điều này có mục đích để khi đã đóng cửa ở trong nhà thì ở phía ngoài không thể tháo các tấm ván ra được. Còn ở gian giữa, cửa được đặt ở phía bên trong bậu cửa đóng vào cột, còn trụ xoay của cửa được đặt vào các lỗ được đục sẵn trên nền nhà và thanh xà ngang phía trên cửa. Ở trên xà ngang này người ta dùng ván để bít những chỗ trống lại.

Theo đánh giá bước đầu thì ở ngôi nhà này toàn bộ phần cửa cũ được giữ lại tương đối nguyên vẹn, hiện nay phần bậu cửa phía dưới không có, nhưng có rất nhiều khả năng là nó đã bị tháo ra từ trước, và bây giờ chúng ta cũng không nhìn thấy có đá tảng ở dưới chân của hàng cột này (những hàng cột khác thì có đá tảng). Nền nhà rất thấp vì hàng cột thứ hai này được đặt trên cốt nền có độ cao bằng với độ cao của đường. Phần cửa hướng về phía sân trong thì vẫn còn giữ được bậu cửa cũ. Năm 1994 đã tiến hành khai quật khảo cổ ở phía sân sau của ngôi nhà này, kết quả của việc khai quật đã được nêu ở chương 3, cùng toàn bộ phối cảnh và mặt bằng vị trí chi tiết.

Hình 8.4 Mặt đứng nhà 1 tầng, tường gỗ (85 Trần Phú)

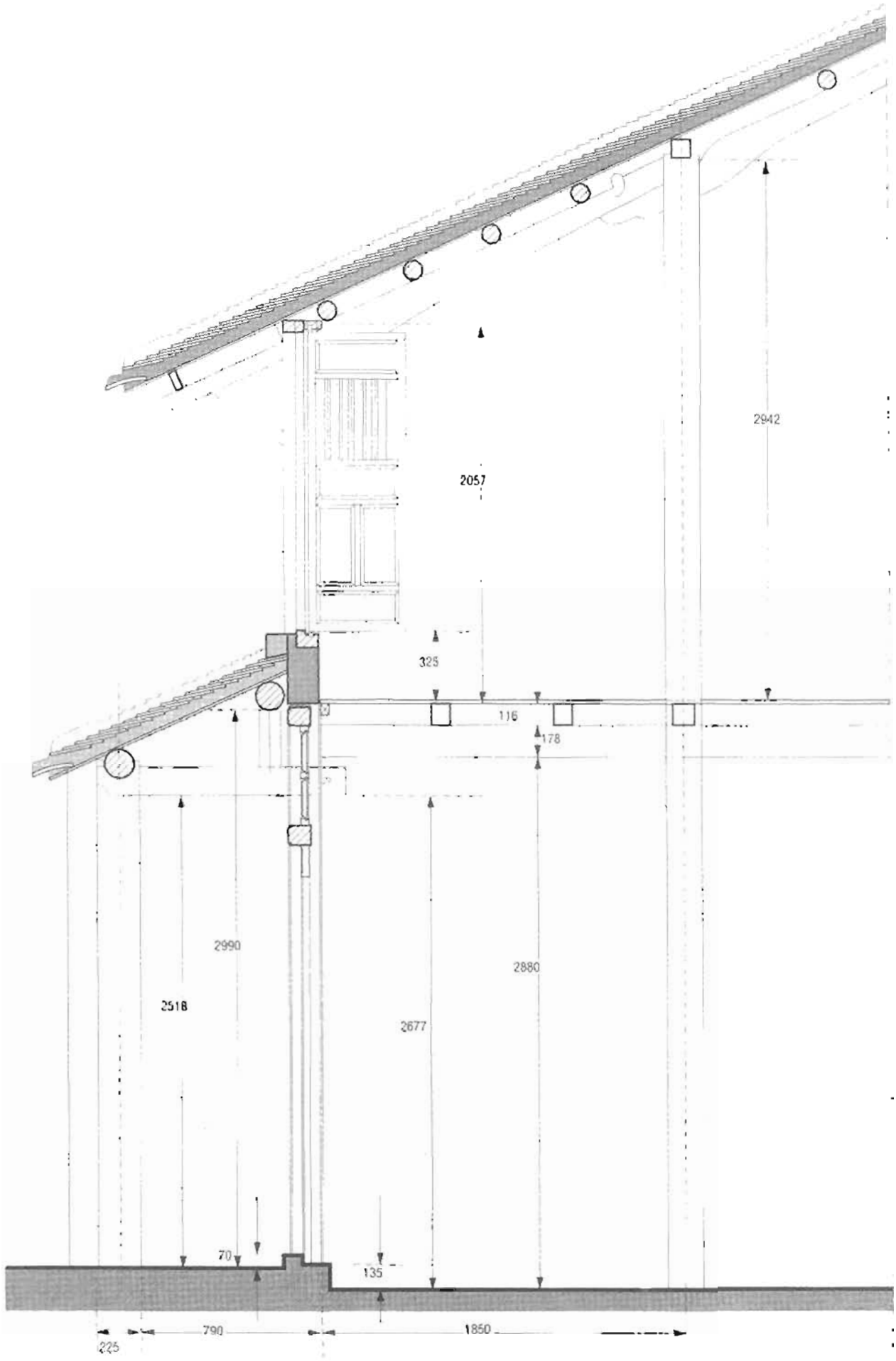

Hình 8.7. Mặt cắt chi tiết nhà 2 tầng, mái hiên độc lập (5 Minh Khai) 1/30

8.2.c. Kiểu nhà hai tầng/ tường gỗ/ có mái hiên tầng một

Nhà số 5 Nguyễn Thị Minh Khai

Đây là một ví dụ về kiểu nhà hai tầng có mái hiên riêng biệt. Phần lớn hình thức mặt trước ở tầng một là cửa và vách gỗ, còn tầng hai lại được xây bằng gạch. Có rất nhiều trường hợp tầng hai mặc dù không có ban công phía trước nhưng ở gian giữa vẫn được thiết kế theo kiểu cửa ra vào 3 cánh, còn hai gian bên thì xây cửa sổ. Cửa sổ của ngôi nhà này được làm toàn bộ bằng ván và song gỗ, nhưng đa số ở các nhà khác tại vị trí cửa sổ này thường được xây bằng gạch lỗ họa men và gắn cố định (giống như nhà 101 Nguyễn Thái Học).

Bẩy hiên nằm ngang

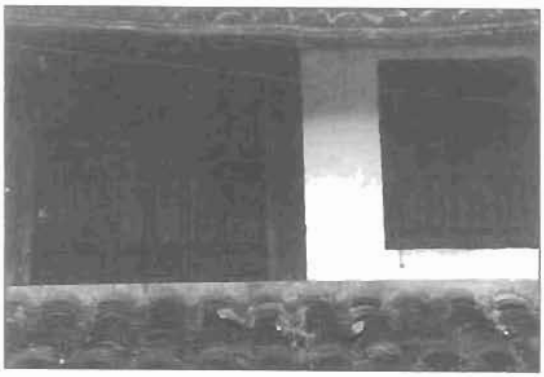

Cửa của nhà tầng 2

Đây là ngôi nhà nổi tiếng 101 Nguyễn Thái Học. Tại vị trí của hàng hiên được lắp ván gỗ (mang tính ngoại lệ). Ngoài ra, cửa của tầng 2 cũng hơi khác thường

Hình 8.8. Mặt đứng nhà 2 tầng, mái hiên độc lập (5 Minh Khai)

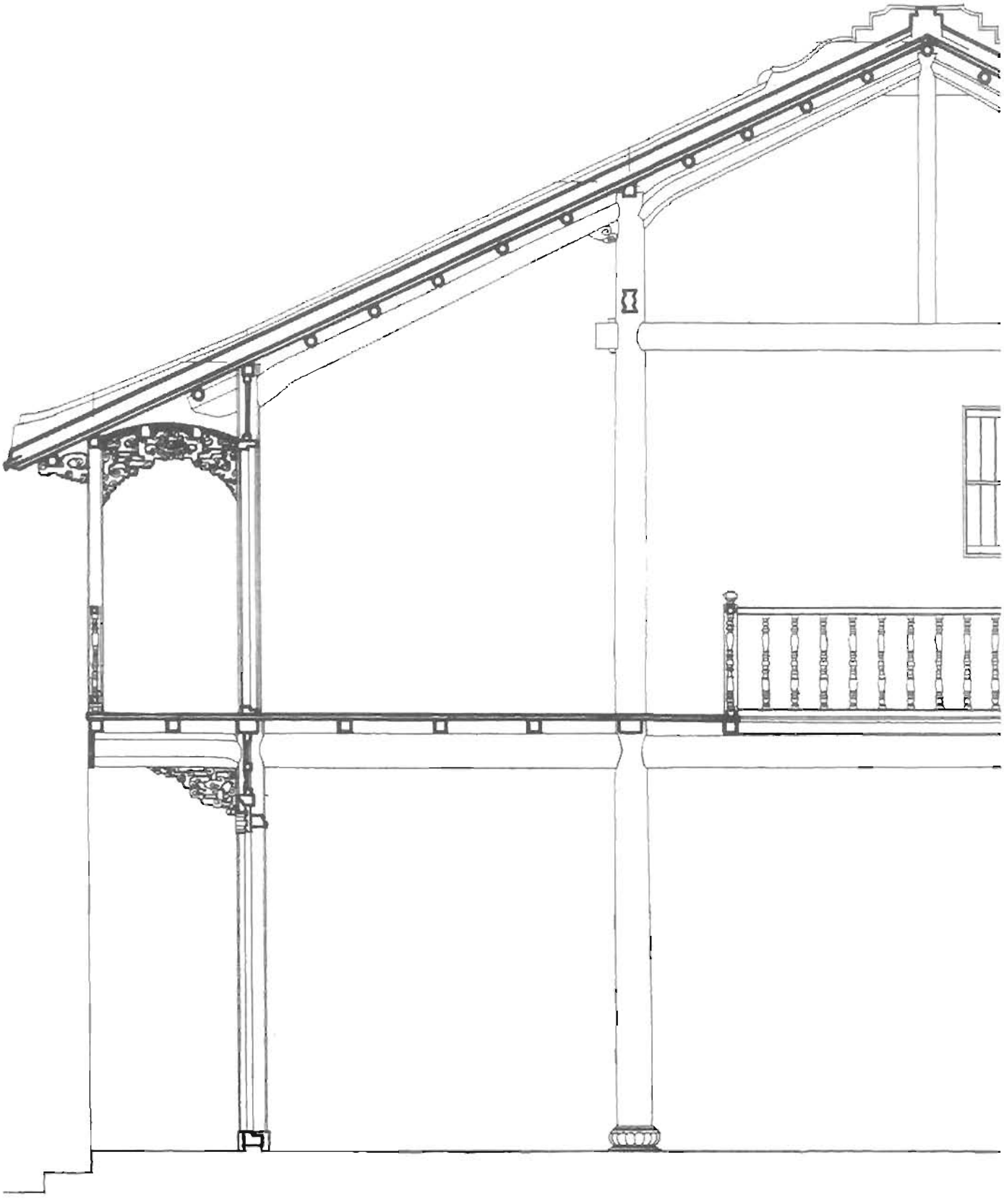

Hình 8.9. Mặt cắt chi tiết của kiểu nhà 2 tầng, tường gỗ, có ban công (80 Trần Phú) 1/40

Cửa tầng 1 nhìn từ phía trong nhà. Phía trong lắp kính, phía ngoài bằng sắt

Cửa đi ra ban công tầng 2 nhìn từ phía trong nhà. Cửa này không dùng kính. Theo ảnh chụp thì cửa sử dụng các thanh liên và bên trong lắp ván nằm ngang, có thể tháo ra được

8.2.d. Kiểu nhà hai tầng/ tường gỗ/ có ban công

Nhà số 80 Trần Phú

Tiếp theo chúng ta lấy nhà 80 Trần Phú làm ví dụ. Trong trường hợp cả phía mặt trước và mặt sau đều có ban công. Mặt đứng gian giữa ở tầng một được lắp cửa ra vào, hai cánh mở vào phía trong nhà, cửa này được làm từ gỗ Tếch (teak), phía dưới là đố bản còn phía trên là song sắt, ở phía trong của song sắt là một lớp cửa kính có thể tháo lắp dễ dàng. Tại vị trí trung tâm của cửa song sắt này có đóng một hình dấu bằng đồng mang tên "Công ty Đông Ấn Hà Lan", thế nhưng lai lịch của dấu tích này thì hoàn toàn không được rõ ràng.

Bản lề được làm từ kim loại và cửa được đóng bằng một loại khoá kiểu cremon vặn lên xuống. Bên trái, bên phải và bên trên của cửa được bao bọc bởi những tấm panel bằng gỗ. Phía ngoài cùng của hai gian bên là một lớp cửa sổ chớp gỗ mở ra ngoài, tiếp đó là cửa kính mở vào trong và có thể tháo ra được. Hệ thống cửa sổ này cũng được đóng vào bằng bản lề kim loại. Bậu cửa sổ cao khoảng 30cm. Cột chính của bậu cửa này cũng được cấu tạo từ các thanh gỗ đứng và ván ngang tương tự như ở nhà 48 Trần Phú.

Ở gian giữa tầng hai cũng đặt cửa ra vào mở vào trong, còn hai gian bên thì trổ cửa sổ hình vuông mỗi cạnh khoảng 80cm. Xung quanh cửa sổ này các mảng tường cũng được làm bằng những tấm panel gỗ có diện tích nhỏ. Một nửa phía trên của cửa ra vào được làm bằng những con tiện tròn, và phía bên trong nhà được đóng những tấm ván đẩy lên, xuống để có thể đóng kín cửa lại mỗi khi cần thiết. Cửa sổ cũng được làm với cơ chế như vậy, nhưng ở đây tấm ván che cửa phía trong nhà được đẩy theo chiều ngang. Cửa ra vào ở tầng hai chuyển động không nhờ vào bản lề mà lại dùng trụ xoay được đặt vào các lỗ khoét ở trên đà và bậu cửa. Như vậy ở tầng hai người ta đã sử dụng phương pháp truyền thống trụ xoay để tạo chuyển động cho cánh cửa. Còn cửa ở tầng một thì rõ ràng đã bị ảnh hưởng của hiện đại hoá.

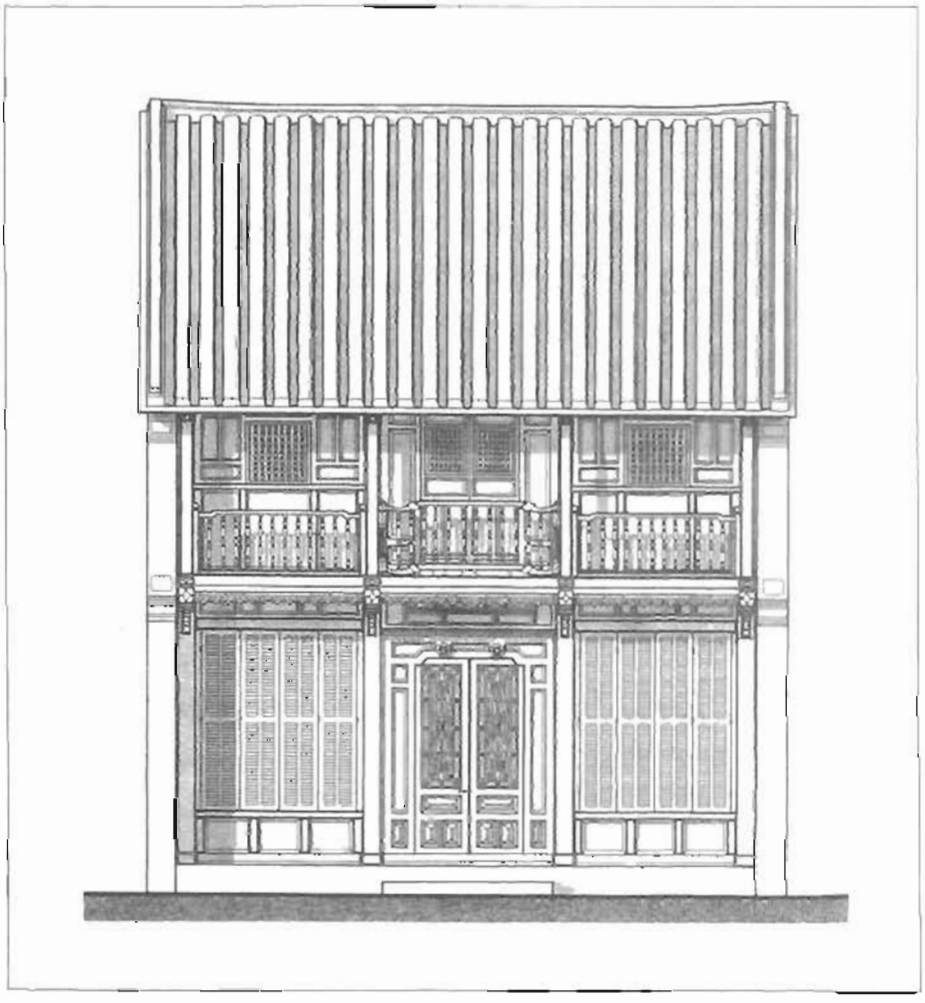

Hình 8.10. Mặt đứng nhà 2 tầng, tường gỗ có ban công (80 Trần Phú)

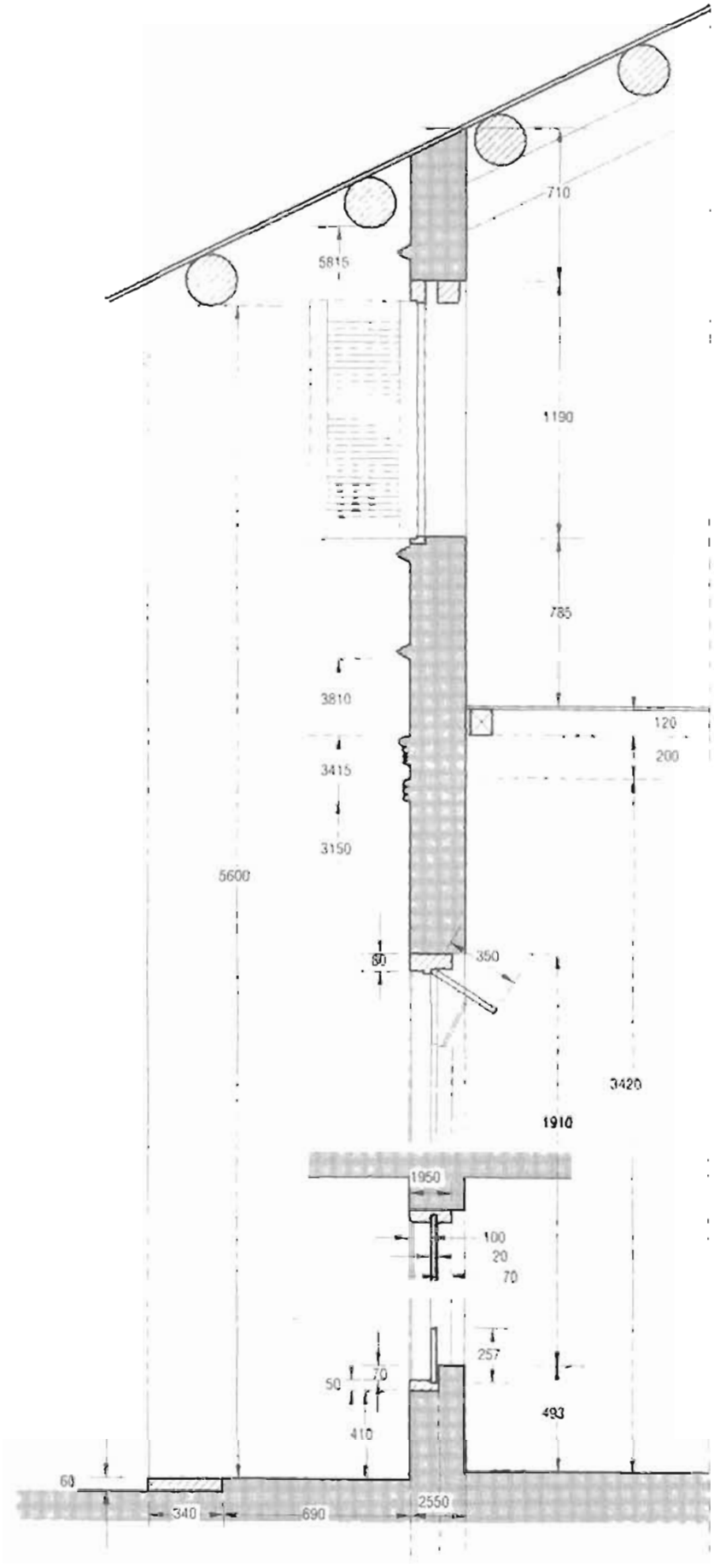

Hình 8.11 Mặt cắt chi tiết nhà 2 tầng tường gạch không có ban công (67 Trần Phú) 1/40

8.2.e. Kiểu nhà hai tầng/ mặt đứng bằng tường gạch/ có ban công hoặc không có ban công

Nhà số 67 Trần Phú

Đối với kiểu nhà này gần như toàn bộ mặt trước được xây bằng gạch. Ở đây xin đưa ra ví dụ nhà số 67 Trần Phú là loại nhà không có ban công. Lối ra vào chính ở tầng một được đặt tại trung tâm của mặt đứng, hai gian bên của cửa ra vào là một hình thức tạm gọi là cửa sổ. Còn tầng hai thì không có ban công mà chỉ có cửa sổ, tuy nhiên có thể thấy rằng số lượng cửa sổ của kiểu nhà này cũng không hoàn toàn cố định. Cụ thể là có các trường hợp từ một đến ba ô cửa sổ. Ở ngôi nhà này thì có hai ô cửa sổ ở tầng hai. Trên tường và bao quanh cửa sổ có đắp những đường phào nhằm giảm bớt tính đơn điệu của một mảng tường lớn. Phần hiên của nhà này rất sâu và trần của mái hiên được làm theo kiểu trần vỏ cua hoành được lộ rõ ra ngoài. Cửa ra vào ở tầng một là loại cửa hai cánh mở vào trong, giống như cửa của các nhà truyền thống một tầng. Hơn thế nữa cửa sổ ở hai bên cũng là loại cửa ván ngang được xếp từ trên xuống. Cửa sổ ở tầng hai là cửa chớp hai cánh không có kính.

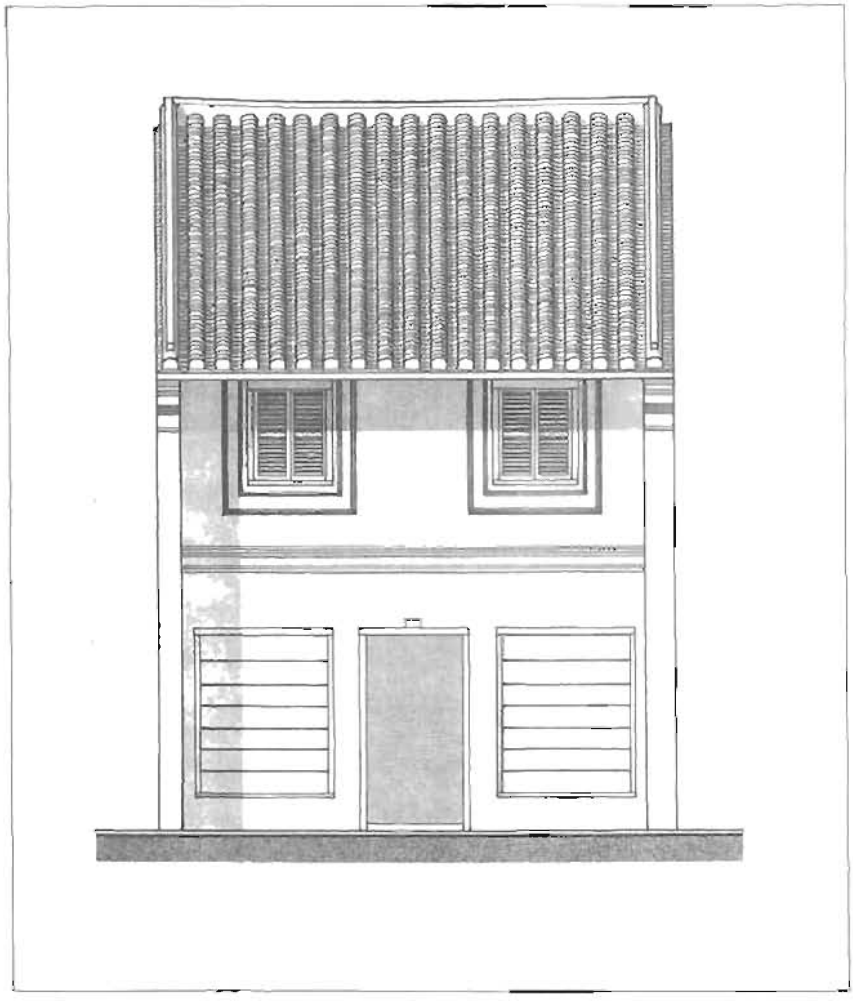

Hình 8.12 Mặt đứng nhà 2 tầng, tường gạch, không có ban công (67 Trần Phú)

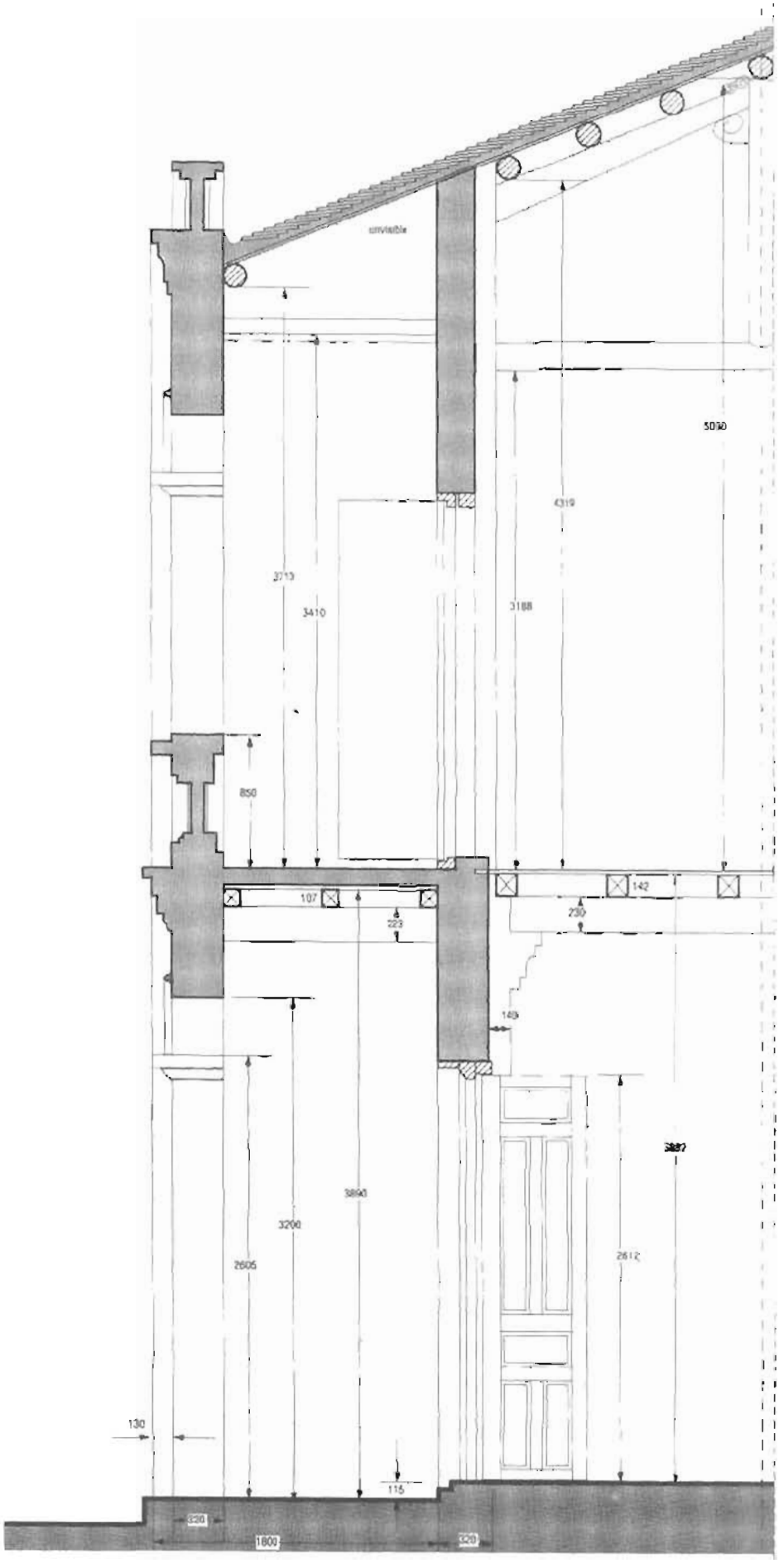

Hình 8.13. Mặt đứng chi tiết kiểu nhà 2 tầng, tường gạch có ban công. Mặt đứng kiểu Pháp (106 Nguyễn Thái Học) 1/40

8.2.f. Kiểu nhà xây dựng theo kiến trúc thời kì Pháp thuộc

Ban công tầng 2 sử dụng gạch hoa lỗ bằng gốm màu xanh, giống cửa sổ nhà 101 Nguyễn Thái Học

Nhà số 106 Nguyễn Thái Học

Đối với những nhà có mặt đứng xây dựng theo kiểu châu Âu thì cả tầng một và tầng hai đều có ban công với hình thức kiểu colonial là phổ biến nhất. Tường được xây toàn bộ bằng gạch và trát vữa, phần lớn các nhà được quét vôi màu vàng. Nhà 106 Nguyễn Thái Học là một điển hình của kiểu nhà này, có chiều sâu tính từ tim tường của ban công là 1,8m (chiều sâu lòng là 1,5m). Mặt đứng nhà được thiết kế theo kiểu ba gian với các bước cột được xác định rất rõ ràng, nối giữa các bước cột được xây theo kiểu vòm. Lan can của ban công tầng hai được xây bằng các viên gạch gốm hoa sứ thủng lỗ màu xanh. Chúng ta cũng sẽ gặp lại hình thức sử dụng mảng xây bằng gạch hoa sứ này ở nhà 101 Nguyễn Thái Học.

Cửa ra vào của tầng 1 là loại cửa ván mở vào trong, ban ngày người ta chỉ sử dụng cửa lừng (mở ra ngoài). Ở một số nhà ở phía trên của cửa này được trang trí theo hình thức tia mặt trời. Cửa sổ là loại cửa panel 4 cánh gấp, phía trong có hoa sắt. Gian giữa ở tầng hai cũng bố trí cửa ra vào bằng cửa chớp hai cánh, còn hai gian bên là cửa sổ chớp. Tất cả các cửa đều được mở ra ngoài.

Lối vào tầng 1

Ban công tầng 2

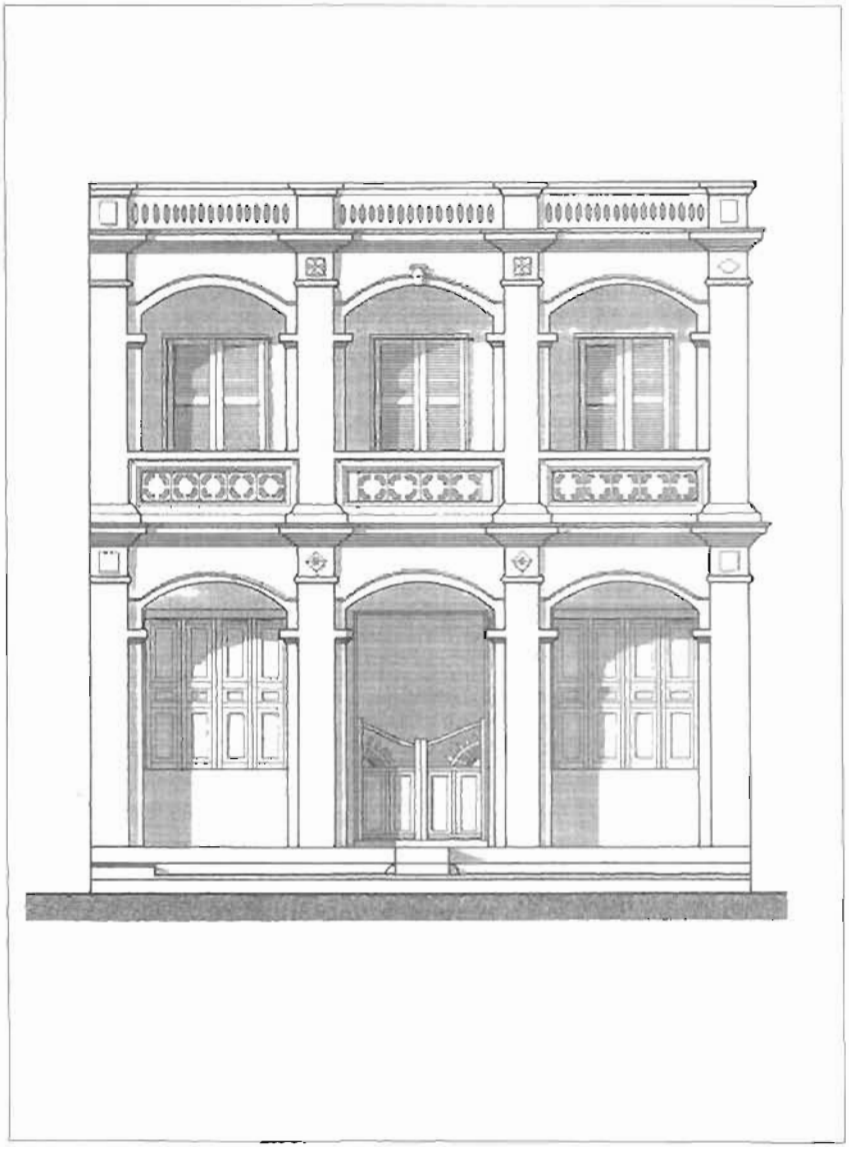

Hình 8.14. Mặt đứng nhà 2 tầng, tường gạch có ban công (106 Nguyễn Thái Học)

8.3. TRANG TRÍ

8.3.a. Vị trí và các hình thức trang trí nào được sử dụng?

Từ trước đến nay hai ngôi nhà nổi tiếng được nhiều người biết đến trong khu phố cổ Hội An đó là nhà 101 Nguyễn Thái Học và 77 Trần Phú. hai ngôi nhà này đều được trang trí điêu khắc rất phong phú. Những ngôi nhà mà điêu khắc không được gọi là "phong phú" thì ở một số vị trí quan trọng của các bộ phận cũng có thể dễ dàng tìm thấy những điêu khắc đơn giản thô mộc. Những bộ phận đó là một phần của kết cấu bộ khung, dường như là một phần tồn tại không thể tách rời khỏi kết cấu. Không dễ dàng gì để có thể thu thập và phân tích một cách có hệ thống những hình thức trang trí bằng điêu khắc này.

Trong giới hạn của cuộc điều tra này đã không thể đi sâu tìm hiểu cặn kẽ những vấn đề liên quan đến kỹ thuật điêu khắc, rồi kết hợp với hệ thống niên đại. Ở đây chỉ xin đưa ra những điều đã thu thập được qua cuộc điều tra này. Trong tương lai hy vọng sẽ có điều kiện để có thể tiếp tục nghiên cứu vấn đề này.

Đầu tiên xin đưa ra hai ví dụ cụ thể về trang trí ở nhà 77 và 80 Trần Phú được đặt ở vị trí nào và hình thức điêu khắc đó như thế nào?

Ý nghĩa của việc trang trí và một số ví dụ thực tế:

Nếu nói về ý nghĩa của những motif trang trí thì sau khi tham khảo tư liệu "L'art à Hue" (Asociation des Amis du Vieux Hue" thì sơ lược thấy rằng có 7 motif đại diện trang trí điêu khắc của Hội An.

1. Hình tia chớp Hi Lạp

Là loại motif có hình xoáy nước được sử dụng rất phổ biến trong trang trí Hi Lạp. Ở Hội An chúng thường được trang trí kết hợp với các hình hoa cỏ, đầu rồng và hình dơi. Kiểu motif này có lẽ được xuất phát từ sự liên tưởng về sự nối tiếp kéo dài của những vòng xoáy đã được áp dụng như một biểu tượng của "Tính vĩnh hằng và sự trường sinh bất lão".

2. Hình chữ Hán

Đối với những motif trang trí sử dụng chữ Hán thì nhiều nhất vẫn là bốn chữ "Phúc", "Lộc", "Thọ", "Hỉ" những chữ này mang ý nghĩa "Hạnh Phúc", "Lộc Tài", "Trường Thọ", "Vui Mừng" và được dùng với ý nghĩa cầu mong mọi điều đều tốt đẹp. Nếu hai chữ "Hỉ" đứng cạnh nhau thì sẽ mang hàm ý cầu chúc cho cặp vợ chồng được hạnh phúc dài lâu.

3. Hình những vật vô tri vô giác

Những vật dùng để trang trí hay được nhìn thấy với số lượng nhiều là "Tam bảo" gồm có bát hương, lư trầm, và bình hoa dùng trong nghi lễ thờ cúng. Hình "Ngũ bảo" cũng gồm các vật như trên nhưng có thêm hai chân đèn. Ngoài ra hình "Bát bảo" thì có rất nhiều giải thích khác nhau như hình quạt, thanh gươm, bầu rượu, giỏ hoa, cái sáo, lọng, ống bút, cuốn thư hoặc là cành trúc, đàn tì bà, hoa sen, có khi lại là đàn sáo, lẵng hoa, thủ kiếm, bầu rượu, khánh quạt cũng được đưa vào các chủ đề trang trí.

Ngoài ra cuộn giấy, vòng tròn tượng trưng cho trái đất được bao bọc bởi những ngọn lửa bừng cháy, bức rèm, dải ruy băng, khói mây, cuộn sóng, tảng đá, vòng tròn.... là những vật thường hay dùng để trang trí. Tất cả những hình thức ấy đều mang một ý nghĩa là đem lại hạnh phúc cho con người.

4. Hình hoa, lá, cành và ngũ quả

Hoa mẫu đơn là loại hoa không thấy có ở Việt Nam, nhưng ở Trung Quốc loài hoa này được coi như là " Nữ hoàng của các loài hoa" đem lại niềm hạnh phúc và sự tươi đẹp. Hơn nữa nó tượng trưng cho tình yêu của người mẹ. Hoa sen nổi tiếng là một loài hoa tượng trưng cho Phật giáo Thích ca, nó có vô số hạt là một tượng trưng của hình ảnh cháu con sung túc. Ở Trung Quốc hoa mai là một motif trang trí được sử dụng một cách rộng rãi nhằm để bảo vệ con người khỏi những ác độc, nhưng trong thơ ca Việt Nam hoa mai được coi như nhành lộc đầu xuân của các gia đình. Cây tre và cây thông cũng mang một ý nghĩa giống như cây bách, là tượng trưng cho sự "bất tử", có lẽ dùng để cầu chúc cho sự trường sinh bất lão. Ngoài ra một vài loại hoa cỏ như hoa cúc, hoa loa kèn đỏ, hoa hướng dương cũng được đưa vào các chủ đề trang trí. Trong các loại quả thì đầu tiên phải nhắc đến quả đào là một tượng trưng của "mỹ đức", mang tính thần bí. Hơn thế nó cũng mang tính trường thọ và tượng trưng cho hạnh phúc. Cây lựu là một loại cây với quả có rất nhiều hạt là tượng trưng cho sự được mùa. Còn ở Trung Quốc thì nó lại hàm ý chúc cho những cặp vợ chồng trẻ sẽ sinh được nhiều con.

Ngoài ra quả lê cũng là một tượng trưng cho sự đông đúc con cháu. Phật thủ, bí đỏ, chanh và nho cũng là biểu hiện của sự được mùa. Cuối cùng, không thể không nhắc đến các bộ tứ như "Tứ hữu" (Đào, cúc, trúc, mai), "Tứ quý" (Bốn mùa: Xuân-đào, Hạ -sen, Thu-cúc, Đông -thông hoặc là Đào, sen, trúc, cúc).

5. Hình rồng

Long, li, qui, phượng là bốn con vật tượng trưng cho sức mạnh tự nhiên siêu thần mà người ta thường hay gọi là "Tứ linh". Tiếp theo sau những con vật này phải kể đến hạc, sư tử, dơi và cá. Ngoài ra lân là con vật được mọi người tôn thờ như là một đối tượng mang tính tôn giáo.

Rồng là vua của các loài sống trong nước, và sức mạnh tự nhiên của nó có thể chi phối trái đất. Khi lấy hình ảnh của rồng là vua của trái đất nghĩa là người ta đã vẽ lên hình ảnh một động vật siêu nhiên biết phân biệt phải trái đem lại hạnh phúc cho người trần gian và sự an bình cho những người thuộc thế giới bên kia. Với cặp sừng nhọn, cặp mắt sắc toàn thân rồng trong dáng bay lượn từ trên xuống với những chiếc vảy dựng đứng và những chiếc móng nhọn hoắt cùng với chiếc đuôi dài tạo nên những vòng nước xoắn xung quanh. Tất cả những điều đó đủ thể hiện sự uy nghiêm, tính cách và vị trí trí của hình tượng rồng trong các loại động vật. Ngoài ra, cũng có khi hình tượng rồng là biểu hiện của nam giới, của đấng trượng phu. Còn trong trường hợp chim phượng được đưa vào đề tài trang trí cùng với rồng thì khi đó chim phượng là một biểu tượng của phái nữ và người vợ, còn rồng sẽ là biểu tượng của người chồng. Trong trường hợp hình rồng được trang trí trên nóc nhà hay ở hai đầu hồi thì lại mang ý nghĩa là cầu mong mưa, bảo vệ con người tránh hoả hoạn và thảm hoạ thiên nhiên. Hình ảnh rồng thường được trang trí kết hợp với sóng, mây, lửa, cá, rắn... trong các đề tài trang trí.

6. Hình dơi

Từ "dơi" trong tiếng Hán được phát âm giống như từ "phúc" cho nên nó trở thành một tượng trưng cho niềm hạnh phúc. Một niềm hạnh phúc hoàn toàn phải được tạo thành từ ngũ tứ của loài dơi. Nghĩa là phải có "Trường sinh thọ", "Phong phú lộc", "Kiện khang ninh", "Du hảo đức", "Khảo chung mệnh". Hình dơi thường hay được trang trí cùng với các hình tròn nhỏ và các dải ruy băng. Ngoài ra cũng kết hợp với cả sự biến hoá của cây cỏ, lá, quả và các hình tia chớp nữa.

7. Cá chép

Trong tiếng Trung Quốc từ "cá" được phát âm trùng với từ "trạch" (cuộc sống vương giả, dư thừa), nên được coi như là một biểu tượng của sự sung túc. Trong tiếng Việt thì không có các từ đồng âm như thế nhưng vẫn được lưu truyền như là một phong tục truyền thống. Ở Hội An, trong tất cả hình thức trang trí sử dụng cá đều dùng cá chép, người ta nói rằng cá chép là biểu hiện của ý chí mạnh mẽ và sự thành công nếu khi nào gặp phải trở ngại khó khăn.

Chống rường

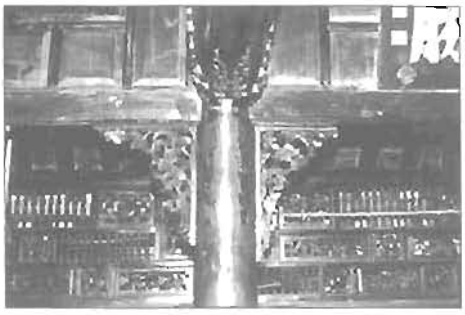

Hình dơi

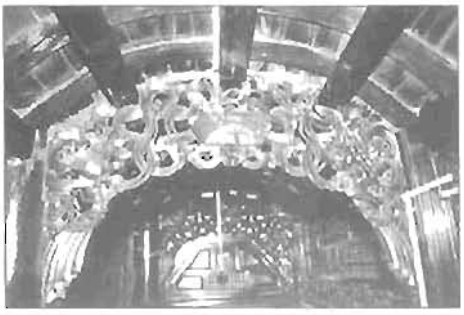

Trần vỏ cua của hiên hướng về sân trong (nhà trước)

Tượng trang trí của nhà cầu

Trang trí hình hươu ở nhà sau

Tượng trang trí của nhà sau hướng về sân trong

Hình 8.17. Nhà số 77 Trần Phú

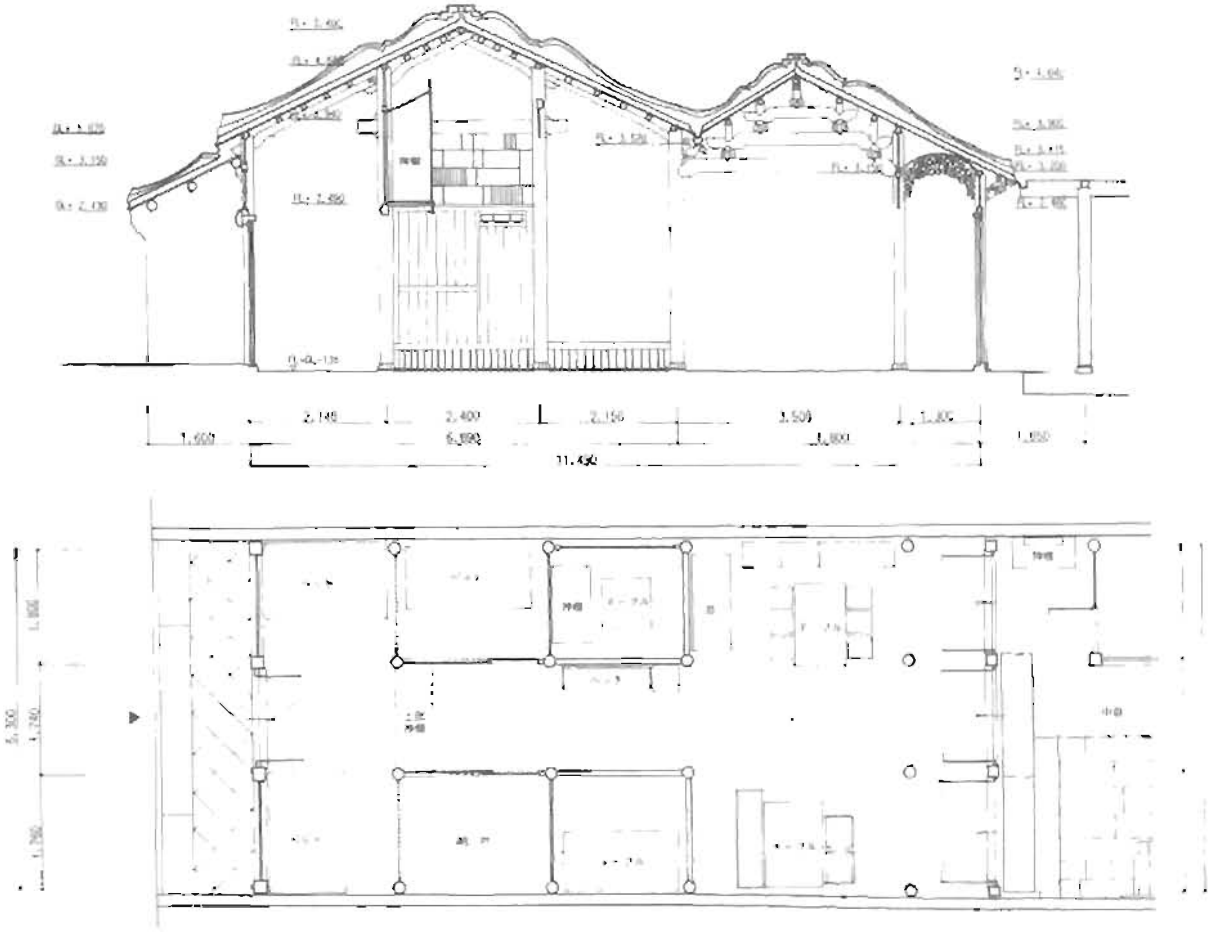

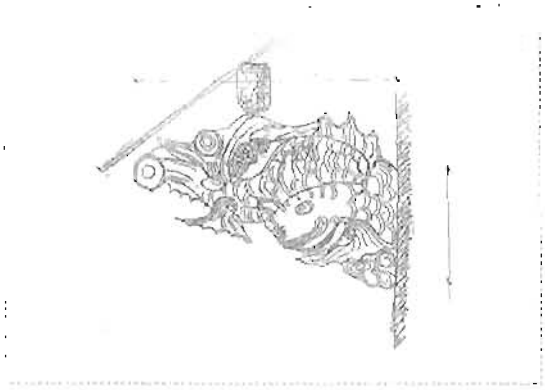

Trang trí hình cá chép (Mái hiên của nhà trước về phía sân trong)

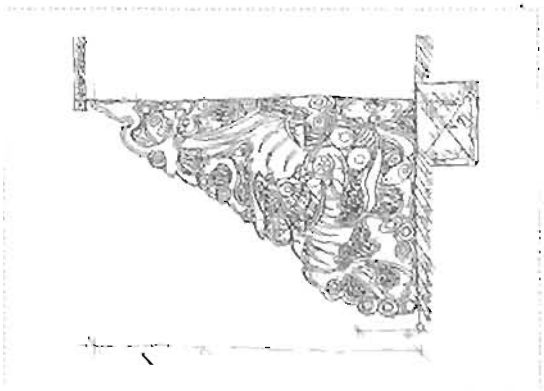

Trang trí hình dơi (Nhà cầu)

Trang trí ở nhà số 77 Trần Phú

Đây là một trong những nhà có trang trí điêu khắc phong phú nhất trong khu phố cổ Hội An. Điêu khắc trang trí tập trung chủ yếu ở bộ vì chồng gường, vì vò cua, nhà trước, nhà cầu, và một phần nhà sau hướng về phía sân trong. Trong các motif trang trí, nổi bật nhất là hình dơi và cá chép ở các tấm ván gió phía dưới các chi tiết kết cấu. Những tấm ván gió có hình dơi được đặt ở những nơi có liên kết của dầm, vì chồng rường với cột, dưới thanh dầm của ban công nhà cầu. Cho dù ở vị trí nào đi nữa thì nó cũng được đặt theo phương nằm ngang nhà. Ngoài ra, với các tấm ván gió trang trí hình cá chép nằm ở vị trí gần với diềm mái phía sau của nhà trước thì được đặt theo phương dọc nhà, có mục đích để đỡ thanh hoành dưới cùng. Còn ván gió nằm dưới con son của ban công tầng hai về phía sân trong của nhà sau lại sử dụng motif trang trí hình hươu. Trong nhà trước, ta có thể thấy những tấm gió nằm dưới vì vò cua, hay mảng tường phía trên cửa ra vào về phía sân trong, ngoài chức năng kết cấu để đỡ các cấu kiện khác, nó còn mang nhiều tính trang trí. Ở nhà cầu và nhà sau, những mảng tường hướng về sân trong (kể cả cửa sổ) đều được trang trí điêu khắc. Motif trang trí ở đây không tập trung vào động vật mà chủ yếu là hoa, cỏ, quả, vật vô tri như "tứ hữu", "tứ quí", "bát quả" được trang trí một cách dày đặc.

Từ những phân tích trên cho phép ta nghĩ rằng chắc chắn phải có một mối quan hệ giữa việc sử dụng các motif trang trí và những vị trí đặt những điêu khắc này. Với những nghiên cứu hiện tại thì chỉ có thể kết luận được là trang trí được tập trung vào những không gian mang tính sinh hoạt chung như phòng khách, sân trong. Trang trí của các tấm ván gió thường là hình thức động vật. Còn ở đuôi của kèo thường được trang trí các vòng mây hoặc vòng nước, đây là một biến thể của hình rồng. Cũng có thể nghĩ rằng trong phạm vi kiến trúc, hình thức trang trí hình động vật luôn là một motif được lưu truyền lại từ cổ xưa. Đối với những trang trí ở các mảng tường thì lại tập trung vào các chủ đề ngoài động vật như chim phượng hoàng, cá, những chú chim nhỏ với mây, sóng, hoa cỏ, quả và những vật vô tri. Tất cả được kết hợp với nhau tạo nên một mảng điêu khắc trang trí có tính chủ định.

Hình 8.18. Ván gió trang trí của nhà 77 Trần Phú 1/120

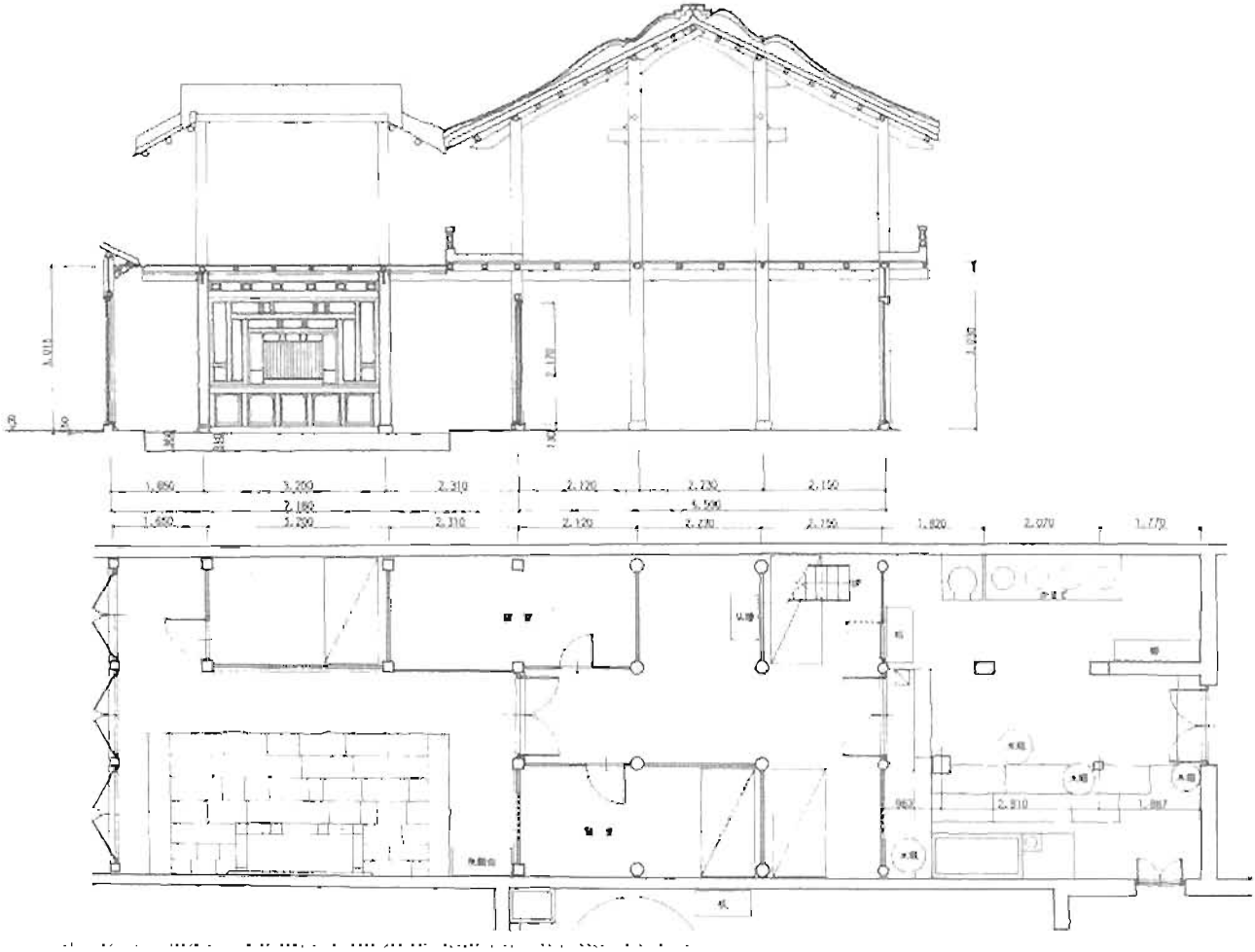

Trần vỏ cua ở ban công tầng 2

Vân hình dơi ở ban công hướng về sân trong của nhà trước

Vân gió hình cá chép, dưới ban công nhà cầu

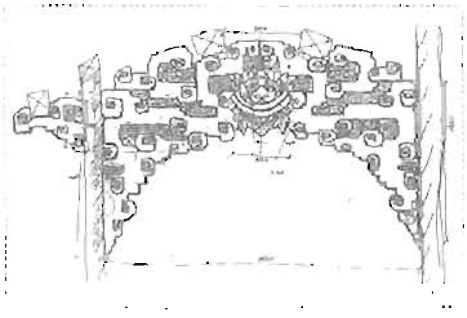

Cùng 1 tỷ lệ

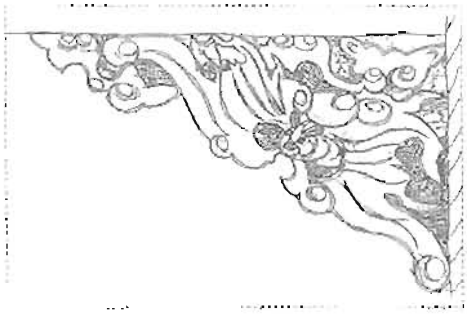

Cùng 1 tỷ lệ

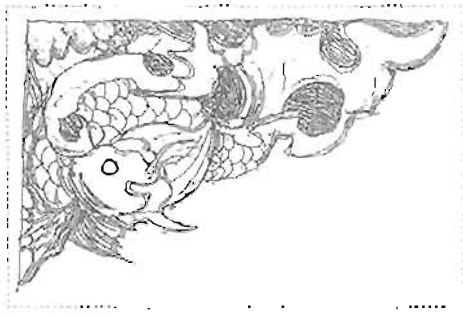

Cùng 1 tỷ lệ

Hình 8.19. Mặt đứng triển khai nhà số 80 Trần Phú*

(Bản vẽ của Trung tâm thiết kế và tu bổ di tích)

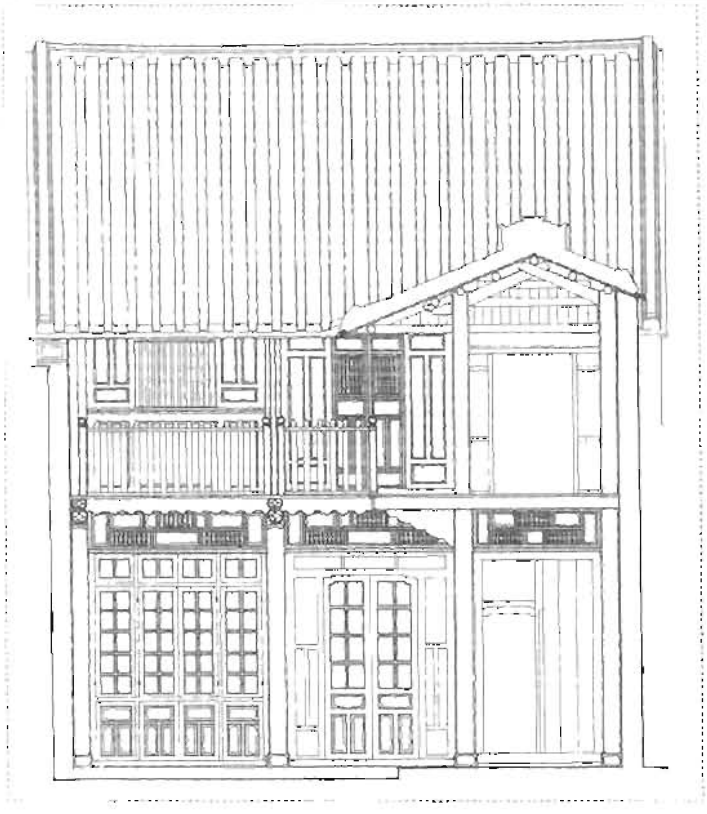

Nhà trước, mặt đứng phía sân trong

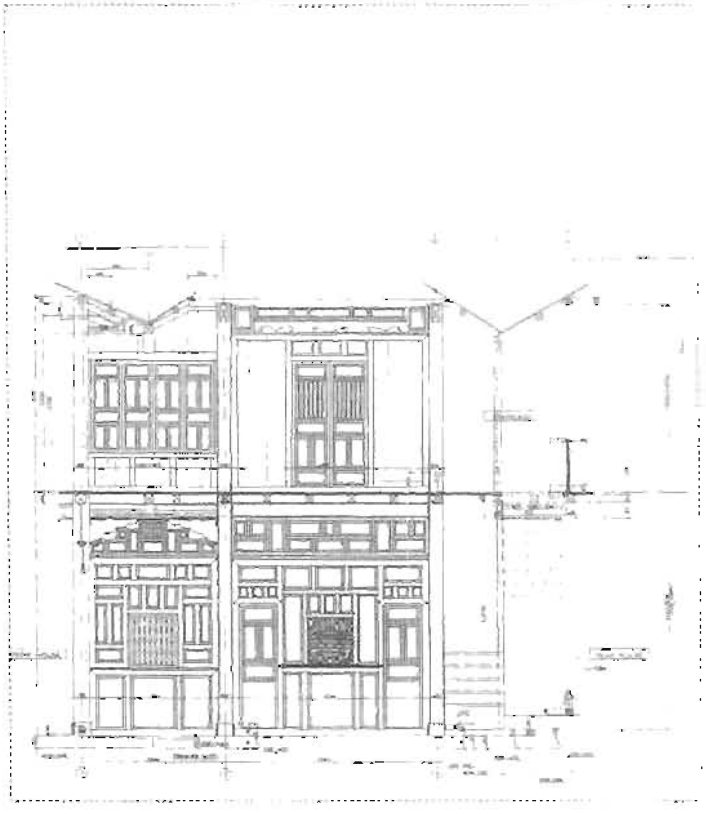

Nhà cầu, mặt đứng phía sân trong (Bản vẽ của Masuda Seijro)

Trang trí ở nhà số 80 Trần Phú

Ngôi nhà này có niên đại xây dựng muộn hơn nhà 77 Trần Phú, nhưng cũng được trang trí điêu khắc rất phong phú và là một ngôi nhà có giá trị cao về mặt kiến trúc. Ở ngôi nhà này điều làm chúng ta để mắt đến đầu tiên là điêu khắc của tấm đỡ dưới mái vỏ cua ở ban công tầng 2. Ở đây giữa một mảng điêu khắc bằng các tia chớp Hy Lạp và hình đầu rồng vẽ trong một hình bông hoa đã được cách điệu.Có thể cho rằng nó mang ý nghĩa cầu chúc cho mọi công việc trong gia đình được an khang lâu dài. Khi quan sát ở trong nhà chúng ta cũng sẽ cảm nhận được một cảm giác giống như nhà 77 Trần Phú đó là các yếu tố điêu khắc được tập trung ở các không gian tiếp khách của nhà trước, mặt đứng hướng về sân trong của nhà trước nhà cầu và nhà sau.Có thể nhìn thấy những tấm ván đỡ hình đơi phía sân trong được đặt theo phương dọc nhà, còn tấm ván đỡ có hình cá chép thì được đặt theo phương ngang nhà. Xung quanh bốn cột cái của nhà trước cũng có những tấm ván đỡ trang trí bằng hình cây lựu, ở đây cũng chỉ có phần gian giữa hướng về phía và gần với sân trong là được trang trí, có thể nói rằng nó biểu hiện rõ ràng tính chú trọng việc trang trí cho không gian tiếp khách. Ở trung tâm bức tường hướng về phía sân trong của nhà cầu có một cửa sổ hình tròn có điêu khắc mà ta có thể liên tưởng đến chữ "Hỉ" và ở bốn góc là những tấm hình tam giác khắc hình đơi và cá chép. Lên đến tầng hai thì các yếu tố mang tính trang trí trở nên ít hẳn đi, hầu như chỉ được trang trí ở mức độ hạn chế như ở cuối đuôi kèo với những vòng tròn xoắn mà thôi. Ở nhà sau motif trang trí là hình hươu, ở nhà trước những tấm đỡ phía dưới vì vỏ cua, hay mảnh tường phía trên cửa ra vào hướng về phía sân trong thì ngoài chức năng để đỡ các cấu kiện, có thể nói chúng mang tính chất trang trí nhiều hơn. Ở nhà cầu và nhà sau thì những mảnh tường hướng về sân trong (kể cả cửa sổ) đều được trang trí điêu khắc. Những motif trang trí ở đây không tập trung vào động vật mà chủ yếu là hoa cỏ, quả, những vật vô tri như "tứ hữu", "tứ quí", "tứ bảo", "bát quả", được trang trí một cách dầy đặc.

Từ những phân tích ở trên cho phép ta nghĩ rằng chắc chắn phải có một mối liên quan giữa việc sử dụng các motif trang trí và vị trí đặt những điêu khắc này. Với những nghiên cứu hiện tại thì chỉ có thể kết luận được là trang trí được tập trung vào những không gian mang tính công khai như không gian tiếp khách.

Đối với nhà 80 Trần Phú thì vì nóc chỉ là kiểu kèo chồng chứ không sử dụng chồng giường như ở nhà 77 Trần Phú. Cũng có thể nghĩ rằng đây là một lý do để có thể giảm bớt các yếu tố mang tính trang trí. Nghĩa là dường như có một mối liên quan nào đó với việc nhìn thấy quá nhiều yếu tố trang trí của kiến trúc, văn hoá Trung Quốc.

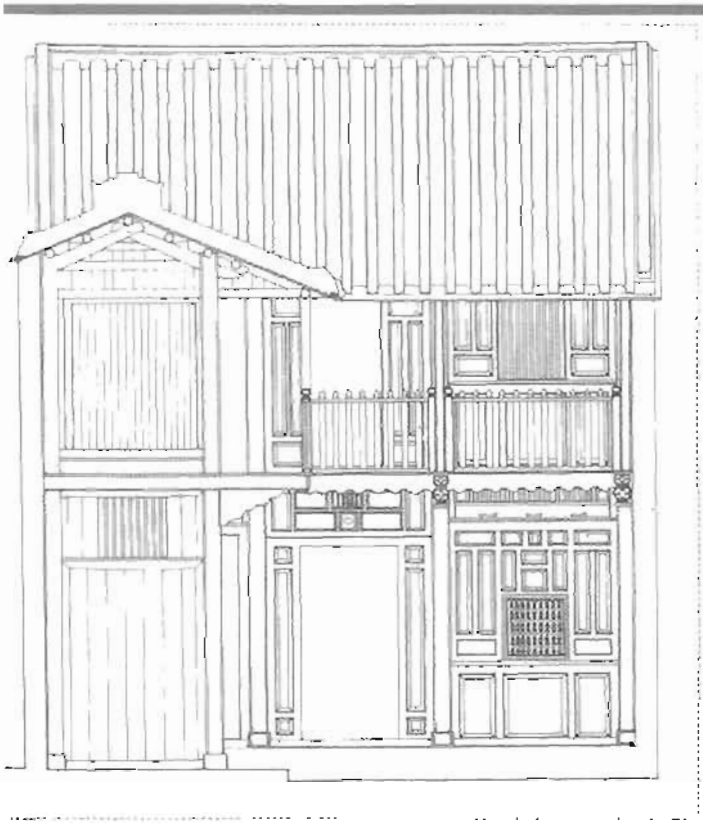

Nhà sau, mặt đứng phía sân trong*

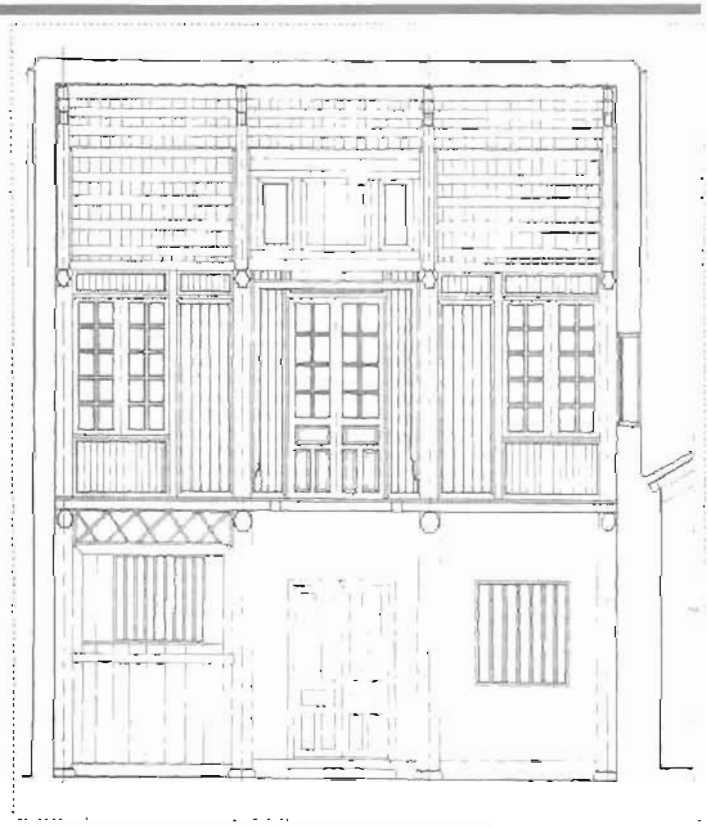

Nhà sau, mặt cắt ngang triển khai (nhìn từ phía bắc)*

8.3.b. TRANG TRÍ TRÊN KẾT CẤU

Dưới đây chỉ xử lý dựa trên phạm vi giới hạn một vài cấu kiện đã được tìm hiểu.

Xuyên, trính (dầm)

Tiến hành quan sát từ những cấu kiện mang tính kết cấu về tiết diện thanh trính nối giữa hai cột cái theo phương dọc nhà thì cũng đã phân ra được một số kiểu tiết diện khác nhau như hình vẽ. Phổ biến nhất vẫn là kiểu tiết diện ở hai bên hơi phình ra một chút, nhưng cũng nhìn thấy những kiểu tiết diện hình tròn, tiết diện ở giữa thót lại và lại phình ra đầu trên và dưới theo dạng hình thang.... Sau khi trính được lắp vào cột bằng mộng được tạo sẵn trên cột thì người ta đóng vào phần đầu dư của trính một đinh giữ bằng gỗ rất to, tuy chiếc đinh này có vai trò rất lớn trong việc làm ổn định khung nhà vậy mà chúng ta vẫn nhìn thấy nó cũng có ý nghĩa mang tính trang trí (điều này có thể đúng trong lĩnh vực nghệ thuật). Phần lớn các đầu dư của trính có tiết diện hình chữ nhật không được trang trí, nhưng thỉnh thoảng cũng nhìn thấy một số đầu dư được tiện tròn mang tính trang trí.

Kèo

Chỉ riêng việc ngay từ đầu kèo đã được làm hơi cong đi cũng đủ để thấy nó mang tính trang trí, hơn nữa, trên thanh kèo cũng được chạm khắc rất nhiều hình trang trí khác. Giống như tiết diện của trính, tiết diện kèo cũng rất đa dạng. Như vậy khi nhìn từ mặt bên của thanh kèo có một đường gân nhô hẳn lên uốn theo hình cong của thanh kèo dường như muốn diễn tả một sức mạnh đang tuôn chảy. Phía trên đuôi của kèo nơi kê đầu của thanh kèo kế tiếp đều được trang trí những hoa văn hình tròn xoắn. Phần lớn những cấu kiện có điêu khắc sâu là những cấu kiện dài có hình dáng lồi lõm và tiết diện thay đổi, còn những hình mây, cây cỏ hay hoa văn thì chỉ tập trung mang tính trang trí mà thôi.

Kết cấu chống rường

Ở trên những thanh dầm và trụ của vì chống giường đỡ mái phụ thường được điêu khắc rất phong phú. Ngay cả trên chi tiết ít được trang trí nhất như là các trụ chống thì cũng được chạm thành hình quả bầu nhiều cạnh hay hình quả cầu, còn mặt dưới của các thanh dầm cũng được chạm những hình rất tỉ mỉ và tinh vi. Điểm này rất giống với các thanh trính ngang lớn và các trụ đôi lớn tại các công trình đền chùa của Nhật Bản, chỉ có độ cong của chúng lớn hơn ở Nhật. Đối với những nhà được trang trí điêu khắc phong phú thì thanh trính thường được trang trí motif hình mây và cây cỏ, còn trên các cột đôi lại được trang trí hình vảy cá.

Hình 8.20. Tiết diện trính

Trang trí hình cuộn sóng điển hình ở đầu và đuôi kèo

8.4 BÀN THỜ PHẬT, BÀN THỜ TỔ TIÊN, AM THỜ THẦN

Ở trong nhà tại các vị trí khác nhau được đặt ban thờ một vị thần khác nhau. Cuộc điều tra tháng 9 năm 1994 đặc biệt chú ý đến việc điều tra về vị trí, thể loại, của các loại bàn thờ Phật, tổ tiên hay am thờ thần. Dưới đây tại những vị trí khác, xin tóm tắt giải thích về vai trò của những bàn thờ khác.

Bàn thờ của nhà 77 Trần Phú, đặt ở không gian của nhà phụ, ngay sau nhà trước

Bàn thờ của nhà 22 Nguyễn Thái Học (kiểu nhà 2 tầng có ban công, không có nhà phụ) được đặt ở tầng 1 của nhà sau

8.4.a. Bàn thờ tổ tiên

Trong những ngôi nhà ở Hội An thì bàn thờ tổ tiên bao giờ cũng được coi trọng nhất. Đối với những người mới qua đời trong vòng ba năm đầu thì người ta lập một bàn thờ riêng, hết thời gian này họ mới được đưa lên cùng thờ với bàn thờ chung của tổ tiên.

Ở những nhà truyền thống một tầng thì bàn thờ tổ tiên được đặt ở phần mái phụ của nhà trước hoặc trung tâm của nhà sau, còn ở nhà hai tầng thì cũng có những trường hợp đặt ở tầng hai. Đối với những nhà mới xây gần đây thì thường thấy bàn thờ được đặt ở tầng cao nhất.

8.4.b. Am thờ thần

Trên cửa hay lối ra vào hoặc ngay bên cạnh lối đi, trên tường hối hai bên hay bất cứ chỗ nào quan trọng đều có thể nhìn thấy chiếc am thờ Quan Công, Bồ Tát, Thiên Hậu, Quan Âm thậm chí là cả am thờ Thiên chúa giáo nữa. Nhưng to và đẹp nhất vẫn là am thờ được treo ở không gian phía trên của bốn cột cái của nhà trước, am thờ này cũng không loại trừ để thờ những vị thần đã nêu ở trên. Quan Công là vị quan võ, một trong tam đại thần được nói đến trong Tam Quốc Chí. Còn Thiên Hậu là vị thần không thể thiếu được trong các khu phố của người Hoa, người ta kể rằng Thiên Hậu sinh năm 960 tại tỉnh Phúc Kiến, là một cô gái trong trắng, nhưng năm 27 tuổi cô đã chết trong bãi hạnh, sau này cô được tôn làm thần.

Bảng 8.1. Các loại thần thờ trong nhà ở

	Số nhà	Tại	Hoả	Thuỷ	Cổng	Nhà	Không Khí	Ngũ thần	Quan công	Phật	Nữ thần	Thiên chúa	Thần khác	Tổng số	Ban thờ tổ tiên	Ban thờ Phật
Không có cải tạo	108	Cửa hàng												0	●	
	122	sản xuất	●										Chủ tịch HQM	2	●	
	126													0	●	
	130	●	●				●	●		●	●			6		
	134		●								●			2	●	
	136	ở											trên tủ	1	●	●
	95	●	●											2	●	
	99	●	●	●						●				4		
	101	cho thuê cửa hàng	●											1	●	●
	103	●	●●	●●	●		●		●		●	●	Trện ban thờ	11	●	●
	105	●	●						●			●		2	●	
	113	ở	●										Trên lối đi	2	●	
	115	ở	●											1	●	
	117	●	●	●	●					●				5	●	
	119	ở	●										Giữa vì kèo	2	●	
	123a	●	●								●			3	●	
	123b	ở	●			●								2	Riêng biệt	
	125	●	●		●	●								4	●	●
	129	ở	●		●●	●								4	●	●
	131	ở												0	●	
● Số / số nhà		0.40	0.85	0.20	0.25	0.15	0.10	0.05	0.10	0.15	0.20	0.10	0.25	2.70	0.85	0.25

8.4.c. Thần tự nhiên

Ngoài ra trong nhà còn có am thờ một vài vị thần khác như:

*** Thần tài**

Đối với những nhà có cửa hàng thì chắc chắn sẽ có một am thờ Thần tài đặt trên sân nhà trước hướng ra phía đường. Ở trong am thờ có hai vị thần tài, hai bên viết "Ngũ phương ngũ thổ long nhân" và "Tiền hậu địa chủ thổ thần".Tại những nhà không có cửa hàng cũng có một số nhà đặt am thờ này để cầu mong sung túc về tiền bạc.

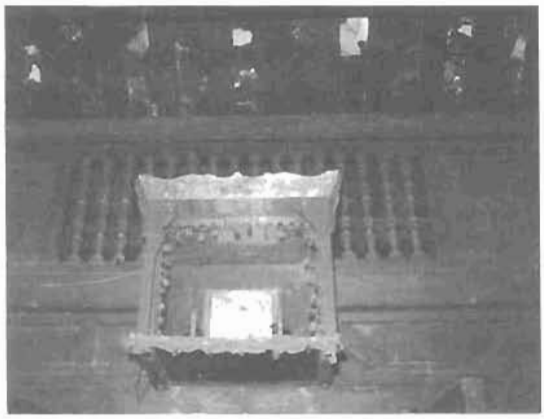

Ban thờ phía trên cửa

*** Thần lửa (Thần bếp)**

Hầu hết tất cả các nhà đều có am thờ này đặt ở trong bếp. Am thờ này thường đặt ngay ở phía trên của bếp lửa.

*** Thuỷ thần (Thần giếng)**

Am thờ này được đặt ở cạnh bức tường gần giếng nhất. Thường ở độ cao ngang tầm ngực.

*** Thần cổng**

Đi trên đường phố Hội An sẽ bắt gặp mùi hương được toả ra từ những nắm hương được cắm ở trên cột phía trước nhà đó là tượng trưng cho thần cổng.

*** Thần nhà**

Ở Nhật Bản chưa bao giờ nghe tới vị thần này.Trong lúc điều tra thấy một bàn thờ được đặt trên nóc tủ nhưng lại hoàn toàn không có ảnh. Khi hỏi chủ nhà thì được trả lời là đó là bàn thờ "Thần nhà", bàn thờ này thường được đặt cao ngang tầm mắt. (Chỉ có một trường hợp như vậy nên rất khó để có thể phân biệt rõ ràng).

*** Thần không khí**

Cũng giống như thần nhà,vị thần này không có trong tập quán của người Nhật Bản. Am thờ thường được đặt ở trên tầng thượng hoặc chỗ cao nhất trong khuôn viên của nhà. Cũng có khi người ta đặt nó ở gần bức tường gần với giếng và bồn hoa trong vườn, dường như không phân biệt được rõ ràng am thờ thần không khí cao hơn am thờ thuỷ thần.

*** Ngũ thần**

Chỉ trừ thần tài, còn năm vị thần đã liệt kê trên được gọi là "ngũ thần", có trường hợp người ta lập một am thờ chung cho năm vị này ở vị trí cao nhất trong nhà (có vị trí sát với trần và vì nóc). Hình vẽ dưới đây biểu hiện vị trí của các am thờ thần trong nhà ở có khuôn viên gồm cả nhà trước và nhà sau đều là một tầng.

Ban thờ thần bếp (thần lửa)

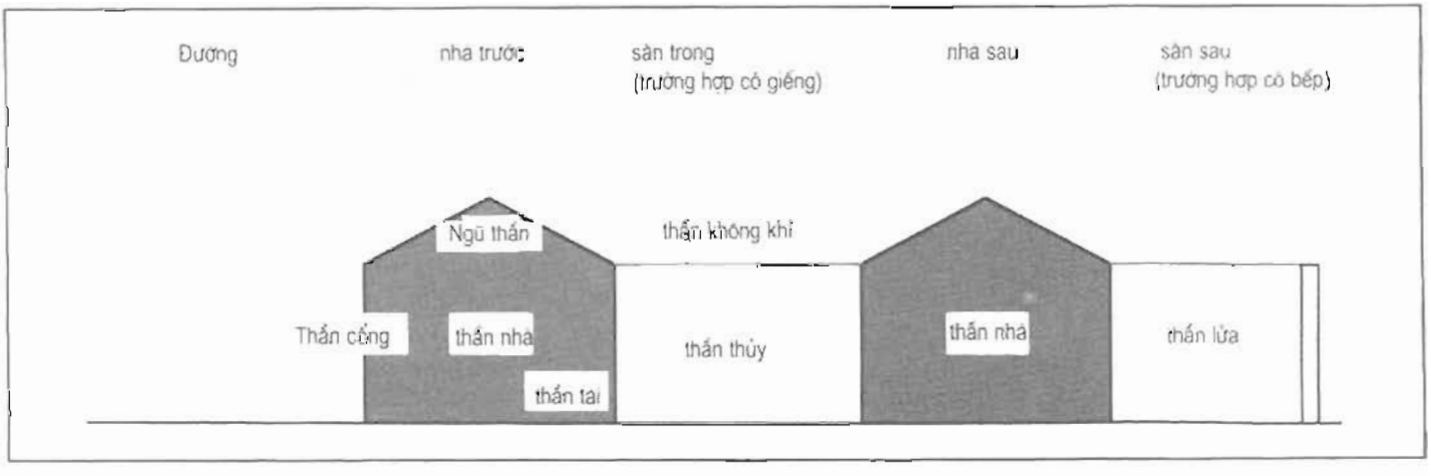

CHƯƠNG 9: HÌNH THỨC KIẾN TRÚC VÀ SỰ BIẾN THIÊN NIÊN ĐẠI

9.1 SỰ PHÂN BỐ CÁC HÌNH THỨC KIẾN TRÚC TRONG KHU PHỐ CỔ

9.1.a. Phân loại các công trình kiến trúc

Về các kiểu nhà trong khu phố cổ Hội An, chúng tôi đã xuất phát từ việc phân loại theo mặt đứng, tiếp đến là phân tích các yếu tố cấu thành mặt bằng, mặt cắt và kết cấu, cho đến việc hoàn thiện phần mái và tường hồi. Tổng hợp các phần đã nêu trên, ta có thể nói rằng với các hình thức mặt đứng khác nhau thì các yếu tố được liệt kê sau đó cũng biểu hiện những đặc trưng khác nhau và không có yếu tố nào mang tính quyết định một cách triệt để. Do đó, mặt đứng (và sự cấu thành mặt cắt) là yếu tố quan trọng trong việc phân loại kiểu nhà.

Ở phần đầu của chương 5 đã đề cập đến việc phân loại theo hình thức mặt đứng và đã đưa ra được kết luận về loại nhà một tầng có hai lớp mái phía trước (mái hiên độc lập) là những nhà đa số đã bị sửa lại, cần phải đưa kiểu nhà này vào kiểu nhà "một tầng/ tường gỗ". Cũng có những nhà có sàn tầng hai nhưng không có cửa sổ ở phía trước, như nhà 53 Trần Phú thì cũng là kiểu nhà "một tầng/ tường gỗ" đã bị cải tạo.

Nếu xem xét trên tổng thể, so sánh kiểu nhà "một tầng/ tường gỗ" với những kiểu nhà khác thì các yếu tố khác có xu hướng biểu hiện tập trung hơn. Cụ thể như về sự phân bố cột theo chiều sâu của nhà thì giá trị tỷ lệ giữa gian cột cái trên toàn bộ chiều sâu được tập trung trong khoảng giá trị rất hẹp là 0.33 ~ 0.39 và hầu như 100% số hoành (tính từ phía đường vào) được phân bố theo kiểu 4-5-4. Không có đến 20% trong số ví dụ của nhà này có hiện tượng giảm bớt cột ở phía hai bên sát với tường hồi. Một đặc trưng nữa của kiểu nhà này là toàn bộ cột đều là cột tròn điều này không tìm được ở những kiểu nhà khác.(Tuy nhiên cũng có ở một số nhà cột ngay sát với đường là cột vuông).Đối với những cột vuông ở những nhà nổi tiếng như nhà 48, 77, 85 Trần Phú đều là những cột đã được thay mới sau này. Có tới trên 80% là kết cấu kèo chồng, khoảng gần 50% ở vì nóc không có cột đội và 80% hoành và xà liên kết đầu cột là hai kết cấu riêng biệt.

Đối với kiểu nhà "một tầng/ tường gạch" thì cũng biểu hiện một xu hướng gần giống như kiểu nhà "một tầng/ vách gỗ", tuy nhiên điều đặc biệt khác giữa hai nhà này là cột cái được làm rộng hẳn lên nên giá trị tuyệt đối và sự phân bố của giá trị tỷ lệ giữa chiều sâu gian chính với toàn bộ chiều sâu của nhà cũng phân bố trên phạm vi rộng hơn (nếu như giá trị của kiểu nhà trên chỉ tập trung trong khoảng 0.33 ~ 0.39 thì kiểu nhà này được phân bố trong phạm là 0.34 ~ 0.43). Hoàn toàn có thể giả thiết theo hai hướng đối với nhà một tầng tường gạch trước kia là vách gỗ sau này mới cải tạo thành tường gạch.

Kiểu nhà "hai tầng có hiên độc lập" là kiểu nhà có số lượng ít. Nhưng trong loại nhà hai tầng thì đây là kiểu nhà mà các giá trị của nó biểu hiện theo chiều hướng tập trung và có sự phân bố cột rất giống với kiểu nhà một tầng. Nếu xét về bộ vì kết cấu thì rất đa dạng, dường như đây là hình thái của giai đoạn chuyển thể giữa loại nhà một tầng và hai tầng.

Kiểu nhà "hai tầng/ tường gỗ/ có ban công" là kiểu nhà đối ngược hẳn với kiểu nhà "một tầng/ tường gỗ". Trong tất cả các kiểu nhà thì đây là kiểu nhà có qui mô lớn nhất, cả chiều sâu và chiều ngang của gian cột cái đều lớn, đặc biệt là chiều sâu. Giá trị tỷ lệ giữa chiều sâu của gian cột cái với toàn bộ chiều sâu nhà cũng rất lớn. Điều này ít nhiều có liên quan đến việc hầu như toàn bộ kết cấu vì nóc đều có thanh cột đội. Có đến một nửa số nhà là dạng kèo suốt chứ không phải là kèo chồng. Cột nằm về phía đường bao giờ cũng là cột vuông. Hoành và xà đầu cột hầu như được kết hợp với nhau thành một kết cấu.

Bảng 9.1. Tóm tắt số liệu của các kiểu nhà

- Nhà 1 tầng, tường gỗ
  - Mặt trước
    - Không có cột hiên: 53.3%, trần hiên phần lớn là đuôi kèo
    - Có cột hiên: 26.7%, trần hiên phần lớn là đuôi kèo, đa số có 3 hoành
    - Mái giật cấp: 20%, trần hiên: kèo, hoành
  - Phân bố cột
    - Chiều sâu: TB 6.79m (phân tán 1.621)
    - Chiều ngang: TB 6.07m (phân tán 0.905)
    - Tỷ lệ gian giữa 28.5% (phân tán 28.5)
    - Tỷ lệ gian giữa (chiều ngang/chiều sâu) TB 0.695, tập trung trong khoảng 0.7-0.8
    - Trốn cột sát tường bên: 14,3%, ít trường hợp trốn cột ở vị trí khác
  - Vì kèo: kèo chống 80%, kèo suốt (không ngắt đoạn) 20%
  - Cột đội: trường hợp không có cột đội 60%, có cột đội 40% trong đó 90% là không có liên kết kèo nóc
  - Hoành và xà đầu cột: 71.4% tách biệt, số lượng hoành 4-5-5 chiếm đa số

- Nhà 1 tầng tường gạch
  - Mặt trước
    - Không có cột hiên: 69%
    - Có cột hiên: 19%,
    - Mái giật cấp: 11.9%
  - Phân bố cột
    - Chiều sâu: TB 6.62m (phân tán 327), tỷ lệ gian giữa 34.3% (phân tán 0.66)
    - Chiều ngang: TB 6.10m (phân tán 0.748), Tỷ lệ gian giữa 29.3% (phân tán 0.244)
    - Tỷ lệ gian giữa (chiều ngang/chiều sâu) TB 0.785, tập trung trong khoảng rộng từ 0.5-1.0
    - Trốn cột sát tường bên: 26.3%, trốn toàn bộ cột: 12,5%
  - Vì kèo: kèo chống 48.3%, kèo suốt (không ngắt đoạn) 31%, không có kèo: 20.7% (chỉ có hoành đỡ mái)
  - Cột đội: trường hợp không có cột đội 36.4%, có cột đội 63.7% trong đó có liên kết kèo nóc 64.3%
  - Hoành và xà đầu cột: 70.0% tách biệt

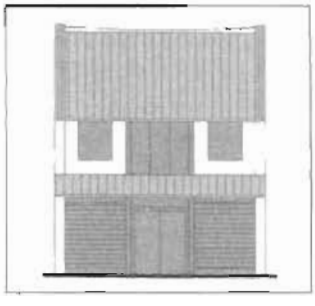

- Nhà 2 tầng, mái hiên độc lập
  - Phân bố cột
    - Chiều sâu: TB 6.95m (phân tán 1.281), tỷ lệ gian giữa 40.9% (phân tán 0.769)
    - Chiều ngang: TB 6.10m (phân tán 0.669), Tỷ lệ gian giữa 31.6% (phân tán 0.301)
    - Tỷ lệ gian giữa (chiều ngang/chiều sâu) TB 0.691, tập trung trong khoảng rộng từ 0.5-0.9
    - Trốn cột sát tường bên: 22.2%, ít trường hợp trốn cột ở vị trí khác
  - Vì kèo: kèo chống 44.4%, kèo suốt (không ngắt đoạn) 44.4%, không có kèo: 11.1% (chỉ có hoành đỡ mái)
  - Cột đội: trường hợp không có cột đội 37.5%, có cột đội 62.5% trong đó có liên kết kèo nóc 20%
  - Hoành và xà đầu cột: 33.3% tách biệt

Kiểu nhà "hai tầng/ tường gạch/ có ban công" so với kiểu nhà một tầng tường gỗ và tường gạch thì kiểu nhà này càng không giống với kiểu nhà hai tầng tường gỗ. Qui mô nhà bé, chiều sâu của gian cột cái, giá trị tuyệt đối và sự phân bố của giá trị tỷ lệ giữa chiều sâu của gian cột cái với toàn bộ chiều sâu nhà nói chung rất gần với những chỉ số của loại nhà một tầng.Tuy nhiên có rất nhiều nhà có hiện tượng trốn cột ở vị trí sát với tường hồi và ở các bộ vì gian giữa, ngoài ra hoành và xà đầu cột được làm chung thành một cấu kiện. Tuy nhiên, cho đến nay ta cũng chưa tìm thấy một ngôi nhà nào gây được ấn tượng đặc biệt.

Kiểu nhà "hai tầng/ tường gạch/ không có ban công" nếu so sánh với hai kiểu nhà hai tầng nói trên thì qui mô của những ngôi nhà kiểu này nhỏ hẳn đi, chiều rộng của gian cột cái theo chiều sâu nhà có giá trị gần với giá trị của loại nhà một tầng.Tuy nhiên giá trị đó không đồng đều.

Kiểu nhà có mặt đứng xây dựng theo hình thức kiến trúc Pháp: Nói chung kiểu nhà này có qui mô khá lớn và đa số được xây dựng với dạng mặt bằng 3 gian x 3 gian. Đối với những nhà xây dựng theo kiểu 3x3 này thì tỷ lệ giữa chiều sâu của gian cột cái trên toàn bộ chiều sâu nhà tập trung ở giá trị 1/3. Điều này ít nhiều có liên quan đến việc rất nhiều nhà sử dụng kèo suốt, và đây

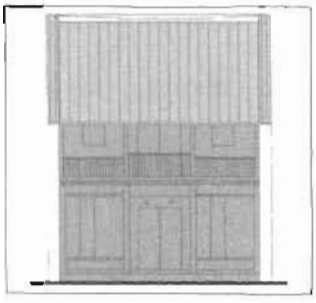

Nhà 2 tầng, tường gỗ có ban công
- Phía sân trong có ban công: 56%
- Phân bố cột:
+ Theo chiều sâu: TB 9.01% (Phân tán 2.202), tỷ lệ gian giữa 40.9% (Phân tán 1.109)
+ Theo chiều ngang: TB 6.31% (Phân tán 1.030), tỷ lệ gian giữa 33.4% (Phân tán 0.421)
+ Tỷ lệ gian giữa (chiều ngang/chiều sâu): TB 0.603, trong khoảng từ 0.3-0.9)
+ Trốn cột ở tường bên: 17.4%, trốn cột cái: 13.0%, trốn toàn bộ cột: 8.7%
- Vì kèo: kèo chống 52.4%, kèo suốt (không ngắt đoạn) 23.8%, không có kèo (chỉ có hoành mái) 23.8%
- Cột đội: không có cột đội 18.6%, có cột đội 81.3% trong đó có liên kết kèo nóc 76.9%
- Hoành và xà liên kết đầu cột: 11.1% tách biệt, phần lớn hoành và xà được kết hợp thành 1 kết cấu

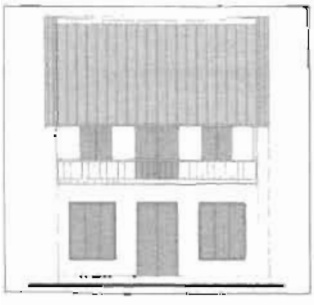

Nhà 2 tầng tường gạch có ban công
- Phía sân trong có ban công: 37.5%
- Phân bố cột
+ Theo chiều sâu: TB 7.56% (Phân tán 2.420), tỷ lệ gian giữa 37.6% (Phân tán 1.040)
+ Theo chiều ngang: TB 5.43% (Phân tán 0.799), tỷ lệ gian giữa 33.7% (Phân tán 0.345)
+ Tỷ lệ gian giữa (chiều ngang/chiều sâu): TB 0.689, trong khoảng từ 0.4-1.0)
+ Trốn cột ở tường bên: 27.8%, trốn toàn bộ cột: 27.8%
- Vì kèo: kèo chống 35.3%, kèo suốt (không ngắt đoạn) 41.2%, không có kèo (chỉ có hoành mái) 23.5%
- Cột đội: không có cột đội 30.8%, có cột đội 69.2% trong đó có liên kết kèo nóc 55.6%
- Hoành và xà liên kết đầu cột: không có trường hợp tách biệt

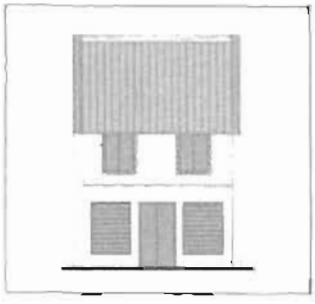

Nhà 2 tầng, tường gạch, không có ban công
- Phía sân trong có ban công: 39.3%
- Phân bố cột:
+ Theo chiều sâu: TB 9.38% (Phân tán 2.050), tỷ lệ gian giữa 43.9% (Phân tán 1.196)
+ Theo chiều ngang: TB 6.52% (Phân tán 1.365), tỷ lệ gian giữa 36.1% (Phân tán 0.650)
+ Tỷ lệ gian giữa (chiều ngang/chiều sâu): TB 0.599, trong khoảng rộng từ 0.3-1.0)
+ Trốn cột ở tường bên: 46.2%, trốn toàn bộ cột: 34.6%
- Vì kèo: kèo chống 55.2%, kèo suốt (không ngắt đoạn) 13.8%, không có kèo (chỉ có hoành mái) 31.0%
- Cột đội: không có cột đội 30%, có cột đội 70% trong đó có liên kết kèo nóc 21.4%
- Hoành và xà liên kết đầu cột: 50% tách biệt

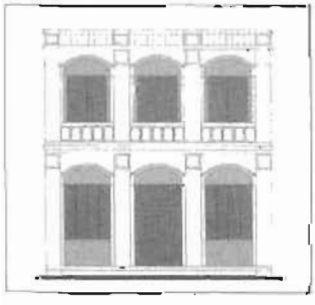

Nhà 2 tầng, mặt đứng kiểu Pháp
- Phía đường có ban công: 74.2%
- Phía sân trong có ban công: 25.8%
- Phân bố cột:
+ Theo chiều sâu: TB 9.46m (Phân tán 1.095), tỷ lệ gian giữa 33.6% (Phân tán 0.614)
+ Theo chiều ngang: TB 7.60m(Phân tán 1.733), tỷ lệ gian giữa 30.3% (Phân tán 0.697)
+ Tỷ lệ gian giữa (chiều ngang/chiều sâu): TB 0.746, trong khoảng rộng từ 0.4-1.0
+ Trốn cột ở tường bên: 48.3%, trốn toàn bộ cột: 31%
- Vì kèo: kèo chống 55.2%, kèo suốt (không ngắt đoạn) 13.8%, không có kèo (chỉ có hoành mái) 31%
- Cột đội: không có cột đội 30%, có cột đội 70% trong đó có liên kết kèo nóc 21.4%

cũng là một đặc trưng rất dễ nhận thấy ở kiểu nhà này. Gian giữa theo chiều ngang nhà chiếm khoảng 30% tổng số chiều rộng, nếu đem so sánh với những kiểu nhà hai tầng khác thì đó là một giá trị bé. Phải chăng điều này có liên quan chặt chẽ với việc mặt đứng mà chủ nhà muốn để ba gian bằng nhau, vị trí của các cột tương đối tự do, và rất hay gặp hiện tượng trốn cột. Vì nóc mái còn gặp cả những bộ vì kèo tam giác bằng thép hiện đại .

9.1.b. Phân bố

Đến đây chúng ta đã xem xét phân tích nhà ở Hội An lần lượt theo các bước từ mặt đứng, sự cấu thành mặt bằng, mặt cắt, kết cấu và hoàn thiện mái.Từ những phân tích đó đã có thể phân loại được một vài kiểu nhà khác nhau. Có thể kết luận một cách chắc chắn là giữa mặt đứng ngoài nhà với kết cấu vì kèo bên trong có mối liên hệ mật thiết. Dưới đây là những đặc trưng về khía cạnh phân bố (nếu ta dựa trên cơ sở phân loại mặt đứng thì những cuộc điều tra cần thiết phải điều chỉnh lại).

Kiểu nhà "một tầng/ mặt trước bằng vách gỗ": Tập trung nhiều trên đường Trần Phú, đặc biệt là phía đông của đường Lê Lợi.

Kiểu nhà "một tầng có gác lửng/ tầng một có hiên": Nằm rải rác hiếm thấy trên đường Trần Phú nhưng cũng có thể nhìn thấy loại nhà này trên đường Nguyễn Thị Minh Khai.

Kiểu nhà "hai tầng /mặt trước tường gạch": Hiếm thấy trên đường Trần Phú nhưng tập trung nhiều trên đường Nguyễn Thái Học.

Kiểu nhà "hai tầng/ mặt đứng theo kiểu kiến trúc Pháp": Tập trung ở phía đông của đường Nguyễn Thái Học tạo thành một dãy khu vực kiến trúc có mặt đứng kiểu Pháp.

Sự phân bố này có thể nói đã phản ánh được các thời kỳ khai phá và hưng thịnh của từng khu vực khác nhau trong khu phố cổ. Nói một cách khác, điều này là một cơ sở cho việc xác định niên đại của nhà. Hơn nữa, có lẽ cần phải suy nghĩ về phương hướng bảo vệ những tính đặc trưng của các khu vực khác nhau này.

Hình 9.1. Bản đồ phân bố các kiểu nhà trong khu vực phố cổ

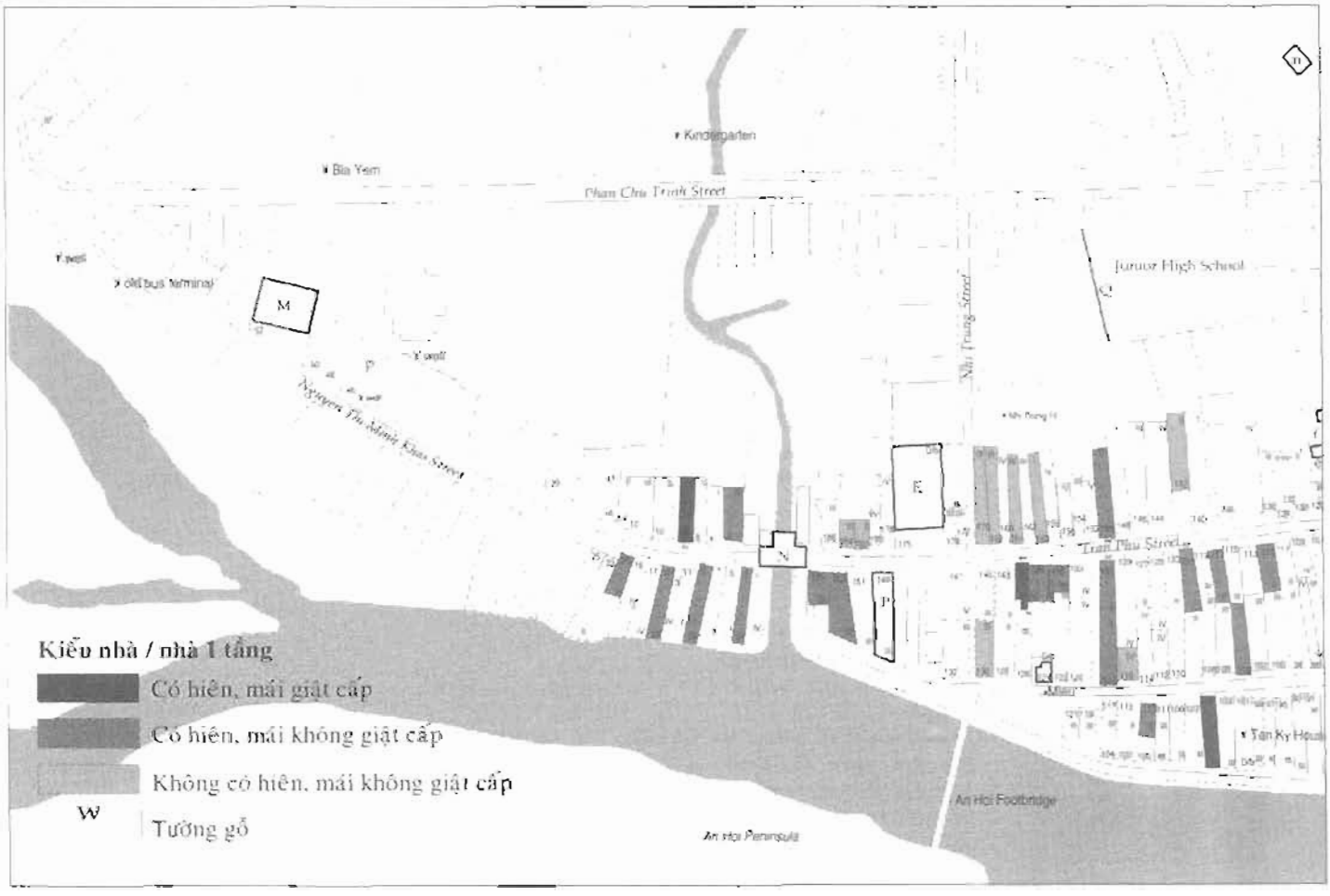

9.2 BIẾN THIÊN NIÊN ĐẠI

9.2.a. Những nhà xác định chắc chắn niên đại

Qua những phân tích trên chúng ta đã thấy những kiểu nhà từ "nhà một tầng tường gỗ" đến "nhà hai tầng tường gỗ" rồi kiểu "nhà kiến trúc Pháp" thế nhưng những kiểu nhà này được xây dựng vào thời kỳ nào? Để trả lời được câu hỏi này, cần xác định được một số nhà có niên đại thật chính xác. Tất nhiên, có một số nhà có năm xây dựng được xác định chính xác nhưng tất cả những ngôi nhà đó đều được xây dựng khoảng sau thế kỷ 20. Do đó, trong phạm vi có thể, chúng ta cần phải chú trọng tìm ra những cơ sở đúng để phán đoán niên đại của công trình.

Mặt cắt ngang nhà 67 Trần Phú

Nhà số 80 Trần Phú

Trùng tu là một cơ hội quý giá để có thể làm sáng tỏ niên đại xây dựng của ngôi nhà. Đối với nhà 80 Trần Phú, ngôi nhà đã là đối tượng trùng tu đầu tiên của nhóm nghiên cứu Nhật Bản. Ngoài mặt bằng kết cấu của nhà còn tìm thấy một số đặc trưng dưới đây:

1. Sử dụng đinh tròn (những vết đinh trên vật liệu cũ là đinh vuông).
2. Song cửa và con tiện không thấy ở những ngôi nhà cổ, vì để làm được như hiện tại cần có máy móc mới có thể gia công.

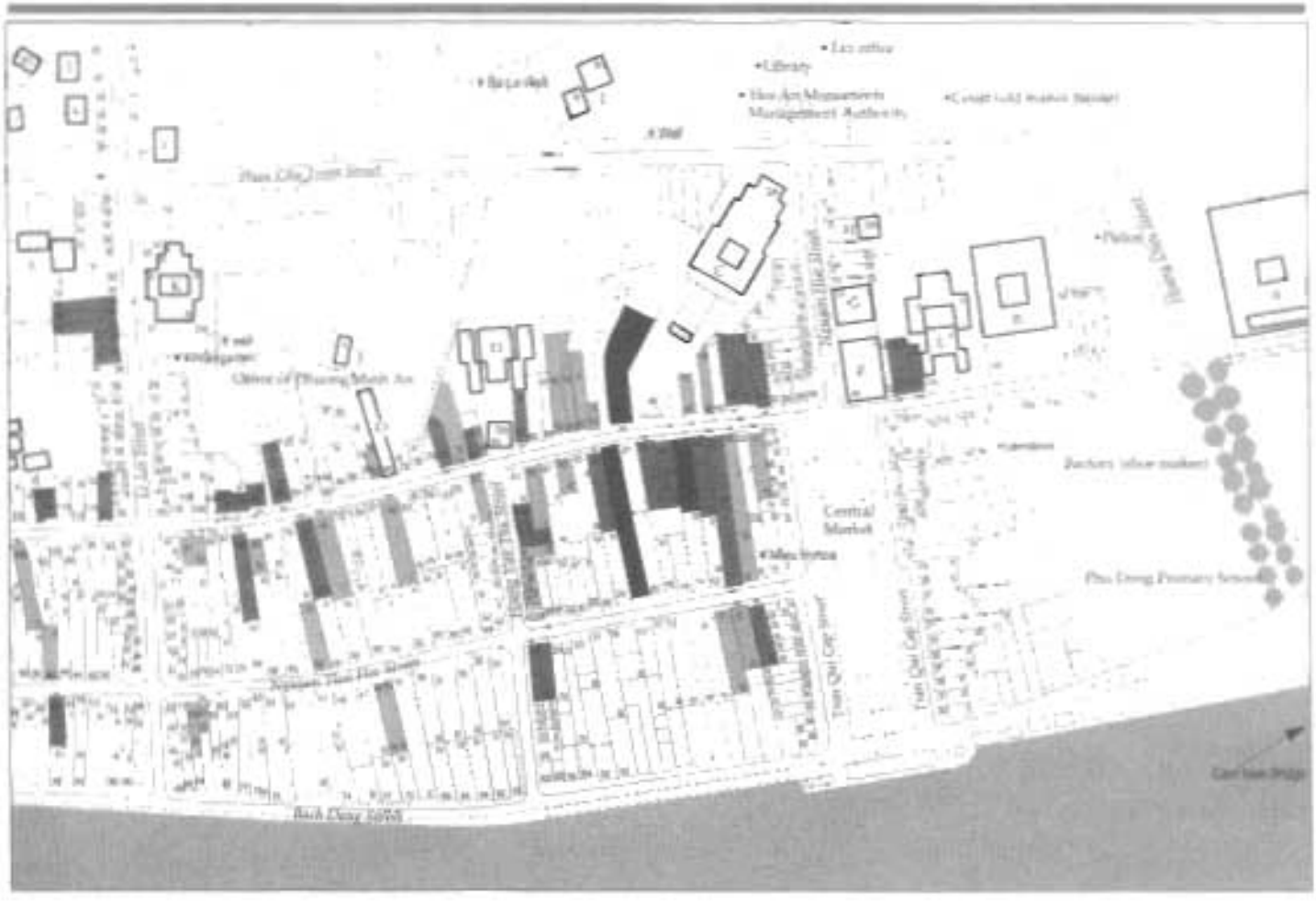

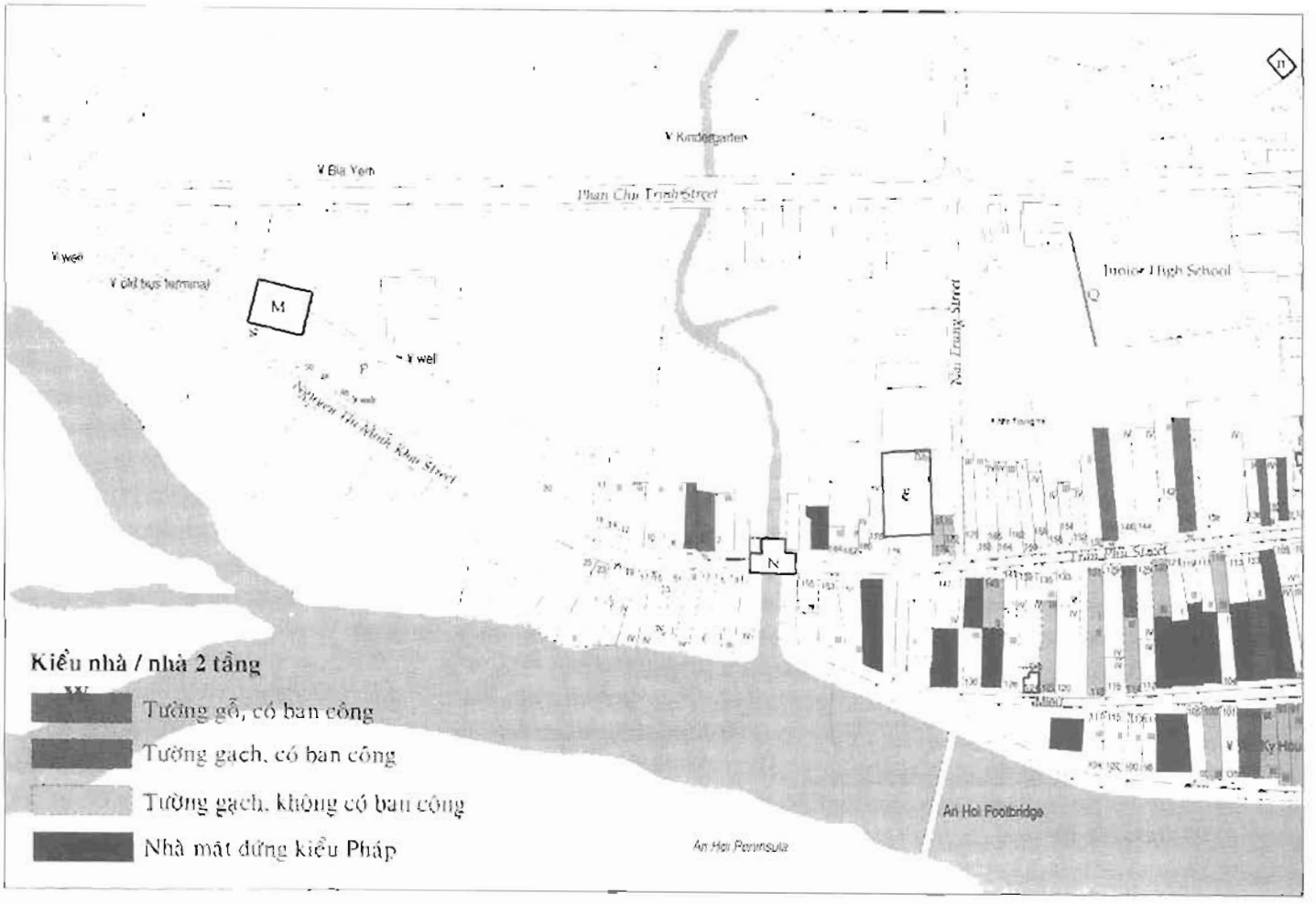
Kindergarten
Bia Yen
Phan Chu Trinh Street
well
old bus terminal
M
well
Nguyen Thi Minh Khai Street
Junior High School
Nai Trang Street
E
N
Tran Phu Street
Miau
An Hoi Footbridge
An Hoi Peninsula
Kiểu nhà / nhà 2 tầng
Tường gỗ, có ban công
Tường gạch, có ban công
Tường gạch, không có ban công
Nhà mặt đứng kiểu Pháp

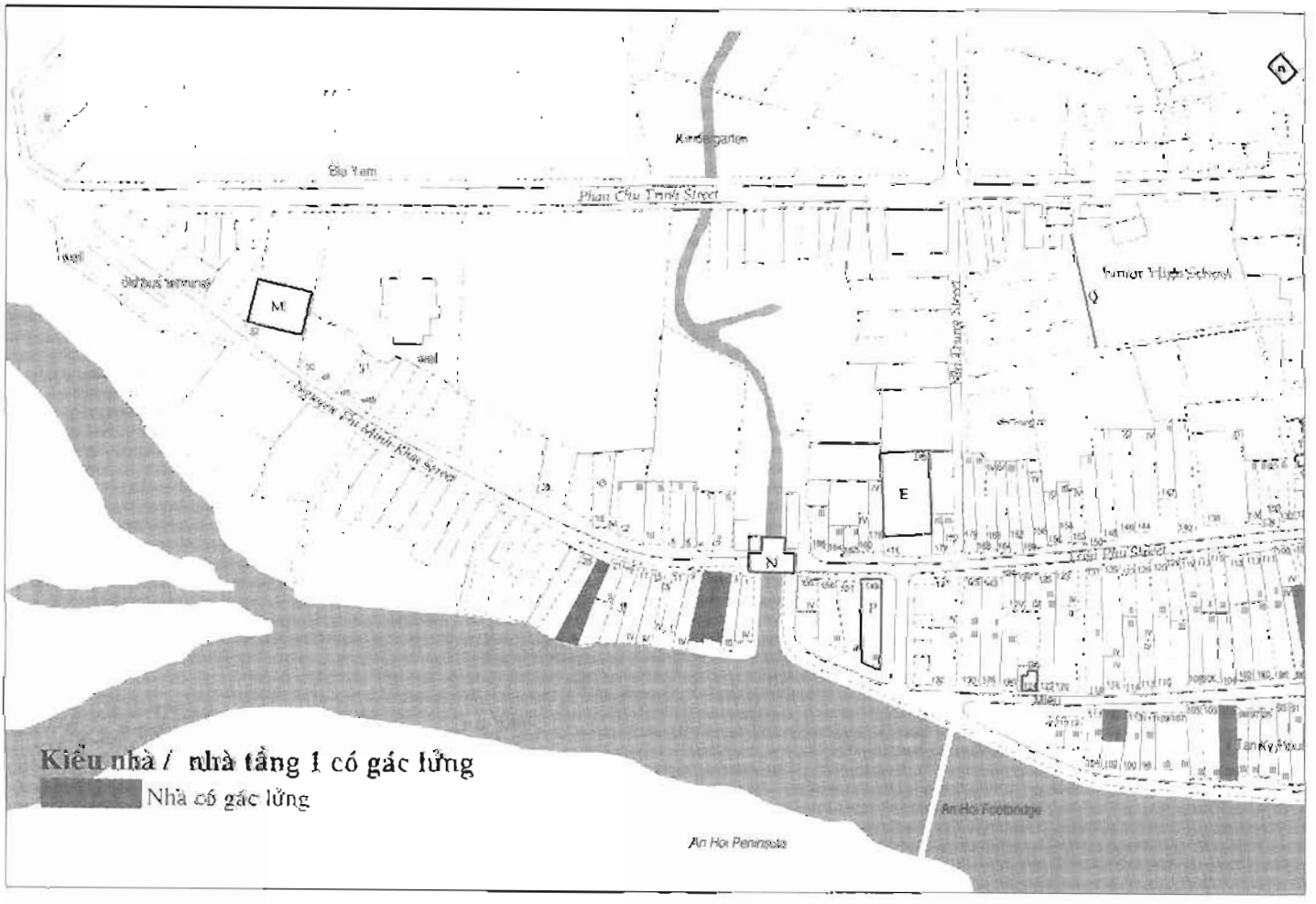
Kindergarten
Bia Yen
Phan Chu Trinh Street
well
old bus terminal
M
well
Nguyen Thi Minh Khai Street
Junior High School
Nai Trang Street
E
N
Tran Phu Street
Miau
An Hoi Footbridge
An Hoi Peninsula
Kiểu nhà / nhà tầng 1 có gác lửng
Nhà có gác lửng

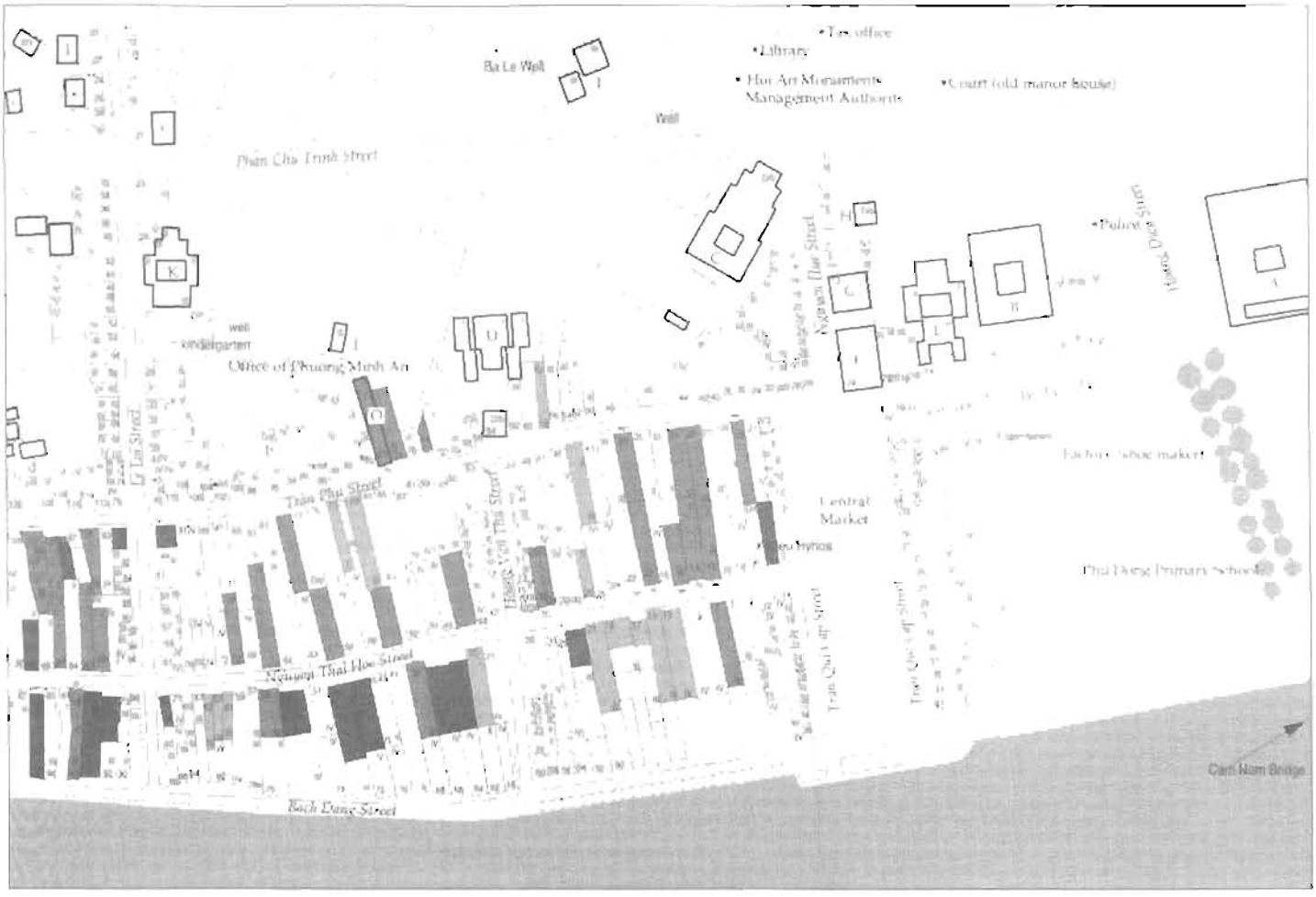
Tax office
Library
Hoi An Monuments Management Authority
Court (old manor house)
Ba Le Well
Well
Phan Chu Trinh Street
Police
Office of Phuong Minh An
Central Market
Factory (shoe maker)
Phu Dong Primary School
Tran Phu Street
Nguyen Thai Hoc Street
Bach Dang Street
Cam Nam Bridge

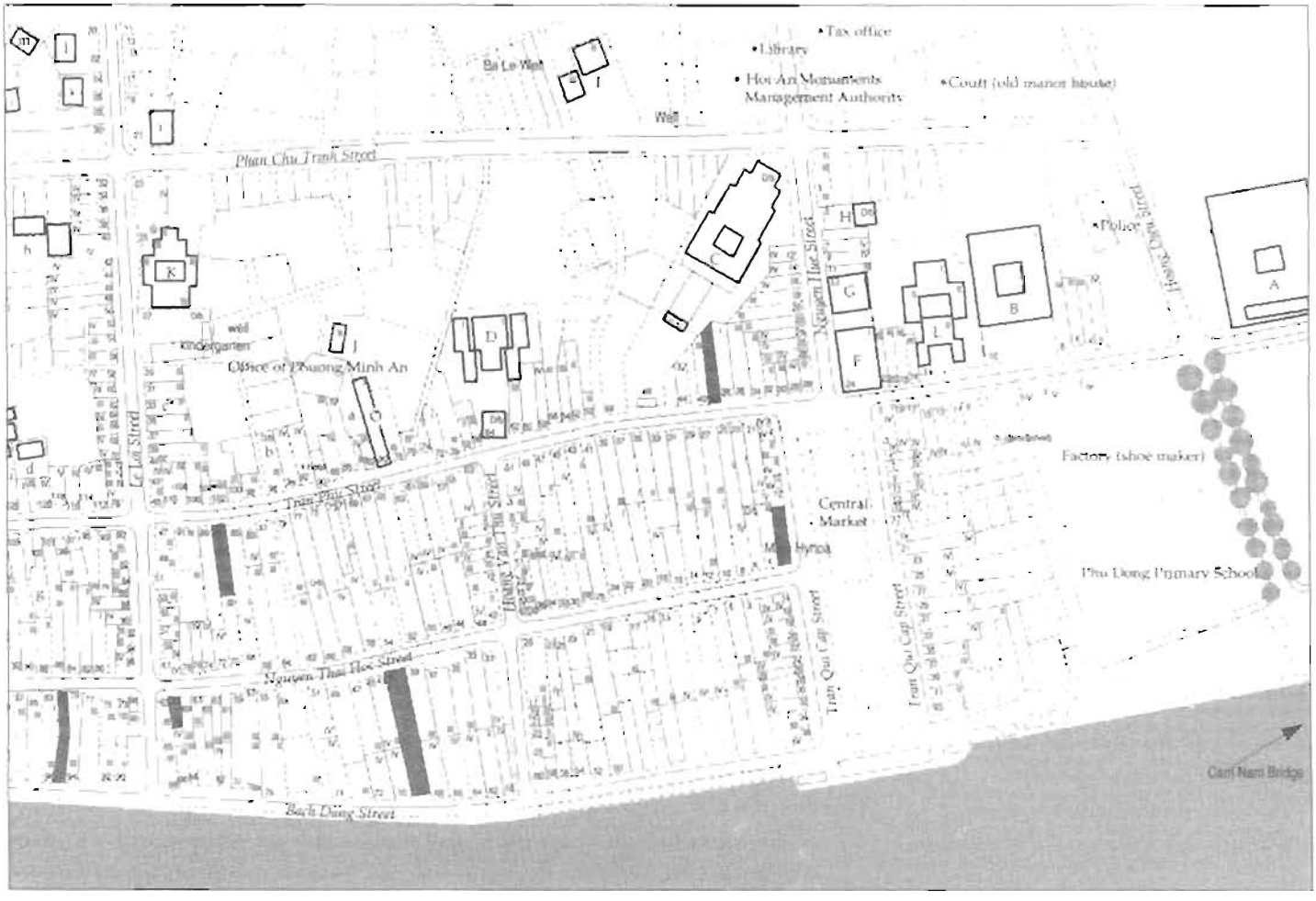
Tax office
Library
Hoi An Monuments Management Authority
Court (old manor house)
Ba Le Well
Well
Phan Chu Trinh Street
Police
Office of Phuong Minh An
Central Market
Factory (shoe maker)
Phu Dong Primary School
Tran Phu Street
Nguyen Thai Hoc Street
Bach Dang Street
Cam Nam Bridge

3. Cửa ra vào hai lớp, lớp ngoài là song sắt còn bên trong là kính. Vách ngăn trong nhà cũng được dùng bằng những mảng kính lớn. Cửa ra vào phía bên trong được khoá bằng chốt vặn cremon.
4. Ngói có hình vuông cạnh dài 19cm hiện tại không được sử dụng phổ biến. Ngôi nhà này được xây dựng năm 1920 theo sự ghi nhớ của chủ nhà. Theo phân loại của chúng tôi thì nó thuộc kiểu nhà "hai tầng, tường gỗ, có ban công".

Một số trường hợp khác

Dưới đây xin đưa thêm một vài thông tin về một số ngôi nhà khác. Xin nêu lần lượt theo các kiểu nhà.

Nhà một tầng/ tường gỗ

- Số 85 Trần Phú: Còn lưu giữ được sổ địa bạ và gia phả có ghi năm 1811. Dựa vào kết quả khai quật khảo cổ cho thấy dưới lớp nền hiện tại còn có hai lớp nền cũ. Ngôi nhà này đến nay đã trải qua ba thời kỳ. Tuy nhiên cho dù tính niên đại của lớp nền cuối cùng thì cũng không thể nói rằng nó được xây dựng vào thế kỷ 17.
- Số 77 Trần Phú: Ông Chu Quang Trứ đã từng nói trong bài "Nghệ thuật sống của Hội An" là ngôi nhà này được xây dựng năm 1879 ("Việt Nam với đường tơ lụa trên biển" tr. 397 có đưa ra cơ sở để xác định niên đại này). Hiện nay mái phía trước của nhà có giật cấp, đây là kết quả của việc mở rộng đường Trần Phú. Như vậy có thể khẳng định rằng ngôi nhà này được xây dựng trước khi đường Trần Phú được mở rộng.
- Số 67 Trần Phú: Ngôi nhà này bị cắt bớt ở phía trước chứng tỏ nó được xây dựng trước khi được mở đường. Vì nóc của nhà này có cột đội, điều này đã không thấy ở nhà 85 và 77.

Nhà một tầng/ có gác lửng/ có hiên ở tầng một

- Số 101 Nguyễn Thái Học (nhà Tấn Ký): Đường Nguyễn Thái Học được xây dựng vào năm 1840 như vậy ngôi nhà nổi tiếng này chắc chắn được xây dựng sau khi mở đường.

Nhà hai tầng /mặt đứng tường gỗ

- Số 80 Trần Phú: Như trên đã nêu ngôi nhà này có thể được xây dựng năm 1920. Qua điều tra cho thấy phía trước của nhà không bị cắt đi, cho nên có thể khẳng định là nó được xây dựng sau khi đã mở xong đường.

Nhà hai tầng/ mặt đứng tường gạch

Đối với kiểu nhà này không tìm thấy một ngôi nhà nào có những cơ sở để xác định được niên đại xây dựng của nó .

Nhà hai tầng xây dựng theo kiểu kiến trúc Pháp

- Năm 1888 Đà Nẵng buộc phải chia một phần đất cho thực dân Pháp và phần lớn những ngôi nhà xây dựng theo kiểu kiến trúc Pháp ở Hội An được tập trung trên đường Nguyễn Thái Học, con đường này được mở vào năm 1840.
- Như vậy, thời điểm mở rộng đường Trần Phú là một mốc thời gian rất quan trọng, tuy nhiên cho đến bây giờ vẫn chưa xác định được chính xác năm mở đường này. Nhưng cũng có thể dự đoán điều này diễn ra vào khoảng cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20.

9.2.b Một vài cơ sở xác định niên đại

Dựa vào những điều đã nêu ở trên, một lần nữa xin đưa ra một số cở sở để xác định niên đại chung cho tất cả các nhà.

- Hình thức mặt bằng và mặt cắt

Về cơ bản hình thức 3x3 được duy trì xuyên suốt gần như không có một sự thay đổi đáng kể. Tuy nhiên, đối với những nhà hai tầng có một số trường hợp hệ thống cột ở tầng một không nhất thiết phải đảm bảo là 3 gian x 3 gian "Nhà hai tầng/ có ban công". Ngoài ra, có cả trường hợp bước cột ở tầng hai không phải là 3x3 Kiểu nhà kiến trúc Pháp.

- Cột

Đầu tiên có lẽ ai cũng chú ý ngay đến hình thức cột vuông hay cột tròn. Nhìn chung, cũng có thể nói là càng về sau, cột vuông càng được sử dụng nhiều hơn.

Tuy nhiên, ngay trong những ngôi nhà mà chúng ta cho là cổ như 47, 77, 85 Trần Phú thì hàng cột phía trước nhà là cột vuông. Như vậy, liệu những ngôi nhà này không hẳn là có niên đại muộn như dự kiến? Để kết luận được điều này ở thời điểm hiện tại quả là khó khăn. Thậm chí không loại trừ khả năng hình thức cột thượng thu hạ thách cũng mang một đặc trưng niên đại riêng. Tuy nhiên trong cuộc điều tra lần này chúng tôi chưa thể đề cập tới vấn đề này được.

-Vì kèo

Phải khẳng định kèo chồng là hình thức cổ. Cũng phải công nhận hình thức kèo suốt là kiểu mới (bắt đầu có từ khoảng nửa sau thế kỷ 19). Vì kèo chồng với vì nóc không có cột đội là hình dáng nguyên thuỷ của bộ vì trong kết cấu ở Hội An. Sau đó cũng có thể lý giải rằng để làm cho bộ vì chắc chắn hơn và để mở rộng thêm các bước cột người ta đã thêm vào cột đội trong kết cấu. Tất nhiên, về sau đối với nhà có qui mô và bước cột bé thì họ vẫn sử dụng kết cấu kèo chồng có cột đội ở vì nóc.

-Hệ thống cửa (lắp đặt tại vị trí các bước cột)

Đối với nhà truyền thống ở Hội An có hai hình thức cửa là: cửa ván xếp ngang và cửa mở hai cánh. Nếu như ở kiểu nhà "hai tầng/ tường gỗ" thường hay sử dụng loại cửa mở hai cánh thì ở kiểu nhà "một tầng/ tường gỗ" lại rất ít sử dụng kiểu cửa này. (Kiểu nhà "một tầng/ tường gạch" thì rất hay sử dụng). Nhưng cũng không thể khẳng định là ở kiểu nhà "hai tầng/ tường gỗ" không dùng loại cửa ván xếp ngang. Tuy nhiên việc xác định được thời gian mà ở Việt Nam bắt đầu phổ biến việc dùng cửa kính là một điều cần thiết.

-Đinh

Giữa hai loại đinh vuông chế tạo bằng tay và sản phẩm công nghiệp đinh tròn (đinh kiểu châu Âu) cũng là một cơ sở để xác định niên đại. Ở Nhật Bản hình thức đinh tròn bắt đầu xuất hiện từ sau những năm 1880. Còn ở Việt Nam thì chưa xác định rõ ràng thời điểm này. Đây là một vấn đề cần thiết phải tiếp tục điều tra.

-Vật liệu

Ngói của nhà cổ thường to hơn ngói mới bây giờ. Tuy nhiên ở những ngôi nhà cổ, độ lớn của ngói có khác nhau hay không thì chưa được xác minh rõ ràng. Mạch vữa và hình dáng gạch cũng là một tiêu chuẩn để phán đoán niên đại, nghĩa là các loại vật liệu như đất, vữa, xi măng cũng được biến đổi dần theo thời gian. Thế nhưng ngay đến cả điều này thì cũng phải dựa vào việc xác định được thời gian phổ cập vật liệu xi măng ở Việt Nam.

-Trang trí

Dựa vào hình dáng, chủ đề và phương pháp điêu khắc cũng là một tiêu chuẩn để phán đoán niên đại. Đặc biệt là trong sản phẩm tạo ra đó có sử dụng máy tiện để gia công hay không là một tiêu chuẩn dễ phân biệt nhất. Tuy nhiên, qua cuộc điều tra này cũng đã không làm sáng tỏ được vấn đề này. Điều này rất cần thiết phải tiếp tục điều tra.

9.2.c Biến thiên niên đại

Với một lượng thông tin có lẽ là ít ỏi, nhưng ở giai đoạn này thì chúng ta có thể đưa ra một vài kết luận như sau:

Nhà một tầng/mặt đứng vách gỗ/ không có cột vì nóc mái ..... khoảng TK18 ~ TK19

Nhà một tầng/ mặtđứng vách gỗ/ có cột đội ở vì nóc mái TK19

Nhà hai tầng /có hiên độc lập ..... khoảng nửa sau TK19 ~ đầu TK20

Nhà hai tầng/mặt đứng tường gỗ ..... Cuối TK19 ~ nửa đầu TK20

Nhà hai tầng/mặt đứng tường gạch ..... Cuối TK19 ~ nửa đầu TK20

Nhà hai tầng/ mặt đứng kiểu kiến trúc Pháp ..... Nửa đầu TK20

9.2.d Nhìn nhận lại về sự phân cấp các ngôi nhà trong khu phố cổ

Trong khu vực phố cổ Hội An nhà ở được phân thành các loại như: loại đặc biệt, loại cấp một, cấp hai, cấp ba và cấp bốn. Cấp một là những di sản văn hoá có giá trị đặc biệt về tính kiến trúc nghệ thuật và lịch sử mà cho đến nay vẫn còn lưu giữ được những giá trị ban đầu. Cấp hai là những công trình có giá trị về kiến

trúc và lịch sử, còn bảo lưu được những giá trị nguyên thuỷ. Cấp ba là những nhà hầu như không còn giá trị về mặt kiến trúc cũng như nghệ thuật và không còn lưu giữ được nhiều yếu tố ban đầu của vật liệu, nhưng nó góp phần tạo nên bộ mặt chung cho toàn bộ khu phố và có ý nghĩa trong việc bảo tồn quần thể. Cấp bốn là những nhà hoàn toàn không có giá trị về mặt kiến trúc cũng như nghệ thuật, hơn nữa nó còn làm giảm cả tính tổng thể của khu phố. Loại đặc biệt là những công trình nằm trong các công trình cấp một nhưng được sự lưu ý đặc biệt

Kết quả của cuộc điều tra này phần lớn dựa trên sự phân loại trên, nhưng thiết nghĩ cần phải nhìn nhận lại một số điểm dưới đây:

1. Xếp những nhà có mặt đứng xây dựng theo kiểu Pháp vào loại công trình cấp ba. Tuy nhiên, trong số những ngôi nhà này, nên chọn ra một vài công trình tiêu biểu cho một thời kỳ để xếp vào nhóm công trìng cấp hai. Có nghĩa là không cứ nhất thiết phải xem các công trình là cổ hay mới mà cần phải đánh giá được những đặc điểm nổi bật của các công trình tại những thời kỳ khác nhau. Trong trường hợp bất đắc dĩ, có thể bắt buộc phải bảo tồn một cách nghiêm ngặt đối với những ngôi nhà này.
2. Đối với một số ít các ngôi nhà bên ngoài đã bị thay đổi một cách đáng kể, nhưng kết cấu bên trong vẫn còn rất nguyên vẹn thì cũng cần phải được xem xét lại trong việc phân cấp. Ví dụ như nhà số 62 Nguyễn Thái Học được xét là cấp ba nhưng vì nóc của nhà này không có cột đội và ở nhà phụ là loại chồng giường tam cấp. Mặt đứng của nhà đã bị xây lại bằng tường nhưng nếu xét đến kết cấu thì thiết nghĩ cần phải xếp vào loại cấp hai. Cũng giống như vậy đối với nhà 91 Trần Phú nên xếp vào loại cấp ba (trước kia là cấp bốn).

Những điều nêu trên chỉ là một vài vấn đề nhỏ, không có nghĩa là đã quá chú trọng đến vấn đề phân lại cấp cho các nhà mà chúng tôi chỉ nghĩ rằng hiện tại đang là giai đoạn xét duyệt phân cấp đối với các ngôi nhà nên rất cần thiết phải điều tra cụ thể một lần nữa để có được những đánh giá chính xác về việc phân cấp các nhà.

Hình 9.2 Biến thiên niên đại

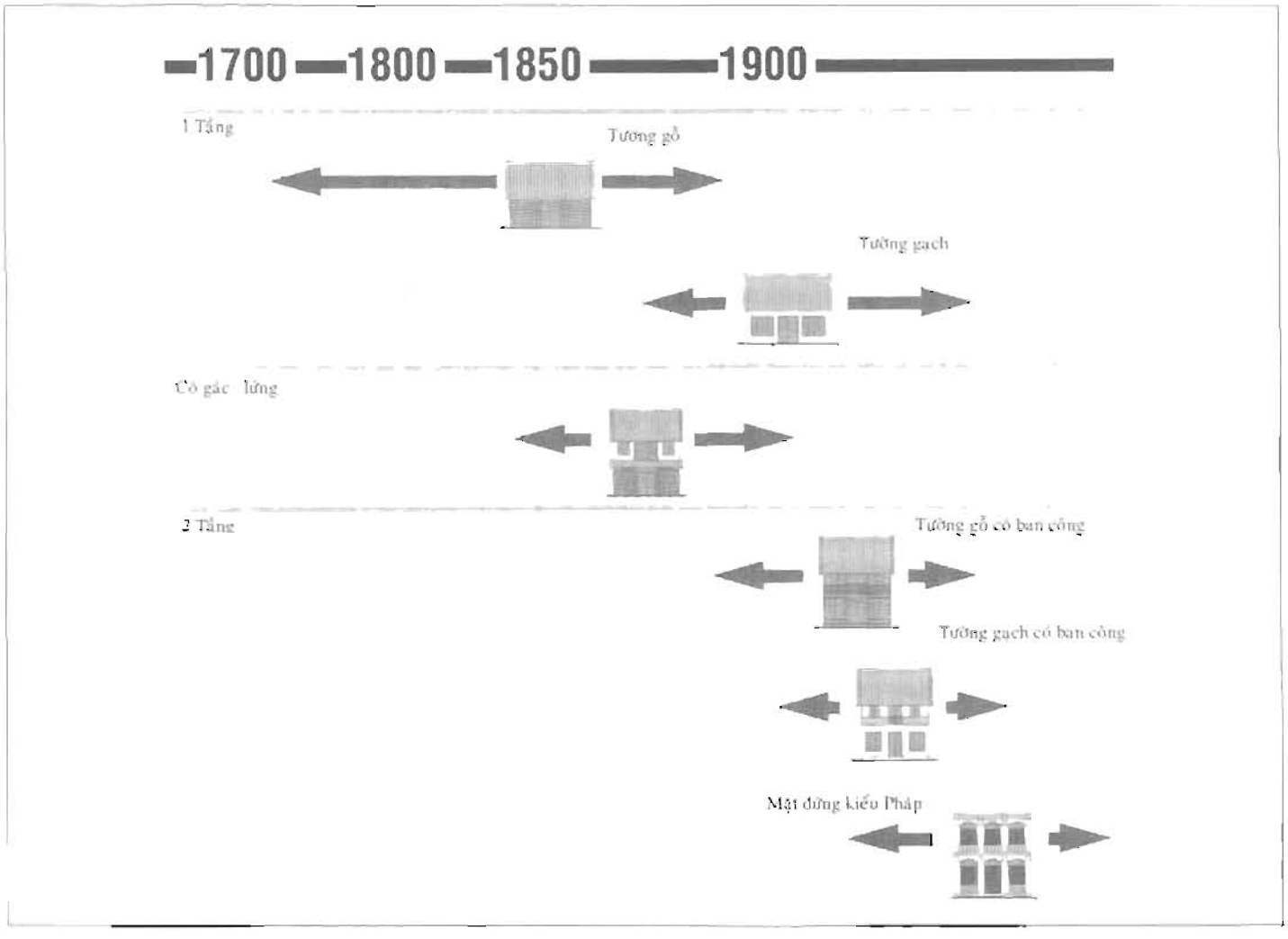

CHƯƠNG 10: ĐẶC TRƯNG KIẾN TRÚC CỦA NHÀ PHỐ HỘI AN - NHỮNG YẾU TỐ NÀO CẦN THIẾT PHẢI BẢO TỒN?

10.1. SO SÁNH VỚI NHÀ Ở CỦA HUẾ

Qua những phân tích nêu trên chúng ta đã sơ lược hiểu về những ngôi nhà phố ở Hội An, để làm rõ hơn những đặc trưng và tính cách của nó, cần thiết phải so sánh chúng với những hình thức nhà ở khác và tại những địa phương khác nhau. Đầu tiên chúng tôi thử so sánh với nhà ở tại cố đô Huế. Tháng 9 năm 1994, với sự công tác và hướng dẫn của ông Vũ Hữu Minh (Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế), chúng tôi đã tiến hành điều tra và vẽ ghi được một số nhà.

Nhà dân gian truyền thống ở Huế có ba loại: nhà rường, nhà rọi và nhà phố. Nhà rọi là loại nhà có mặt bằng hình vuông, còn nhà rường là một kiểu nhà được phát triển dựa trên cơ sở của nhà rọi, nhà phố là loại nhà mặt phố (ở Nhật Bản kiểu nhà này được gọi này là Machiya với ý nghĩa là nhà mặt phố có cửa hàng).Tuy nhiên trong quá trình khảo sát ta thấy rằng có một số nhà không phân biệt được là hình thức nhà rường hay nhà rọi.

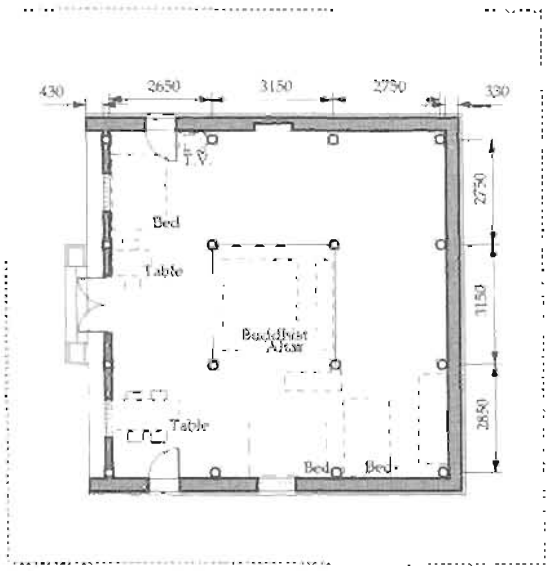

Hình 10.1. Nhà rọi (Bình An đường)

10.1.a. Nhà rọi

Tháng 9 năm 1994 chúng tôi đã điều tra được hai nhà có hình thức nhà rọi. Trong đó, một là Trường Du Ta (công trình nằm trong khuôn viên của cung Diên Thọ, là nơi Thái Hậu lui tới để uống trà) được xây dựng trong khu vực đại nội, nằm ngay bên cạnh chính điện, bao bọc xunh quanh bằng hồ nước và phải đi qua cầu thì mới có thể vào đến nhà chính.Công trình này được xây dựng vào cuối thế kỷ 19. Một nhà khác được gọi là Bình An Đường, nhà riêng của Hoàng Hậu thời vua Minh Mạng (1820-40) nằm trong nội thành (nhà số 2 Đặng Thái Thân). Hình 2 là bản vẽ ghi ngôi nhà này.

1/100

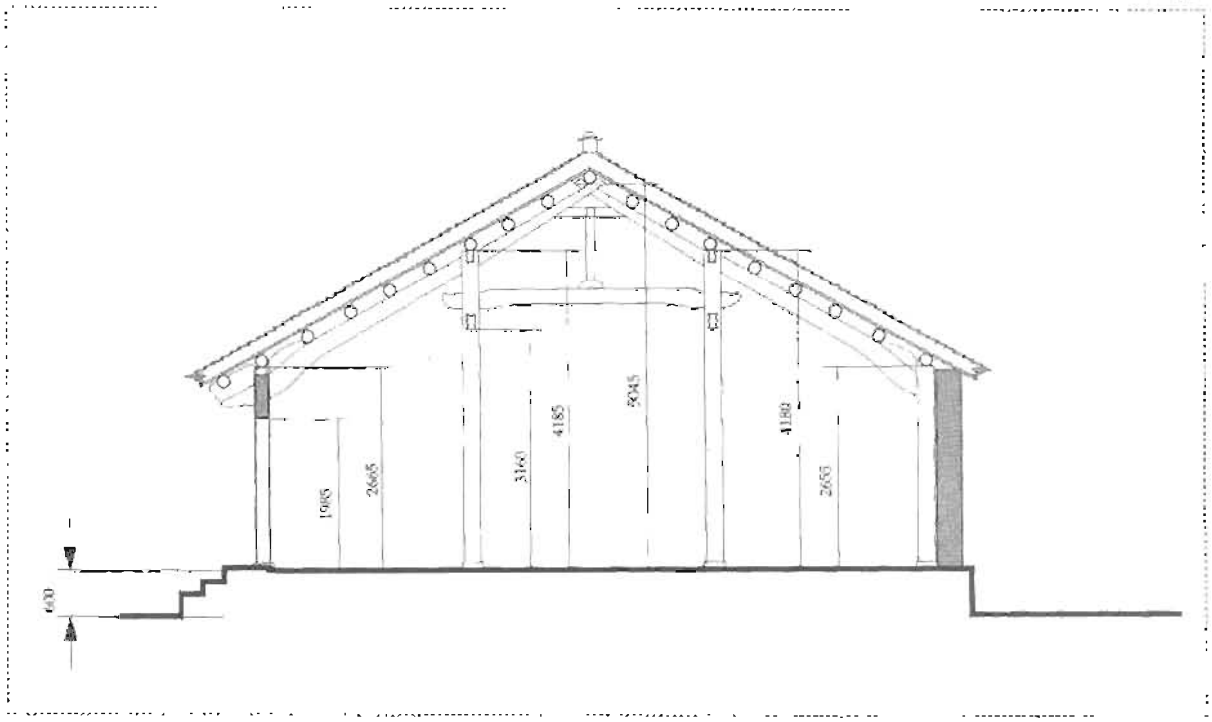

Nhìn vào bản vẽ ta thấy ngôi nhà có mặt bằng hình vuông với bước cột là 3 gian x 3 gian. Gian giữa hơi rộng hơn các gian khác. Ngôi nhà này có kiểu bốn mái, bên ngoài các cột được xây một bức tường gạch rất dầy. Kết cấu là kiểu liên kết kèo, tuy nhiên chỉ có một thanh kèo chạy suốt từ đòn dông cho đến giọt tranh. Bốn cột cái ở trung tâm nhà được liên kết với nhau bằng trính và xà đầu cột. Ở dưới vị trí của trính có ba thanh kèo được chụm lại, còn phía trên chỉ có một thanh kèo. Ngoài ra, gian trung tâm này được ngăn cách bằng vách gỗ tạo nên một không gian gây cho người ta cảm giác đặc biệt khác với các không gian khác, bên trong đó được đặt bàn thờ. (Theo lời giải thích của ông Minh, tại các vị trí này trong chùa là nơi đặt tượng Phật).

Trên tổng thể thì ngôi nhà này đem lại một ấn tượng mộc mạc, với những trang trí điêu khắc chất phác, các kết cấu có kích thước lớn làm cho cả bộ khung nhà toát lên vẻ khoẻ mạnh và vững chắc.

Kiểu nhà này có rất nhiều ở khu vực miền Trung Việt Nam, đặc biệt là từ Quảng Trị đến Thừa Thiên - Huế. Kiểu nhà này thường hay được sử dụng trong nhà ở của các gia đình hoàng tộc trong đại nội hay cho hoàng hậu, công chúa, có lẽ một phần là do cuộc sống không có tự do trong cung điện nên họ thích được sống trong những kiểu nhà mộc mạc của nông dân. Nhưng nói chung kiểu nhà này cũng không có những khác biệt quá lớn so với hình thức nhà ban đầu ở miền Trung Việt Nam. Ngoài ra, có thể nói kết cấu chính tại Hội An cũng có hình thức tương tự như kiểu nhà này.

1/200

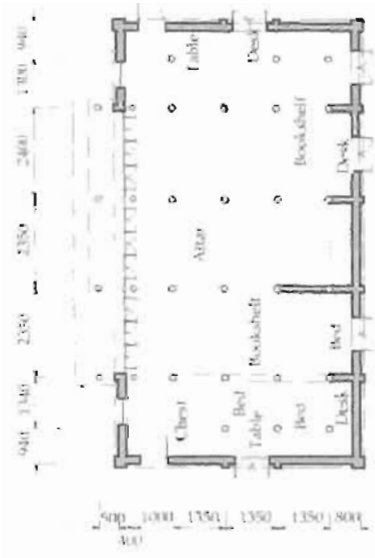

10.1.b. Nhà rường.

1. Hưng miếu (trong Đại nội)
   (đền thờ phụ mẫu của vua Gia Long 1802-1819)
2. Nhà ông Tôn Thất Quý (78/2 Nguyễn Công Trứ)
3. Nhà ông Phan Thuận An (29 Nguyễn Chí Thanh)
4. Nhà ông Nguyễn Hán (18 Kim Long)
5. Nhà ông Nguyễn Tùng Chi (? Kim Long)

Rầm thượng phía trên của trính

Hình 10.2. Nhà rường. Nhà ông Tôn Thất Quý

1/100

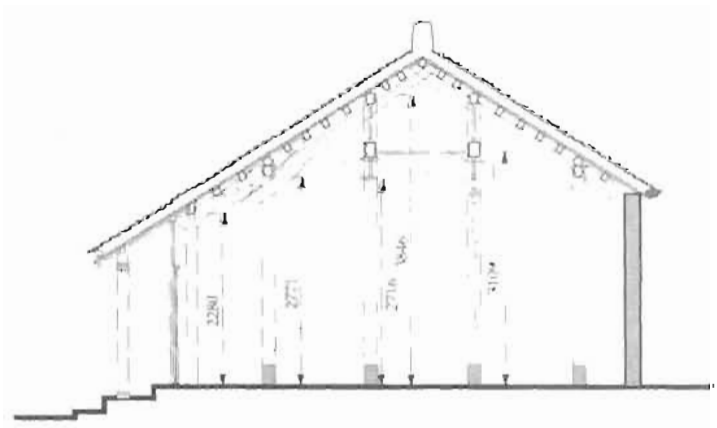

Phía trước nhà được đặt một bức bình phong

Trong 5 nhà nêu trên chúng tôi đã tiến hành vẽ ghi được 4 nhà (từ số 2 - 4)

*** Nhà ông Tôn Thất Quỳ (78/2 Nguyễn Công Trứ)**

Ngôi nhà này mang tên Thanh Đường (ThanhTịnhViên), gia chủ của nó từng là tri huyện. Ngôi nhà có chiều ngang năm gian, chiều sâu bốn gian, xây dựng năm 1840.Tuy nhiên, tường hai bên và phía sau được xây cách hàng cột khoảng nửa gian, ba gian giữa phía trước có thêm hàng hiên (nhưng cột hiên là cột xi măng). Nếu so sánh các bước cột theo chiều ngang và chiều sâu thì các bước cột theo chiều sâu có kích thước hẹp hơn. Rất dễ dàng nhận thấy cốt lõi của kiểu nhà này là dạng 3 gian x 3 gian. Rồi trên cơ sở đó phát triển thêm hiên và chái ở phía trước và hai bên (phía trước còn có thêm một gian hiên phụ) với hình thức bốn mái, phần nhô lên cao của mái là không gian của ba gian chính. Tại ba gian chính này, liên kết vì kèo có dạng kèo suốt, điêu khắc ở kèo hiên và vì được chạm trổ rất đẹp. Bẩy hiên được làm theo hình cong lên giống như con tôm. Không gian trong nhà, dưới các thanh hoành, ở độ cao vừa với tầm chú ý có những bức ván được chạm trổ công phu.

*** Nhà ông Phan Thuận An (29 Nguyễn Chí Thanh)**

Nguyên là nhà của con gái vua Đồng Khánh (1886 -1888). Chủ nhà hiện nay thuộc đời thứ ba, là một nhà nghiên cứu lịch sử và tác giả của cuốn "Kiến trúc cổ đô Huế". Nếu so sánh với nhà số 2 và nhà số 4 thì ngôi nhà này có niên đại xây dựng muộn hơn, vào khoảng cuối thế kỷ 19. Không giống như hình

1/200

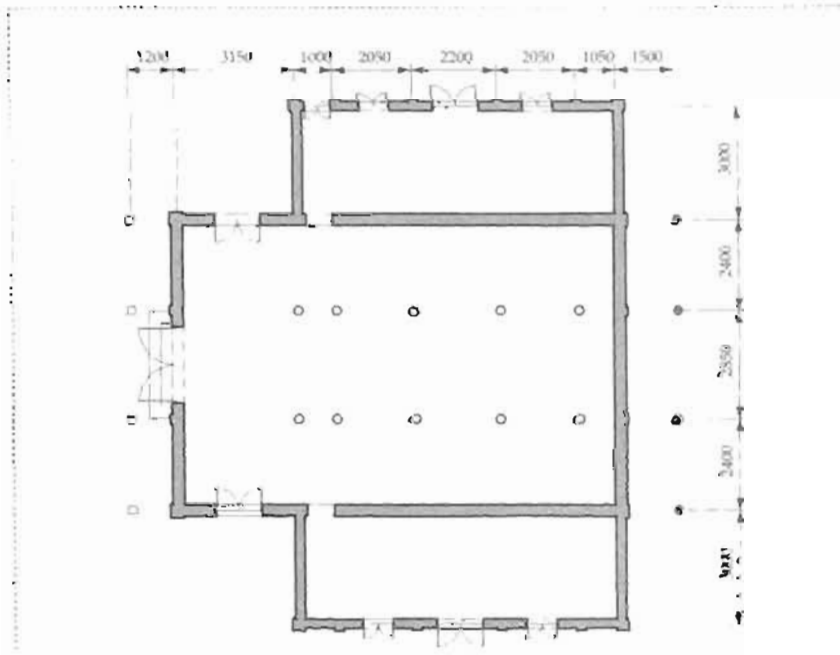

1/100 Hình 10.3 Ro Nhà ông Phan Thuận An

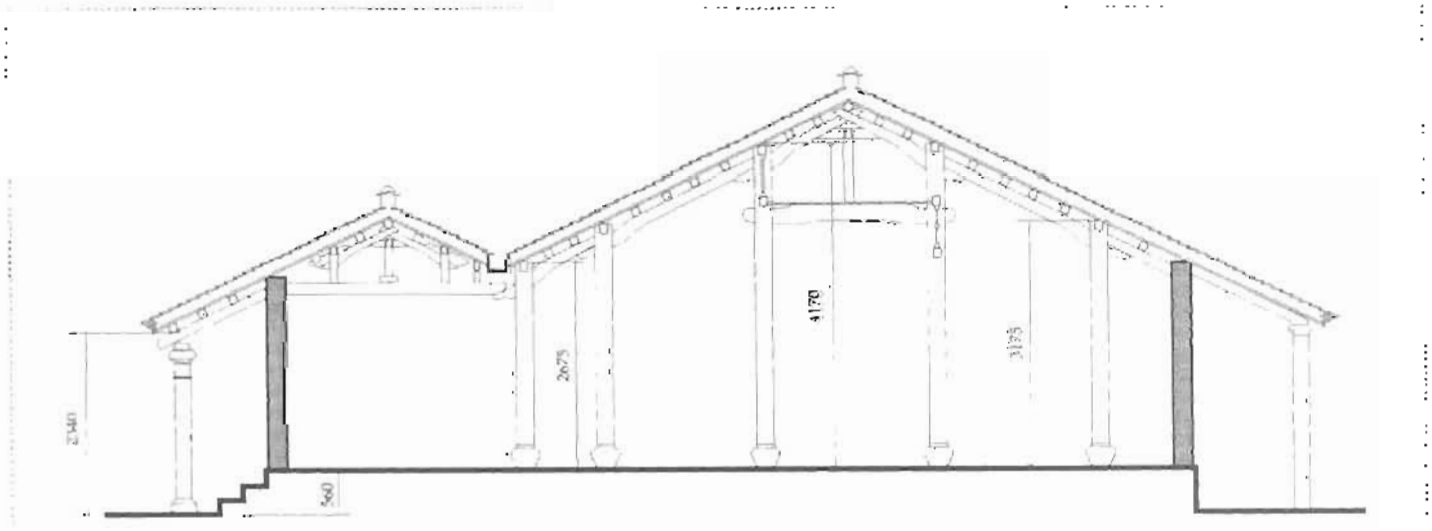

thức của nhà thứ 2, ở đây người ta đã làm hẳn một nếp mái hiên độc lập, tách khỏi mái chính. Phía trước không gian cốt lõi 3 gian x 3 gian là một hiên sâu một mét với hệ mái độc lập.Theo chủ nhân thì phần hiên trước này được gọi là tiền cung, còn phần nhà chính phía sau gọi là hậu cung. Cách gọi này giống như cách gọi ở điện Thái Hoà. Thực tế, mặc dù qui mô của ngôi nhà này và điện Thái Hoà khác nhau, nhưng nếu chỉ xét về khía cạnh cấu trúc và mặt cắt thì lại rất giống nhau. Hơn nữa khi xem xét đến kiểu nhà phố cũng thấy hình thức của nó cũng là tự thu nhỏ của hình thức này. Kết cấu của hậu cung (nhà chính) tương tự như các nhà đã nêu ở trên, tuy nhiên có một điểm giống với nhà Hội An đó là kèo được ngắt đoạn tại vị trí cột. Kết cấu của tiền cung là cấu trúc kết hợp giữa dầm và cột đội (rường và giả thủ). Toàn bộ cột sát với tường bên đều bị lược bỏ. Điều này ít nhiều có liên quan đến niên đại muộn của ngôi nhà.

1/200

1/100 Hình 10.4 Nhà rường (Nhà ông Nguyễn Hân)

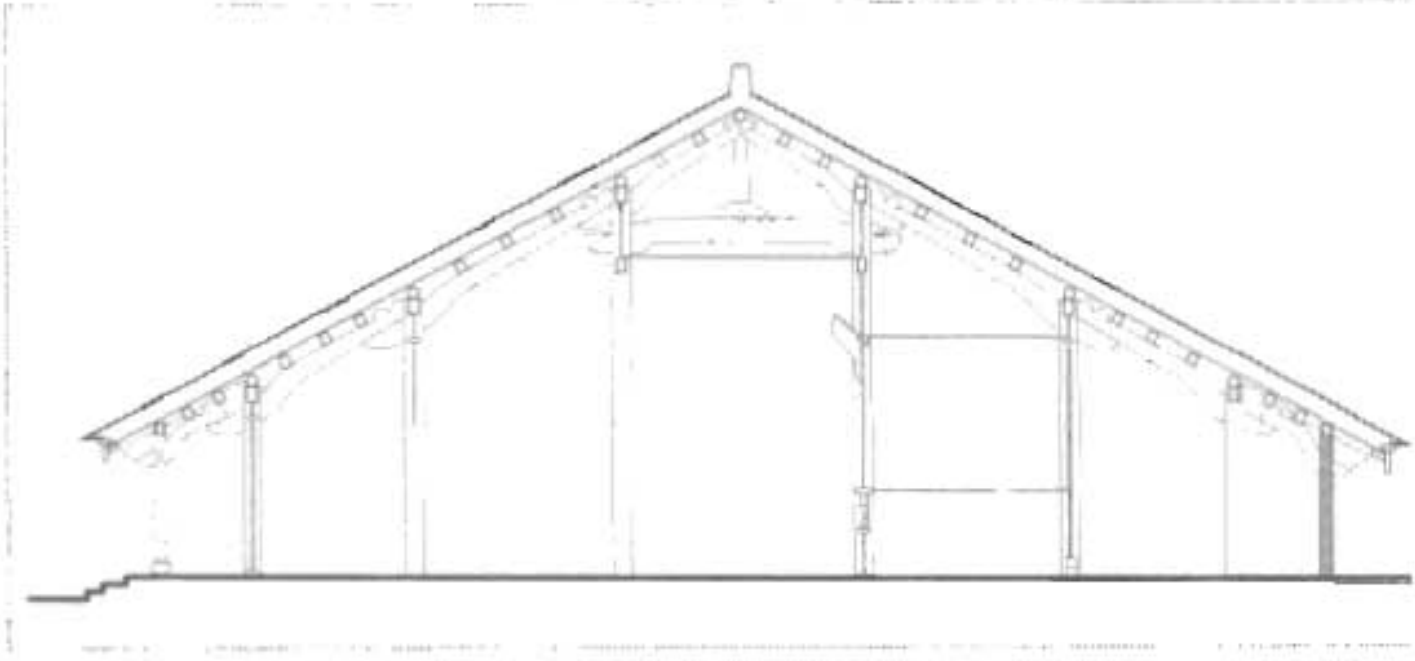

*** Nhà ông Nguyễn Hán (18 Kim Long)**

Ngôi nhà này là nhà ở của con gái vua Thiệu Trị và là chị vua Tự Đức. Theo chủ nhà kể lại thì ngôi nhà này được xây dựng vào năm 1830, thế nhưng thời kỳ vua Thiệu Trị giữ ngôi hoàng đế lại từ năm 1841đến 1847. Ngôi nhà này có lẽ không nên gọi là nhà rường mà thực ra nó thuộc kiểu nhà rọi có qui mô lớn. Bốn phía xung quanh của lõi 3 gian x 3 gian đều có chái và hiên. Về bước cột thì rộng nhất vẫn là gian giữa còn các gian càng xa gian giữa thì càng bé dần đi. Mái có hình thức bốn mái, nhưng phần nhô lên của mái chỉ tương ứng với một gian trung tâm, điều này càng khẳng định chắc chắn hơn nó là kiểu nhà rọi. Toàn bộ hệ thống liên kết là kèo chồng. Cột dầm và trính có kích thước lớn, ngoài ra, điêu khắc trang trí cũng rất phong phú, đặc biệt, kèo của chái được điêu khắc rất đẹp. Không gian trong nhà được ngăn bằng vách ván như hình vẽ. Gian trung tâm được đặt bàn thờ, trong cùng là bàn thờ Phật còn hai bên là bàn thờ tổ tiên. Trong quyển sách chỉ lưu truyền trong hoàng gia và gia tộc có ghi " ngôi nhà này là nơi thờ tự con gái vua Thiệu Trị, nên hàng năm cả gia tộc tập trung tại đây để cúng giỗ".

*** Hưng miếu (trong Đại nội) và nhà của ông Nguyễn Tùng Chi (? Kim Long).**

Dưới đây, xin giới thiệu sơ lược về 2 công trình này. Hưng miếu là công trình xây dựng trong đại nội, nhưng trước kia nguyên là một trong số 4,5 cửa hàng buôn bán gỗ ở Kim Long được chuyển về đây dựng lại. Sau cuộc hoả hoạn năm 1951, công trình này chưa được sửa chữa lại nên còn giữ được nguyên hiện trạng từ sau khi bị cháy. Kết cấu của nhà phụ có hình thức chồng giường, còn nhà chính có kết cấu kèo chồng, tổng thể cũng giống như một điện Thái Hoà thu nhỏ.

Tất cả những công trình quan trọng trong Đại nội cơ bản đều là hình thức này. Còn ngôi nhà của ông Nguyễn Tùng Chi - một nhân vật hoạt động trong giới chính trị hiện nay, được xây dựng vào thế kỷ 19, có hình thức giống như nhà số 2, nhưng quy mô thì lớn hơn nhiều.

*** Đặc điểm của nhà Rường :**

Như trên đã nêu, hầu như tất cả các công trình trong thành nội kể cả điện Thái Hoà đều được phát triển từ loại nhà Rường này. Cốt lõi của kiểu nhà này dựa trên cơ sở phát triển từ nhà có chiều ngang 5 gian và chiều sâu 3 gian, sau đó ở phía trước người ta làm thêm một nếp hiên độc lập (Tiền Cung) và thêm chái vào hai bên. Kết cấu của nhà chính (Hậu Cung) là kèo chồng, còn kết cấu của nhà phụ được gọi là "giả thủ" nhưng căn bản thì vẫn là sự kết hợp giữa dầm và cột đội. Giữa hai mái này được nối với nhau bằng một mái có kết cấu vì vỏ cua. Điều này không nhìn thấy trong nhà ở dân gian, nhưng nhìn chung nó không liên quan gì với cấu trúc cơ bản.

Nhà Rường là hình thức nhà xây độc lập có vườn (hay còn gọi là nhà vườn). Nhưng vị trí của nhà trong khuôn viên đất dường như được bố trí theo một nguyên tắc nhất định. Về điểm này chúng tôi chưa điều tra cặn kẽ nhưng cũng có thể đưa ra một vài nhận định như sau :

1. Mặc dù có những trường hợp ngoại lệ, nhưng nhìn chung không gian sinh hoạt hằng ngày thường bố trí trong một nếp nhà riêng (nhà phụ) nằm ở bên phải hoặc bên trái của nếp nhà chính.
2. Nhà chính hướng về phía nam và trước mặt bao giờ cũng có một khoảng sân vườn nhỏ.
3. Trước mặt nhà chính được xây một bức tường trắng, đôi khi bức tường này cũng được thay thế bằng một bể nước nhỏ, hay một tấm bình phong. Tiếng địa phương tại Okinawa từ "bình phong" cũng được phát âm gần giống với Tiếng Việt (Hin bun).
4. Có trường hợp đào cả ao ở trong vườn.

10.1.c. Nhà Phố

Về kiểu nhà Phố thì chúng tôi chỉ vẽ ghi được một nhà trong khu phố chợ nằm ở phía Bắc của kinh thành dọc theo bờ sông Hương. Ngôi nhà này nằm trong khu phố Bao Vinh*. Cốt lõi của mặt bằng được tạo thành từ cấu trúc 3 gian x 3 gian, còn mặt cắt thì rất giống với kiểu nhà rường số 3 đã nêu ở trên. Vì ngôi nhà xây dựng ở mặt phố nên không thể mở rộng chiều ngang, nhưng chiều sâu thì lại được dùng phương pháp mở rộng tương tự như hình thức mở rộng của nhà rường. Có rất nhiều nhà phố không được điều tra, nhưng cũng giống như ngôi nhà này, phía trước các nhà thường được gắn thêm một mái hiên phụ, liền kề với nhà trước là một nhà hai tầng có mái độc lập. Có thể cho rằng, trước kia ở đây là sân trong nhưng đã bị bỏ đi để xây nhà. Nhà sau được xây dựng dựa trên hình thức điển hình nào thì qua cuộc điều tra này chưa xác định được rõ ràng. Hệ thống cửa trước của hai gian bên cũng giống như ở Hội An là kiểu cửa ván xếp ngang.

* Khu phố buôn bán ở Huế cũng giống như ở Hội An, nó được phát triển dựa trên sự buôn bán chủ yếu bằng đường thuỷ. Thời kỳ đầu, phía Bắc của Bao Vinh còn có một khu phố khác gọi là phố Thanh Hà, trước đây cũng do sự buôn bán sầm uất với nước ngoài mà hình thành phố. Hiện nay, tại hai đầu của khu phố này còn lại Đền thờ Quan Công. Khoảng nửa sau thế kỷ 19 theo lệnh của Vua Minh Mạng, khu phố này được chuyển về Bao Vinh gần với Kinh thành hơn. Khu phố Bao Vinh nằm ngoài khu vực đại nội và sầm uất nhất vào khoảng đầu thế kỷ 20. Hiện tại, Bao Vinh cũng là một khu phố chợ sầm uất, nhưng những yếu tố ban đầu của khu phố cổ thì còn lại rất ít. Vào khoảng đầu thế kỷ 20 còn có thêm một khu phố chợ nữa được hình thành gọi là phố Chi Lăng và có rất nhiều người Hoa đã sinh sống ở đây. Cho đến nay, tại đây vẫn còn rất sầm uất, nhưng các nhà cổ thì hầu như không còn.

10.1.d. Về nhà ở tại Huế và Hội An

Như đã nêu ở trên, nhà ở dân gian truyền thống của Huế, với nhiều hình thức, được phát triển từ kiểu nhà ban đầu là nhà rọi, nhưng nhìn chung thì giữa

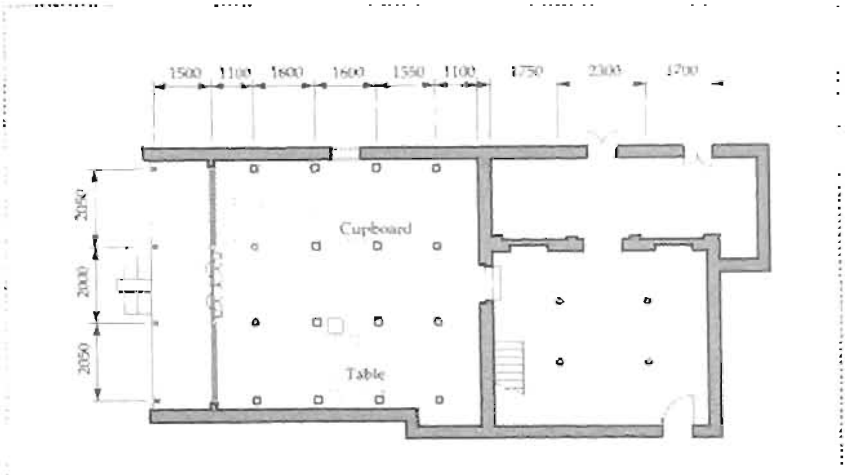

Hình 10.5. Nhà phố

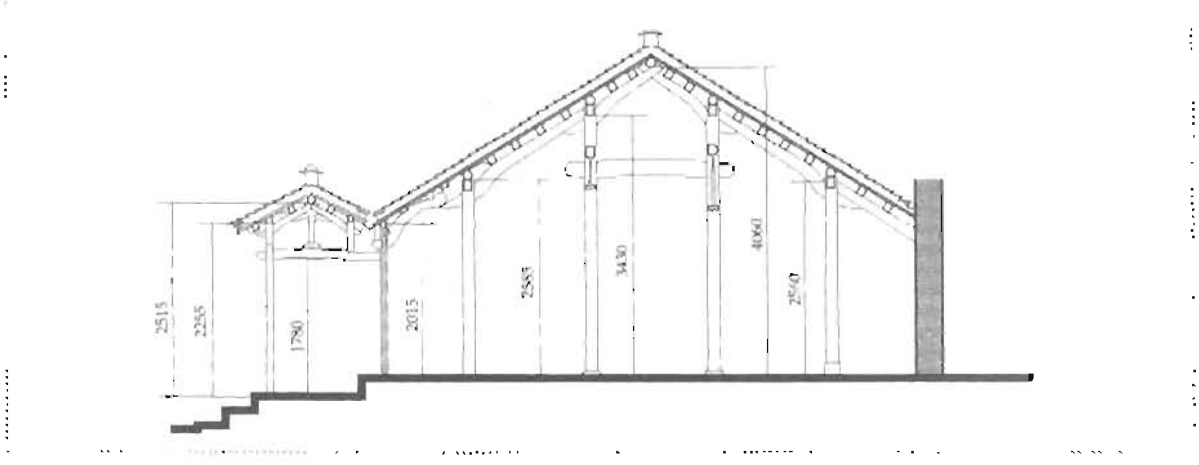

các kiểu nhà đó không có sự khác biệt quá lớn. Nhà rọi xuất hiện nhiều ở miền Trung Việt Nam, nhất là từ Quảng Trị trở vào và tập trung chủ yếu ở các vùng nông thôn. Ngược lại, hình thức nhà rường là loại nhà ở của các gia đình quý tộc. Vô tình hai kiểu nhà rọi trong các ví dụ nêu trên đều là nhà ở của những người thuộc dòng dõi nhà vua, dường như họ đã chán ghét cuộc sống mất tự do trong cung cấm cùng với sự huy hoàng và lộng lẫy của nhà rường, nên họ muốn được sống trong những nếp nhà đơn sơ thanh bạch của những người nông dân. Mặt khác, trong những khu phố chợ, việc mở rộng chiều ngang của nhà là một điều khó khăn nên đã hình thành kiểu nhà phố có cơ cấu hơi khác với nhà dân gian, nhưng về căn bản cũng được xây dựng giống như cơ cấu của nhà rường. Ngoài ra, cũng có thể lý giải nhà Phố là kiểu nhà được phát triển từ hình thức nhà rọi. Nhà ở Hội An cũng được gọi là nhà phố.

Những điểm chung của nhà ở Huế và Hội An

Qua điều tra, chúng tôi xin đưa ra một vài điểm tương đồng và khác biệt giữa nhà ở truyền thống của Huế và Hội An. Một điểm chung lớn nhất là tồn tại một không gian cốt lõi 3 gian x 3 gian. Về kết cấu thì có chung nhau hình thức sử dụng kèo chống và hiên độc lập để mở rộng nhà chính. Tuy nhiên, kết cấu vì nóc thông thường ở Huế là kết cấu kèo chống chứ không phải là kết cấu chống rường phổ biến như ở Hội An. Do đó, kết cấu chống rường rất có thể là một đặc trưng riêng của Hội An. Nhưng nhìn chung bộ khung vì kèo cơ bản của Huế và Hội An rất giống nhau. Vấn đề là ở chỗ những đặc trưng này có ở những nơi nào trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam nữa không? Theo ông Minh đây cũng là những đặc trưng được nhìn thấy rất rõ ở các khu vực của Huế, một vùng trung tâm của miền Trung Việt Nam. Nhưng chúng tôi nghĩ rằng cần thiết phải có thêm một cuộc điều tra nữa để so sánh với nhà ở dân gian Bắc Bộ Việt Nam.

Những đặc điểm khác nhau của nhà ở tại Huế và Hội An

Mặt khác, chắc ai cũng có thể nhận thấy một đặc điểm khác rất rõ ràng giữa nhà ở tại Huế và Hội An đó là mối quan hệ về vị trí trước sau của nhà chính và nhà phụ hoàn toàn ngược nhau. Tuy nhiên, trong nhà thờ họ tại Hội An thì phần phụ cũng được đặt trước phần nhà chính. Những nhà thờ họ ở Hội An cơ bản là hình thức nhà Rường. Còn nhà phố thì cũng không hẳn là một kiểu nhà hoàn toàn khác, nhưng khi xem xét mối quan hệ giữa nhà với sân trong thì ở Hội An nhà phụ bao giờ cũng nằm về phía sân trong. Như vậy, nếu như những nhà phụ của nhà phố hay điện Thái Hoà... là những không gian được tạo ra với tính chất là không gian tiền phòng (ý nghĩa đó là sự kéo dài thêm hiên) thì ở Hội An phần mái phụ này lại mang ý nghĩa là sự cấu thành không gian tiếp khách long trọng, tạo thêm chiều sâu cho nhà phố, và hơn nữa là bảo đảm sự thoải mái trong nhà. Trong phạm vi điều tra của chúng tôi thì bộ vì chống giường ở Hội An còn được trang trí lộng lẫy và có tiết diện các kết cấu của nó lớn hơn cả những bộ vì nóc ở Huế. Có nhiều khả năng đây là một đặc trưng độc đáo của nhà phố Hội An. Ngoài ra, có thể nêu thêm một số đặc trưng khác nữa của Hội An như hiện tượng ở dưới mái hiên dùng kết cấu vì vỏ cua, trên cửa ra vào phía trước nhà được gắn mắt cửa... Những điều này có thể là do người Hoa đã đem đến Hội An từ trước và bộ vì chống giường được sử dụng rộng rãi là do sở thích của người Hoa.

Xung khiêm tạ (Lăng Tự Đức - Huế)
Phần mái phụ được làm hướng về phía hồ. Đối với mái lớn, chức năng của không gian dưới mái phụ rất rõ ràng. Tuy nhiên, kết cấu của mái phụ này là kèo có cột đội.

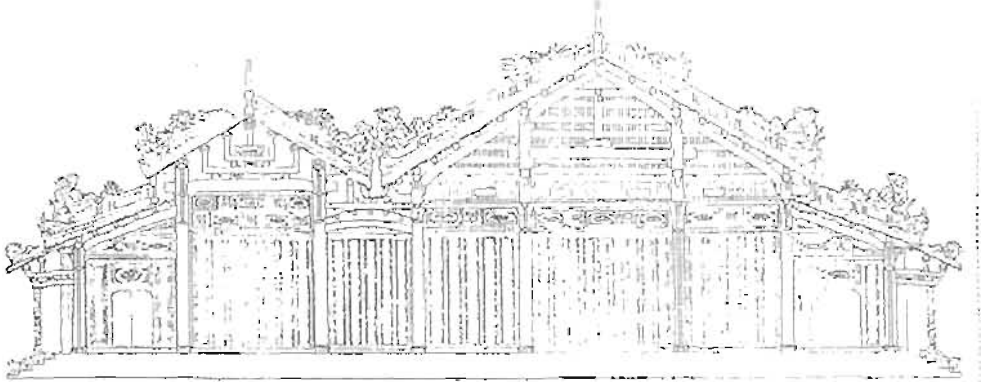

Hình 10.6. Điện Thái Hoà (Huế)
Nếu không nói đến quy mô và trang trí, kết cấu cơ bản hoàn toàn giống với nhà ở

Hình 10.7 Nhà dân gian ở làng Đình Bảng

10.2 SO SÁNH VỚI NHÀ Ở DÂN GIAN THUỘC ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ VIỆT NAM

Để làm sáng tỏ hơn nữa những đặc trưng của phố cổ Hội An, chúng tôi đã khảo sát vẽ ghi 3 nhà nông thôn ở một số làng nằm ven Hà Nội. Ngoài ra, chúng tôi cũng điều tra thêm một số nhà trong khu vực 36 phố phường Hà Nội.

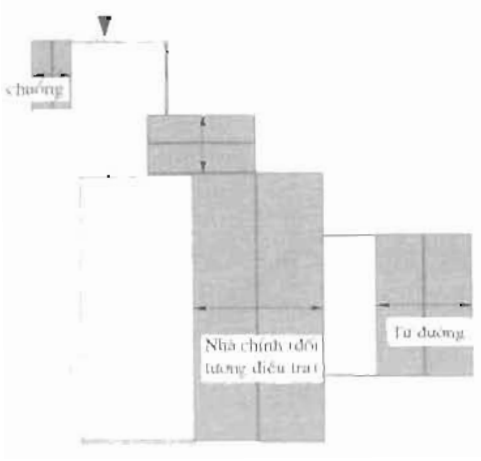

Nhà ở dân gian tại làng Đình Bảng

Đình Bảng là một làng cổ thuộc tỉnh Bắc Ninh. Trong làng hiện còn có một ngôi đình rất đẹp. Ngôi nhà được chọn để điều tra là ngôi nhà nằm ở cuối xóm. Phía trước nhà có một khoảng sân gạch và xung quanh nhà được bao bọc bởi những nhà hàng xóm khác. Ngôi nhà dựa trên cơ sở mặt bằng cốt lõi là 3 gian x 3 gian. Phần cốt lõi này được bao bọc bởi tường đất và mỗi bên được mở rộng thêm một gian. Ngoài ra, mặt trước nhà được làm thêm 1 hàng hiên nhỏ hướng về phía sân. Mỗi bên nhà được mở rộng thêm một chái, hai chái này và phần hiên phía trước đều nằm dưới cùng một mái chính, nếu nhìn từ ngoài vào thì gian bên trái là kho để đồ đạc, còn gian bên phải vừa được sử dụng làm phòng ngủ, vừa làm bếp.

Trong phần cốt lõi 3 gian x 3 gian của nhà, bàn thờ được đặt tại góc trong cùng của gian giữa, xung quanh đó được bố trí giường và bàn ghế. Chiều rộng bước cột cái (theo chiều sâu của nhà) chiếm 44,9% so với tổng chiều sâu, nghĩa là chiếm khoảng 8/18 (44,4%) phần. Hoành được bố trí theo kiểu 3-5-3. Gian giữa của bước cột theo chiều ngang là lớn nhất và về hai bên các gian có kích thước giảm dần. Tất cả các cột đều có tiết diện tròn.

Kết cấu chính của nhà là hệ thống vì kèo bằng gỗ. Gian giữa hai cột cái và cột quân, cột quân và cột hiên được nối với nhau bằng kèo, còn vì nóc ở gian giữa hai cột cái là hình thức thanh rường nằm ngang đặt trên các đầu hình vuông. Các kèo có hình uốn cong như một con tôm có chức năng giống như kèo ở Hội An và đóng vai trò kết cấu quan trọng. Tuy nhiên cũng tìm thấy một điểm khác nhau rất rõ rệt trong kết cấu của nhà phố Hội An và ngôi nhà này. Cụ thể, trong trường hợp này đầu phía trên của kẻ ăn mộng vào cột còn đuôi kẻ nằm ngang trên xuyên (còn tại Huế và Hội An thì đầu kèo dưới được đặt trên đuôi kèo trên xuyên qua cột). Do đó mà dáng cong của kèo ở đây khác với hình dáng của kèo ở Hội An.

Tuy nhiên vấn đề không phải ở chỗ dầm phía dưới đặt trực tiếp lên dầm phía trên, mà dầm phía dưới được đặt theo phương nằm ngang, phía trên đó đặt kèo nóc và cột đội. Nói cách khác, không kể là gian giữa hai cột cái hay giữa cột cái và cột quân thì đều được liên kết bằng dầm nằm theo phương ngang (quá giang). Đây cũng là một đặc điểm khác rõ rệt với nhà phố Hội An.

Thanh dầm ngang (xà lòng và quá giang) nằm xuyên hết chiều sâu của nhà, còn ở Hội An thì thanh dầm ngang ở vị trí này chỉ nối gian giữa hai cột cái. Cũng giống như trong nhà phố Hội An, xà lòng được chốt với cột bằng các then gỗ. Ngoài ra, tiết diện của quá giang cũng giống như tiết diện của trính ở Hội An.

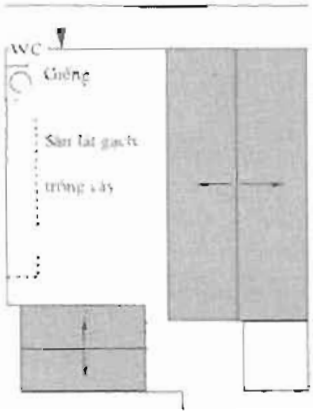

Vì kèo nằm cách hoành một khoảng tương đối rộng nên hoành không được đặt trực tiếp lên kèo, do đó trên lưng của kèo được đóng thêm một tấm ván (ván dong) có tác dụng đỡ hoành và tạo nên độ nghiêng đều của mái. Khi đặt hoành vào ván dong người ta thường kê thêm một miếng gỗ nhỏ được gọi là guốc hoành.

Nhà thờ họ Đàn - xã Sơn Đông

Xã Sơn Đông là một xã phát triển nghề sản xuất tượng Phật, thuộc tỉnh Sơn Tây, sát với ngoại thành Hà Nội. Chúng tôi đã tiến hành khảo sát hai ngôi nhà ở xã này, chúng có kết cấu vì kèo tương tự như nhà đã nêu trên. Một trong hai nhà được giới thiệu là nhà thờ họ, tất nhiên nó cũng được sử dụng để ở. Trong nhà, ba gian chính có vách ngăn phân biệt với hai gian chái ở hai bên. Tuy nhiên, ngôi nhà này không có hàng hiên phía trước. Chiều sâu gian cột cái chiếm 46,3% so với tổng chiều sâu của nhà, tỷ lệ này cũng gần giống với giá trị 8/18 (44,4%). Số lượng thanh hoành cũng phân bố theo kiểu 3-5-3. Các bước cột theo chiều ngang của nhà có giá trị gần bằng nhau. Tất cả các cột đều có tiết diện tròn.

Trong ngôi nhà này, có đồng thời ba kiểu vì nóc, đó là: bộ vì tại vị trí của bức thuận có hình thức giống như ngôi nhà ở Đình Bảng nêu trên, dương nhiên, nó được điêu khắc rất phong phú. Kết cấu bộ vì ở gian giữa là kiểu vì kèo chuyền giá chiêng, là kết cấu kết hợp giữa kẻ và trụ ngắn. Tuy nhiên nếu quan sát kỹ thì thấy rằng toàn bộ phần vì nóc này giống như một bộ vì kết cấu hoàn chỉnh thu nhỏ. Bộ vì tại vị trí gần với tường hồi hai bên là hình thức vì tam giác có cột đội ở giữa. Bộ vì này, hoàn toàn khác với bộ vì ở gian giữa và kích thước các kết cấu rất bé, có thể thấy rằng: đây không phải là kết cấu được làm một cách chính quy.

Tường sau của ngôi nhà này là tường của nhà 2 tầng ở giữa

Nhà số 87 Mã Mây - Hà Nội

Khu vực 36 phố phường ở Hà Nội quả là một khu phố có mật độ nhà ở và dân cư đông đúc. Có thể ở thời kỳ đầu, những ngôi nhà trong khu phố này có chiều rộng mặt tiền bằng nhau, nhưng hiện tại, tình trạng các ngôi nhà đã bị chia nhỏ và cải tạo lại đang được diễn ra một cách mạnh mẽ. Do đó, rất khó có thể xác định được hình thức kết cấu điển hình của khu phố này. Nhưng chúng tôi cũng xin giới thiệu một ngôi nhà có kết cấu gỗ truyền thống hai tầng, tuy nhiên nếu nói một cách chính xác hơn là tầng hai có kết cấu gỗ (nhưng tường và cột tầng 1 là kết cấu gạch) nằm trên tầng một xây gạch. Phía trên trần của tầng một nhà trước và nhà sau được nằm tại vị trí sân trong. Hình vẽ dưới đây là mặt cắt của nhà trước, có thể thấy rằng nó có hình thức kết cấu tương tự như ngôi nhà ở làng Đình Bảng. Tuy nhiên, ở đây người ta đã sử dụng

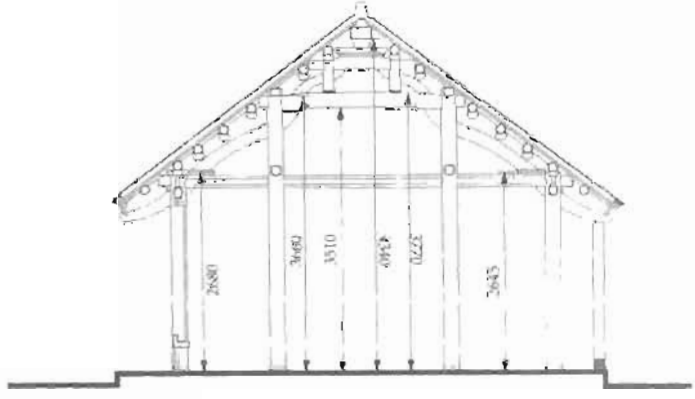

Hình 10.8. Nhà thờ họ Đoàn (xã Sơn Đồng)

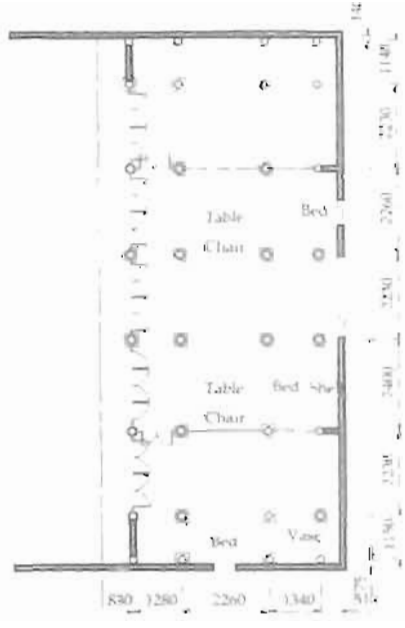

một dầm ngang chạy hết chiều dài của nhà để trốn bớt cột. Hơn nữa, kết cấu vì nóc là chồng rường đấu nhưng các đấu có kích thước rất bé, nhìn qua tường như các thanh rường được đặt trực tiếp lên nhau.

Ngoài kiểu trốn cột như trên thì còn có những hình thức trốn cột khác, đặc biệt là kiểu trốn một cột cái phía trước thường gặp trong nhiều nhà mới xây dựng ở nông thôn. Như ở phần sau sẽ nêu, ở Hội An cũng có những trường hợp trốn cột trong những nhà mới được cải tạo lại. Có thể nói đây là một hiện tượng giống như trường hợp biến đổi kiểu mặt bằng 3 gian x 3 gian.

** Một số nhà khác*

Ngoài những nhà nêu trên, về cơ bản chùa, đình và miếu mạo ở miền Bắc Việt Nam có hình thức kết cấu giống như nhà ở dân gian. Ở một số tỉnh nằm về phía Nam Hà Nội như Nam Định, Ninh Bình mặc dù có rất nhiều nhà thờ Thiên Chúa giáo, nhưng những nhà thờ này cũng được xây dựng theo hình thức từ 7 đến 9 gian. Tuy nhiên, mặt trước lại nằm về bên tường hồi, nghĩa là, lấy mặt bên làm mặt đứng chính. Hai thánh đường phụ nằm hai bên thánh đường chính trong nhà thờ Phát Diệm nổi tiếng được làm bằng đá có tỷ lệ của chiều sâu gian cột chính (tương ứng với chiều ngang của nhà thờ) trên toàn bộ chiều sâu là 44,9% và 45,6% (ở Đại thánh diện của nhà thờ thì tỷ lệ này là 58,4%). Như vậy, nếu như trong kết cấu ở Hội An, kích thước chiều sâu bước cột cái không tuân theo một nguyên tắc nào thì ở Bắc Bộ Việt Nam thông thường độ lớn của bước cột cái trong một vì kèo được tuân theo nguyên tắc 8/18. Đây cũng là một điểm khác nhau giữa nhà phố Hội An với nhà ở dân gian Bắc Bộ. Chúng tôi nghĩ rằng cần thiết phải tiếp tục điều tra về vấn đề này.

* Nhà thờ họ Đông Đạc: 7 gian, chiều rộng gian cột cái: 3,64m; chiều rộng gian bên: 2,33m

** Nhà thờ làng Dong: 7 gian, chiều rộng gian cột cái: 3,77m; chiều rộng gian bên: 2,25m

*** Đại thánh đường Phát Diệm: 9 gian, chiều rộng gian cột cái: 3,64m; chiều rộng gian bên: 2,33m

Hình 10.9. Nhà số 87 Mã Mây (Hà Nội)

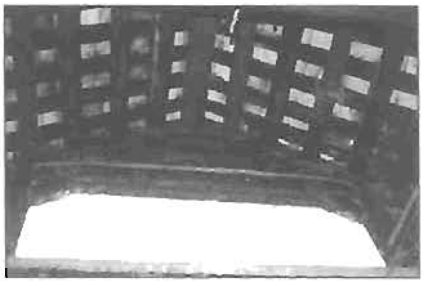

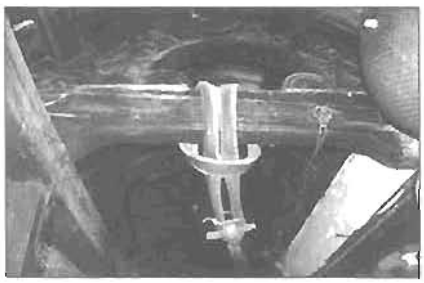

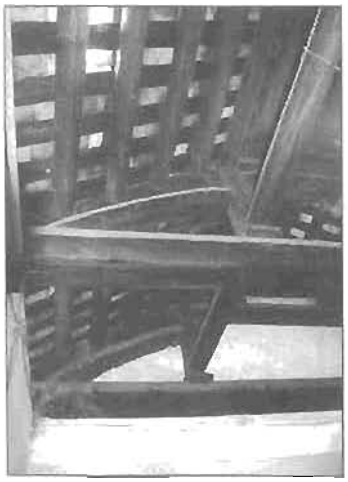

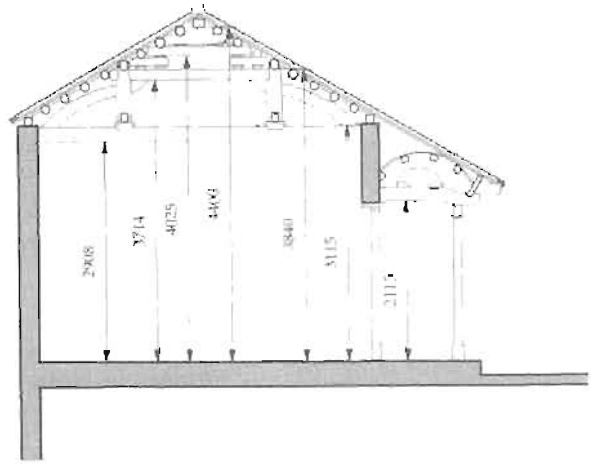

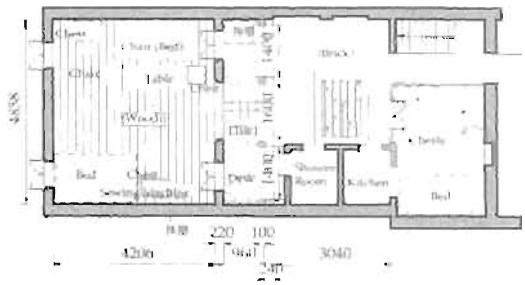

Hình 10.10. Mặt đứng dãy phố: Bất kể phố cổ của châu Âu hay châu Á, các dãy phố đều có những điểm tương đồng

Hình 10.11. So sánh nhà phố của Việt Nam và Nhật Bản

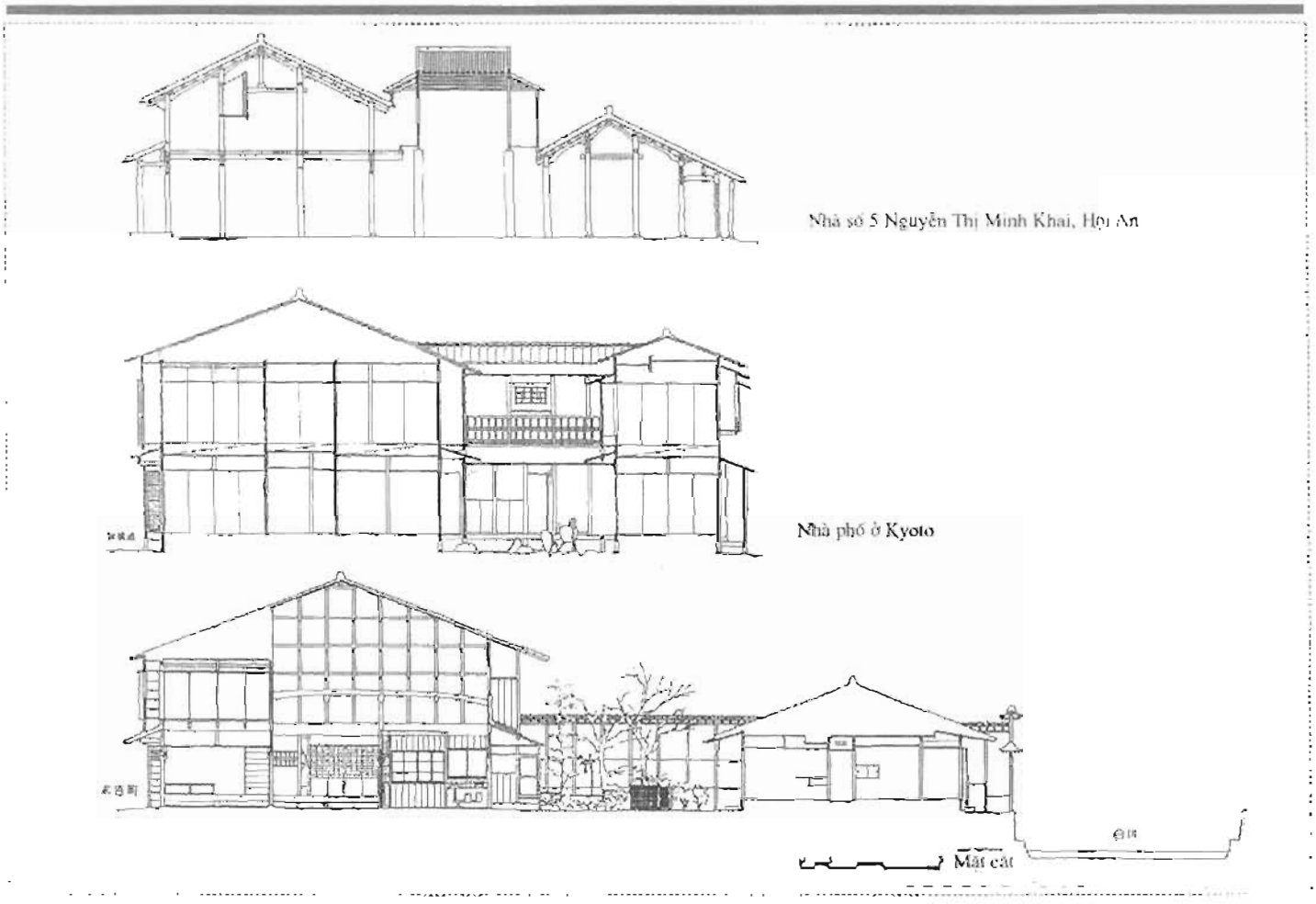

10.3. SO SÁNH VỚI NHÀ PHỐ CỦA NHẬT BẢN

Chúng tôi cũng tiến hành so sánh nhà phố Hội An với một số nhà phố của các nước trên thế giới. Ở đây chúng tôi muốn so sánh với nhà phố của Nhật Bản, không phải vì lý do Hội An đã từng là khu phố của người Nhật, mà do chúng tôi chỉ biết và hiểu rõ nhất về các khu phố cổ ở Nhật Bản.

Trong hình vẽ là mặt đứng của phố cổ Hội An và phố cổ ở Kyoto được vẽ trên cùng một tỷ lệ. Qua đó dễ dàng nhận thấy chúng có nhiều điểm giống và khác nhau. Đầu tiên, chúng tôi xin nêu lên những điểm giống nhau.

10.3.a. Điểm tương đồng - tính phổ biến của nhà phố

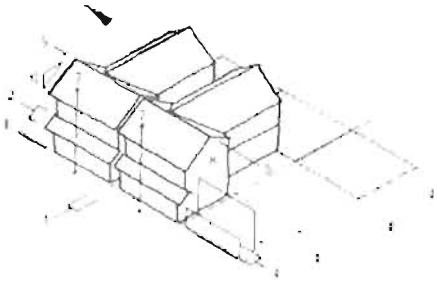

1. Tiếp xúc với mặt đường
2. Có hiên phía trước
3. Liên tường với nhà cận kề
4. Tường tầng 2 hơi thụt vào so với tường tầng 1
5. 2 mái dốc về phía trước và phía sau, tuy nhiên đối với khuôn viên đất hình chữ nhật thì lại sử dụng dạng 4 mái
6. Độ dốc mái gần như giống nhau
7. Ngoài những nhà xây trên khuôn viên đất hình chữ nhật còn lại đều có mặt đứng đối xứng
8. Tường 2 bên không trổ cửa sổ, chủ yếu lấy ánh sáng từ ngoài đường vào

Hình 10.13. Nguyên tắc hình thành nhà phố ở Nhật Bản; phần lớn nhà cổ ở Hội An cũng tuân thủ theo nguyên tắc này.

Đầu tiên, khuôn viên đất của nhà phố có mặt tiền hẹp và chiều sâu dài. Đây cũng là một đặc trưng của các khu phố ở Châu Âu. Sự bố trí nhà trong khuôn viên đó cũng rất giống nhau. Ở Nhật Bản, sát với đường là nhà chính, tiếp đó là sân trong rồi mới đến nhà sau. Cấu trúc này hoàn toàn giống với cấu trúc nhà ở Hội An (Nhà trước - sân trong - nhà cầu - nhà sau). Ngôi nhà chỉ có phía trước và phía sau là thông thoáng còn hai bên đều bị xây tường. Về qui mô thì cũng rất giống nhau, thông thường nhà phố ở Tokyo có chiều sâu khoảng 30m và ở Hội An cũng tương tự như vậy. Tầng một của nhà 101 Nguyễn Thái Học có một mái hiên nhô ra phía trước rất giống với nhà phố ở Kawagoe (Nhật Bản). Mái hiên này có vai trò giống như những hành lang vòm (Colonnade & arcade) thường nhìn thấy tại các khu phố cổ ở Châu Âu.

Đương nhiên, những điểm giống nhau nêu trên không có liên quan đến việc Hội An đã từng là khu phố của người Nhật. Mà những điều đó là những đặc trưng có thể quan sát ở bất kỳ khu phố nào. Nếu giải thích một cách cặn kẽ hơn thì:

1. Mặt tiền hẹp và chiều dài sâu là do ảnh hưởng của cách sinh hoạt đường phố. Trên một đoạn phố bị giới hạn làm sao có thể mở ra nhiều cửa hàng. Đồng thời, phải kể đến cả mục đích là làm sao cho khu phố buôn bán được trở nên tấp nập. Ngoài ra "cận kề" là một bản chất của đô thị.
2. Sân trong để bảo đảm ánh sáng và thông gió cho ngôi nhà. Trên khuôn viên lớn các nhà nhỏ được xây dựng tách rời bởi những nếp mái riêng. Điều này có ý nghĩa mang tính chức năng và tính xã hội, việc đặt một nếp nhà hướng ra mặt đường nhằm mục đích không làm mất đi không khí sầm uất của khu phố chợ.
3. Mái hiên trước nhà không chỉ để che nắng mưa cho người qua lại và hàng hoá trong nhà, mà còn đóng một vai trò là không gian giao lưu rất quan trọng giữa không gian công cộng ngoài đường phố và không gian riêng ở trong nhà. Hình 10.13 biểu thị một số đặc trưng của nhà phố ở Kawagoe của Nhật Bản nhưng tất cả những điều đó đều đúng với nhà phố ở Hội An.

10.3.b. Điểm khác biệt - Tính khu vực

Bên cạnh những điểm giống nhau đã nêu ở trên thì hai khu phố trên cũng có nhiều điểm khác nhau. Đầu tiên có thể nói rằng: cùng là kết cấu gỗ nhưng cấu trúc gần như hoàn toàn khác nhau. Nhà phố ở Hội An hầu hết là 3gian x 3gian và tổng số có 16 cột, nhưng nhà phố của Nhật Bản thì lại sử dụng rất nhiều cột, còn kết cấu bộ khung là sự kết hợp giữa dầm ngang và cột đội.

Thông thường trong nhà ở của Nhật Bản người ta sinh hoạt trên sàn cách mặt đất khoảng 40-50cm, chỉ có bếp và phần sàn vừa được kết hợp làm lối đi thông từ trước ra sau nhà là nằm trên nền đất nện. Trong khi đó ở Hội An, lối đi từ trước ra sau nằm ở chính giữa nhà. Còn ở Nhật Bản thì nằm lệch về phía bên phải hay bên trái, sát với tường bên. Do đó, nhiều trường hợp mặt đứng của nhà phố ở Nhật Bản không có tính đối xứng (cũng có một số trường hợp ngoại lệ).

Như vậy, ở cả hai khu phố đều biểu hiện những đặc tính riêng của từng địa phương, tuy nhiên về sự cấu thành cơ bản thì chúng rất giống nhau.

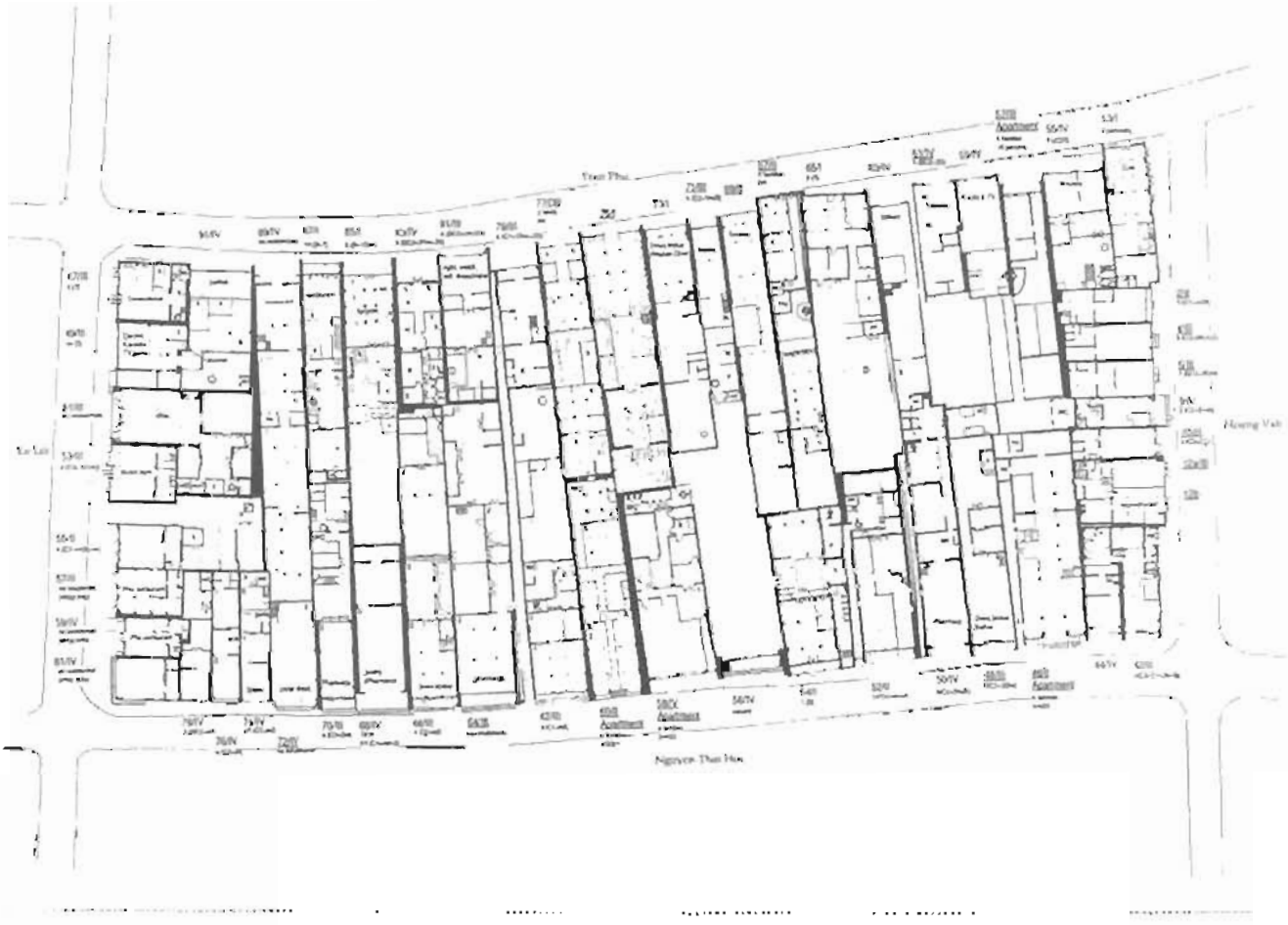

Hình 10.12. Một ô phố (Block) ở Hội An

10.4. NHỮNG ĐẶC TRƯNG CỦA KHU PHỐ HỘI AN. NHỮNG YẾU TỐ CẦN BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY

Qua những điều đã nêu ở trên chúng tôi thấy rằng: về cấu trúc cơ bản của phố cổ Hội An mang đặc tính phổ biến chung cho loại hình nhà phố ở đô thị, về kết cấu và trang trí mang hình thức của miền Trung Việt Nam. Hơn nữa, chúng tôi cũng đã làm rõ được một số đặc tính cố hữu biểu hiện trong kiến trúc của Hội An. Như vậy, đối với việc bảo tồn khu phố Hội An, bên cạnh việc phải đưa ra những cơ sở để trả lời câu hỏi "Tại sao phải bảo tồn?" thì còn phải trả lời thêm câu hỏi "Phải bảo tồn những yếu tố gì?".

10.4.a. Những đặc tính phổ biến của nhà phố nhất thiết phải được duy trì

Dưới đây là một số đặc tính phổ biến và cơ bản nhất cấu thành nên nhà phố cần được kế thừa và duy trì, đó là:

1. Các nhà nhỏ trong khuôn viên được xây với các nếp mái riêng.
2. Nhà quan trọng nhất phải được tiếp xúc với mặt đường chính.
3. Duy trì sự tồn tại của sân trong.
4. Giới hạn việc xây dựng nhà hai tầng.
5. Để một mái hiên sâu phía trước nhà.
6. Làm nhà kiểu hai mái đốc hướng về phía đường.
7. Sử dụng một số vật liệu và phương pháp xây dựng truyền thống.

Tại sao lại phải bảo tồn những yếu tố nêu trên? Đó là vì những đặc trưng nêu trên có một ý nghĩa quan trọng liên quan đến tổng thể và cơ cấu tổ chức của một khu phố cổ. Hình vẽ bên là một ví dụ về ô phố tập trung những ngôi nhà bảo đảm được những đặc trưng thiết yếu.

Cụ thể là cần phải biến hai điều sau trở thành hiện thực :

1. Bảo vệ đến mức tối đa cảnh quan môi trường trong khu phố cổ có mật độ ở dông đúc.
2. Tạo nên những không gian mang tính hấp dẫn ngoài đường phố nhằm làm sống lại cảnh nhộn nhịp vốn có của những khu phố chợ.

Có nghĩa là hai điều trên sẽ là câu trả lời cho việc gìn giữ môi trường cảnh quan và lợi ích về mật độ, làm sống lại tối đa những yếu tố lịch sử.

10.4.b. Cần phải kế thừa những đặc tính riêng của khu phố Hội An

Bên cạnh sự duy trì những đặc tính chung của khu phố chợ, cần thiết phải gìn giữ cả những đặc tính đặc thù của phố cổ Hội An. Tổng hợp lại những lý luận đã được nêu ra thì kiến trúc ở Hội An là :

1. Cơ bản vẫn là kiến trúc mang nhiều tính đặc trưng của miền Trung Việt Nam.
2. Người Hoa đã kết hợp thêm vào đó những trang trí của họ.
3. Hình thức riêng được tạo thành và phát triển kết hợp với yếu tố vị trí. Ở đây, những yếu tố Tây Âu được thâm nhập vào là một biểu hiện của sự giao thương quốc tế và sự tiếp xúc, tiếp nhận nhiều yếu tố ngoại lai. Cụ thể là những điểm nêu dưới đây:
   a/ Kết cấu kèo chồng (đặc điểm chung với Huế).
   b/ Cơ cấu mặt bằng cơ bản là 3 gian x 3 gian (đặc điểm chung của Việt Nam).
   c/ Tính đối xứng (cả mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt, điểm chung của Việt Nam).

d/ Kết cấu của nhà phụ (của nhà trước hoặc nhà sau) có kết cấu vì chồng rường (đặc điểm riêng của Hội An).

e/ Hệ thống cửa ván xếp ngang thả từ trên xuống ở giữa các bước cột.

g/ Trang trí điêu khắc phong phú (đặc biệt là mắt cửa, một đặc trưng riêng của Hội An).

h/ Đường cong mềm mại của mái.

i/ Vật liệu địa phương.

* * *

Tóm lại, qua quá trình điều tra thực tế tại khu phố cổ chúng tôi đã thấy được lý do phải bảo tồn chúng. Những điều nêu trên là những yếu tố cần thiết phải bảo tồn của khu phố này. Ví dụ chúng có thể trở thành tiêu chuẩn cơ bản trong việc sửa chữa và trùng tu. Hoặc trong trường hợp những nhà loại 4 muốn xây dựng lại thì nên thiết kế như thế nào cho phù hợp. Làm sao để có được một thiết kế phù hợp với tổng thể của phố cổ là một chủ đề cần được quan tâm. Đương nhiên, khi ứng dụng những điều trên vào thực tế chắc chắn sẽ còn tồn tại rất nhiều khó khăn và nảy sinh nhiều nguyên nhân phức tạp khác. Phần tiếp theo đây xin được bàn luận về vấn đề này, sau đó tại phần 4 một lần nữa sẽ nêu lại vấn đề "Cần bảo tồn cái gì và như thế nào đối với khu phố cổ Hội An"

PHẦN BA NGÔI NHÀ TRUYỀN THỐNG VÀ CUỘC SỐNG HIỆN ĐẠI

CHƯƠNG 11: CUỘC SỐNG SINH HOẠT TRONG NGÔI NHÀ PHỐ TRUYỀN THỐNG

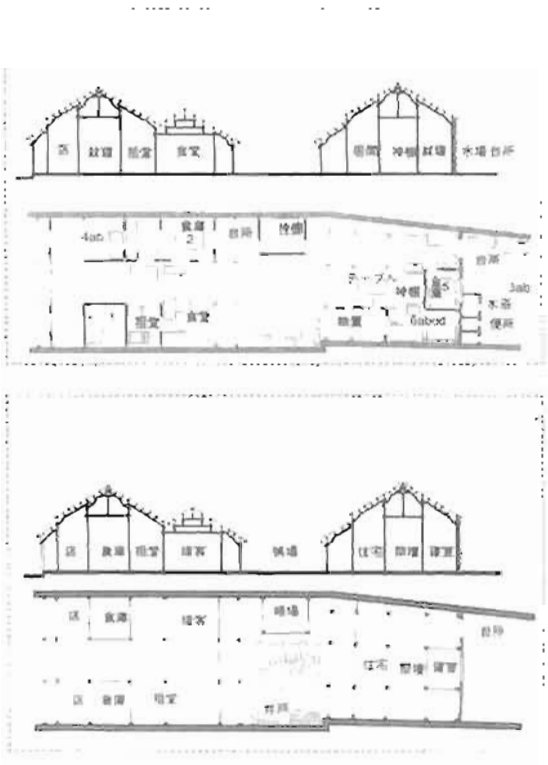

Hình 11.1. Cách sinh hoạt trong nhà số 48 Trần Phú (Hình trên: hiện tại, hình dưới: trước kia)

11.1. CÁCH SINH HOẠT XƯA

Đầu tiên chúng ta hãy cùng tìm hiểu xem trong những ngôi nhà cổ trước kia con người đã sinh hoạt như thế nào? Do đô thị cổ Hội An ra đời gắn liền với tính chất thương nghiệp nên mục đích xây dựng nhà trước kia có rất nhiều điểm khác so với ngày nay. Chúng ta chỉ có thể hình dung được điều này qua lời kể của những người đã từng sống trong thời kỳ đó. Tuy nhiên, những điều thu thập được qua lời kể lại không phải là một cơ sở khoa học để khẳng định chắc chắn điều gì. Trong nhà phố Nhật Bản, cũng gặp phải trường hợp tương tự như vậy, một trong các lý do là không gian trong nhà không được phân định rõ ràng, nên rất khó phân biệt được đâu là phòng khách đâu là phòng ngủ... ngay cả sự bố trí trong các không gian cũng không được rạch ròi. Một lần nữa chúng tôi lấy nhà số 48 Trần Phú làm dẫn chứng.

Hiện nay, trong ngôi nhà này gồm 6 gia đình có quan hệ họ hàng, với tổng số 12 người đang sinh sống, chủ nhà năm nay 66 tuổi. Trong đó có 3 người sống độc thân, một gia đình có một con, một gia đình có hai con và một gia đình chỉ có một mẹ và một con. Gia đình có một con sống trong căn nhà mới xây nằm phía trong cùng của khuôn viên nhà. Các gia đình khác sống trong ngôi nhà cổ được sắp đặt và bố trí như hình vẽ 11. Bếp của mỗi gia đình cũng riêng biệt. Tất nhiên đây không phải là cách sinh hoạt trước kia của ngôi nhà này. Theo lời kể của chủ nhà chúng ta có thể hình dung ra cuộc sống sinh hoạt trước kia như sau:

Về cơ bản nhà trước là không gian để bán hàng, nhà sau là không gian dùng cho sinh hoạt. Nhà cầu là nơi giao dịch buôn bán, thu tiền. Gian đầu tiên từ đường vào nhà trước là chỗ bán hàng, gian tiếp theo được ngăn bằng vách gỗ là kho hàng hoá. Kho này được đóng ván trần do đó không gian từ ván trần trở lên đến mái cũng được dùng làm kho khi cần thiết. Gian thứ ba, bàn thờ được bố trí hướng về sân trong. Không gian tạo bởi phần mái của nhà phụ tiếp sau nhà chính ở nhà trước là nơi tiếp khách. Ở nhà sau chỉ có một gian giữa nằm trong cùng được ngăn lại bằng vách, còn lại là không gian liên thông. Phòng được ngăn ra này có một cửa sổ gần giống như phòng ngủ hay phòng thay quần áo trong nhà ở dân gian của Nhật Bản. Hiện nay, tại gian giữa nằm ngay sát với sân trong được đặt một bộ bàn ghế dài, nhưng trước kia ở đây là chỗ sinh hoạt chung của cả gia đình. Có nhiều khả năng không gian phía trước phòng được ngăn ra, nhà sau là chỗ đặt bàn thờ hướng về phía sân trong.

Ở Việt Nam người ta thường dùng một tấm phản khoảng một binh (tương đương với 3,3m2) để làm giường (trên đó có mắc màn). Ngoài tác dụng dùng làm giường ngủ, phản này còn được sử dụng cho những sinh hoạt khác và dễ dàng di chuyển. Do đó, nó có thể đặt ở bất kỳ chỗ nào trong nhà và theo đó chỗ ngủ cũng được thay đổi theo. Tuy nhiên, phản thường hay được đặt tại gian bên, đây cũng là một chỗ ngủ, nhưng tuỳ thuộc vào khí hậu của từng mùa mà nó có thể di chuyển đến vị trí gần với sân trong hơn. Ngoài ra, tại không gian cửa hàng của nhà trước thì buổi tối cũng có thể biến thành chỗ ngủ. Bếp, vệ sinh và nhà tắm được đặt ở trong cùng của khuôn viên nhà gắn liền với một khoảng sân nhỏ.

Đối với nhà hai tầng, toàn bộ tầng hai của nhà trước được dùng làm kho. Đa số các trường hợp đều có một lỗ hở trên sàn tầng hai là chỗ để đưa hàng hoá lên xuống (Nhà 80 Trần Phú). Nếu như trong nhà một tầng bàn thờ được đặt ở gian giữa thì trong nhà hai tầng bàn thờ được đưa lên tầng hai. Điều này có ảnh hưởng đến sự thay đổi vị trí của cột trong nhà hai tầng.

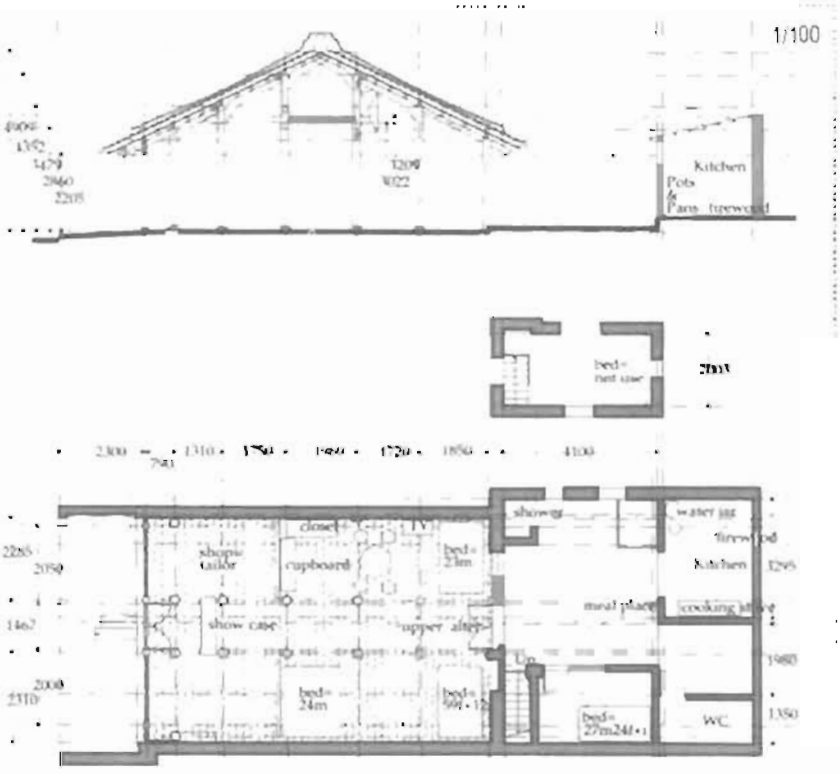

Hình 11.2. Một ví dụ về cách sinh hoạt trong nhà ở truyền thống (Nhà số 102 Trần Phú)

Nhà chính phía Tây, giữa nhà đặt bàn, trong góc sát tường đặt gương

Phía nam sân trong, tường sau của nhà chính, phía bên trái là cầu thang lên tầng 2

Phía Bắc sân trong, bên trái là bếp, bên phải là kho, trong cùng là khu vệ sinh

Lối đi ở giữa nhà (ảnh nhìn về phía sân trong)

Sân trong nằm về phía bên trái của nhà chính, phía trước mặt là phòng tắm

Phía đông của nhà chính, tủ kệ kẹp giữa giường ở 2 góc

Phía tây của sân trong, bên trái là phòng tắm, giếng và bể chứa nước, bên phải là bếp

Phía đông của sân trong: phòng riêng và bàn ăn, bên phải là cầu thang lên tầng 2

11.2.a. Trước khi thực hiện bước phân tích

Ở đây xin nêu một vài trường hợp để qua đó phân tích cách sinh hoạt hiện nay đang được diễn ra như thế nào trong những ngôi nhà phố truyền thống ít bị sửa chữa. Có thể thấy rằng rất khó để nắm bắt được xu hướng biến đổi trong cách sinh hoạt và đây cũng là một vấn đề hay được đề cập đến đối với nhà phố truyền thống ở Nhật Bản. Mặc dù đều gọi là "nhà phố" nhưng chúng cũng có nhiều hình thức khác nhau với qui mô không thống nhất, cơ cấu gia đình, cửa hàng... là những yếu tố làm nảy sinh các hình thức khác nhau. Dù cho qui mô của nhà có giống nhau nhưng mỗi nhà được xây dựng trên những khu đất khác nhau thì hình thức kiến trúc của chúng phần nào cũng khác nhau. Ngoài ra, tập quán sinh sống của người Nhật Bản cũng giống như ở các nước châu Âu là không cố định về công năng, ngay ở Việt Nam chúng ta cũng dễ dàng nhận thấy rằng công năng của các không gian cũng không cố định. Cách sử dụng không gian được biến đổi theo thời gian. Nhiều khả năng chỗ ngủ được di chuyển cùng với chiếc giường và vách ngăn chia không gian cố định được giản lược đến tối đa. Tuy vậy vẫn có thể tìm thấy một xu hướng chung trong cách sinh hoạt ở đây.

Chúng tôi tiến hành lập một ma trận giữa qui mô ngôi nhà (yếu tố cứng về hình thức) và qui mô gia đình (yếu tố mềm về sinh hoạt). Qua đó cho thấy, yếu tố thứ nhất không có liên quan gì với niên đại của nhà, do đó dựa vào qui mô của nhà để phân loại như sau (Hình 11.3).

1. Loại 1+0: Những nhà chỉ có một nhà trước một tầng
2. Loại 1*+0: Những nhà được cấu thành từ nhà trước một tầng có nhà phụ
3. Loại 1*+1: Những nhà được cấu thành gồm cả nhà trước và nhà sau một tầng (Nhà trước có nhà phụ)
4. Loại 1*+2: Những nhà được cấu thành từ nhà trước một tầng và nhà sau hai tầng
5. Loại 2*+0: Những nhà chỉ có một nhà trước hai tầng
6. Loại 2+1: Những nhà được cấu thành gồm nhà trước hai tầng và nhà sau một tầng
7. Loại 2+2: Những nhà được cấu thành gồm cả nhà trước và nhà sau đều hai tầng

Tuy nhiên, có rất ít loại 1*+2 và 2+1 mà cho đến nay vẫn còn giữ được tương đối nguyên vẹn hình dáng ban đầu nên đã không xác định được xu hướng sinh hoạt của hai loại nhà này.

Về không gian sử dụng, có thể phân thành tám loại không gian sau: cửa hàng (Shop), chỗ sản xuất (Workshop), không gian sinh hoạt chung (Livingroom), bàn thờ (Altar), bếp (Kitchen), khu vực bể nước và vệ sinh (Sanitary). Tại Hội An nhìn chung cả nhà trước và nhà sau đều được xây dựng theo kiểu 3 gian x 3 gian, chúng tôi đã dùng màu để phân biệt các không gian nói trên và tiến hành phân tích chúng. Dưới đây là kết quả phân tích dựa trên sự phân loại theo qui mô nhà.

Hình 11.3. Phân loại kiểu nhà truyền thống theo quy mô của nhà

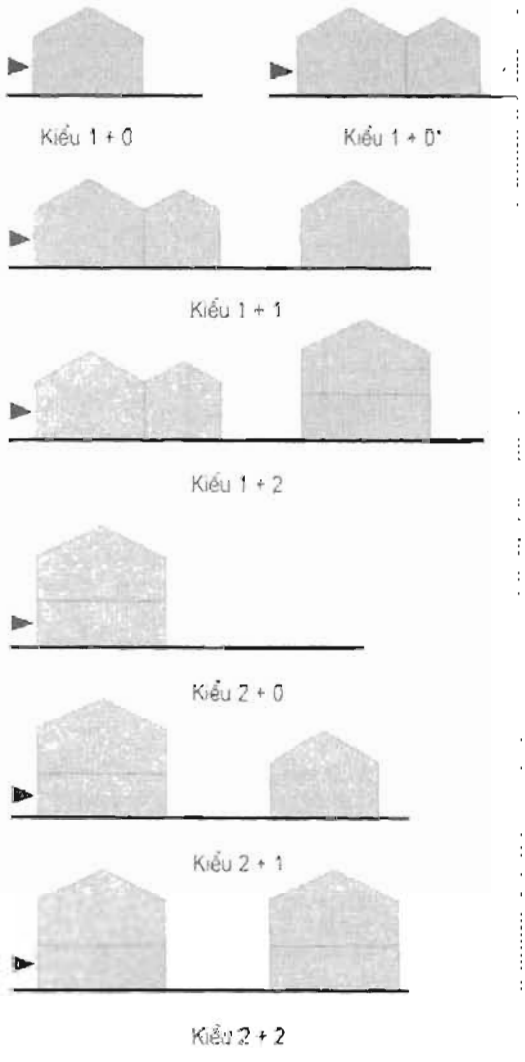

11.2.b. Cuộc sống sinh hoạt trong ngôi nhà chỉ có nhà trước (một tầng không có nhà phụ)

1. Đối với trường hợp có cửa hàng buôn bán thì không gian cửa hàng chỉ là một gian phía trước, rất hiếm những nhà sử dụng đến gian thứ hai để làm cửa hàng. Gian thứ hai thường để đặt bàn thờ và là không gian sinh hoạt chung của cả gia đình. Rất ít thấy trường hợp gian thứ hai này được dùng làm chỗ ngủ. Phần lớn không gian của gian thứ ba được bố trí làm phòng ngủ. Như vậy, về cơ bản không gian được thay đổi từ đường phố → cửa hàng → không gian sinh hoạt chung → không gian ngủ. Có nghĩa là, không gian được biến hoá từ không gian chung đến không gian riêng. Tuyến giao thông nằm giữa nhà và hai bên của tuyến giao thông này là các phòng ngủ, nhưng ba phía của phòng ngủ bị bưng kín chỉ mở có một mặt hướng ra lối giao thông. Trong nhà hầu như không một không gian nào mang tính riêng biệt hoàn toàn. Phần lớn trên cùng một chiếc phản có nhiều giới và nhiều lứa tuổi khác nhau ngủ chung. Tuy nhiên, nếu như trong gia đình có nhiều thế hệ cùng sinh sống thì thế hệ lớn nhất sẽ ngủ ở nhà chính, còn thế hệ trẻ hơn được chuyển sang ngủ ở nhà cầu. Sự phân biệt chỗ ngủ của các thế hệ có lẽ là một nguyên tắc có từ trước.
2. Chỉ thấy có một trường hợp không có cửa hàng ở phía trước của tầng một. Trong trường hợp này gian ngoài cùng phía trước được sử dụng làm chỗ ngủ. Có lẽ điều này bắt nguồn từ suy nghĩ: không giống như những nhà có cửa hàng, hiếm khi có người lạ vào nhà của mình nên không có gì bất tiện khi đặt giường ngủ tại gian này. Gian thứ hai được dùng là không gian sinh hoạt chung và gian thứ ba lại là không gian phòng ngủ. Như vậy, không gian sinh hoạt chung là nằm ở trung tâm của nhà, bao quanh đó ở các góc là các không gian ngủ. Chỗ ngủ của chủ nhà được đặt ở góc gần với sân trong nhất. Giao thông nằm ở giữa nhà và gần như không có vách ngăn chia các không gian với nhau.
3. Bếp và phòng ăn được đặt gần nhau và sát với sân trong, đôi khi chỗ ăn được đặt ở không gian của nhà chính, điều này chứng tỏ rằng chỗ ăn không phải hoàn toàn ở một vị trí cố định.
4. Khu vệ sinh và phòng tắm thường được đặt ở trong cùng của khu đất.
5. Trong những nhà được điều tra thì không có gia đình nào có ba thế hệ cùng sinh sống. Đối với những nhà có từ ba thế hệ trở lên thì nhà trước đã bị cải tạo hoặc người ta xây thêm diện tích ở phần nhà cầu.

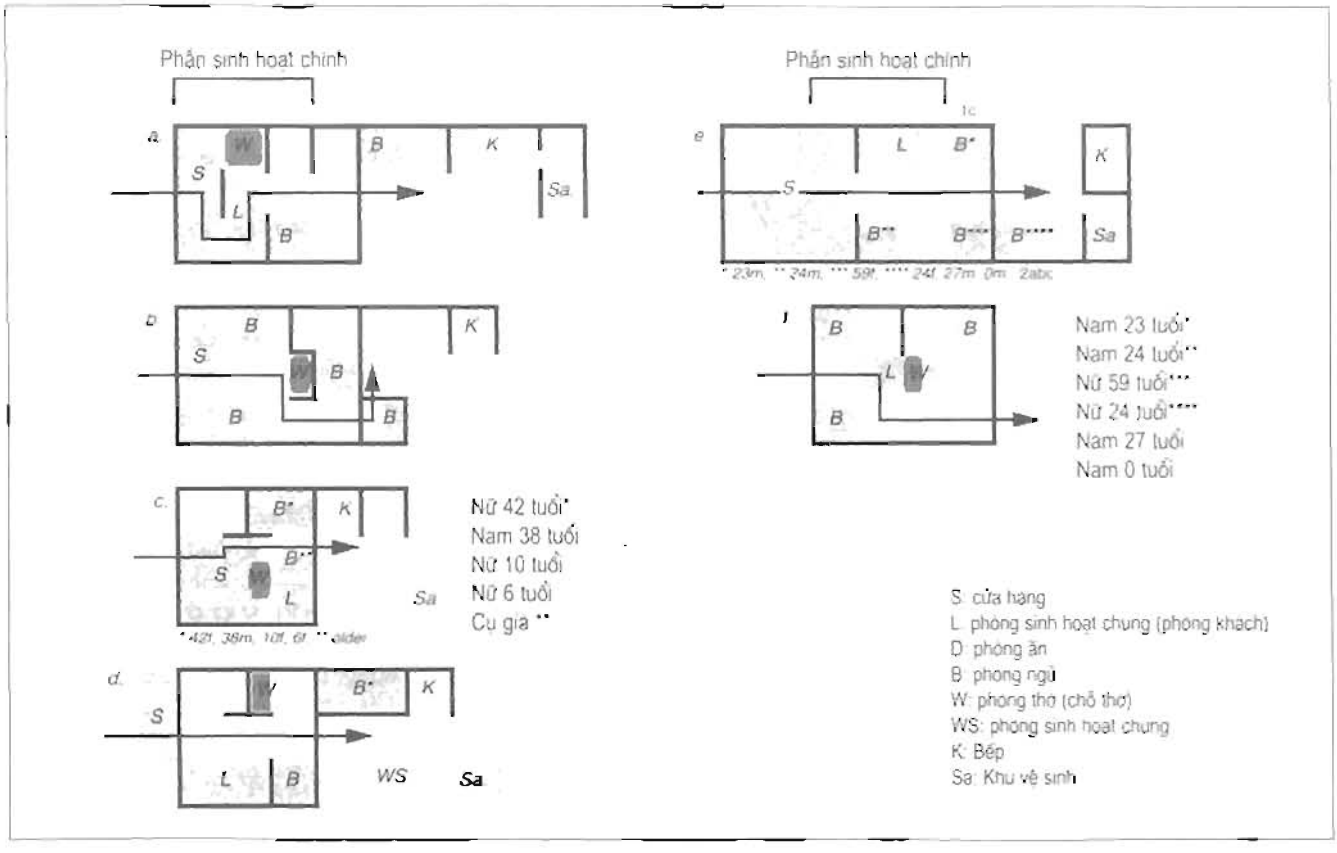

Hình 11.4. Cách sinh hoạt trong nhà trước (1 tầng, có nhà phụ) (Kiểu 1+0)

11.2.c. Cuộc sống sinh hoạt trong ngôi nhà chỉ có nhà trước (một tầng có nhà phụ)

1. Trong trường hợp có cửa hàng thì gian thứ nhất và gian thứ hai được dùng làm cửa hàng. Kiểu nhà này rộng hơn kiểu nhà 1+0 vì có thêm không gian của nhà phụ liền kề sau nhà chính nữa nên không gian dường như rộng rãi hơn. Gian thứ ba thường đặt bàn thờ và không gian sinh hoạt chung. Phần lớn các trường hợp không gian của nhà phụ được bố trí là phòng ngủ. Tuyến giao thông nằm giữa và hai bên là các phòng ngủ, đa số các phòng ngủ được ngăn bằng vách ngăn lửng để tránh tầm nhìn trực tiếp từ bên ngoài. Đối với trường hợp cả phần hiên ở phía trước cũng được sử dụng như là một không gian trong nhà thì giữa không gian cửa hàng và không gian sinh hoạt được ngăn bằng một vách ngăn, không gian sinh hoạt bao gồm cả ba gian là gian thứ hai, thứ ba và không gian nhà phụ. Phương thức sinh hoạt trong trường hợp không gian sinh hoạt gồm ba gian này cũng giống như cách sinh hoạt ở kiểu nhà 1+0 đối với trường hợp không có cửa hàng. Có nghĩa là các góc nhà được bố trí chỗ ngủ. Trong trường hợp này, chỗ ngủ được đặt ở hai góc đối diện nhau và chỗ ngủ của chủ nhân thường được đặt ở góc gần với sân trong nhất. Không một trường hợp nào có hai gia đình cùng sống trong kiểu nhà này.
2. Đối với trường hợp không có cửa hàng thì cơ bản giống với kiểu 1+0. Tuy nhiên, do có chiều sâu dài hơn trường hợp trên nên tạo được nhiều không gian mở hơn là không gian khép kín chỉ dành cho chỗ ngủ. Trong một vài trường hợp cụ thể, cả những trường hợp mà trong nhà có ba gia đình cùng chung sống nhưng lại không bố trí chỗ ngủ tại nhà cầu, chúng được đặt tại bốn góc của nhà trước, trong đó có hai góc được ngăn ra làm phòng riêng biệt. Phòng nằm xa đường, gần với sân trong của nhà phụ là phòng ngủ của chủ nhà hoặc gia đình của con trai trưởng. Bàn thờ được đặt ở gian thứ ba. Điều này chứng tỏ vị trí và cách đặt bàn thờ được kế thừa theo cách bố trí của ngôi nhà cổ trước kia (nhà số 48 Trần Phú, bàn thờ cũng được đặt ở vị trí tương tự).
3. Bếp, phòng ăn, khu vệ sinh và bể nước được bố trí giống như kiểu 1+0
4. Không trường hợp nào có bốn gia đình trở lên cùng sinh sống.

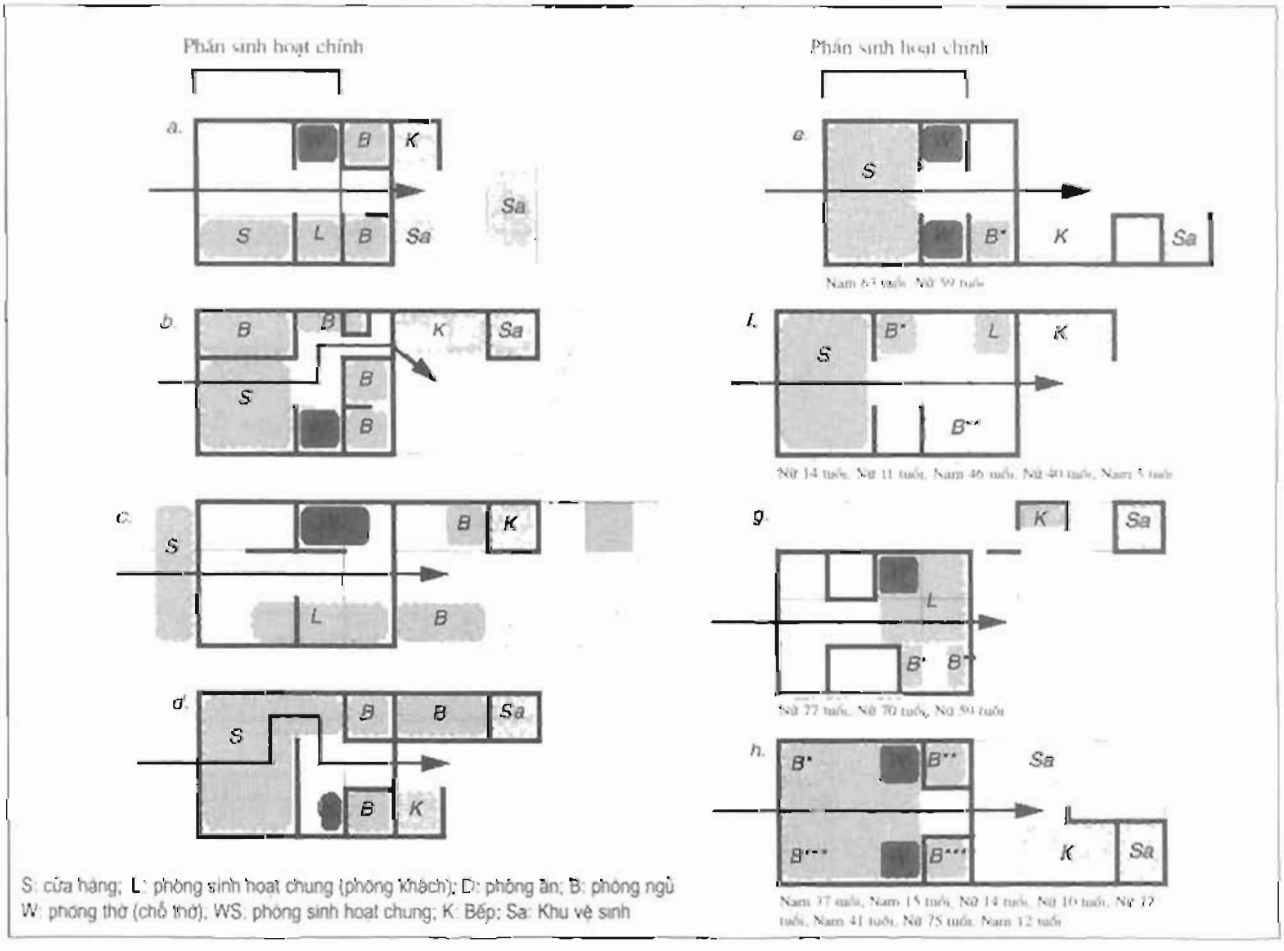

Hình 11.5. Cách sinh hoạt trong nhà trước (1 tầng, có nhà phụ) (Kiểu 1+0')

11.2.d. Cuộc sống sinh hoạt trong ngôi nhà có nhà trước (một tầng) và nhà sau (một tầng)

1. Trường hợp có cửa hàng: đối với những nhà có cùng một hình thức và qui mô đi nữa thì tuỳ thuộc vào cơ cấu của gia đình mà không gian của cửa hàng khác nhau. Trường hợp gia đình chỉ có một hay hai thế hệ thì ba gian từ ngoài vào được dùng làm cửa hàng, có nghĩa là toàn bộ không gian thuộc nhà chính của nhà trước. Trong trường hợp này không gian phần nhà phụ của nhà trước là nơi đặt bàn thờ và chỗ ngủ. Khi đó gian thứ nhất và

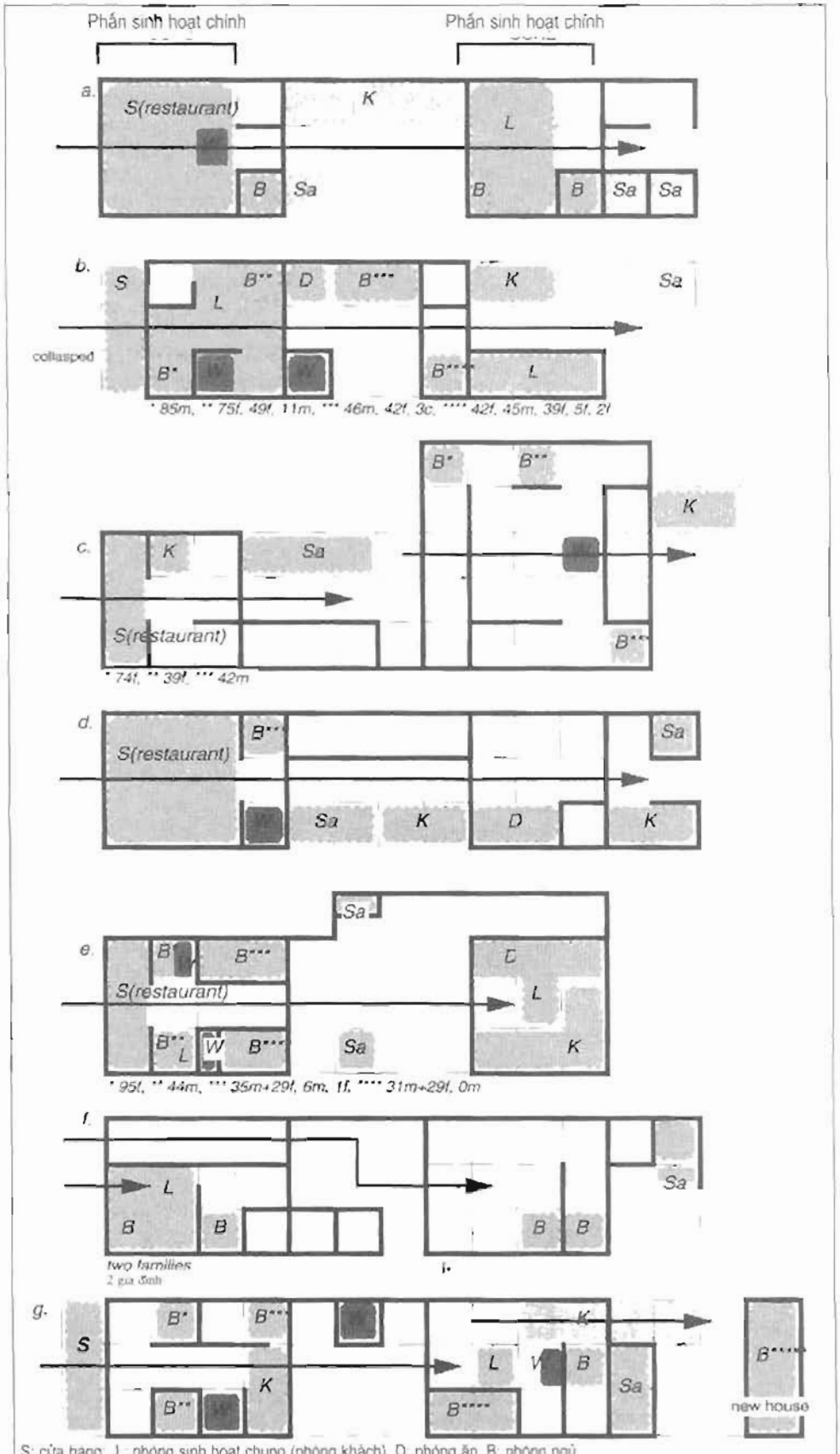

S: cửa hàng, L: phòng sinh hoạt chung (phòng khách), D: phòng ăn, B: phòng ngủ
W: phòng thờ (chỗ thờ), WS: phòng sinh hoạt chung, K: Bếp, Sa: Khu vệ sinh

Hình 11.6. Cách sinh hoạt trong nhà trước (1 tầng + nhà sau 1 tầng) (Kiểu 1+1)

gian thứ hai của nhà sau được bố trí phòng ăn và phòng sinh hoạt chung, còn gian thứ ba được bố trí chỗ ngủ. Như vậy không gian sinh hoạt chung và sân trong được bố trí kẹp giữa không gian ngủ tại nhà phụ của nhà trước và không gian ngủ tại gian thứ ba của nhà sau. Sân trong dường như có chức năng phân biệt không gian ngủ của bố mẹ với con cái. Ngay cả với những gia đình ít nhân khẩu thì người ta cũng không bố trí toàn bộ chỗ ngủ của cả gia đình chỉ ở nhà sau.

Đối với những nhà có từ ba thế hệ trở lên thì chiều sâu của cửa hàng chỉ chiếm một gian ngoài cùng. Không gian trong nhà có vẻ chật hẹp hơn. Gian thứ hai, thứ ba và nhà phụ của nhà trước được sử dụng làm nơi tiếp khách kết hợp với chỗ ngủ. Tổng số chiều sâu không gian dành cho sinh hoạt ở đây là ba gian. Ta thấy cách bố trí giống như kiểu nhà 1+0 và 1+0*, chỗ ngủ được đặt ở bốn góc. Đối với thế hệ có con cái thì không gian ngủ sẽ được ngăn cách để tạo nên một không gian tách biệt mang tính phòng riêng. Trường hợp chỉ có một người thì không ngăn phòng. Cũng có một số trường hợp chỗ ngủ của gia đình được tập trung ở nhà trước còn toàn bộ nhà sau là bếp và phòng ăn. Giường ngủ được đặt ở hai góc nhà đối diện. Chỗ ngủ của những người còn lại trong nhà được bố trí ở nhà cầu. Cũng có trường hợp được bố trí ở nhà sau nhưng không được kín đáo. Trong trường hợp này đương nhiên tại nhà sau, chỗ ăn và ngủ được bố trí rất gần nhau. Trong gia đình chủ nhà và con trưởng được ưu tiên ngủ ở nhà trước.

2. Đối với trường hợp gia đình kinh doanh cửa hàng ăn uống thì đa số các nhà bếp được đặt tại sân trong.
3. Vì có rất ít trường hợp không có cửa hàng nên khó có thể xác định được xu hướng sinh hoạt trong những ngôi nhà kiểu này.
4. Đối với kiểu nhà này trong một ngôi nhà có nhiều nhất năm thế hệ cùng sinh sống.

11.2.e. Cuộc sống sinh hoạt trong ngôi nhà chỉ có một nhà trước (hai tầng)

1. Trường hợp là cửa hàng hay nơi sản xuất thì chỗ tiến hành công việc chỉ chiếm khoảng không gian của gian thứ nhất hoặc gian thứ nhất và gian thứ hai. Với trường hợp cửa hàng chỉ chiếm một gian thì gian thứ hai và thứ ba

Hình 11.7. Cách sinh hoạt trong nhà trước (2 tầng) (Kiểu 2+0)

là không gian sinh hoạt chung. Trong trường hợp cửa hàng chiếm hai gian thì không gian sinh hoạt chung được chuyển lên tầng hai. Không phụ thuộc vào việc cửa hàng rộng hay hẹp mà chỗ ngủ thường được bố trí ở gian thứ hai hoặc gian thứ ba. Không có một trường hợp nào ở tầng một không có không gian ngủ, thậm chí cả trường hợp nhà có ít người sinh sống. Thông thường, chỗ ngủ ở tầng một là của chủ nhà, trong trường hợp chủ nhà là một cặp vợ chồng ngủ chung thì mới bố trí một khoảng không gian rộng hơn ở

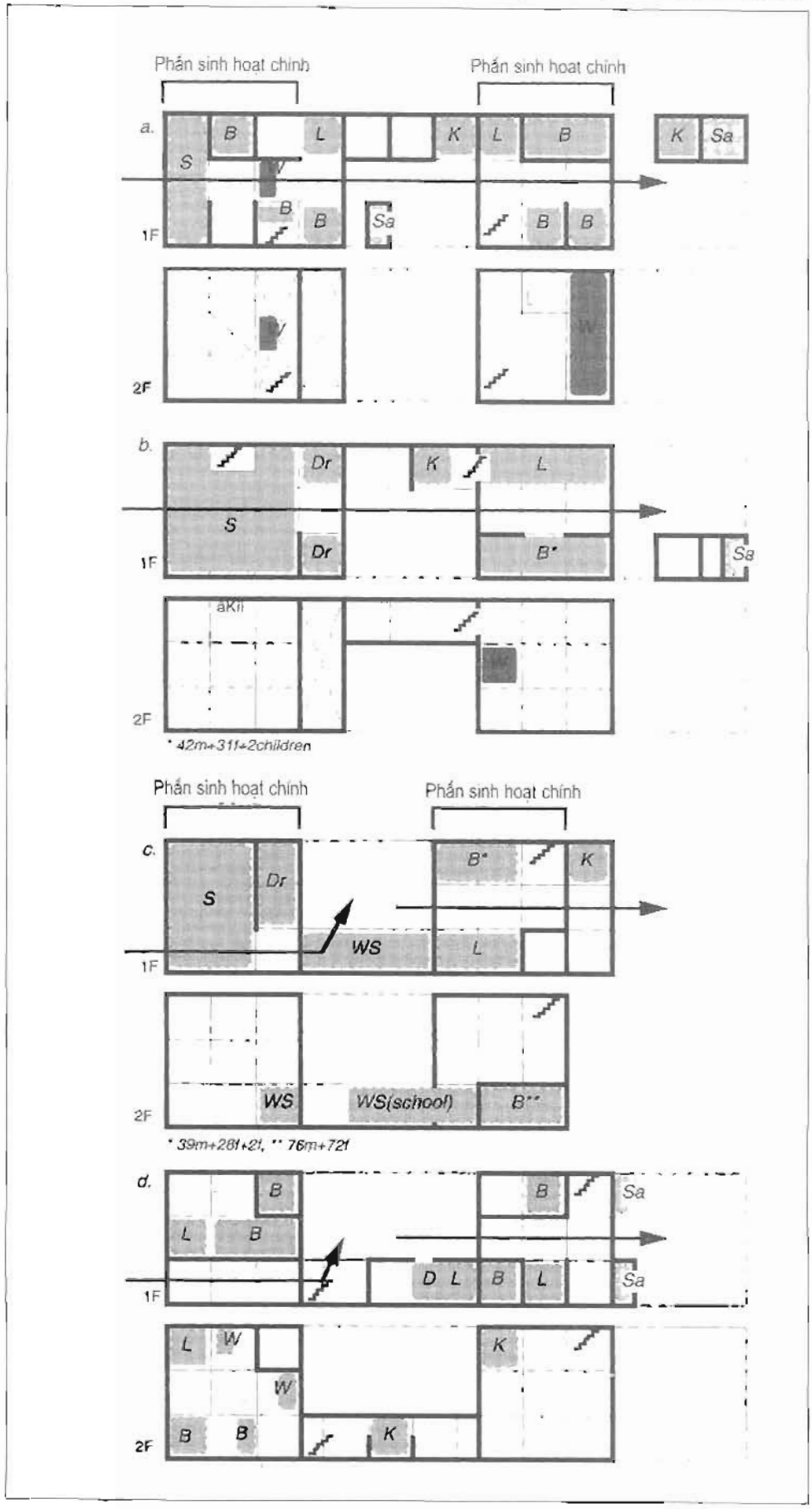

Hình 11.8. Cách sinh hoạt trong nhà trước (2 tầng + nhà sau 2 tầng) (Kiểu 2+2)

tầng hai. Không có trường hợp nào tại tầng một của nhà trước đặt cùng một lúc hai chiếc giường ngủ. Những người khác trong gia đình thường ngủ ở nhà cầu hoặc ở tầng hai. Không có một ưu tiên hay qui định nào về vị trí chỗ ngủ của những người thường ngủ ở nhà cầu hoặc tầng hai. Ở tầng hai thường có đủ không gian để tạo được một phòng ngủ riêng biệt.

2. Trong trường hợp nhà không có cửa hàng thì gian thứ nhất và thứ hai là không gian sinh hoạt chung, gian thứ ba là cầu thang và chỗ ngủ. Trường hợp chủ nhà ngủ một mình thì chỗ ngủ đặt ở gian thứ ba này, nhưng khi chủ nhà ngủ cùng với gia đình thì chỗ ngủ được đặt ở tầng hai.
3. Bàn thờ chắc chắn phải đặt ở tầng hai, hơn nữa là phải ở giữa bốn cột cái, nghĩa là bàn thờ phải được đặt ở trung tâm và có vị trí cao nhất. Tuy nhiên cũng gặp trường hợp bàn thờ đặt cạnh cửa sổ tầng hai.
4. Bếp và khu vệ sinh được bố trí ở nhà phụ phía bên trái (nhìn từ ngoài vào).
5. Đa số cầu thang được đặt ở gian thứ ba phía bên trái (nhìn từ ngoài vào).
6. Trong nhà nhiều nhất có 11 nhân khẩu.

11.2.f. Cuộc sống sinh hoạt trong nhà trước (hai tầng) và nhà sau (hai tầng)

1. Trường hợp có cửa hàng và có từ một đến ba gia đình cùng sống thì nhà trước vừa được làm cửa hàng vừa là nơi tiếp khách. Không gian tiếp khách được đặt gần với sân trong. Điều này cho thấy ngay cả khi không có nhà phụ với kết cấu chồng giường thì không gian tiếp khách vẫn được bố trí gần với sân trong. Nhà cầu được dùng là nhà bếp, nhưng trong một số trường hợp có sân sau thì bếp được đặt ở sân sau. Toàn bộ không gian sinh hoạt được đặt ở nhà sau, nhưng nếu như nhà cầu nằm ở phía bên trái thì không gian sinh hoạt chung cũng được đặt về phía bên trái của sân trong và gần với nhà cầu nơi có nhà bếp để kết hợp luôn làm phòng ăn. Đối xứng với không gian sinh hoạt là chỗ ngủ đặt sát tường phía đối diện. Trong trường hợp chỉ có một gia đình sinh sống thì họ chỉ sử dụng tầng một để sinh hoạt, còn tầng hai là nơi đặt bàn thờ và chỗ để đồ. Nếu như trong nhà có từ hai đến ba gia đình cùng sinh sống thì không gian của tầng hai mới được sử dụng đến để làm nơi sinh hoạt. Vì chiều sâu chỉ có ba gian nên chỗ ngủ cũng được bố trí giống như các trường hợp khác, tuy nhiên, trong một số trường hợp cần thiết thì có thể tạo thêm phòng riêng. Nhìn chung tầng hai chỉ được dùng để ngủ chứ không bố trí những không gian sinh hoạt khác. Ngược lại, không bao giờ thấy không gian ngủ không được bố trí ở tầng một. Trong trường hợp gia đình có hoạt động sản xuất thì đôi khi cũng thấy chỗ sản suất được bố trí ở cả tầng hai.

Trong trường hợp có từ bốn gia đình trở lên thì nhà sau không đủ để bố trí chỗ ngủ nên không gian sinh hoạt phải lấn ra phía nhà trước. Nhưng vị trí của không gian sinh hoạt chung được bố trí giống như trường hợp nhà có dưới ba gia đình sinh sống.

2. Rất hiếm trường hợp nhà hai tầng không hoạt động kinh doanh nên đã không thể xác định những qui tắc hình thành từ ban đầu.
3. Bàn thờ phần lớn được đặt ở gian thứ ba của nhà trước thuộc nhà chính hoặc gian thứ nhất của nhà phụ.

11.2.g. Kết luận chương

Qua những phân tích nêu trên có thể tóm tắt lại và nêu lên một số đặc điểm cơ bản trong cách sinh hoạt hiện nay trong những ngôi nhà phố truyền thống như sau:

- Tại nhà trước, trường hợp có hai gian là không gian sinh hoạt (không kể không gian cửa hàng), kể từ ngoài đường vào đầu tiên là không gian sinh hoạt chung, tiếp đó là không gian ngủ, có nghĩa là không gian được hình thành và biến đổi từ không gian chung đến không gian riêng. Còn trường hợp không gian sinh hoạt gồm ba gian (không kể cửa hàng) thì gian giữa được bố trí làm không gian sinh hoạt chung còn tại bốn góc nhà được bố trí chỗ ngủ. Thông thường, chỉ có một số không gian ngủ là có vách ngăn để tạo thành phòng riêng. Trong trường hợp các nhà phố truyền thống có qui mô của ngôi nhà to hay nhỏ không ảnh hưởng nhiều đến cách sinh hoạt. Hai điều trên là hai yếu tố mang tính nguyên thuỷ trong cách sinh hoạt của một ngôi nhà phố truyền thống.

- Đối với trường hợp trong nhà có từ hai gia đình trở lên thì chỗ ngủ của gia đình trẻ hơn không ở trong ngôi nhà lớn mà thường được đặt ở nhà cầu.
- Trừ trường hợp có cả nhà trước và nhà sau đều hai tầng (loại 2+2) thì trong nhà trước chắc chắn vẫn bố trí chỗ ngủ. Trường hợp ở nhà trước chỉ bố trí một chỗ ngủ thì hầu hết các trường hợp ở đây là chỗ ngủ của chủ nhà và được đặt gần sàn trong. Trong trường hợp chủ nhà ngủ chung với một người khác thì chỗ ngủ ở nhà trước cũng có thể bố trí cho một người khác ngoài chủ nhà.
- Trong trường hợp cả nhà trước và nhà sau đều hai tầng mà số người trong gia đình không nhiều lắm thì không gian ngủ chưa chắc đã được bố trí ở nhà trước. Nhưng chắc chắn sẽ được đặt ở tầng một của nhà sau, không bao giờ toàn bộ chỗ ngủ của các thành viên trong gia đình đều đặt ở tầng hai.
- Sàn trong giữ vai trò là không gian phân cách giữa không gian cửa hàng và không gian sinh hoạt, giữa chỗ ngủ của các thế hệ và các gia đình trong nhà, giữa không gian chung và không gian riêng.

Trên đây là những mô hình hình dung về cách sinh hoạt trong ngôi nhà phố truyền thống qua đó chúng tôi chú ý đến hai điểm sau:

Thứ nhất là nhà phố truyền thống ở Hội An thực chất có thể có rất nhiều hình thức nhà ở khác nhau. Chỉ cần có một sự biến hoá về cơ cấu gia đình thôi thì có nhiều khả năng với một không gian đã được ngăn chia và qui định từ trước cũng bị biến hoá theo. Do đó nhiều khả năng những hình thức sinh hoạt nêu trên được nảy sinh và tồn tại khi có một sự kiện gì đó xảy ra.

Thứ hai là cùng với việc nhà phố Hội An đã lưu giữ cuộc sống sinh hoạt của con người trong khoảng thời gian dài thì cũng chính cách sinh hoạt của con người lại tác động để duy trì ngôi nhà. Người ta rất ít dùng đến vách ngăn chia nhưng vẫn tạo được những không gian cách biệt cho không gian ngủ, đó là suy nghĩ của người dân ở đây để cho cuộc sống sinh hoạt phù hợp với khí hậu nóng ẩm ở Việt Nam. Bên cạnh đó còn có một ý nghĩa là tạo cho không khí của ngôi nhà được thoáng đãng, chống sự xuống cấp của vật liệu gỗ. Qua thời gian kiến trúc vẫn cùng tồn tại với con người.

Hai điểm nêu trên hy vọng sẽ là những điểm khởi đầu để từ nay về sau sẽ tìm được những giải pháp cho sự tồn tại hài hoà giữa nhà ở truyền thống và cuộc sống hiện đại.

CHƯƠNG 12: NHỮNG NHÀ PHỐ BỊ CẢI TẠO VÀ CƠI NỚI

12.1. NỘI DUNG CẢI TẠO VÀ CƠI NỚI

Chương này dành cho những nhà phố truyền thống bị cải tạo và cơi nới. Qua đó, chúng tôi hy vọng sẽ làm sáng tỏ những vấn đề hiện đang tồn tại đối với người dân sinh sống trong khu phố cổ này. Đương nhiên, cũng có những nhà mà vách ngăn và một số chỗ có thể đã bị cải tạo nhưng lại không có cơ sở để xác định một cách chắc chắn, nên ở đây chỉ tập trung phân tích đối với những nhà có điểm khác biệt rõ ràng với những ngôi nhà khác và được xác nhận là đã bị cải tạo. Đầu tiên xin nêu lên một danh sách thống kê những nhà đã bị cải tạo, so sánh chúng với các kiểu nhà ở chương trước (bảng dưới). Từ đó đưa ra những trường hợp điển hình để tiếp tục xem xét ở phần sau.

Kiểu 1+0 (Gồm cả kiểu 1*+0)

- Mở rộng thêm một gian chái : .....Nhà số 83,41,107 Trần Phú
- Xây thêm gác lửng: .....Nhà số 155/157, 51 Trần Phú
- Xây thêm một nhà hai tầng ngay sau nhà trước (Nhà phụ của nhà trước): .....Nhà số 81,55,135 Trần Phú
- Bỏ bớt cột của nhà trước: .....Nhà số 81,55 Trần Phú

Kiểu 1+1

- Đa gia đình → nhà trước trở thành không gian giao thông chung: .....Nhà số 67 Trần Phú

Kiểu 2+0

- Xây mái che ở tầng hai trên khu vực sân trong: .Nhà số 119 Trần Phú
- Mở rộng nhà trước: .....Nhà số 88 Trần Phú

Kiểu 2+2

- Mở rộng mặt bằng: .....Nhà số 37 Trần Phú
- Di chuyển bếp đến sân trong: .....Nhà số 99 Trần Phú

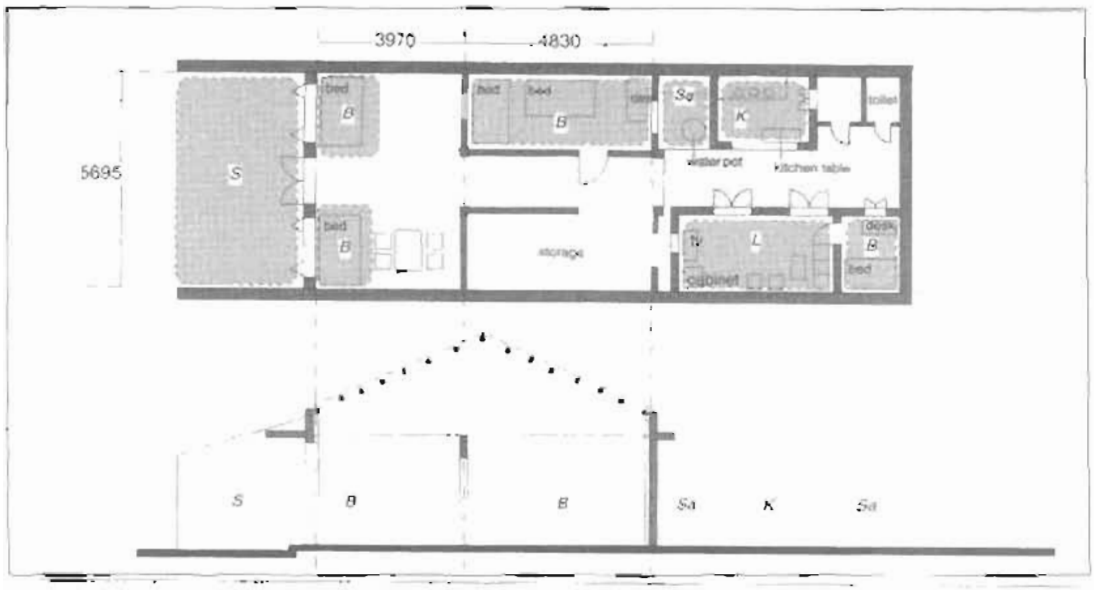

ình 12.1. Mở rộng mặt bằng (1)
ha số 83 Trần Phú

ình 12.2. Mở rộng mặt bằng (2)
ha số 41 Trần Phú

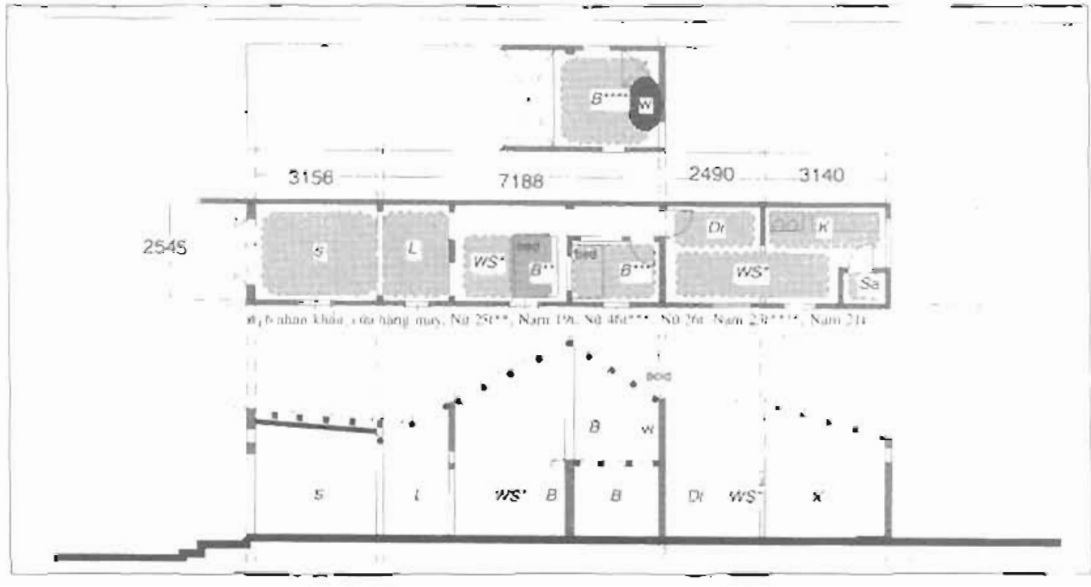

ình 12.3. Mở rộng mặt bằng (3)
ha số 107 Trần Phú

12.2. CẢI TẠO VÀ XÂY DỰNG THÊM Ở KIỂU NHÀ MỘT TẦNG

Đầu tiên chúng ta xem xét trường hợp nhà một tầng. Từ mục a ~ c là những trường hợp thuộc Kiểu 1+0, (kể cả những nhà có phần nhà phụ gắn liền với nhà chính), mục d thuộc Kiểu 1+1.

12.2.a. Mở rộng mặt bằng Kiểu 1+0

Có thể nói rằng hình thức cơi nới mở rộng mặt bằng nhà chính được thấy nhiều nhất. Qua điều tra ta thấy có rất nhiều cách cải tạo nhà chính. Dưới đây xin nêu lên một vài trường hợp cụ thể về hình thức cơi nới này.

Nhà số 83 Trần Phú (9 nhân khẩu)

Gia đình này có chín nhân khẩu thuộc ba thế hệ cùng sinh sống. Ngôi nhà ở cách mặt đường hiện tại 4m, nhưng chủ nhà đã dựng thêm một mái hiên độc lập nằm ngay dưới mái hiên của nhà trước để sử dụng làm cửa hàng. Tường bao của phần mái này chỉ là những tấm ván ghép đơn giản, còn cửa được làm theo kiểu cửa tháo lắp được. Toàn bộ phần nhà cũ được dùng để sinh hoạt.

Cơ cấu gia đình này gồm có: chủ nhà là một cụ già 89. tuổi có ba người con (Trưởng nữ 57 tuổi, trưởng nam 52 tuổi, thứ nữ 24 tuổi). Trong đó gia đình trưởng nam 52 tuổi có sáu người là: hai vợ chồng và bốn người con (Trưởng nữ 22 tuổi, thứ nữ 20 tuổi, trưởng nam 17 tuổi, thứ nữ 13 tuổi). Đối với kiểu nhà này trung bình có sáu người sinh sống, nhưng ở đây có tới 9 người, nên mật độ gấp 1,5 lần so với những ngôi nhà khác. Hơn nữa, có thể dễ dàng nhận thấy những thành viên trong nhà đều đã trưởng thành, nên chính bản thân họ cũng rất cần mở rộng diện tích sinh hoạt, cuối cùng họ đã chọn giải pháp đẩy không gian bán hàng ra phía ngoài đường. Ngoài ra, tại sân trong lại xây thêm một nhà nhỏ tương tự như một nhà cầu. (Hình 12.1)

Nhà số 41 Trần Phú (6 nhân khẩu)

Ngay sau nhà chính của nhà này đã có một nhà phụ nhưng họ vẫn xây thêm một gian chái về phía sân trong. Trước kia, ngôi nhà này còn có một nhà sau hai tầng, nhưng vì đã bị xuống cấp quá nặng nên người ta đã dỡ bỏ năm 1965. Sáu người trong gia đình bao gồm: vợ chồng chủ nhà (chồng 72 tuổi, vợ 60 tuổi) và 4 người con (hai con gái 37 tuổi và 22 tuổi, hai con trai 30 tuổi và 20 tuổi). Gia đình này cũng toàn là những người đã trưởng thành. Ngoài ra, họ còn có một con trai đầu 38 tuổi và con trai thứ 36 tuổi đang làm việc ở xa nhà.

Gian thứ nhất và gian thứ hai của nhà này được sử dụng làm cửa hàng, mọi sinh hoạt của gia đình diễn ra tại gian thứ ba, nhà phụ và phần chái mới được xây thêm. Trong đó, không gian sinh hoạt chung, bếp và phòng ăn bố trí tập trung ở nhà phụ và phần chái, ngoài ra, tại các góc nhà đều được đặt giường ngủ. Có tất cả 4 chiếc giường ở trong nhà, trong đó, hai cái dành cho vợ chồng chủ nhà, hai cái còn lại dành cho các con trai và con gái. Rõ ràng không gian sinh hoạt rất chật chội, có thể cũng chính vì lẽ đó mà buộc họ phải cơi nới thêm. Tuy nhiên, ngôi nhà này vẫn còn phần đất của nhà sau trước kia và họ có thể xây dựng lại ngôi nhà này. Thế nhưng, họ đã không làm như vậy mà đã xây thêm một gian chái gắn liền với nhà trước để cho không gian sinh hoạt được tập trung hơn. Điều này có phải dựa trên nhu cầu thuận tiện trong cách sử dụng không gian sinh hoạt hay không hay chỉ là bất đắc dĩ mới phải làm như vậy (do khó khăn về kinh tế, để làm được nhà sau thì tốn rất nhiều kinh phí chẳng hạn) thì chúng tôi chưa rõ. Thế nhưng cũng không thể nói rằng đây là một giải pháp cải tạo hợp lý cho môi trường sống vì có quá nhiều phòng sinh hoạt không được tiếp xúc với không khí tự nhiên. (Hình 12.2)

Nhà số 107 Trần Phú (6 nhân khẩu)

Ngôi nhà này có mặt tiền rất hẹp (2,5m), so với chiều ngang mặt tiền trung bình của các nhà trên đường Trần Phú (6m). Nó có mặt tiền hẹp nhất trong tất cả các nhà đã được điều tra. Ở đây trước kia chỉ có một nhà một tầng có gác lửng nằm tại trung tâm của khu đất, hiện nay trước và sau ngôi nhà này đều đã được cơi nới thêm, sử dụng hết khuôn viên đất. Theo lời kể của chủ nhà thì gia đình này chuyển đến đây vào năm 1975, chỉ trong vòng 8 năm họ đã tiến hành cơi nới đến 3 lần (vào các năm 1987,91,94). Chủ gia đình là một quả phụ 46 tuổi, có năm người con (ba con gái: 26 tuổi,25 tuổi và 19 tuổi, hai con trai: 23 tuổi và 21 tuổi).

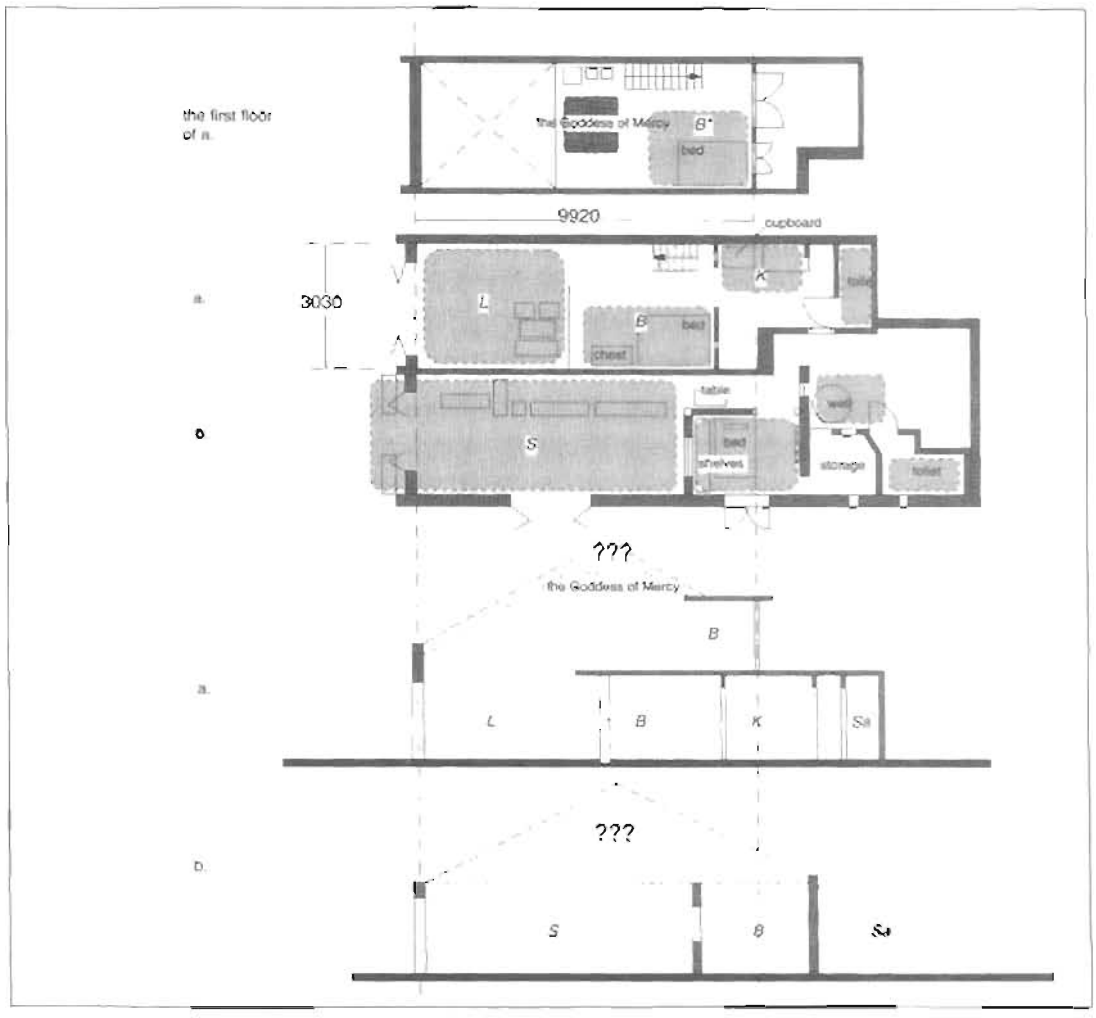

Hình 12.4. Xây thêm 1 gác lửng nhà số 155, 157 Trần Phú

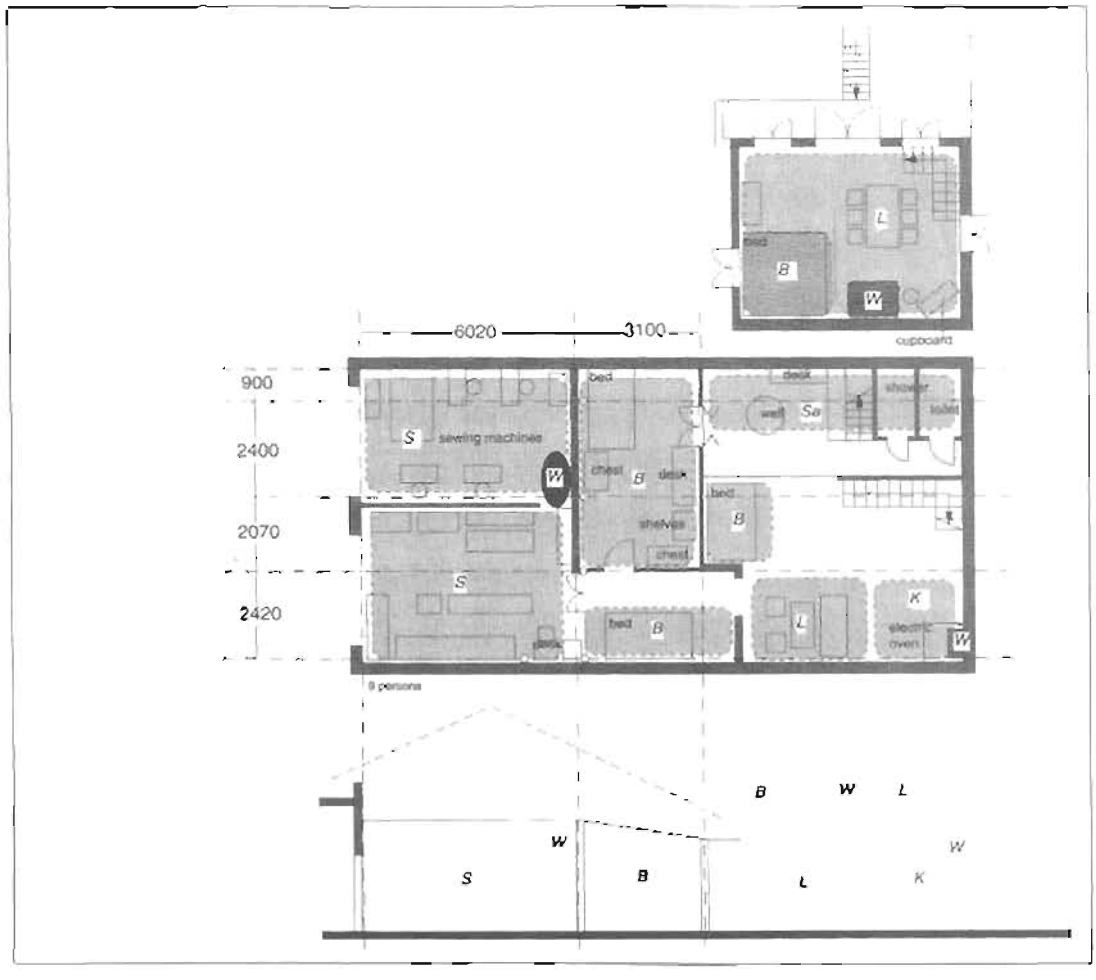

Hình 12.6. Tạo thêm tầng 2/trốn cột (2) nhà số 55 Trần Phú

12.2.b. Xây thêm gác lửng Kiểu 1+0

Một hình thức cải tạo nữa thường hay gặp là việc xây thêm gác lửng để tận dụng không gian. Hai trường hợp dưới đây đều có giải pháp cải tạo giống nhau là làm thêm một tầng lửng tại nửa sau của nhà chính.

Nhà số 51 Trần Phú (5 nhân khẩu)

Ngôi nhà này nguyên gốc là Kiểu 1+0, nhưng có mặt tiền hẹp và chiều sâu ngắn. Gia đình gồm có vợ chồng chủ nhà (chồng 60 tuổi, vợ 56 tuổi) hiện đang sống cùng vợ chồng con trai trưởng (chồng 22 tuổi, vợ 21 tuổi và có một con mới 1 tuổi). Hiện nay tầng một là cửa hàng cắt tóc và chỗ ngủ của vợ chồng người con trai, gác lửng là nơi đặt bàn thờ và chỗ ngủ của vợ chồng chủ nhà. Nhờ xây thêm gác lửng nên có được sự phân biệt về chỗ ngủ của các thế hệ. (Hình 12.5)

Nhà số 155 Trần Phú (3 nhân khẩu)

Ngôi nhà này thuộc Kiểu 1+0, nhưng cũng có mặt tiền hẹp và tổng diện tích nhỏ nên họ đã xây thêm một nhà một tầng có gác lửng tại vị trí sân trong sau của nhà chính. Trước kia ngôi nhà này và nhà 157 ở bên cạnh là một, năm 1976 thì bị tách làm đôi. Nhà 157 vẫn còn giữ được kết cấu vì kèo và hình dáng như xưa.

Gia đình này gồm: một cặp vợ chồng (chồng 40 tuổi, vợ 38 tuổi) và một người con (7 tuổi). Không rõ cách sinh hoạt trong nhà trước khi cải tạo, nhưng hiện nay bàn thờ và chỗ ngủ của người chồng được bố trí ở gác lửng. Có thể phán đoán rằng gác lửng này được xây dựng cho người con trai (7 tuổi) chuẩn bị khi nó trưởng thành. Ngoài ra, sàn tầng hai được đổ trên toàn bộ phần sân trong nên tầng một hầu như không được thông gió và tiếp xúc với ánh sáng tự nhiên. Có thể nói xu hướng xây thêm gác lửng tại nửa sau của nhà đang được thịnh hành ở Hội An.(Hình 12.4)

12.2.c. Xây thêm tầng hai ở nhà trước/Bỏ bớt cột Kiểu 1+0

Sau đây là trường hợp xây thêm tầng hai cho nhà trước. Phần lớn các nhà này đều có diện tích rất hẹp, để mở rộng diện tích người ta đã nghĩ đến giải pháp xây thêm tầng hai.

Nhà số 55 Trần Phú (11 nhân khẩu)

Trong nhà trước được đổ trụ bê tông và cơi nới thêm một tầng hai nằm về phía sân trong. Không những thế, từ sàn tầng hai này lại xây thêm một nhà mái bằng nhỏ chiếm một phần diện tích sân trong làm cho diện tích sân trong càng trở nên bé hơn.

Hiện có 11 nhân khẩu đang sinh sống trong ngôi nhà này. Qua điều tra thấy nhiều trường hợp có11 người sinh hoạt trong một diện tích chật hẹp như vậy. Phần cơi nới thêm ở tầng hai được sử dụng như là phòng riêng giành cho một gia đình. Còn những người khác thì sinh hoạt ở tầng một. Nếu nói về diện tích

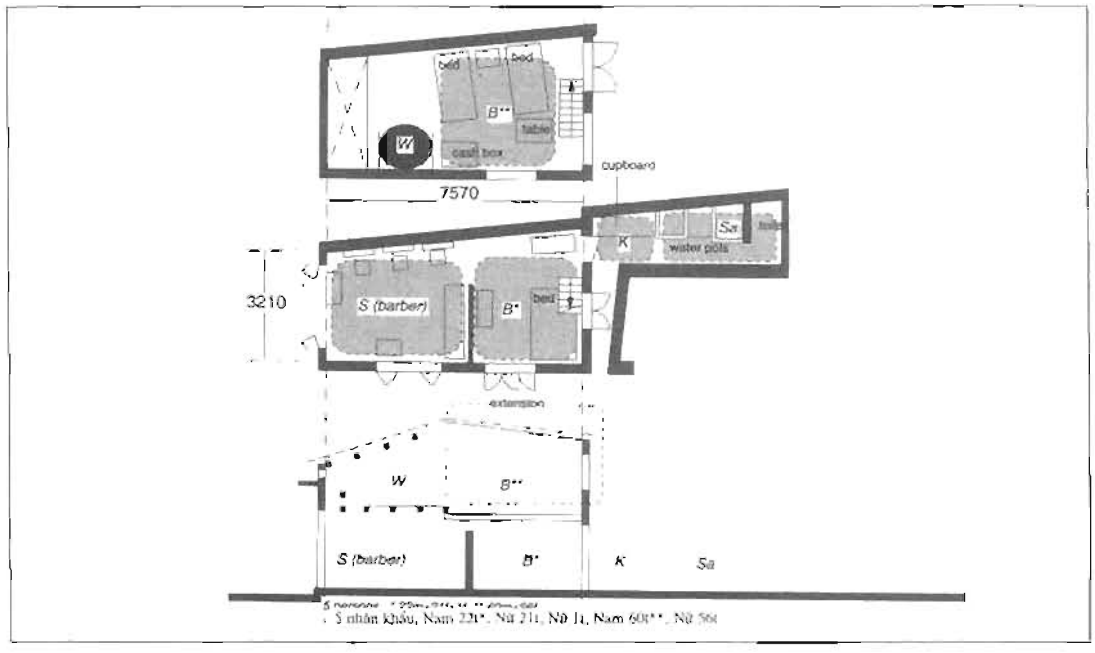

Hình 12.2. Xây thêm gác lửng (1) nhà số 51 Trần Phú

Hình 12.7. Tạo thêm tầng 2/trốn cột (3) nhà số 135 Trần Phú

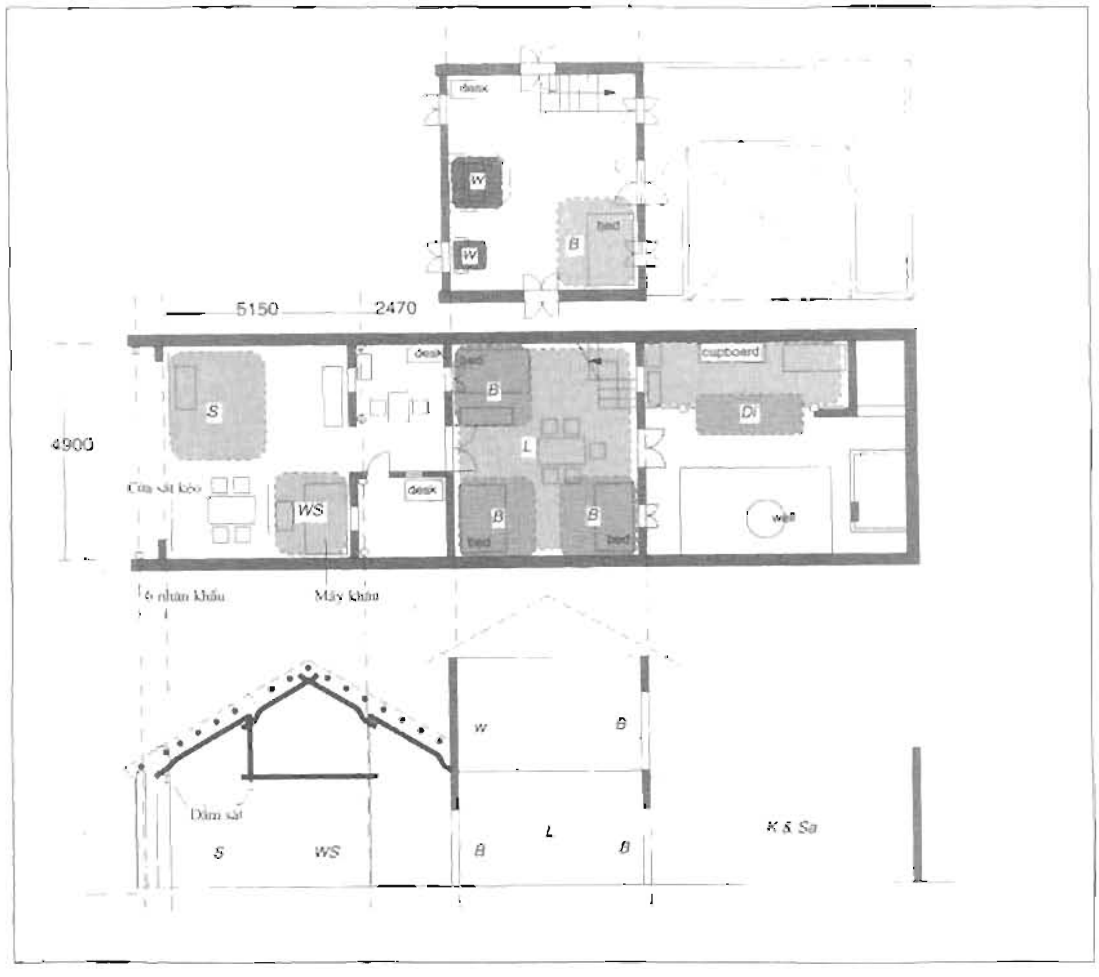

Hình 12.8. Tạo thêm tầng 2/trốn cột (1) nhà số 81 Trần Phú

sinh hoạt thì dường như không quá thiếu, nhưng do sân trong quá bé nên chất lượng của môi trường sống không được đảm bảo. (Hình 12.6)

Nhà số 135 Trần Phú (11 nhân khẩu)

Ngôi nhà này được cải tạo lại năm 1984. Hiện nay tầng hai được sử dụng cho không gian ngủ và đặt bàn thờ. Chỗ ngủ của chủ nhân ngôi nhà được bố trí ở không gian sinh hoạt chung trong nhà trước. (Hình 12.7)

Nhà số 81 Trần Phú (6 nhân khẩu)

Ở ngôi nhà này tại vị trí nhà phụ của nhà trước đã xây thêm một nhà hai tầng. Hơn nữa, giống như nhà số 155, trong nhà còn đổ thêm một nhà mái bằng trên diện tích sân trong, làm cho sân trong trở nên rất bé.

Gia đình gồm có: vợ chồng chủ nhà (chồng 38 tuổi, vợ 38 tuổi) và ba người con gái (13 tuổi, 10 tuổi và 2 tuổi) cùng sống với mẹ vợ (76 tuổi). Tính từ đường vào thì hai gian phía ngoài là cửa hàng, gian thứ ba được ngăn thành một phòng riêng. Toàn bộ không gian từ phòng riêng này trở về sau hoàn toàn được sử dụng cho sinh hoạt. Chính giữa tầng một của nhà hai tầng mới xây được đặt một chiếc bàn và tại ba góc nhà bố trí giường ngủ. Tại đây không có vách ngăn cho chỗ ngủ. Tầng hai bố trí đặt bàn thờ và chỗ ngủ của cụ già.

Cột của gian thứ nhất và gian thứ hai trong nhà bị cắt đi một phần và thay vào đó là một thanh dầm sắt chữ I, việc cải tạo dùng dầm thép này là một phương pháp cải tạo độc đáo. Lối vào được làm bằng cửa cuốn nên khi mở cửa thì toàn bộ phần phía trước nhà trở thành một không gian mở. Cột ở gian thứ hai cũng bị cắt đi phần dưới nhưng không phải là để làm cho không gian được rộng thêm mà chỉ để tăng thêm sự tự do trong cách sử dụng không gian. Phần lớn các công trình làm theo kiểu kiến trúc châu Âu, thường làm tăng thêm sự tự do của không gian nhờ vào sự thay đổi vị trí cột hay lược bớt cột. Trường hợp cải tạo này cũng có thể coi là một phương pháp trong những tìm tòi về giải pháp cải tạo nêu trên. (Hình 12.8)

12.2.d. Đa gia đình Kiểu 1+1

Với kiểu nhà xây thêm nhà sau này thường bắt gặp ở những trường hợp mà những người hiện đang sống trong nhà không có mối quan hệ huyết thống.

Nhà số 67 Trần Phú

Trong ngôi nhà này, nhà trước là một gia đình có 5 người và nhà sau là hai gia đình gồm bốn người. Những người sống trong nhà sau không đi xuyên qua nhà trước mà họ xây một vách ngăn để có một lối đi sát với tường bên. Nếu cứ giữ hình thức truyền thống của Hội An là lối đi ở giữa nhà thì khó có thể đảm bảo được không gian riêng cho các gia đình. Tuy nhiên với cách cải tạo này thì cần thiết phải chú ý đến việc bảo lưu một đặc tính nổi bật của phố cổ Hội An đó là mặt đứng đối xứng. (Hình 12.9)

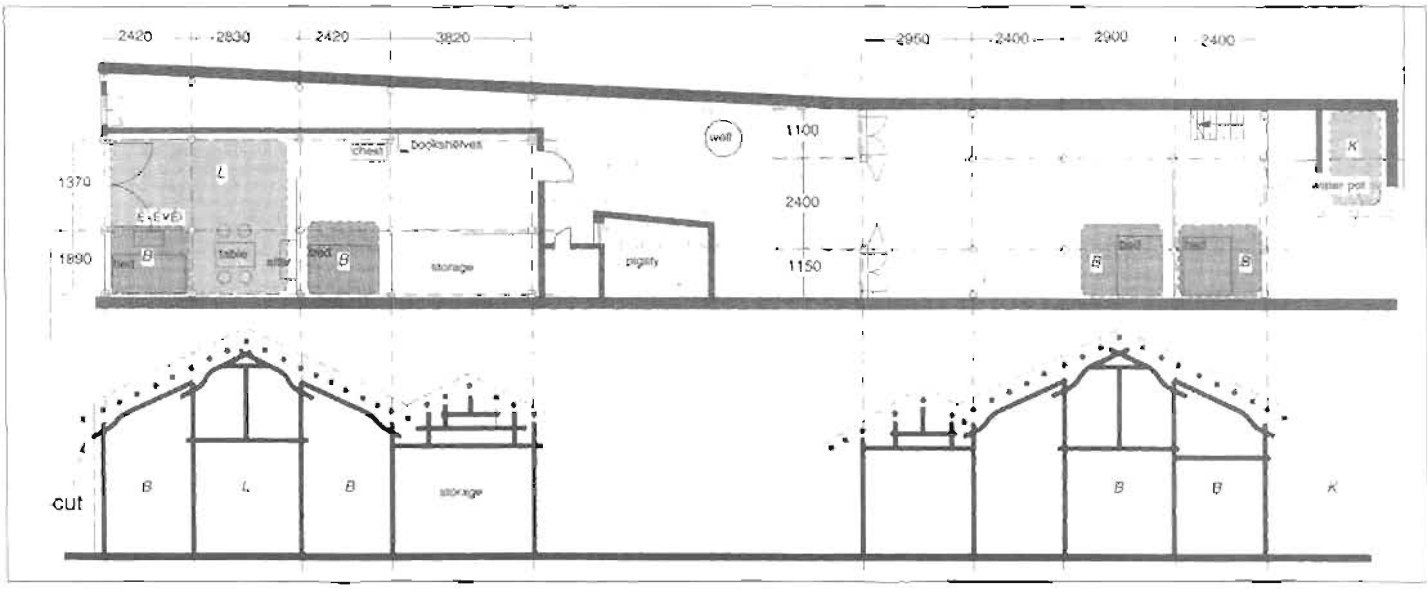

Hình 12.9. Nhà ở nhiều gia đình (nhà số 67 Trần Phú)

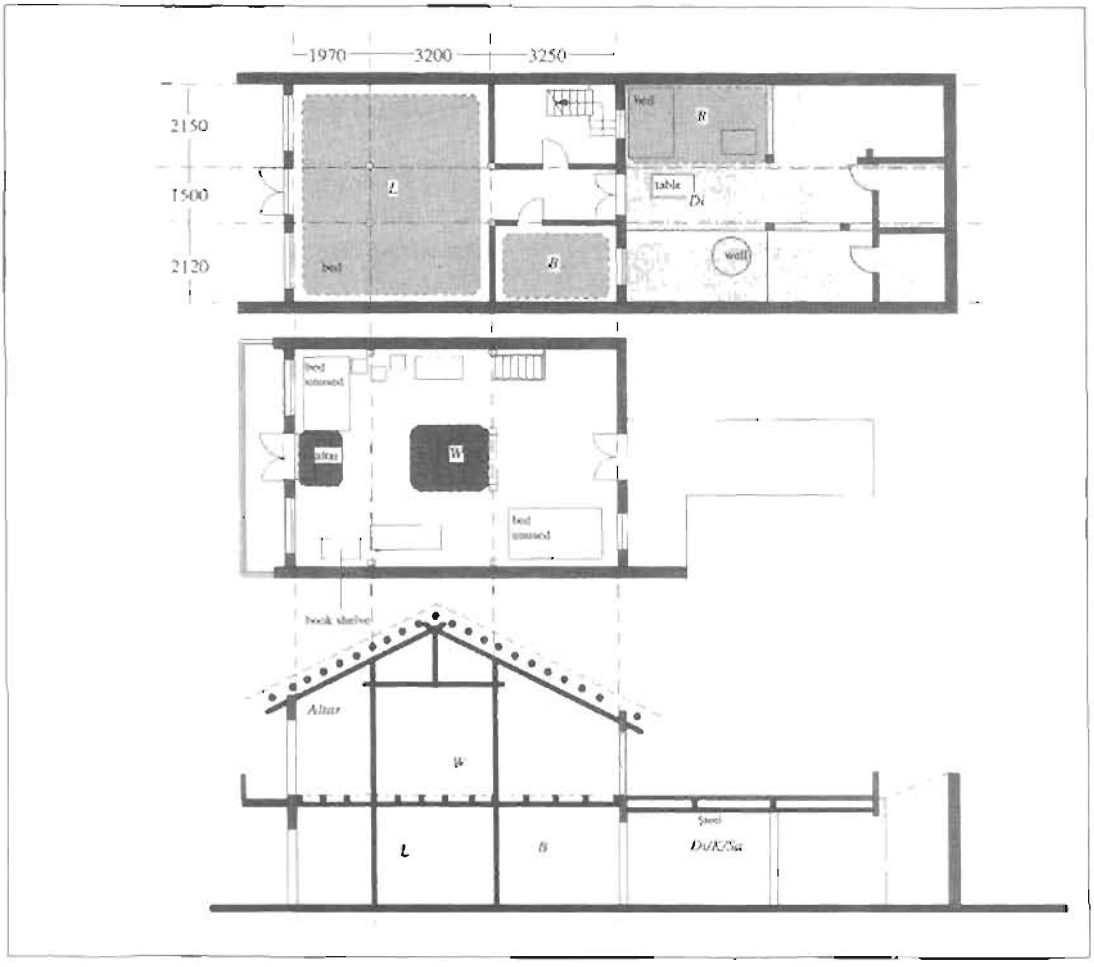

Hình 12.10. Xây trên sân trong 1 mái bằng (nhà số 119 Trần Phú)

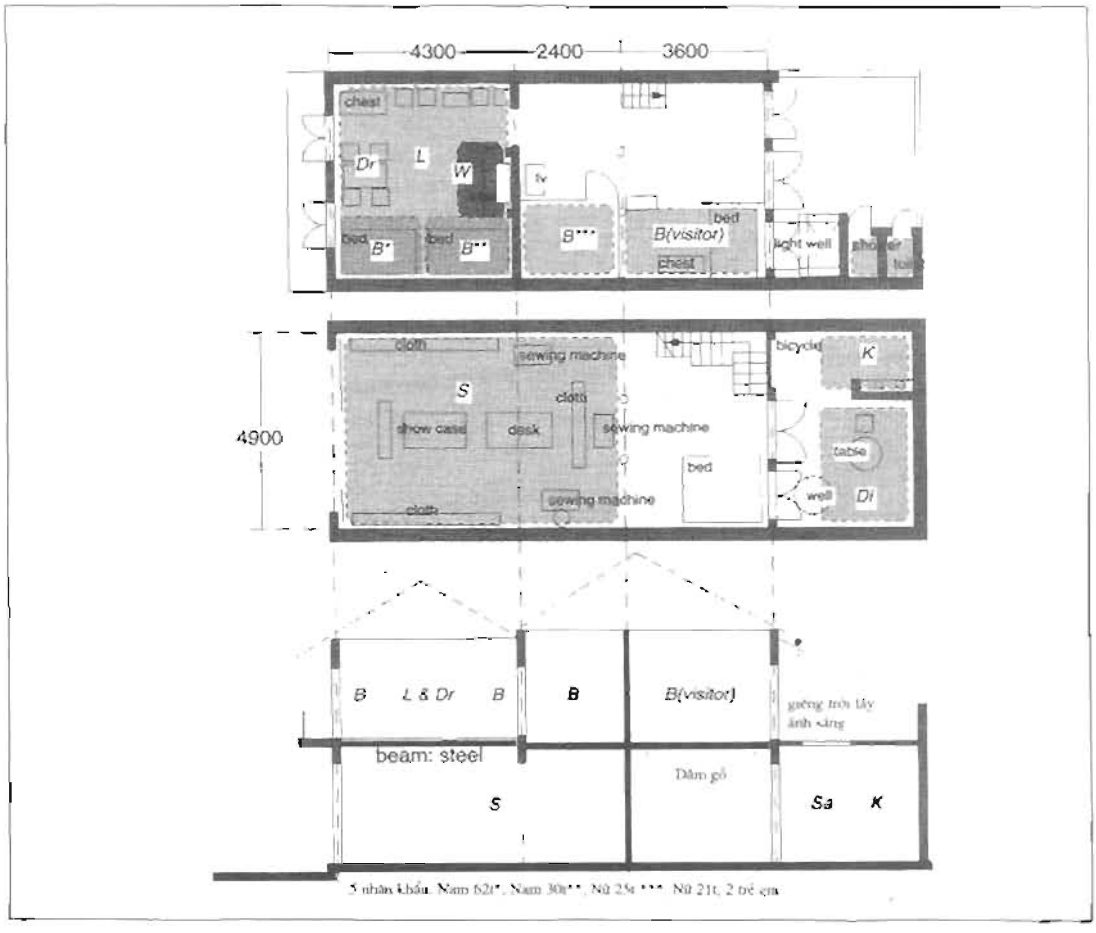

Hình 12.11. Cơi nới nhà trước (nhà số 88 Trần Phú)

12.3. CẢI TẠO VÀ CƠI NỚI THÊM NHÀ HAI TẦNG

12.3.a. Đổ một mái bằng phía trên sân trong và có lợp mái ở trên Kiểu 2+0

Nhà số 119 Trần Phú

Kiểu nhà này chỉ có một nhà trước hai tầng. Tầng hai được sử dụng để ở, ngoài ra còn có một lối ra khoảng sân lớn xây trên phần đất của sân trong. Hiện nay trong nhà chỉ có hai mẹ con (mẹ 72 tuổi và con trai 35 tuổi) đang sống, số nhân khẩu quả là quá ít so với qui mô của nhà, hơn nữa, vì tầng một không có cửa hàng nên không gian sinh hoạt cũng rất thừa thãi (tầng hai hiện không được sử dụng tới). Có thể khi cải tạo đã dự trù cho nhiều người. Phần nhà mái bằng ở phía sau hoàn toàn không được sử dụng, tuy nhiên môi trường sống của tầng một càng ngày càng xấu hơn.(Hình 12.10)

12.3.b. Mở rộng nhà trước Kiểu 2+0

Nhà số 88 Trần Phú (Gia đình có 5 nhân khẩu)

Với tình trạng ngôi nhà hiện tại thì không thể hình dung được hình dáng ban đầu của nó. Tầng hai được lợp theo kiểu hai nếp mái, phần mái phía sau hiện còn một cột gỗ tiết diện tròn lớn. Dầm đỡ sàn tầng hai của phần nhà thuộc nếp mái phía trước được đổ bằng bê tông cốt thép, còn dầm sàn của nếp mái phía sau lại là dầm gỗ. Có thể khẳng định ngôi nhà này đã bị thay đổi hoàn toàn. Nhưng cũng có thể xếp nhà này thuộc Kiểu 2+0 với hình thức cải tạo mở rộng nhà trước. Ngoài ra, phía sân trong cũng được xây thêm một nhà mái bằng và trên tầng hai có một sân trời rất rộng.

Trong gia đình có năm người thuộc ba thế hệ. Khác với đặc điểm của những nhà truyền thống là hiếm khi sinh hoạt ở tầng hai, ngược lại trong ngôi nhà này ngoài phòng ăn và bếp được bố trí ở tầng một, còn mọi sinh hoạt khác của gia đình đều được đưa lên tầng hai. Thậm chí trên tầng hai còn có cả buồng tắm và khu vệ sinh.(Hình 12.11)

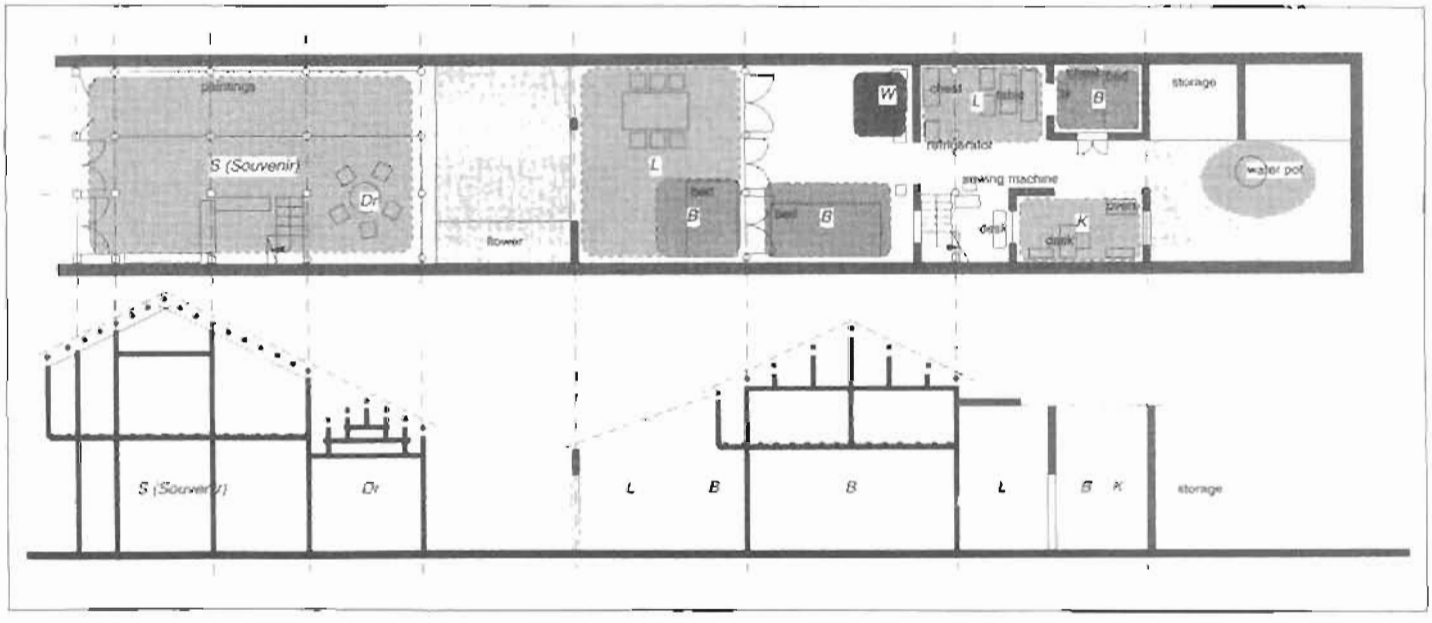

Hình 12.12 Cơi nới mặt bằng (nhà số 37 Trần Phú)

12.3.c. Mở rộng thêm mặt bằng Kiểu 2+2

Nhà số 37 Trần Phú

Toàn bộ không gian nhà trước được dùng làm cửa hàng, nhà sau là phần được mở rộng thêm để lấy không gian dùng cho sinh hoạt. Cả nhà trước và nhà sau đều là nhà hai tầng, nhưng trước kia trần của tầng hai rất thấp và nhà sau đã có những vết nứt không đảm bảo an toàn. Trong nhà chỉ có một cặp vợ chồng (chồng 39 tuổi, vợ 33 tuổi) và một người con trai (6 tuổi) hiện tại đang sinh sống. (Hình 12.12)

12.3.d. Di chuyển bếp đến khu vực sân trong Kiểu 2+0

Nhà số 23 Trần Phú

Đối với những nhà truyền thống trong trường hợp có nhà sau thì bếp thường được đặt tại sân sau. Thế nhưng, trong ngôi nhà này bếp được đặt tại tầng một của nhà cầu, không gian sinh hoạt chung và phòng ăn được bố trí ở nhà sau phía gần với nhà cầu nhất, nghĩa là kế tiếp ngay với bếp. Điều này làm cho ta hình dung không gian bếp ăn và sinh hoạt chung gần như được chung với nhau (thường được gọi là Dining Kichen).

Gia đình có 5 người gồm một cặp vợ chồng (chồng 42 tuổi, vợ 31 tuổi) và 3 người con (con gái đầu 20 tuổi, con trai đầu 15 tuổi, con gái thứ 9 tuổi). Ngôi nhà này thuộc Kiểu 2*+2 gồm nhà trước hai tầng có kèm theo nhà phụ và một nhà sau cũng hai tầng. Tầng hai của nhà trước rất thấp còn tầng hai của nhà sau hiện đang bị hư hỏng nặng nề, không thể sử dụng được. Việc bố trí bếp ở nhà cầu có lẽ không phải do không gian chật chội mà có thể chủ nhà nghĩ rằng làm như vậy sẽ thuận tiện hơn chăng? Ví dụ như với kiểu cải tạo này vừa có thể nấu nướng vừa có thể bán hàng được. Có thể cho rằng hình thức cải tạo đưa bếp lên khu vực nhà cầu được phát triển cùng với xu hướng tiểu gia đình, đây có lẽ sẽ là kiểu cải tạo còn được áp dụng nhiều từ nay về sau.(Hình 12.13)

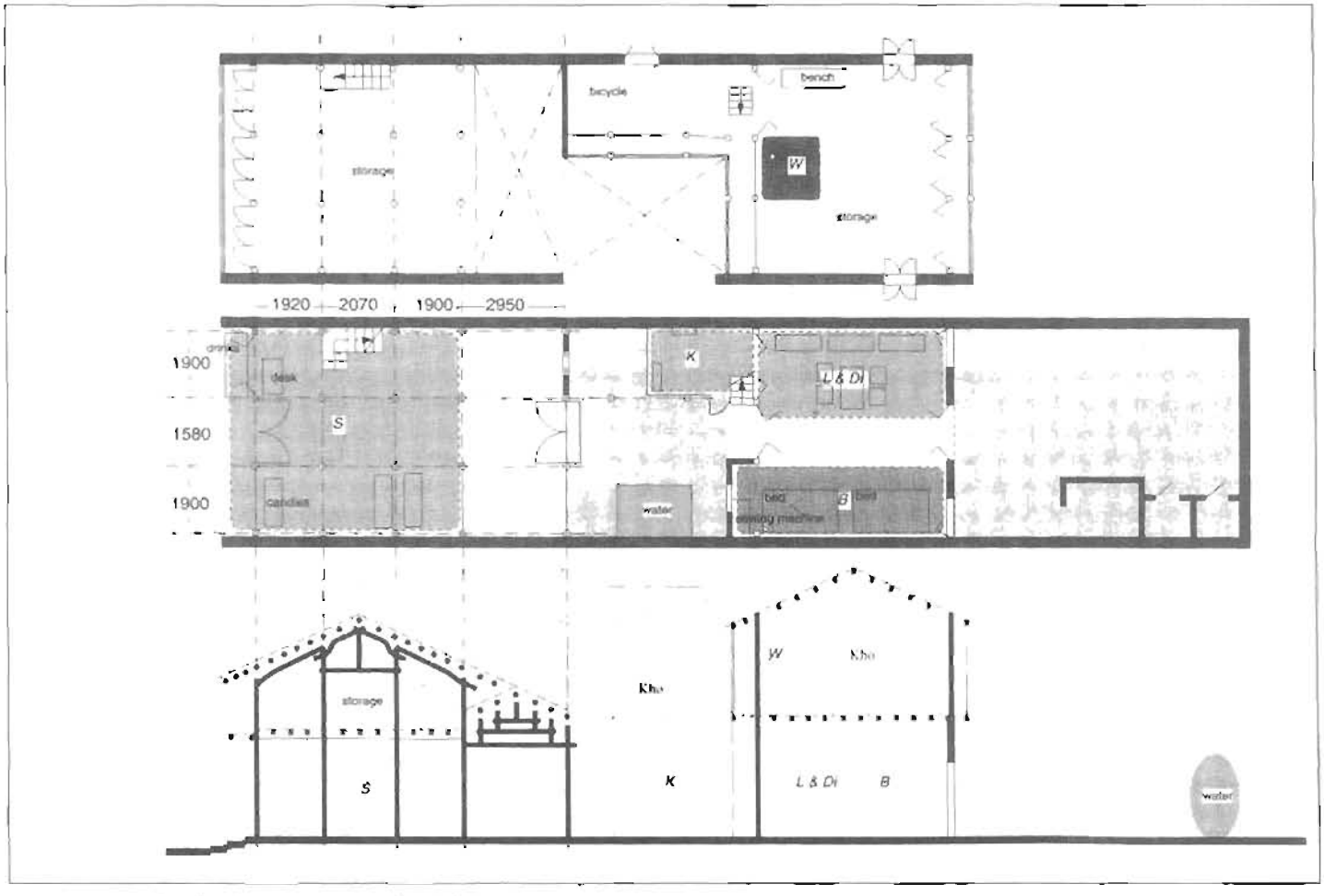

Hình 12.13. Chuyển bếp đến sân trong (nhà số 23 Trần Phú)

12.3.e. Bỏ bớt cột ở mặt đứng tiến đến hình thức cửa kéo

Nhà số 99 Trần Phú

Ngôi nhà này có mặt tiền rất hẹp và được xây dựng theo hình thức kiến trúc châu Âu (không có ban công). Chiều sâu của nhà trước rất dài nhưng diện tích sàn trong lại không đáng kể. Phía trước của tầng một là cửa hàng tạp phẩm, toàn bộ cửa trước đã được thay bằng loại cửa sắt kéo. Trước kia nhà có chiều ngang ba gian, ở giữa là cửa ra vào và hai bên là cửa ván xếp ngang theo kiểu truyền thống.

Hiện nay, trong ngôi nhà này có 5 người gồm vợ chồng chủ nhà (chồng 58 tuổi, vợ 56 tuổi), con gái đầu 29 tuổi có một người con 4 tuổi và con trai đầu 25 tuổi. Mặt tiền nhà tuy hẹp nhưng chiều sâu rất dài và được xây hai tầng nên không gian dành cho sinh hoạt cũng khá thoải mái, mỗi thế hệ có một chỗ ngủ riêng. Phần cửa hàng, được cải tạo lại năm 1964 có cửa sắt kéo. Hình thức cải tạo cửa sắt kéo ở mặt đứng này được xuất hiện từ rất lâu về trước và được áp dụng nhiều về sau.

Bếp được đặt ở phía sau nhà sau, điều này có thể thực hiện được vì gia đình đun nấu bằng bếp điện. Qua điều tra phỏng vấn cho thấy rất ít những nhà có nguyện vọng đưa bếp vào trong nhà, nhưng có lẽ khi nào các đồ điện và gas được dùng phổ biến thì chắc chắn sẽ có nhiều nhà đưa bếp vào trong.(Hình 12.14).

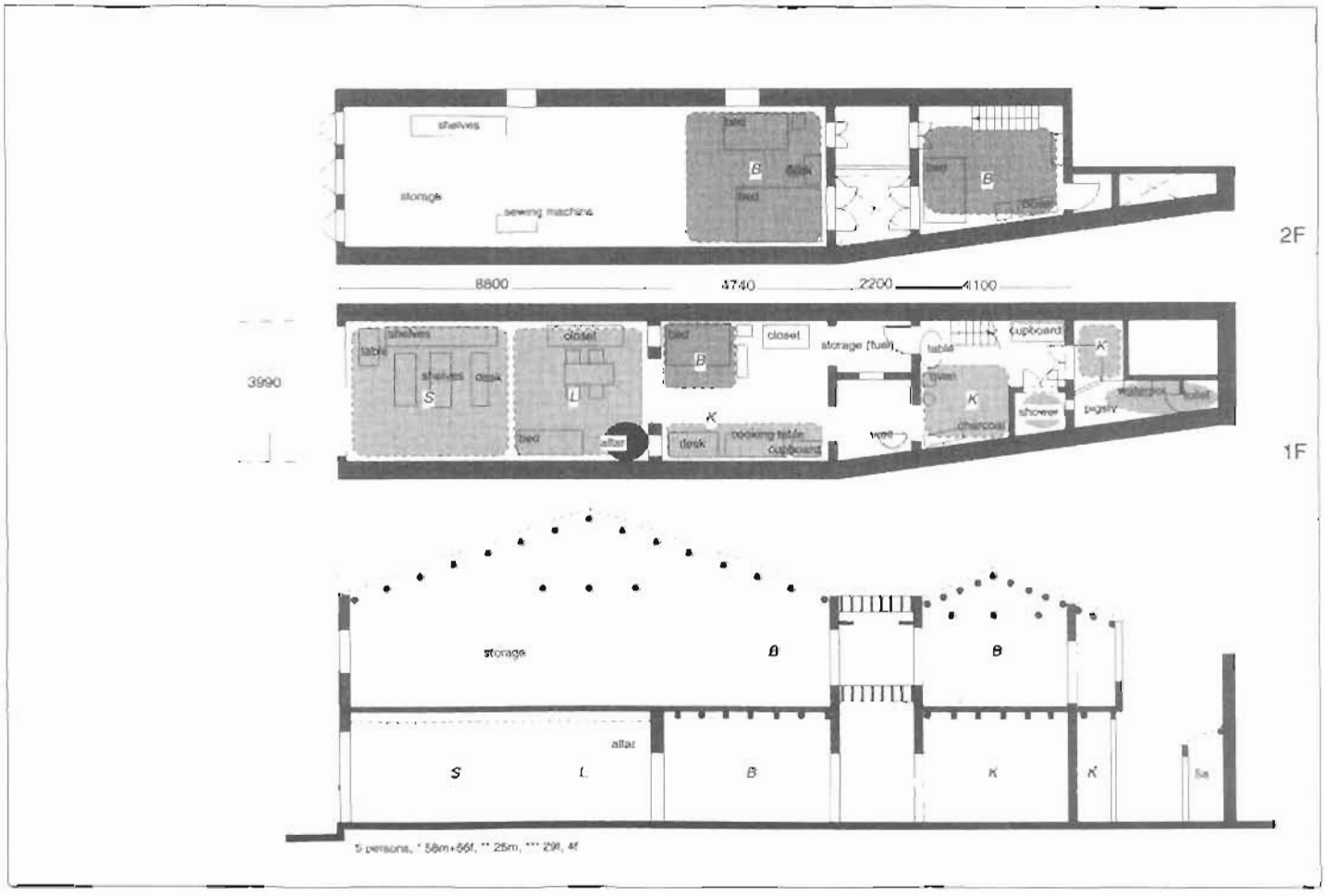

Hình 12.14. Bỏ bớt cột mặt trước, dùng cửa sắt kéo (nhà số 99 Trần Phú)

12.4. KẾT LUẬN CHƯƠNG

Việc cải tạo và cơi nới trong nhà truyền thống đã biểu hiện rất rõ sự cố gắng khắc phục những khiếm khuyết của ngôi nhà. Việc cải tạo lại mặt đứng hay bỏ bớt cột chỉ là những thay đổi bề ngoài, còn những biến đổi về bản chất thì phải kể đến những việc cải tạo và cơi nới trên diện tích ban đầu.

Phần lớn các nhà được cải tạo đều theo xu hướng cơi nới thêm tầng hai. Xu hướng này được thể hiện rõ nhất ở kiểu nhà chỉ có một nhà trước với diện tích hẹp. Nghĩa là, người ta chấp nhận bỏ qua yêu cầu về môi trường sống của tầng một để có đủ diện tích mong muốn. Nếu như trong những nhà truyền thống, sinh hoạt thường ngày không diễn ra tại tầng hai thì ở đây lại là một biến đổi lớn. Trong kiến trúc truyền thống, cũng có một vài thủ pháp nhằm mở rộng qui mô của nhà, nhưng có lẽ đây là lần đầu tiên nảy sinh nhu cầu mở rộng diện tích. Cùng với sự phát triển trở lại của kinh tế ở Hội An,nhất là các hoạt động thương nghiệp phát triển thì nhu cầu mở rộng cửa hàng ngày càng lớn, xu hướng này càng ngày càng được thể hiện rõ nét.

Tóm lại, việc cải tạo những ngôi nhà cổ không được tuân theo một qui tắc nhất định nào. Ngay cả qua việc xây dựng một ngôi nhà mới thì cũng thấy xuất hiện những hình thức kiến trúc rất bột phát. Trong chương tiếp theo chúng tôi xin trình bày về những kiến trúc xây mới tại Hội An.

CHƯƠNG 13: XU HƯỚNG KIẾN TRÚC MỚI

13.1. KHÁI QUÁT VỀ NHỮNG HÌNH THỨC KIẾN TRÚC MỚI

Trong chương này chúng tôi quan tâm đến những nhà được xây dựng không tuân theo hình thức cổ truyền. Đến nửa đầu thế kỷ 20 ở Hội An vẫn chỉ xây dựng những ngôi nhà có hình thức giống như nhà số 80 Trần Phú và kiểu nhà Pháp. Do đó ở đây chúng ta tiến hành xem xét những ngôi nhà được xây dựng vào sau thời kỳ này. Đây là thời kỳ bắt đầu trong khoảng trước và sau năm 1940 khi Việt Nam sắp thoát khỏi sự thống trị của thực dân Pháp. Vào thời kỳ này xu thế kiến trúc mới không chỉ xuất hiện ở Việt Nam mà là một xu hướng mang tính quốc tế. Qua điều tra cho thấy, những ngôi nhà mới ở Hội An được xây dựng tập trung trong khoảng thời gian trước và sau năm 1960. Những ngôi nhà này có điểm nào khác với nhà truyền thống, những điểm khác đó được hình thành từ nhu cầu nào và vấn đề của chúng là gì?

Các nhà trong phố cổ dần dần bị cải tạo, xây mới lại

Có những hình thức nhà mới nào? Đầu tiên hãy xem xét chúng từ kiểu dáng kiến trúc bên ngoài. Điều đập ngay vào mắt là tất cả các nhà, trừ nhà một tầng, đều không có mái dốc. Giả sử nhà có làm mái dốc đi nữa thì cũng không nhìn thấy được vì bị chắn tầm nhìn bởi tường chắn mái bằng bê tông và hầu hết các nhà đều có ban công.

Về kết cấu thì tường của những ngôi nhà hiện đại này có kết cấu gạch hay bê tông cốt thép. Có cả trường hợp đổ mái bằng và mái dốc lợp ngói với hệ vì kèo bằng gỗ. Về niên đại thì những công trình có mái dốc được xây dựng từ khoảng những năm 1960 cho đến nay. Còn loại mái bằng chỉ được xây dựng nhiều trong khoảng thời gian từ 1964 đến 1975. Ở Việt Nam không phân biệt thành thị hay nông thôn, kiểu nhà tường gạch và mái dốc cho đến nay vẫn còn rất thông dụng và phổ biến. Hơn nữa, một phần cũng có thể là do nguyên tắc trong khu phố cổ phải xây dựng nhà mái dốc (nêu ở chương trên).

Phần lớn nhà mái bằng là những nhà nhìn bề ngoài trông rất đồ sộ và cứng nhắc. Ngoài ra, trong khu phố cổ cũng tồn tại một số ít những nhà ba tầng. Hầu hết các ngôi nhà này đều có ban công và mái hiên nổi bật với những đường nét trang trí cứng nhắc được cho là "kiến trúc hiện đại". Như trên đã nêu, những công trình này được xây dựng trước thời kỳ chiến tranh chống Mỹ ở Việt Nam.

Có hai trường hợp nhà cải tạo mới: một là xây mới toàn bộ nhà, hai là xây mới một phần (chẳng hạn như chỉ xây mới lại nhà trước). Với trường hợp thứ nhất, khi xây dựng không có một ràng buộc nào về kết cấu cũ, nên hoàn toàn có thể xây theo một hình thức gọi là "lý tưởng". Dưới đây sẽ chia thành hai hướng phân tích theo nhà xây mới toàn bộ và nhà cải tạo xây mới một phần.

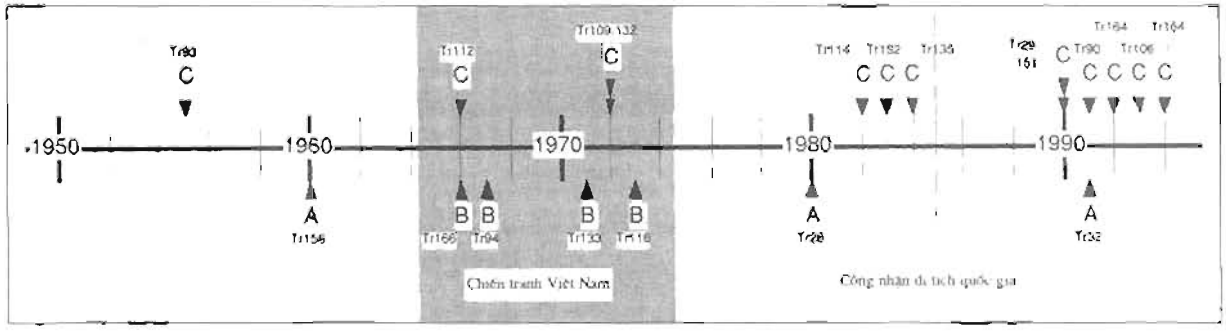

Kiểu A: Cải tạo toàn bộ, chỉ còn giữ lại 1 phần kết cấu tạo độ dốc mái, kết cấu lộn xộn (28, 32, 128, 156 Trần Phú)
Kiểu B: Cải tạo toàn bộ, đổ mái bằng (bê tông) (86, 94, 116, 118, 133, 166 Trần Phú)
Kiểu C: Cải tạo từng phần, lẫn lộn giữa bê tông (gạch) và kết cấu gỗ (29,87, 90, 93, 106, 109, 112, 114, 132, 135, 151, 152, 164 Trần Phú)

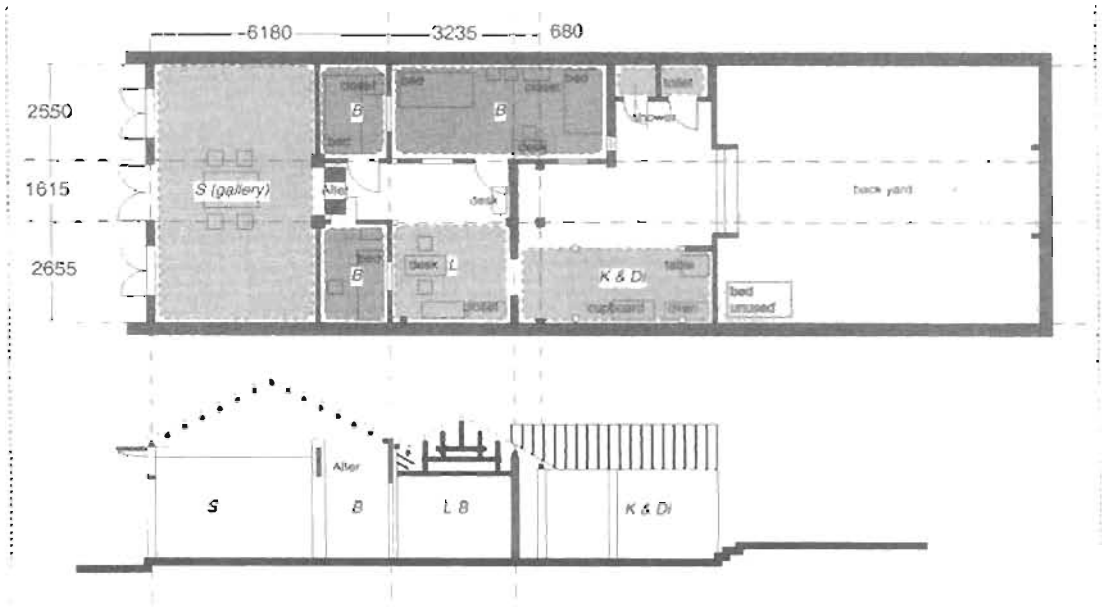

Hình 13.1. Nhà trước 1 tầng bị cải tạo (nhà số 109 Trần Phú)

Hình 13.2. Nhà trước 1 tầng bị cải tạo (nhà số 132 Trần Phú)

13.2 NHỮNG NHÀ ĐƯỢC XÂY MỚI MỘT PHẦN VÀ CUỘC SỐNG SINH HOẠT Ở ĐÂY

Chúng ta bắt đầu xem xét từ trường hợp những ngôi nhà được xây mới một phần. So với trường hợp cải tạo và cơi nới đã nêu ở chương 12 thì cũng có những điểm khó phân biệt, nhưng ở đây chỉ lấy những ngôi nhà mà một phần của nhà đó, ví dụ như nhà trước được xây mới hoàn toàn. Có tổng số 14 nhà được xác định chắc chắn là đã xây mới một phần, trong đó có 8 nhà thuộc loại nhà một tầng được xây mới nhà trước, 3 nhà hai tầng cũng được xây mới nhà trước, 2 nhà một tầng được xây mới nhà sau và một nhà được xây mới lại nhà cầu (trên thực tế thì nhà 152 Trần Phú toàn bộ cả nhà trước, nhà sau và nhà cầu đều được xây mới lại nên tổng số 12 nhà). Chúng ta tiến hành khảo sát các xu hướng sinh hoạt theo hình thức nhà được cải tạo một phần với các qui mô nhà khác nhau.

13.2.a. Trường hợp nhà trước một tầng xây mới (nhà số 112, 132, 109, 114, 152, 29, 164)

Mặt đứng nhà 109 Trần Phú

Mặt đứng nhà 132 Trần Phú

- **Nhà số 109 Trần Phú (xây dựng năm 1972)**

Phần nhà phụ nằm trong nhà trước vẫn được giữ lại nguyên vẹn, chỉ có phần nhà chính là đã xây mới lại hoàn toàn. Hiện nay, gia đình có 7 nhân khẩu gồm một cặp vợ chồng (chồng 44 tuổi, vợ 42 tuổi) và một gia đình có một người cha với 4 người con. Ngôi nhà này không có nhà sau nên chiều sâu của khu đất rất ngắn (Nhà được mua lại từ một chủ sở hữu sống trên đường Nguyễn Thái Học). Tuy nhiên, tại nhà trước và nhà cầu các không gian ngủ cần thiết vẫn được đảm bảo.

Nhà trước xây dựng theo hình thức không có cột đỡ mái, nhưng cơ cấu mặt bằng và cấu trúc không gian vẫn được làm theo kiểu truyền thống 3 gian x 3 gian, ở gian thứ ba có cột và tường để ngăn cách giữa gian thứ nhất, thứ hai với gian thứ ba. Xét về mặt không gian đây là hình thức trốn cột ở gian thứ hai. Hai phòng ngủ được bố trí ở hai bên sát tường của gian thứ ba.

Phía trước nhà, lối vào được bố trí ở giữa, bảo đảm hình thức truyền thống, chỉ có phần mái hiên được thay bằng một con sơn bê tông. (Hình 13.1)

- **Nhà số 132 Trần Phú (xây dựng năm 1972)**

Nếu so sánh với nhà 109 thì ngôi nhà này có chiều sâu dài hơn, nhà sau là kiểu nhà truyền thống hiện đang được giữ lại và chỉ thay nhà trước. Trong nhà sau có cả nhà phụ, ngược lại trong nhà trước không có nhà phụ. Hiện nay, có tới 18 nhân khẩu đang sinh sống ở đây. Nhà trước được sử dụng là cửa hàng tạp phẩm và không gian của phòng ngủ.

Cột được xây trong tường của nhà trước, kết hợp với một giàn kèo đỡ mái. Một nửa trước của nhà là cửa hàng, một nửa sau được chia thành những phòng riêng, nhưng trong không gian của cửa hàng cũng thấy có đặt giường. Không gian trong nhà có rất ít cột và việc bố trí không gian không tuân theo kiểu truyền thống 3 gian x 3gian. Hơn nữa lối đi cũng không đặt ở giữa, mặt trước nhà là cửa sắt kéo. (Hình 13.2)

Từ hai ví dụ trên cho thấy những kiến trúc mới ít nhiều đã có mối liên quan với kiến trúc truyền thống như vị trí của cửa ra vào, kết cấu mái, vị trí cột, cách

Bảng 13.1. Những công trình bị cải tạo nhà trước 1 tầng

	Trang trí		Sinh hoạt		
Số nhà	Phương vị của lối vào nhìn từ phía ngoài	Vật liệu mặt đứng	Đường đi chuyển	Phòng riêng	Phòng ngủ
112	Trung tâm	Trát vữa lên tường gạch	Phải	Không	Không có vách ngăn che (1/3 phía sau)
132	Cửa sắt kéo	Trát vữa lên tường gạch	Phải	Có (1/2 phía sau)	Chỉ có phòng riêng
109	Trung tâm	Trát vữa lên tường gạch	Giữa	Có (1/3 phía sau)	Chỉ có phòng riêng
114	Bên phải	Trát vữa lên tường gạch	Phải	Có (1/3 phía sau)	Chỉ có phòng riêng
152	Trung tâm	Trát vữa lên tường gạch	Giữa	Có (1/3 chiều ngang)	Chỉ có phòng riêng
29	Bên trái	Trát vữa lên tường gạch	Trái	Không	Phòng ngủ trong phòng sinh hoạt chung
164	Cửa sắt kéo	Trát vữa lên tường gạch	Giữa	Không	Không (Toàn bộ là cửa hàng)

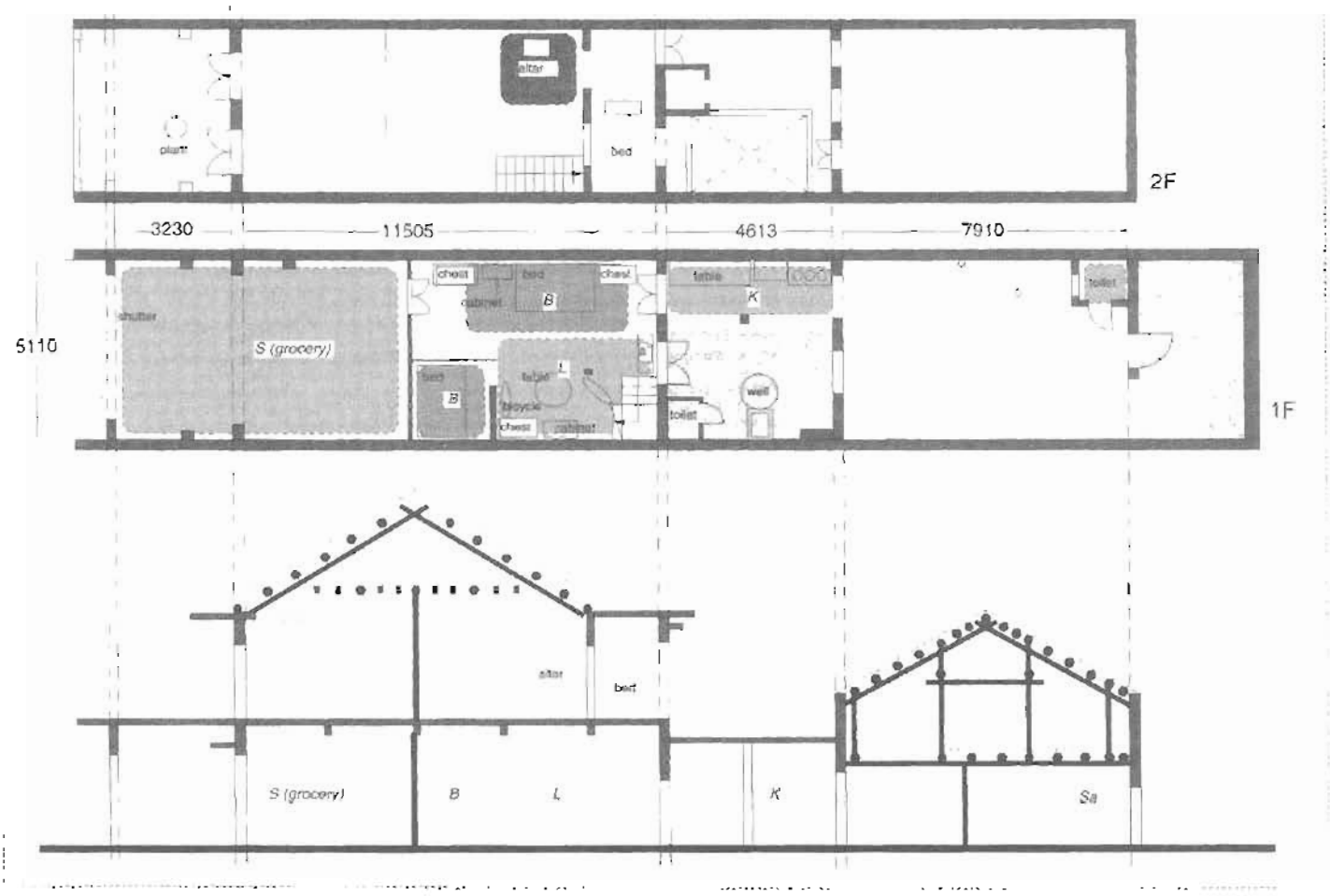

Hình 13.3. Nhà trước 2 tầng bị cải tạo (93 Trần Phú)

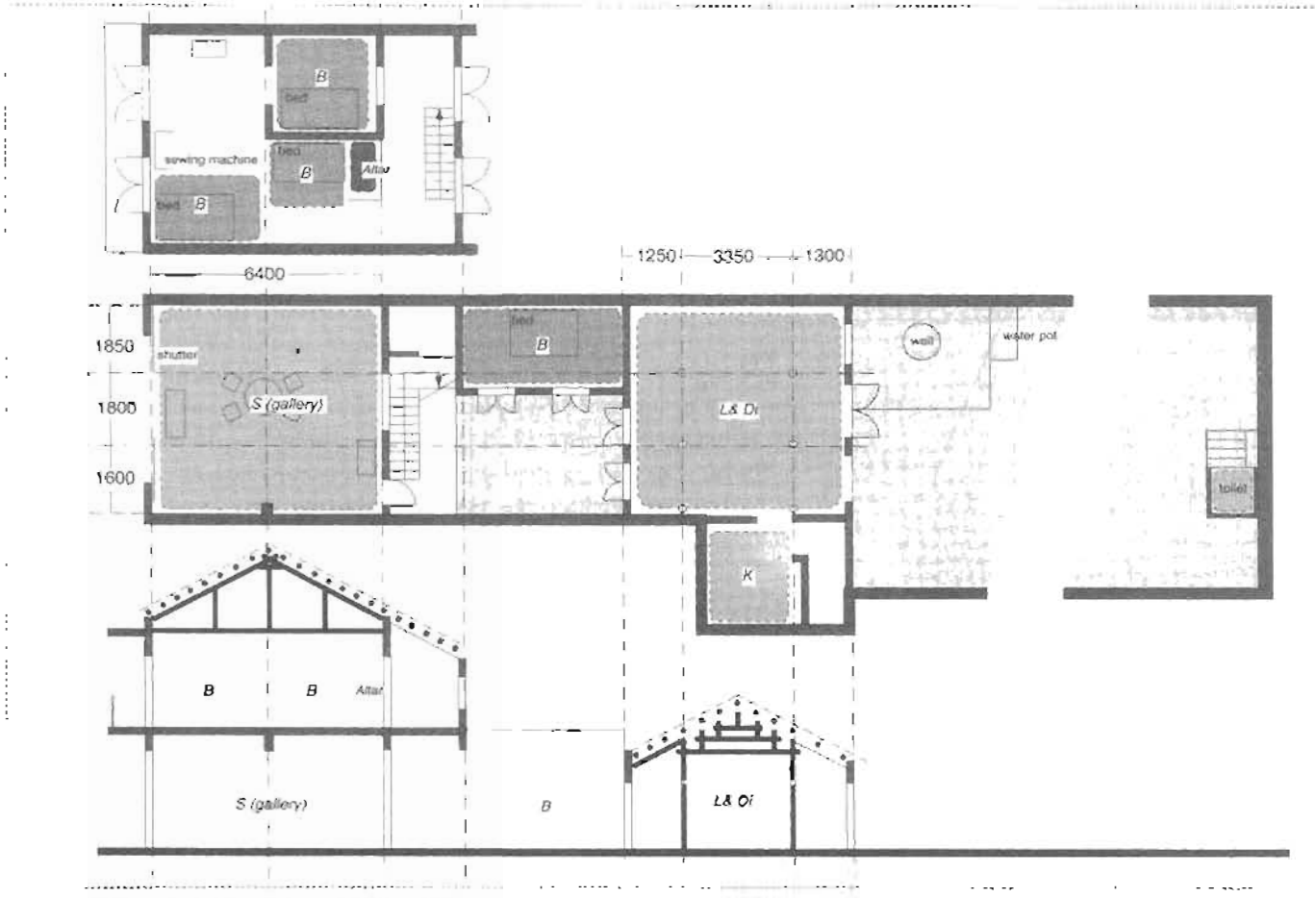

Hình 13.4. Nhà trước 2 tầng bị cải tạo (90Trần Phú)

sinh hoạt (đường đi lại, phòng riêng, chỗ ngủ...). Từ đó chúng ta tiếp tục xem xét những ví dụ tương tự để rút ra được bảng thống kê dưới đây (Bảng 13.1).

Những ví dụ liệt kê trong bảng được xắp xếp theo thứ tự về niên đại. Chúng ta hãy thử xem xét về vị trí của các cửa ra vào thì thấy rằng các nhà số 109, 112 và 152 Trần Phú cửa ra vào được đặt ở chính giữa (trang trí mặt tiền nhà 152 không đối xứng), ngoài ra các nhà khác hầu hết là cửa sắt kéo hay cửa ra vào được đặt không đối xứng. Những điều này phản ánh khá chính xác đường di chuyển trong nhà.

Hơn nữa, ta cũng thấy xu hướng trốn bớt cột. Trong số 7 nhà xây mới với hình thức tương tự như kiểu nhà truyền thống thì có 3 nhà đã lược bỏ hàng cột thứ hai. Việc lược bỏ hàng cột này có thể xuất phát từ suy nghĩ muốn sử dụng không gian một cách linh hoạt hơn, không bị sự ngăn cách của cột. Hàng cột thứ ba đóng vai trò ngăn cách giữa không gian cửa hàng và không gian sinh hoạt của gia đình. Ngoài ra, kết cấu vì kèo không tuân theo một qui tắc thống nhất nào, tuy nhiên có thể nói rằng hình thức phổ biến nhất vẫn là loại vì kèo tam giác đơn giản không được trang trí hoa văn.

Mặt đứng nhà số 93 Trần Phú

13.2.b. Trường hợp nhà trước hai tầng xây mới

Có tất cả ba trường hợp nhà trước hai tầng được xây mới đó là: nhà số 93 Trần Phú xây dựng năm 1955, nhà số 90 Trần Phú xây dựng năm 1991 và nhà số 106 Trần Phú xây dựng năm 1993. Trong những nhà này chúng ta hãy bắt đầu xem xét từ ngôi nhà được xây dựng gần đây nhất là nhà 93 Trần Phú.

- **Nhà số 93 Trần Phú (xây dựng năm 1955)**

Nhà sau hai tầng của ngôi nhà làm theo hình thức truyền thống này vẫn được giữ nguyên vẹn. Chỉ có nhà trước là mới được xây lại. Đặc điểm của nhà này là có ban công tầng hai vươn ra rất xa. Hiện tại, tầng một là cửa hàng tạp phẩm. Trong nhà gồm có một cặp vợ chồng (chồng 34 tuổi, vợ 32 tuổi) với ba người con (con trai trưởng 11 tuổi, con trai thứ 8 tuổi và con gái 1 tuổi).

Tầng một của nhà trước được chia làm hai phần chính, một nửa phía trước (kể cả không gian dưới mái ban công tầng hai) là cửa hàng và một nửa phía sau là không gian sinh hoạt. Một chiếc bàn được đặt tại trung tâm của không gian này, còn giường ngủ được đặt ở các góc nhà. Tại đây cũng bố trí vách ngăn đơn giản nhưng không tạo thành một phòng hoàn toàn riêng biệt (nơi đặt vách ngăn nhẹ là chỗ ngủ của bố mẹ). Không gian sinh hoạt bố trí tại nửa sau của nhà trước và liên hoàn với cả không gian của sân trong (một nửa sân trong bị che bởi sàn tầng hai). Tầng hai của nhà trước và toàn bộ nhà sau hầu như không được sử dụng. Bàn thờ được đặt ở tầng hai của nhà trước. Một phần có lẽ là do gia đình ít người, nhưng nhìn chung cách sinh hoạt của ngôi nhà này rất giống với cách sinh hoạt của những ngôi nhà truyền thống.

Toàn bộ mặt đứng tầng một là cửa sắt kéo, còn cửa ra ban công ở tầng hai là cửa chớp gỗ bố trí lệch về một phía. (Hình 13.3)

Mặt đứng nhà số 90 Trần Phú

- **Nhà số 90 Trần Phú (xây dựng năm 1991)**

Nhà sau (một tầng) của ngôi nhà này cũng được giữ lại, còn nhà trước được xây mới. Trong gia đình gồm có một cặp vợ chồng (chồng 57 tuổi, vợ 54 tuổi) và 5 người con (con trai 29,26,18,14 tuổi và một con gái 18 tuổi). Cửa hàng ở tầng một là phòng trưng bày tranh và làm nghề điêu khắc.

Toàn bộ tầng một của ngôi nhà được dùng làm cửa hàng, chỗ ngủ được bố trí ở tầng hai. Trên tầng hai có một phòng lớn nằm về phía đường và một phòng nhỏ ở phía sau, đây cũng là kiểu bố trí thường hay gặp nhất. Hai phòng này là phòng của vợ và con gái của chủ nhà. Ngoài ra, chỗ ngủ của nam giới trong nhà là nhà cầu (một tầng). Mặt bằng của nhà trước nói chung giống với nhà 106.

Hệ thống cửa của tầng một và tầng hai hoàn toàn giống với nhà số 93. (Hình 13.4)

***

Hai ngôi nhà nêu trên có niên đại xây dựng cách nhau khoảng 40 năm nhưng lại có hình thức kiến trúc rất giống nhau. Tuy nhiên, trong ngôi nhà cổ hơn số 93 Trần Phú thì sinh hoạt vẫn là một yếu tố quan trọng ở tầng một, nhưng trong nhà 90 và 106 Trần Phú thì không gian sinh hoạt đã bị chuyển lên tầng hai.

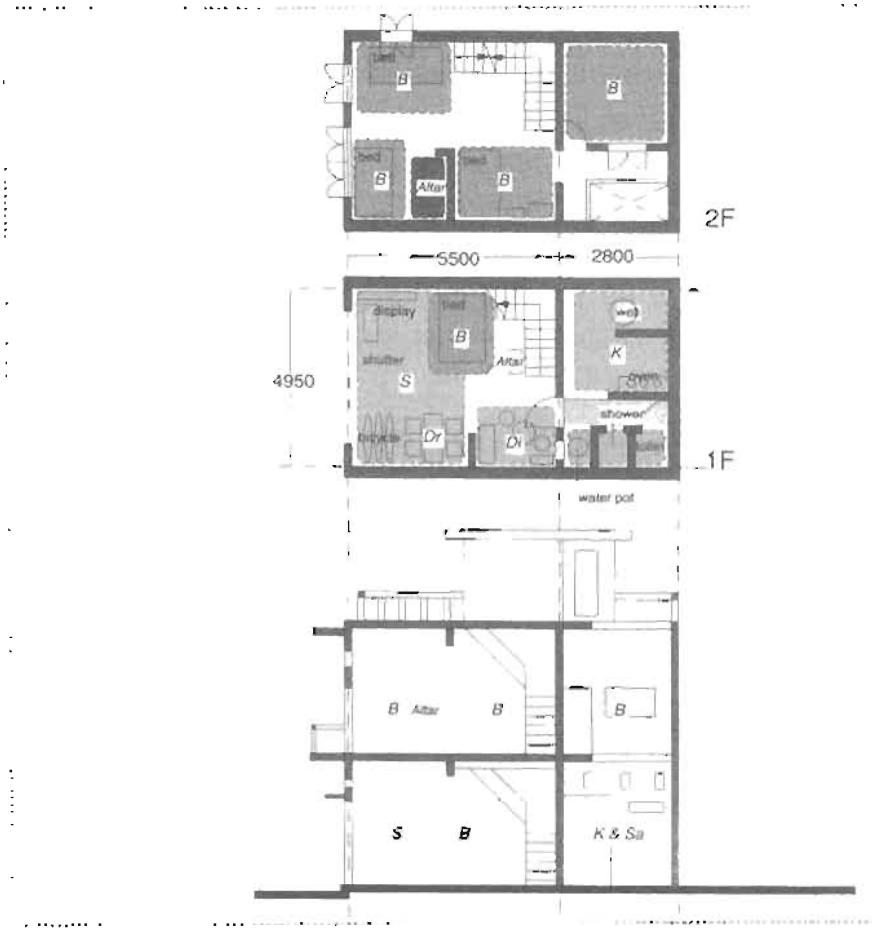

Hình 13.5. Trường hợp xây mới toàn bộ trên 1 diện tích hẹp (94 Trần Phú)

Hình 13.6. Trường hợp xây mới toàn bộ trên 1 diện tích hẹp (28 Trần Phú)

13.3. NHỮNG NHÀ ĐƯỢC XÂY MỚI TOÀN BỘ VÀ CUỘC SỐNG SINH HOẠT Ở ĐÂY

Chúng ta hãy cùng xem xét các trường hợp bắt đầu từ những nhà có chiều sâu nhà ngắn.

13.3.a. Trường hợp nhà có chiều sâu ngắn

Mặt đứng nhà số 94 Trần Phú

- **Nhà số 94 Trần Phú (xây dựng năm 1967)**

Ngôi nhà này xây dựng trên khuôn viên đất có chiều sâu là 12m, nhưng phía trước được lùi vào cách mặt đường khoảng 3m nên tổng chiều sâu của nhà chỉ khoảng 8,5m. Hơn nữa, bên cạnh đó nhà số 96 là một ngôi nhà cổ nằm sát với mặt đường. Không rõ nguyên nhân xây lùi vào của ngôi nhà này, tuy nhiên mặt trước của nó được nằm thẳng hàng với nhà số 92 ba tầng bên phía tay phải. Hiện tại tầng một của ngôi nhà này là cửa hàng cho thuê quần áo dám cưới và lễ hội. Trong nhà có 11 nhân khẩu, họ hiện đang sinh sống trong tình trạng rất chật chội, bao gồm vợ chồng chủ nhà (chồng 77 tuổi, vợ 66 tuổi), gia đình con gái đầu (có hai con) và gia đình của trai đầu (có ba con).

Ở tầng một, từ phía ngoài vào là cửa hàng rồi đến không gian sinh hoạt chung và cũng là phòng ăn, nhưng bếp thì được bố trí khá xa so với vị trí của phòng ăn. Bếp có diện tích rất nhỏ, đối diện với bếp là phòng tắm và vệ sinh. Tại tầng một, đặt giường ngủ của ông và cháu, trên tầng hai bố trí một phòng lớn và một phòng nhỏ, phòng lớn là không gian riêng của gia đình con trai trưởng, phòng nhỏ là phòng của vợ chủ nhà và con gái đầu, nói chung là phòng của phụ nữ trong nhà. Như vậy, toàn bộ không gian tầng hai được dùng cho sinh hoạt. Bàn thờ chính cũng được đặt ở tầng hai. Vì sống trong một diện tích rất chật hẹp như vậy, nên đồ đạc trong gia đình được bố trí rất tiết kiệm và gọn gàng.

Toàn bộ mặt trước của tầng một là cửa sắt kéo, ở tầng hai có một ban công vừa là mái hiên của tầng một, cửa ra vào ở tầng hai là cửa hai cánh và cửa sổ bốn cánh làm bằng gỗ. Cửa tầng hai không được bố trí theo kiểu đối xứng truyền thống mà cửa ra vào được bố trí lệch sang một bên. Điều này không phản ánh sự bố trí phòng mà phản ánh cách sử dụng phòng của tầng hai. Hình thức mặt đứng tầng hai bố trí đối xứng cũng là một điểm chung của tất cả những kiến trúc mới ở Hội An. (Hình 13.5)

Mặt đứng nhà số 28 Trần Phú

- **Nhà số 28 Trần Phú (xây dựng năm 1980)**

Khuôn viên của nhà này cũng chỉ có chiều sâu khoảng hơn 12m và được xây dựng hết diện tích. Sinh sống trong ngôi nhà này hiện nay có vợ chồng chủ nhà (chồng 50 tuổi, vợ 44 tuổi) và 5 người con (con gái 26, 24, 19 tuổi và con trai 21, 14 tuổi), hiện tại gia đình đang làm nghề nhiếp ảnh.

Mặt bằng của nhà nhìn chung rất giống với nhà số 94, nhưng không có sân trời ở phía bếp và vệ sinh, tuy nhiên trên trần có bố trí quạt thông gió và đục lỗ lấy ánh sáng trên tường. Tầng hai là studio chụp ảnh, trên tường hai bên được vẽ hai bức tranh lớn để làm phông chụp ảnh. Do đó phòng lớn ở tầng hai không được sử dụng làm phòng ngủ. Phòng ngủ của vợ chồng chủ nhà là phòng nhỏ phía sau trên tầng hai, còn những người khác trong gia đình thì sinh hoạt ở tầng một. Nghĩa là, một phần ba mặt bằng từ ngoài đường vào là cửa hàng, tiếp đó là không gian sinh hoạt chung được kết hợp với không gian ngủ. Trên tầng hai có một ban công rất rộng ở phía trước nên cửa hàng tầng một cũng bao gồm cả không gian dưới mái của ban công này (được làm thêm một mái che ở phía trước). Bàn thờ đặt trong phòng studio tầng hai.

Điểm đáng chú ý ở ngôi nhà này là vị trí đầm và cột được bố trí theo nguyên tắc truyền thống 3 gian x 3 gian, cho nên cách sử dụng không gian cũng tuân theo nguyên tắc như trong những ngôi nhà cổ. Ngoài ra, một phần của nhà được lợp ngói với hệ vì kèo gỗ nhưng cũng giống như các trường hợp khác mái bị che khuất bởi tường chắn mái.

Mặt đứng của nhà có hình thức kiến trúc như những kiến trúc mới đang thịnh hành ở Hội An, tuy nhiên lan can của tầng hai không được thiết kế đối xứng. (Hình 13.6)

13.3.b. Trường hợp nhà có chiều sâu trung bình

Mặt đứng nhà số 156 Trần Phú

- **Nhà số 156 Trần Phú (xây dựng năm 1960)**

Ngôi nhà này có chiều sâu khoảng hơn 15 mét, dài hơn so với chiều sâu của hai nhà đã nêu trên, ngôi nhà này cũng xây hết diện tích (có nhiều khả năng ngôi nhà đã được cải tạo và xây thêm so với hiện trạng ban đầu). Hiện nay tầng một là cửa hàng tạp phẩm, tầng hai là phòng khám nha khoa. Trong nhà gồm có: vợ chồng chủ nhà (chồng 70 tuổi, vợ 70 tuổi) sống với gia đình của con trai trưởng (chồng 39 tuổi, vợ 39 tuổi và hai người con) và gia đình con trai thứ (chồng 34 tuổi, vợ 34 tuổi và hai người con), tổng số nhân khẩu là 10 người.

Nửa trước của nhà là cửa hàng, nửa sau là phòng sinh hoạt chung kết hợp với phòng ăn. Phía trong cùng là một sân trời nhỏ, ngoài ra bếp, giếng và khu vệ sinh cũng được bố trí tại đây. Phía trước của tầng hai là phòng khách, bàn thờ cũng được đặt ở phòng này, kế đó là hai phòng ngủ được bố trí lệch về phía đông và để ra một hành lang chung. Phía trên của bếp và khu vệ sinh có một sân trời có song sắt để lấy sáng xuống tầng một. Tuy nhiên, phía trên sân trời cũng được lợp mái tôn, nên toàn bộ không gian này dường như trở thành không gian trong nhà.

Mặt đứng được bắt chước theo hình thức phổ biến của kiến trúc mới. Cửa ra ban công tầng hai được bố trí thẳng với hành lang chung trong nhà. Ở ngôi nhà này phòng ngoài cùng tầng hai được sử dụng làm phòng khách chứ không phải là phòng ngủ như các ví dụ khác. Do đó chức năng của phòng này không liên quan nhiều đến kiến trúc mặt đứng của tầng hai. (Hình 13.7)

Hình 13.7. Trường hợp xây mới toàn bộ trên một diện tích vừa phải (156 Trần Phú)

13.3.c. Trường hợp nhà có chiều sâu dài

Mặt đứng nhà số 116 Trần Phú

- **Nhà số 116 Trần Phú (xây dựng năm 1973)**

Ngôi nhà này có chiều sâu gần 20 mét, đã được xây một ngôi nhà hai tầng kết cấu bê tông cốt thép trên toàn bộ khuôn viên đất. Trên tầng thượng được làm thêm một gian hoa cũng bằng bê tông, do đó nếu nhìn từ phía ngoài vào sẽ thấy ngôi nhà rất cao. Có 12 nhân khẩu hiện đang sinh sống trong ngôi nhà này, nhưng không rõ quan hệ của họ. Hiện nay tầng một là cửa hàng bán đồ điện.

Cầu thang được bố trí ở khoảng giữa nhà và chia mặt bằng làm hai phần chính. Nửa trước của tầng một là cửa hàng, nửa sau là bếp và phòng ăn. Đây là một trường hợp được bố trí hoàn toàn khác so với những nhà đã nêu ở trên là bếp và khu vệ sinh được đặt trong nhà chính. Nửa phía trước của tầng hai là một phòng lớn đặt bàn thờ kết hợp với phòng ngủ. Nửa phía sau bố trí các phòng riêng. Mặt đứng được thiết kế theo hình thức giống như những nhà mới khác.

Nếu coi buồng cầu thang tương ứng với khoảng sân trong thì ngôi nhà này cũng được cấu thành gồm nhà trước và nhà sau. Nhưng, thật đáng tiếc là họ đã lược bỏ một không gian quan trọng là sân trong. (Hình 13.8)

- **Nhà số 68 Nguyễn Thái Học (xây dựng năm 1970)**

Đây là ngôi nhà có hình thức kiến trúc hiện đại rườm rà nhất ở Hội An. Chiều sâu của ngôi nhà này lớn hơn chiều sâu của nhà 116 Trần Phú. Còn mặt đứng không những đã không hài hoà với cảnh quan của phố cổ mà ban công và mái hiên của nó còn được làm bằng những thanh bê tông gây nên một ấn

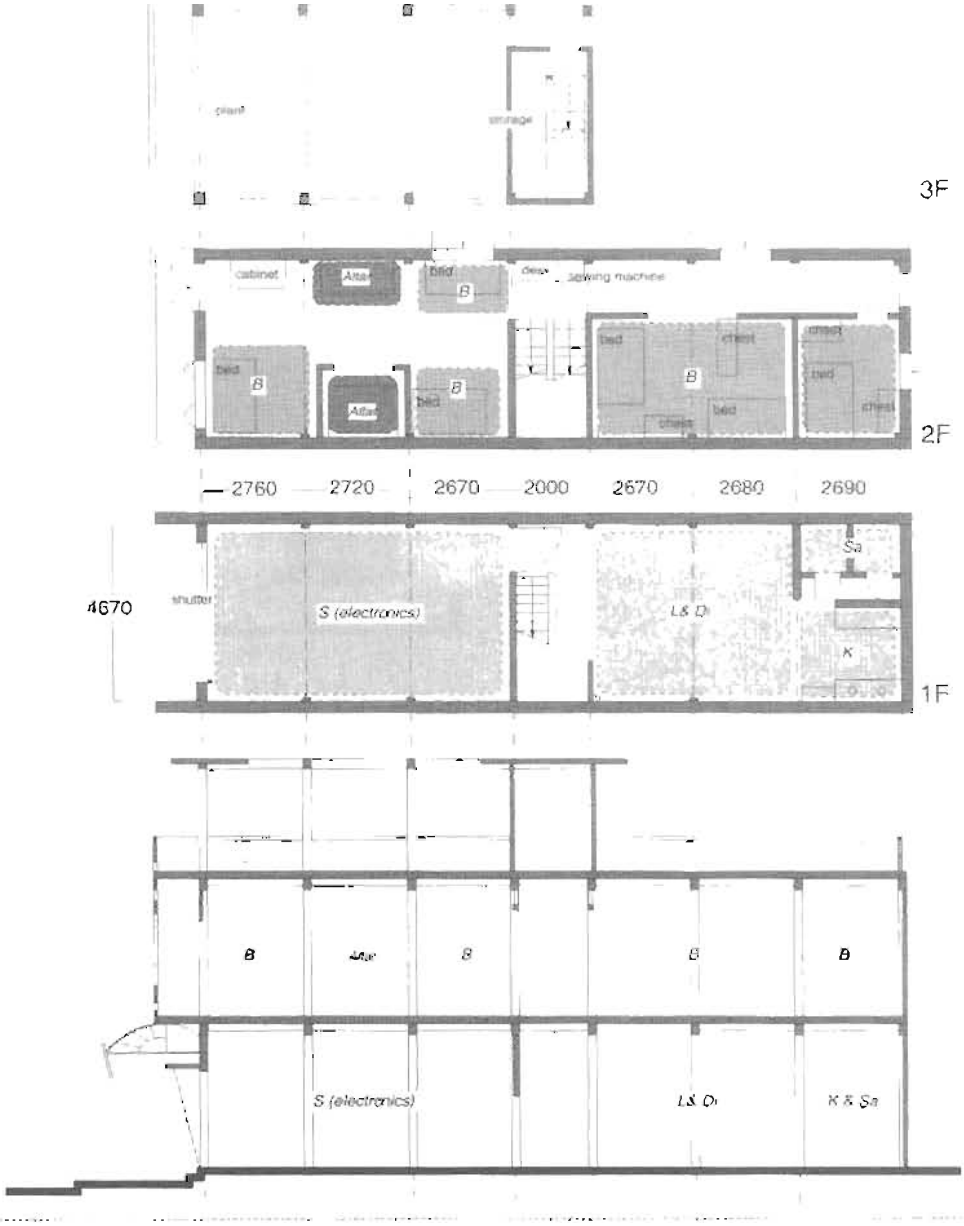

Hình 13.8. Trường hợp xây mới toàn bộ trên diện tích lớn (116 Trần Phú)

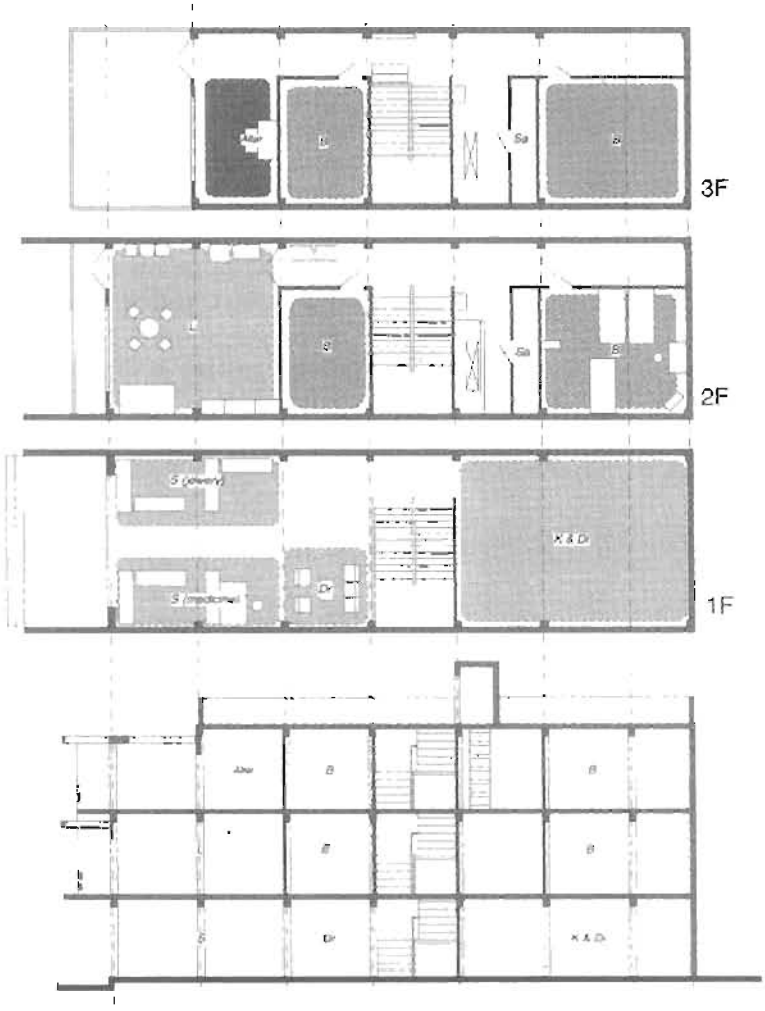

Hình 13.9. Trường hợp xây mới toàn bộ trên diện tích lớn (68 Nguyễn Thái Học)

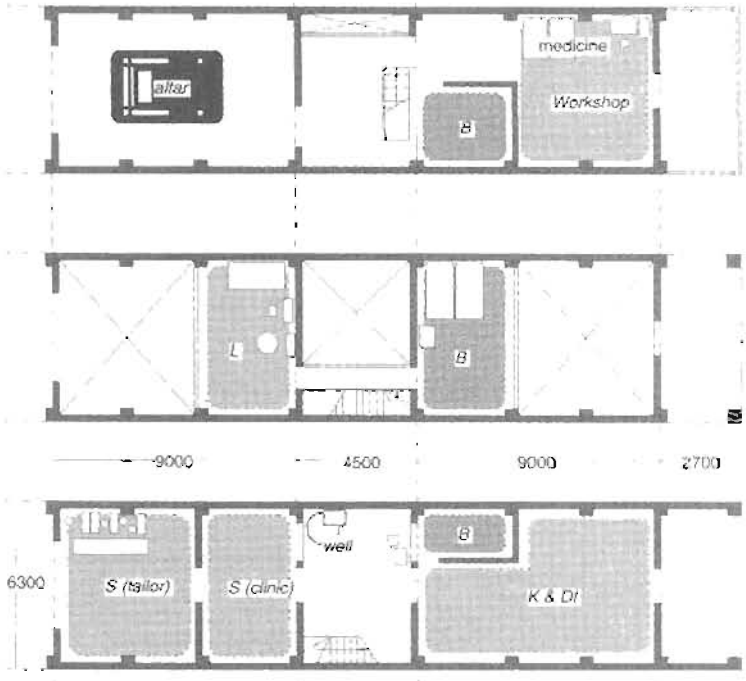

Hình 13.10. Trường hợp xây mới toàn bộ trên diện tích lớn (89 Nguyễn Thái Học)

tượng mạnh mẽ. Về mặt niên đại, ngôi nhà này được xây dựng sau khi miền Nam được giải phóng và kiến trúc thời kỳ này được gọi là phong cách kiến trúc Việt Nam chạy theo các trường phái quốc tế.

Mặt đứng nhà số 68 Nguyễn Thái Học

Ngôi nhà được xây ba tầng chiếm hết diện tích đất. Mặt đứng của nhà gần như tương tự với nhà 156 Trần Phú, toàn bộ mặt đứng tầng một là cửa sắt kéo, tầng hai và tầng ba là cửa mở ra ban công kết hợp với cửa sổ, lan can ban công có hình dáng không đối xứng.

Khi xem xét mặt cắt của nhà thì tầng một chỉ có bếp và phòng ăn, ngoài ra các phòng sinh hoạt khác đều bố trí từ tầng hai trở lên. Phía trước của tầng hai là không gian sinh hoạt chung của gia đình, bên cạnh đó là hành lang giao thông, phần còn lại bố trí các phòng ngủ. Cách bố trí này hoàn toàn giống với cách bố trí trong nhà 156. Mặt bằng tầng ba giống như mặt bằng tầng hai, tuy nhiên nếu như nhà 156 bàn thờ được đặt ở trong phòng sinh hoạt chung thì ở đây bàn thờ được đặt ở tầng ba, phía trên của phòng sinh hoạt chung.

Điểm khác với nhà 156 Trần Phú là vị trí của cầu thang. Cầu thang được đặt ở đúng khoảng giữa chiều sâu của nhà, phân chia không gian cửa hàng với không gian sinh hoạt (bếp và phòng ăn). Ngay phía trên của bếp sát với tường cầu thang là một lỗ thông thoáng được làm thông lên tận mái. Xung quanh không gian cầu thang có vai trò giống như sân trong của những nhà truyền thống. (Hình 13.9)

Nhà số 92 Trần Phú (hiện đang là khách sạn) cũng có cấu trúc giống như ngôi nhà này.

- **Nhà số 89 Nguyễn Thái Học (không xác định được niên đại xây dựng)**

Đây cũng là một trường hợp nhà có chiều sâu dài. Đối với một chiều sâu như vậy thì trong những nhà truyền thống có thể được cấu thành bao gồm đầy đủ: nhà trước, nhà cầu, nhà sau và nhà bếp. Ngôi nhà này có kết cấu bê tông cốt thép, kiến trúc mặt đứng không có gì đặc biệt. Phía trước của tầng một hiện đang cho thuê làm cửa hàng may, còn chủ nhà làm nghề bốc thuốc đông y ở phía sau.

Mặt đứng nhà số 89 Nguyễn Thái Học

Ngôi nhà này được xây hai tầng và sử dụng hết đất. Tuy chỉ có hai tầng nhưng tầng một được thiết kế rất cao để có thể làm thêm hai gác lửng nằm hai bên sân trong và cầu thang. Chính giữa chiều sâu khu đất bố trí buồng cầu thang và sân trong, chia ngôi nhà thành nhà trước và nhà sau. Cách phân chia mặt bằng này giống với cách chia trong những nhà truyền thống. Tuy nhiên, sàn của tầng ba bao trùm lên cả phần sân trong, chỉ để ra một khe đủ để lấy sáng cho các tầng dưới nằm sát với tường bên.

Phía trước của tầng một chia làm hai phần: nửa trước là cửa hàng may, nửa sau là cửa hàng thuốc bắc. Phía sau bố trí bếp và phòng ăn. Gác lửng ở phía nhà trước là phòng khách, còn gác lửng ở phía nhà sau là phòng ngủ của vợ chồng chủ nhà. Mặt sau nhà hướng về phía Nam cho nên phòng lớn phía sau rất sáng, được dùng làm nơi chế biến và phơi thuốc bắc. Sát với cầu thang là một phòng ngủ nhỏ, điểm này tương đồng với hai nhà nêu trên.

Phòng phía trước của tầng hai là phòng thờ. Bàn thờ dường như được giữ y nguyên từ ngôi nhà cổ trước khi xây lại. Việc bàn thờ được đặt ở tầng cao nhất về phía đường là điểm chung với hai nhà nêu trên. (Hình 13.10)

Nhà số 86 Trần Phú (xây dựng năm 1972) có cấu trúc giống với ngôi nhà này. Gác lửng là phòng ngủ của chủ nhà. Bàn thờ được đặt ở tầng cao nhất nhưng ở phòng phía sau chứ không ở phòng nằm sát đường.

Nhà số 89 Nguyễn Thái Học: nhà trước là cửa hàng quần áo

Mặc dù là nhà xây mới nhưng giữa nhà trước và nhà sau cũng có 1 sân trong

Nhìn từ phía sau của nhà sau, về phía sân trong, nhà trước và lối đi. Gác lửng là phòng ngủ của vợ chồng

Hình 13.11 Mặc dù là công trình xây mới nhưng có mặt đứng hoàn toàn đối xứng (166 Trần Phú)

Bảng 13.12. Cách sinh hoạt trong ngôi nhà đã cải tạo

Kiểu nhà	Số nhà	Cửa hàng	Cửa trước tầng 1	Trang trí mặt tiền tầng 2	Đường đi chuyển
Kiểu A	Trần Phú 028	Có	Cửa sắt kéo	Không đối xứng	Tầng 2 không xác định
	Trần Phú 032	Có	Cửa sắt kéo	Không đối xứng	1 phía
	Trần Phú 128	Không		Không đối xứng	1 phía
	Trần Phú 156	Có	Cửa sắt kéo	Không đối xứng	1 phía
Kiểu B	Trần Phú 094	Có	Cửa sắt kéo	Không đối xứng	1 phía
	Trần Phú 116	Có	Cửa sắt kéo	Không đối xứng	1 phía
	Trần Phú 118	Có		Không đối xứng	1 phía (trung với tầng 1)
	Trần Phú 133	Không		Không đối xứng	
	Trần Phú 166	Có	Cửa sắt kéo	Đối xứng	Không xác định
	Nguyễn Thái Học 68	Có	Cửa sắt kéo	Không đối xứng	
	Nguyễn Thái Học 89	Có			

Kiểu nhà	Số nhà	Thế hệ	Số nhân khẩu	Số người ở tầng 2/tổng số giường	Chỗ ngủ riêng	Có phòng riêng	Ngủ tại phòng sinh hoạt chung của gia đình
Kiểu A	Trần Phú 028	1	7	2/3	Bố mẹ con	Vợ chồng	Con gái (khác tầng bàn thờ)
	Trần Phú 032	1	4	3/5	Không rõ	Không rõ	Không có
	Trần Phú 128	2	3	1/2	Thế hệ	Vợ chồng trẻ	Chủ nhà (gần bàn thờ)
	Trần Phú 156	3	10	3/3	Không rõ	Không rõ	Không có
Kiểu B	Trần Phú 094	3	10	3/4	Bỏ qua thế hệ, nam nữ	Người già + chị gái	Không có
	Trần Phú 116	4	12	6/6	Không rõ	Không rõ	Không có
	Trần Phú 118	1	4		Bố mẹ con	1 cặp vợ chồng, 1 con	Không có
	Trần Phú 133	1	2	0/2	Bố mẹ con	1 bố (mẹ), 1 con	Không có
	Trần Phú 166	1	5	1/4	Không rõ	Không rõ	Không rõ
Trung bình (Trừ nhà 118 và 90)		2.0	6.6	19/29	(66%)		

Kiểu nhà	Số nhà	Thế hệ	Số nhân khẩu	Vị trí của bếp	Vị trí của phòng ăn (quan hệ với bếp)
Kiểu A	Trần Phú 028	1	7	Trong cùng tầng 1	
	Trần Phú 032	1	4	Trong cùng tầng 1	
	Trần Phú 128	2	3	Trong cùng tầng 1	
	Trần Phú 156	3	10	Trong cùng tầng 1	
				Bếp ngoài nhà nhưng có mái che	
Kiểu B	Trần Phú 094	3	10	Trong cùng tầng 1	
	Trần Phú 116	4	12	Trong cùng tầng 1	
	Trần Phú 118	1	4	Trong cùng tầng 1	
	Trần Phú 133	1	2	Trong cùng tầng 1 một nửa nằm ở ngoài	
	Trần Phú 166	1	5	Trong cùng tầng 1 một nửa nằm ở ngoài	

Mặt đứng nhà 166 Trần Phú

13.4. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CÒN TỒN TẠI ĐỐI VỚI NHỮNG NHÀ XÂY DỰNG THEO KIỂU KIẾN TRÚC MỚI

Qua quá trình khảo sát và nghiên cứu những nhà xây dựng theo kiểu kiến trúc mới cho thấy có một vài điểm còn tồn tại cần được lưu ý. Chúng hoàn toàn trùng hợp với những vấn đề đang còn tồn tại đối với trường hợp nhà cải tạo và cơi nới. Nói chung, đối với những nhà cải tạo và xây mới không tuân thủ theo nguyên tắc của nhà truyền thống đã biểu hiện rất rõ ràng những nhược điểm của nó. Dưới đây là một số phân tích chungcho cả những nhà xây mới và nhà cải tạo.

- Không gian sinh hoạt và không gian ngủ

Đối với những nhà được xây mới từ đầu, cũng như những nhà được cải tạo và xây dựng thêm thì phần lớn chỗ ngủ được bố trí ở tầng hai (Bảng13.2).

Trong tổng số 8 ngôi nhà, trừ một nhà một tầng (nhà số 118 Trần Phú) thì hơn một nửa số nhà có chỗ ngủ cho các thành viên trong gia đình được bố trí trên tầng hai (6 nhà). Trong đó, có hai nhà toàn bộ gia đình đều ngủ ở tầng hai. Nếu xem xét về cách phân chia chỗ ngủ thì đối với những nhà chỉ có một gia đình có sự phân biệt chỗ ngủ của bố mẹ và con cái , bố mẹ ngủ ở phòng riêng.Có ba nhà có phân biệt chỗ ngủ của bố mẹ với con cái, có hai nhà có phòng riêng dành cho con cái. Đối với những nhà có từ hai gia đình trở lên thì những nhà có khả năng mới bố trí chỗ ngủ riêng cho các thành viên trong gia đình, (hơn nữa nếu có khả năng bố trí chỗ ngủ riêng cho các gia đình và các thế hệ thì trước tiên sẽ ưu tiên bố trí chỗ ngủ theo giới tính). Thông thường, những cặp vợ chồng trẻ được bố trí ở phòng riêng, còn những người khác cũng có thể ngủ ở phòng riêng của mình (nếu có) hoặc ngủ ở trong phòng sinh hoạt chung của gia đình. Những người già thường ngủ gần nơi đặt bàn thờ, điều này giống với sự bố trí trong nhà truyền thống.

Tương tự đối với trường hợp nhà cải tạo và xây mới hai tầng. Nếu nhìn từ góc độ gọi là không gian ngủ thì có lẽ sự phân chia không gian ngủ giữa các gia đình và thế hệ còn rõ ràng hơn so với phong cách sống cũ. Giữa các gia đình chắc chắn chỗ ngủ được bố trí ở những vị trí khác nhau. Ở đây chúng tôi đã không tiến hành điều tra cụ thể đối với những nhà có hình thức sống cổ truyền, nhưng chúng tôi cho rằng nhu cầu này chắc chắn rất cần thiết. Khi chỗ ngủ được bố trí tập trung trên tầng hai thì công năng của tầng một chỉ còn là cửa hàng, bếp và phòng ăn. Đương nhiên, khi đó phòng ăn sẽ có diện tích lớn hơn.

Tuy nhiên, qua điều tra phỏng vấn những người sống trong gia đình thì không phải tất cả phòng ngủ riêng ở tầng hai đều đảm bảo là có một môi trường tốt, cũng có người đã nói "vì ngủ ở phòng riêng trên tầng hai nên rất nóng, muốn phá bỏ tất cả phòng riêng để làm thành một phòng lớn". Nhìn vào mặt bằng của các nhà này phần lớn sẽ thấy ngay chúng rất chật chội và không thông thoáng.

- Mặt đứng

Như đã biểu diễn trên bảng 13.2 thì trong 9 nhà có đến 7 nhà sử dụng cửa sắt kéo ở tầng một. Tất cả tầng một của những nhà này đều có cửa hàng mở ra mặt đường. Nhà nào không sử dụng cửa sắt kéo là những nhà sử dụng tầng một để ở. Đối với những nhà chỉ cải tạo tầng hai thì nếu như ở tầng một được sử dụng làm cửa hàng thì họ cũng thay luôn hệ cửa phía trước bằng cửa sắt kéo.

Ngoài ra, trong 7 nhà sử dụng cửa sắt kéo có 6 nhà mặt đứng tầng hai không phải là hình thức đối xứng. Phần lớn trong những ngôi nhà này hành lang được đặt lệch sang một bên. Do đó chúng ta có thể rút ra một hình thức điển hình của những ngôi nhà xây mới và cải tạo là: trường hợp nhà hai tầng có cửa hàng ở tầng một thì tầng một là hệ cửa sắt kéo còn tầng hai là hình thức kiến trúc phi đối xứng. Kiến trúc mặt đứng của tầng hai có liên quan với việc bố trí giao thông trong nhà. Khi đường di chuyển đặt lệch về một phía thì không gian phòng sẽ rộng hơn so với trường hợp đường di chuyển đặt ở giữa. Nếu lấy nhà 116 làm điển hình thì không ít những nhà đã làm theo hình thức này, chỉ có điều phòng của nhà 116 có chiều dài lớn hơn. Tuy nhiên cũng có một vài nhà thuộc trường hợp này nhưng ở tầng một lối vào được đặt lệch sang một bên như nhà 68 Nguyễn Thái Học, cũng có thể giải pháp này sẽ tận dụng được những không gian ở góc, hoặc giả là sở thích của con người muốn làm một điều gì khác với bình thường.

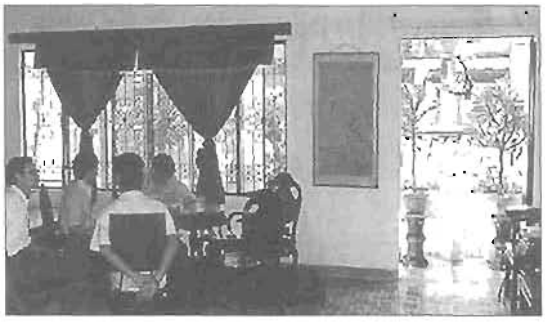

Phòng khách ở tầng 2 của nhà 66 Nguyễn Thái Học, lối ra ban công được bố trí lệch một bên tạo 1 không gian sinh hoạt rộng rãi

- Bếp và phòng ăn

Trong những nhà truyền thống bếp thường được đặt ở sân sau của nhà, chất đốt thông thường nhất là than củi, do đó trong những nhà truyền thống, bếp chỉ được lợp mái hoặc lợp mái và xây một bức tường lửng cho nên không gian của bếp mang tính nửa kín nửa hở. Cũng có lúc, người ta chỉ phân vị không gian bếp bằng những bức vách nhẹ. Chỗ ăn cũng có thể được đặt tại sân trong, nhưng cũng có khi được bố trí trong một phòng nào đó hướng về phía sân trong.

Mặt khác, đối với những nhà xây dựng theo kiểu kiến trúc mới thì như ta thấy ở bảng 13.2 bếp được đặt ở trong cùng của tầng một và vị trí của nó không bị ảnh hưởng bởi hình thức kiến trúc cũng như cơ cấu các thành viên trong gia đình. Về chỗ ăn thì trong 10 trường hợp có tới 9 trường hợp phòng ăn bố trí ở trong nhà, trong đó 8 trường hợp vị trí của bếp và phòng ăn nằm sát cạnh nhau. Có nghĩa là vị trí của chúng gần như không có gì thay đổi so với những nhà mang tính truyền thống.

Về chất đốt thì chỉ có một nhà sử dụng hoàn toàn điện và gas. Vì không dùng than củi nên có nhiều nhà đã đưa bếp vào trong nhà, chúng tôi nghĩ rằng từ nay về sau khi mà chất đốt không phải là than và củi thì càng ngày sẽ có nhiều gia đình đưa bếp vào bên trong nhà. Tuy nhiên, hiện nay vẫn có những trường hợp đã đưa bếp vào trong nhà nhưng vẫn sử dụng than, củi và chưa có biện pháp xử lý khói tối thiểu như quạt hút gió. Một thực tế là càng ngày càng có nhiều gia đình đưa bếp vào trong nhà không phải vì đã được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại mà một phần do tâm lý của chủ nhà muốn hướng đến nhu cầu sinh hoạt mới, một phần nữa là do sự bố trí sẵn của người thiết kế.

- **Hướng đến một kiến trúc mang tính tổng thể**

Những kiến trúc nhà ở hiện đại tại Hội An không phân biệt nhà trước, nhà cầu, nhà sau và bếp như những nhà cổ mà chuyển sang một xu hướng mới là toàn bộ công năng được tập trung trong một ngôi nhà lớn. Một trong những nguyên nhân của vấn đề này là do hoạt động trong nhà trở nên tiện lợi hơn và một nguyên nhân nữa có lẽ là do sử dụng kết cấu bê tông cốt thép nên có thể tạo được những không gian lớn. Tuy nhiên kiểu nhà này hoàn toàn không phù hợp với khu phố mang tính truyền thống ở Hội An và rất khó tạo nên được không gian mang tính dân gian. Có thể nói rằng cần có một giải pháp để sửa chữa vấn đề này.

Nhà 89 Nguyễn Thái Học, khi sửa chữa đã cắt y nguyên không gian (gồm cả cột và dầm) bàn thờ của nhà cũ chuyển lên tầng 2 của nhà mới. Ở Hội An không gian bàn thờ rất được coi trọng, kể cả trong nhà mới.

- **Những yếu tố kế thừa từ những ngôi nhà cổ truyền**

Bên cạnh nhiều yếu tố khác nhau giữa nhà xây mới và nhà truyền thống đã nêu trên và qua việc phân tích những kiến trúc mới ở Hội An cho chúng ta thấy có một vài yếu tố cơ bản đã được kế thừa từ nhà truyền thống.

Đặc biệt là những yếu tố mang tính tôn giáo như bàn thờ thần và bàn thờ tổ tiên. Như ở chương 12 đã nêu, trong nhà ở của Hội An có nhiều bàn thờ với những chức năng khác nhau như thờ thần, thờ Phật, thờ tổ tiên. Qua điều tra tại những nhà được cải tạo hoặc xây mới chúng ta cũng thấy có đầy đủ những loại bàn thờ như vậy, thậm chí số lượng bàn thờ trong một nhà còn nhiều hơn trong những nhà cổ (bảng 13.3).

Ở đây, chúng tôi xin được chú ý đến vấn đề bàn thờ có trước và sau khi cải tạo nhà. Ngôi nhà 116 Trần Phú đã được xây mới lại hoàn toàn, nguyên trước kia chỉ là một căn nhà nằm tại vị trí sân trong. Vì ngôi nhà đó và tường sân trong của nhà bên cạnh (114 Trần Phú) nằm sát với nhau nên hai nhà đã chung tiền và xây một cái giếng chung nằm trên bức tường ngăn cách này (thỉnh thoảng cũng hay bắt gặp hiện tượng như thế này ở Hội An). Sau đó, khi lần đầu tiên tiến hành sửa nhà 116, tại vị trí của giếng chính là ô cầu thang, còn bếp và vệ sinh thì được đặt ở cuối của khu đất. Hiện nay, trong nhà sử dụng nước máy nhưng tại vị trí giếng trước kia vẫn được đặt một am thờ thuỷ thần.

Bức ảnh bên trái chụp tại một ngôi nhà xây mới, tuy nhiên không gian thờ và cả khoảng không gian cột kèo xung quanh đó đã được di chuyển nguyên vẹn lên tầng hai (ngôi nhà này có gác lửng, đối với nhà ba tầng thì hầu hết bàn thờ được đặt ở tầng ba). Do đó đây chỉ là một ví dụ nhỏ, chúng tôi muốn nói rằng đối với nhà xây mới không chỉ cần thiết nghiên cứu công năng và tính hợp lý mà còn phải chú ý đến cả những yếu tố mang tính tinh thần trừu tượng khác nữa.

Bảng 13.3. Các loại bàn thờ trong nhà ở

	Số nhà	Tài	Bếp	Thuỷ	Cổng	Nhà	Không khí	Ngũ thần	Quan công	Phật	Nữ thần	Thiên chúa	Thần khác	Tổng số	Bàn thờ tổ tiên	Bàn thờ Phật
Cải tạo toàn bộ	116	●	●	●							●			3	●	
	118	●	●	●		●		●			●		Thánh	6		
	128	●									●			4	●	●
Cải tạo một phần	106	●	●											1	Riêng	
	112	●	●						●	●	●			5		
	114	Ở	●				●			●				3	●	
	132	● ●	● ●		●						●			5	●	●
	93	●	●										Trên đường	3	●	
	109	Cửa hàng												2		
Số ● / số nhà ở		0.89	0.89	0.22	0.11	0.11	0.11	0.11	0.11	0.22	0.56	0.00	0.22	3.56	0.67	0.22
(Tham khảo) tổng hợp không có cải tạo																
Số ● / số nhà ở		0.40	0.85	0.20	0.25	0.15	0.10	0.05	0.150	0.15	0.20	0.10	0.25	2.70	0.85	0.25

Chú ý: Nữ thần gồm có: quan âm hoặc thiên mẫu

Trong điều tra lần này không phân biệt thành 2 hạng mục khác nhau

CHƯƠNG 14: BẢO TỒN PHỐ CỔ

14.1. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BẢO TỒN VÀ HIỆN TRẠNG CỦA QUI HOẠCH ĐÔ THỊ

Tổng hợp những kết quả điều tra đã nêu ở trên, tại chương cuối cùng này chúng tôi xin được bàn về vấn đề phương hướng bảo tồn khu phố Hội An từ nay về sau. Đầu tiên xin được đề cập đến vấn đề bảo tồn và qui hoạch đô thị, xem xét một số chính sách và chế độ hiện hành về vấn đề này. Hy vọng rằng, cuối cùng có thể đưa ra những kết luận đúng đắn đóng góp vào công cuộc bảo tồn phố cổ Hội An.

14.1.a. Về vấn đề bảo hộ di sản văn hoá

- **Công nhận di sản văn hoá**

Nguyên tắc cơ bản về bảo hộ di sản văn hoá ở Việt Nam được qui định trong pháp lệnh liên quan đến "Sử dụng và bảo hộ di tích văn hoá lịch sử và di tích danh lam thắng cảnh" (số 14 - LCT/ HĐNN, 31/3/1984). Tuy nhiên đây chưa hẳn đã là một văn bản mang tính pháp luật. Hiện nay những văn bản mang tính pháp luật đang được tiến hành soạn thảo nhưng cho đến thời điểm 3/1997 vẫn chưa có một văn bản pháp luật mới nào.(1)

(1) Luật Di sản văn hoá đã được Quốc hội nước CHXHCNViệt Nam khoá X kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29.6.2001 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1.1.2002. Cuốn sách này được hoàn thành và xuất bản từ năm 1996, trước khi ban hành Luật Di sản văn hoá. (Người hiệu đính)

* Pháp lệnh này cơ bản bao gồm: nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng ban hành: "Pháp lệnh về vấn đề sử dụng và bảo hộ di tích văn hoá lịch sử (di vật) và di tích danh thắng" (288-HĐBT, 31/12/1985), thông tư của Bộ Văn hoá: "Phương châm thi hành pháp lệnh của Hội đồng Bộ trưởng" (206-VH/TT, 22/7/1986) và qui định của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng: "Công bố qui chế và sử dụng khu vực phố cổ Hội An" (1796-QĐ.UB, 6/7/1987). Ngoài ra còn có thể có một số qui định khác nữa nhưng chúng tôi chỉ thu thập được những tài liệu nêu trên.

Nếu dựa theo pháp lệnh này thì đối với những di sản văn hoá là "những di tích có tính văn hoá và tính lịch sử, liên quan đến xã hội Việt Nam, gắn liền với quá trình phát triển văn hoá và các sự kiện lịch sử, các công trình có giá trị khoa học, nghệ thuật, hay công trình kiến trúc...Và những di tích danh thắng là khu vực tự nhiên có phong cảnh đẹp và những khu vực hiện còn giữ được nhiều công trình kiến trúc cổ đều nằm dưới sự bảo hộ của Chính phủ" (điều 1). Về sự phân công quản lý trách nhiệm thì Chính phủ có nhiệm vụ "thực hiện quản lý chung toàn bộ những di tích văn hoá, lịch sử và những di tích thiên nhiên", Uỷ ban nhân dân các cấp "dựa trên những qui định của chính phủ thực hiện quản lý trực tiếp các di tích", Bộ văn hoá và Phòng văn hoá thông tin các địa phương "có nhiệm vụ giúp đỡ thi hành mệnh lệnh của Chính phủ và Uỷ ban nhân dân" (điều 2). Những di tích thuộc sở hữu tập thể hay sở hữu tư nhân đều nằm dưới sự quản lý của nhà nước, " Nhà nước mong muốn các chủ sở hữu tư nhân và tập thể sẽ chuyển nhượng quyền sở hữu các di tích văn hoá và lịch sử cho nhà nước quản lý. Ngoài ra trong trường hợp chủ sở hữu chuyển nhượng quyền sở hữu cho nhà nước nhất thiết phải thông qua Uỷ ban nhân dân địa phương. Trong trường hợp chủ sở hữu đồng ý bán cho nhà nước thì nhà nước sẽ mua lại với quyền ưu tiên" (điều 3).

Khi phát hiện một di tích văn hoá "Uỷ ban nhân dân địa phương và chủ tịch UBND có trách nhiệm ghi lại và báo cáo với cấp trên để tiến hành điều

tra, xác nhận những giá trị cụ thể. Sau đó Bộ trưởng Bộ văn hoá dựa trên tư liệu của địa phương cung cấp để ra quyết định công nhận di tích" (điều 8).

Phố cổ Hội An được công nhận là Di sản văn hoá quốc gia theo quyết định 506/VH-QD (19/3/1985) do Chính phủ ban hành. Tuy nhiên ở Hội An ngoài khu vực phố cổ còn có hơn 20 di tích độc lập khác được công nhận là di tích văn hoá. Ngay trong khu phố cổ cũng có tới 8 di tích độc lập được công nhận gồm: đình Cẩm Phô, Chùa Cầu, Hội quán Phúc Kiến, Miếu Quan Công, Viện Bảo tàng, Miếu Khai Tổ Hội An cùng hai ngôi nhà cổ số 101 Nguyễn Thái Học (nhà Tấn Ký) và số 6 Nguyễn Thị Minh Khai. Ngoài ra, một số di tích khác cũng được công nhận như đình chùa và mộ Nhật Bản nằm tại những khu vực lân cận với khu phố cổ. Việc công nhận di tích độc lập và cụm di tích có lẽ cũng tương đương với việc công nhận di tích đơn thể và cụm kiến trúc truyền thống ở Nhật Bản, tuy nhiên tôi cũng không biết rõ những điểm sai khác cụ thể.

Hiện nay, chắc chắn có một số chủ sở hữu muốn ngôi nhà của mình được công nhận là di tích văn hoá. Tuy nhiên, để được công nhận thì chủ nhà phải mất một khoản lệ phí để làm hồ sơ về ngôi nhà của mình. Hồ sơ bao gồm 8 loại giấy tờ sau: Lịch sử di tích, bản đồ khu vực, bản đồ vị trí, các bản vẽ của ngôi nhà, ảnh,...đó là chưa tính đến các khoản chi phí đi lại, gửi hồ sơ ra Hà Nội... tổng cộng hết khoảng 5.000.000 đồng.

Đối với trường hợp các công trình công cộng như đình chùa mỗi khi được cấp bằng "Công nhận di sản văn hoá", thì toàn bộ dân làng cùng góp tiền để tổ chức lễ hội ăn mừng và đón nhận bằng công nhận.

Quản lý di sản văn hoá

Người chịu trách nhiệm quản lý các di tích được công nhận là di sản văn hóa gồm: chủ tịch Uỷ ban nhân dân địa phương và các tổ chức hành chính trung ương (điều 12). Những cá nhân hay tập thể có di tích thì có quyền sở hữu, quyền trực tiếp quản lý bảo tồn và sử dụng di tích của mình. Tuy nhiên cần phải tuyệt đối tuân theo những nguyên tắc sử dụng và bảo tồn mà nhà nước đã đề ra (điều 14). Đối với những di tích văn hoá lịch sử và khu di tích thiên nhiên có bất động sản được phân biệt làm ba loại cần phải bảo tồn như sau: 1) Khu vực nhất thiết phải bảo tồn nguyên vẹn, 2) Đối với khu vực nằm bao quanh khu vực loại (1) thì cần làm nổi bật những di tích có tính văn hoá lịch sử hay những tượng đài kỷ niệm, 3) Những di tích thuộc về phong cảnh tự nhiên. Quyết định này được thông qua Hội đồng Bộ trưởng, cho nên đối với bất cứ một công trình kiến trúc nào phải phá bỏ hay mua bán trong khu vực bảo tồn này nhất thiết phải được sự đồng ý của Bộ trưởng Bộ Văn hoá (điều 15). Chỉ có Chủ tịch Uỷ ban nhân dân địa phương cùng các cơ quan hành chính có liên quan mới có quyền đưa ra quyết định sửa chữa, bảo tồn hay qui hoạch lại các khu di tích văn hoá lịch sử và đài kỷ niệm thiên nhiên. Những đề án đó phải thông qua sự kiểm tra và đồng ý của

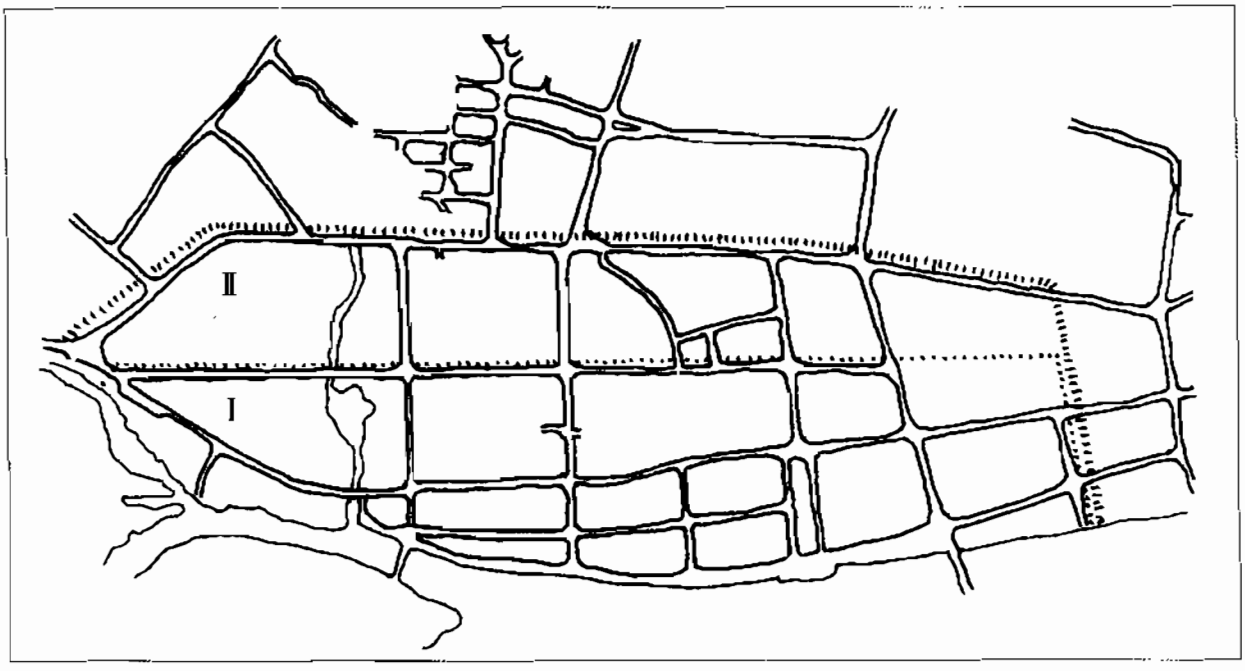

Hình 14.1 Khu vực phố cổ Hội An

Bộ trưởng Bộ văn hoá. Ngoài ra "Nhà nước khuyến khích việc nhân dân tự sửa chữa và bảo tồn các di sản lịch sử tự nhiên" (điều 18).

Ba loại khu vực bảo tồn này ở Hội An chưa được xác định một cách rõ ràng. Trong hội thảo năm 1990 ông Hoàng Đạo Kính và một vài người khác đề nghị một phương án về phân khu bảo tồn cấp I và khu bảo tồn cấp II. Nhưng sau đó sự việc được tiếp tục như thế nào thì không được rõ. Nhưng dù sao đi nữa, khu vực phố cổ Hội An có giới hạn phía nam là đường Bạch Đằng, phía bắc là đường Phan Chu Trinh, phía Đông là đường Hoàng Diệu còn phía Tây là đường Tịnh Lan cũng được coi như khu bảo tồn cấp I. Nhiều di sản là công trình kiến trúc đơn lẻ cũng nằm trong khu vực này, tuy nhiên đến nay vẫn không biết được những điều cụ thể hơn.

Ngày 6/7/1987 Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng ra một quy chế cụ thể về quản lý khu phố cổ Hội An. Theo qui chế này, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh yêu cầu Trưởng phòng cục bảo tồn bảo tàng tỉnh và Chủ tịch thị xã Hội An phải c ó trách nhiệm thi hành việc quản lý và điều tra theo qui định pháp luật cho việc bảo tồn khu di tích phố cổ Hội An. Đồng thời phân chia các công trình kiến trúc trong phố cổ thành 4 loại và đề ra phương hướng quản lý cho từng loại như sau (điều 4,5):

Loại 1: Những di tích có giá trị lịch sử, nghệ thuật đặc biệt:

- Đối với những công trình thuộc quyền sở hữu nhà nước thì nhà nước phải đầu tư vật tư, kinh phí, kỹ thuật chuyên môn để sửa chữa và bảo tồn.
- Đối với những công trình thuộc quyền sở hữu tập thể hay tư nhân thì nhà nước sẽ hỗ trợ một phần vật tư, kinh phí và kỹ thuật chuyên môn.

Loại 2: Những di tích có giá trị nghệ thuật, lịch sử

Loại 3: Những công trình kiến trúc công cộng ít có giá trị:

- Nhà nước chịu trách nhiệm về mặt kỹ thuật, chỉ đạo cải tạo, sửa chữa và cung cấp một số vật tư chuyên môn.

Loại 4: Những công trình hoàn toàn không có giá trị nghệ thuật, lịch sử:

- Nếu công trình còn giá trị sử dụng thì được giữ lại.
- Nếu trong trường hợp công trình không còn khả năng sử dụng trong thời gian dài, không cần sử dụng quá gấp gáp, hơn nữa có ảnh hưởng xấu đến cảnh quan chung của phố cổ thì có thể bàn bạc với chủ sở hữu để dỡ bỏ.

"Trong trường hợp cải tạo, thay đổi chức năng của công trình cổ thành nơi mang tính chất hoạt động văn hoá, du lịch hay khách sạn thì cần phải giữ gìn đến mức tối đa các kết cấu cũ của nhà, khi tiến hành cải tạo sửa chữa không được phép làm tổn hại đến các di tích khác cũng như không được làm ảnh hưởng đến cảnh quan chung của khu phố cổ" (điều 7). " Trong khu vực bảo tồn không được phép xây dựng những kiểu kiến trúc mới. Đối với trường hợp đặc biệt phải có giấy phép của Uỷ ban nhân dân tỉnh. Đối với những công trình nằm trong khu vực có khả năng điều chỉnh (căn cứ theo bản đồ hướng dẫn) thì toàn bộ những công trình sửa chữa và xây mới của nhân dân đều phải có giấy phép xây dựng của Uỷ ban nhân dân thị xã" (điều 8). Mặt khác, dựa vào luật pháp, pháp lệnh, thông tư đã ban hành, việc xây dựng trong cả ba khu vực đã được phân cấp bảo tồn đều cần thiết có giấy phép của Bộ trưởng Bộ văn hoá. Như vậy, đã có những qui tắc đặt nền tảng cho việc bảo tồn, tuy nhiên những qui tắc này chưa được thực hiện một cách thật nghiêm chỉnh.

Hiện nay " Phòng quản lý di tích Hội An" là nơi trực tiếp thực hiện việc quản lý di tích ở Hội An. Phòng này được thành lập từ tháng 2/1986, thời gian đầu chỉ là một bộ phận chức năng trực thuộc Uỷ ban nhân dân thị xã, nhưng từ tháng 5/1992, được chuyển sang trực thuộc phòng văn hoá thị xã Hội An.

Từ khi có những pháp lệnh và qui tắc nêu trên, tất cả những người có nguyện vọng sửa chữa hay cải tạo ngôi nhà của mình hiện nằm trong khu vực phố cổ cần thiết phải xin giấy phép của cơ quan điều hành. Những kiểm tra cụ thể ở hiện trường do Phòng quản lý di tích thực hiện. Nói một cách chính xác hơn, ở Việt Nam việc xin giấy phép xây dựng phải được đưa lên từ cơ quan quản lý hành chính từ cấp thấp nhất là Uỷ ban nhân dân phường. Nếu được sự đồng ý của phường (thực chất sự đồng ý chỉ là một chữ ký), hồ sơ sẽ được chuyển sang Phòng Thiết kế qui hoạch Hội An. Nếu công trình đưa lên có liên quan đến khu vực bảo tồn thì nhất thiết phải thông báo cho Phòng quản lý di tích để cùng xuống kiểm tra hiện trường. Nếu như cả hai bên cùng thống nhất ý kiến thì tiếp đó sẽ quyết định phương pháp sửa chữa và tiến hành lập bản vẽ (có nghĩa là bước đưa đơn ra phường hoàn toàn chưa có bản vẽ thiết kế). Khi

hoàn thành xong bước thiết kế, một lần nữa phải thông qua sự kiểm tra của Phòng quản lý di tích và xác nhận của Phòng thiết kế qui hoạch. Cuối cùng mới đưa lên Uỷ ban nhân dân thị xã để xin giấy phép. Hiện nay, Phòng thiết kế qui hoạch Hội An chỉ được phép đóng dấu đối với những công trình kiến trúc một tầng, còn đối với những công trình hai tầng sau khi thiết kế phải đưa lên Viện thiết kế qui hoạch của tỉnh để xin đóng dấu. Đối với Hội An thường không thiết kế những công trình từ ba tầng trở lên.

Căn cứ vào quá trình này, đối với khu vực có tính lịch sử (khu vực cấp I) tuỳ thuộc vào mức độ ảnh hưởng của các di tích và các loại công trình kiến trúc mà cần thiết phải thông qua sự kiểm tra của tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng hay Bộ Văn hoá Thông tin ở Hà nội. Những trường hợp nào phải làm như vậy là những công trình nằm trong diện có liên quan đến pháp luật, pháp lệnh và thông tư nêu ở trên hoặc những công trình qua quá trình điều tra vẫn chưa làm sáng tỏ nguồn gốc, giá trị và cần thiết phải điều tra thêm.

Hiện nay tại Phòng thiết kế qui hoạch Hội An chỉ có một kỹ sư thiết kế được tốt nghiệp đúng với chuyên môn liên quan đến kết cấu gỗ, khi có nhiều công việc những người khác cũng phải hỗ trợ một phần công việc cho dù họ không có chuyên môn về lĩnh vực này. Tình trạng này tương tự như ở Phòng quản lý di tích. Có thể nói đây là một vấn đề lớn cần được đặt ra. Năm ngoái, đã tiến hành thiết kế, kể cả trùng tu được 80 ngôi nhà, quả là một khối lượng công việc khổng lồ. Tuy nhiên cũng tồn tại tình trạng nhận công trình nhưng lại đưa cho người khác thiết kế, ở đây chỉ tiến hành khâu kiểm tra.

Những nhận xét của Phòng quản lý di tích thì không tuân theo một tiêu chuẩn được qui định từ trước. Cho đến năm 1992 mới có một số qui định rất chung chung như là chiều cao của nhà không được quá 10m, tránh không làm cửa sắt, không xây nhà 3 tầng, nhà phải có mái dốc... nhưng hoàn toàn không được ghi lại dưới hình thức văn bản pháp qui để phổ biến rộng rãi cho mọi người cùng biết. Đối với những công trình kiến trúc cổ được chỉ định là di sản văn hoá thì bắt buộc

Hình 14.2. Quy hoạch thị xã Hội An (Bản vẽ của NIURR)

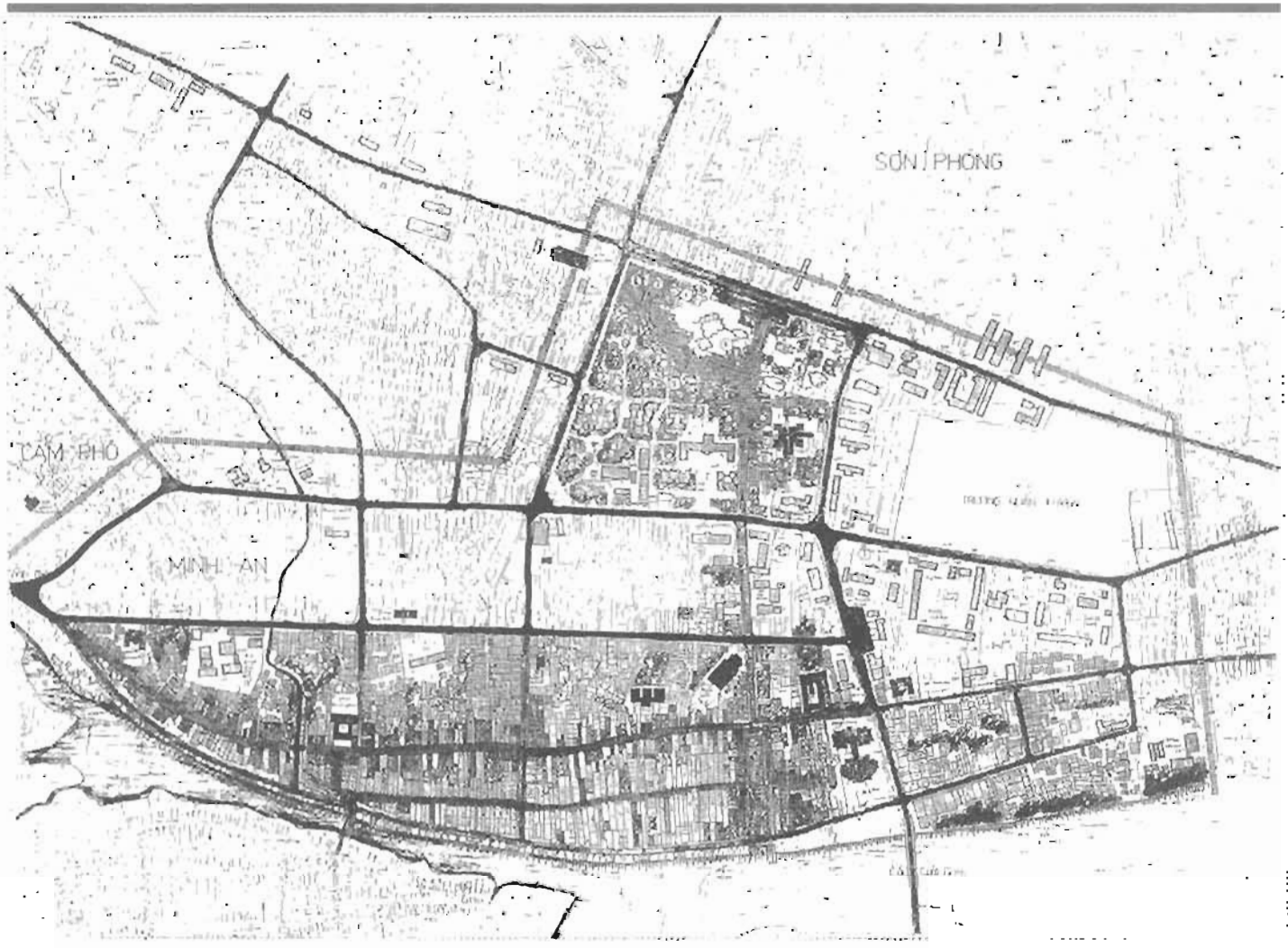

phải sửa chữa theo hình dáng ban đầu, ngoài những công trình thuộc loại nêu trên thì việc sửa chữa các loại nhà khác trong khu phố cổ không có qui định chặt chẽ.

Trên thực tế những người đi xin giấy phép cũng gặp phải một số khó khăn. Từ khi nộp đơn xin phép cho đến khi cơ quan chức năng xuống hiện trường kiểm tra là một khoảng thời gian khá dài, trong thời gian đó ngôi nhà của họ có thể bị xuống cấp nhiều hơn và chủ nhà luôn thấy có một điều vô lý là nhà và kinh phí sửa chữa đều của mình, vậy mà lại không được phép sửa chữa. Cũng có những người không chấp hành các qui định chung đều phải trả tiền phạt, nhưng do mức thu nhập của người dân thấp nên mức nộp phạt cũng không đáng kể (từ 200.000 đến 2.000.000, 3.000.000 đồng). Kết quả là những ai muốn sửa nhà thì chỉ việc nộp một ít tiền phạt là có thể sửa chữa được. Điều này cứ liên tục xảy ra và gây nên những nhiều thắc mắc gạnh tỵ với nhau như: vì sao người này được sửa nhà còn người khác muốn sửa chữa thì lại không được cấp giấy phép?

Xin bổ sung thêm, trong các pháp lệnh và qui tắc đề ra đối với những nhà sửa chữa có khả năng được nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí, nhưng trên thực tế nguồn kinh phí của nhà nước cũng rất hạn hẹp. Đối với việc sửa chữa những công trình đơn lẻ được công nhận là di sản văn hoá thì những công trình thuộc sở hữu nhà nước bao giờ cũng được ưu tiên hơn. Ở Hội An những công trình được công nhận là di sản văn hoá chủ yếu là đền chùa, miếu mạo, chỉ có 2 công trình là nhà ở. Cả hai nhà này đều thuộc quyền sở hữu tư nhân. Kinh phí sửa chữa của nhà nước hầu hết được tập trung vào các công trình chùa, miếu nhưng trong khu phố cổ chỉ có từ 5 % ~ 10% nhà ở thuộc quyền sở hữu của nhà nước. Đối với những nhà thuộc sở hữu nhà nước mặc dù không được công nhận là di sản văn hóa thì cũng được hỗ trợ một phần kinh phí để sửa chữa. Tuy nhiên số lượng những nhà như vậy rất hiếm (không rõ số lượng chính xác, nhưng chỉ khoảng một vài nhà).

14.1.b. Vấn đề qui hoạch đô thị

Rất tiếc là chúng tôi không thu thập được những tư liệu về các pháp lệnh cơ bản liên quan đến vấn đề qui hoạch đô thị ở Việt Nam. Hơn nữa, ngay tại Hội An chúng tôi cũng không có một bản báo cáo nào về qui hoạch đô thị Hội An. Dưới đây là một số điều chúng tôi thu thập được do ông Lê Hồng Kế - Viện trưởng Viện qui hoạch và phát triển nông thôn cung cấp.

Ở Việt Nam, Viện Qui hoạch và Phát triển Nông thôn (NIURR)là một cơ quan trực thuộc Bộ Xây dựng (MOC) chịu trách nhiệm lập đồ án qui hoạch các thành phố. Tất nhiên không phải toàn bộ các thành phố và thị xã trên toàn quốc. Trên toàn quốc có khoảng 500 đô thị được chia làm 4 cấp. Đối tượng của Viện là những thành phố quan trọng cấp 1, cấp 2 và cấp 3. Thành phố cấp 1 là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố cấp 2 là các thành phố như Đà Nẵng, Hải Phòng, Vũng Tàu, Huế... Nếu xét về qui mô và mật độ dân cư thì Hội An thuộc đô thị cấp 4, nhưng nếu xét từ quan điểm Hội An là một trong những đô thị mang tính du lịch quan trọng trong cả nước nên Hội An cũng nằm trong số đối tượng thuộc sự quản lý của cơ quan có tầm cỡ quốc gia như NIURR. Còn những khu vực khác không thuộc diện quản lý của NIURR thì việc lập dự án sẽ do các cơ quan qui hoạch của địa phương đảm nhiệm và NIURR có trách nhiệm xét duyệt những dự án đó.

Dưới sự chỉ đạo của Bộ Văn hoá Thông tin, năm 1992 Hội An đã có được một qui hoạch tổng thể, tuy nhiên chưa đạt đến mức độ lập được kế hoạch về tài chính cụ thể. Quá trình xác lập một qui hoạch tổng thể được tiến hành như sau: Tóm tắt kết quả điều tra→ dựa vào những điều tra trên thực tế, Viện qui hoạch ở Hà Nội tiến hành lập bản vẽ → tham khảo ý kiến của Bộ Văn hóa Thông tin báo cáo với Hội đồng xét duyệt → tiếp thu ý kiến của Hội đồng và điều chỉnh theo những ý kiến của Hội đồng → báo cáo và xin ý kiến góp ý của địa phương, điều chỉnh theo ý kiến của tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng và thị xã Hội An → trình lên Chính phủ để phê duyệt. Qui mô của qui hoạch thị xã Hội An đúng ra chỉ dừng lại ở mức độ cấp huyện như trước đây là vừa phải, nhưng do tính quan trọng của Hội An và với sự đồng ý của Bộ Văn hoá Thông tin nên Bộ Xây dựng cũng đồng ý lập dự án qui hoạch Hội An với mức độ quan trọng như vậy.

Dưới đây là một số nội dung cơ bản của đề án qui hoạch thị xã Hội An *:

a. Nâng cấp trục đường Đà Nẵng - Hội An và kéo dài con đường này đến tận bãi biển Cửa Đại (có một số dự án về phát triển xung quanh khu vực này).

b. Nâng cấp đường xung quanh khu phố cổ, phần lớn những đường trong khu phố cổ biến thành đường dành cho người đi bộ. Mặt đường rải đá.

c. Đắp kè đá ở bờ sông, chống sụt lở và xói mòn

d. Xây một chợ mới trong thị xã. Tìm cách di bớt dân cư hiện đang sinh sống trong khu phố cổ. Hiện tại có 9000 người sống trong khu vực phố cổ, cần phải tìm cách giảm xuống còn khoảng 2000 người. Nâng cấp cải tạo những ngôi nhà trong khu phố cổ cấp 1 để biến thành điểm tham quan.

e. Xung quanh khu vực phố cổ xây dựng những công trình thể thao, văn hoá (kể cả Viện bảo tàng lịch sử).

f. Hoàn thiện hệ thống cung cấp và thoát nước. Bảo lưu những hộ dùng nước giếng phục vụ sinh hoạt cho toàn bộ nhà tách biệt với hệ thống chung**.

g. Trang bị hệ thống đèn đường cho những trục đường chính phù hợp với không khí và cảnh quan của khu phố cổ.

h. Trang bị cơ sở hạ tầng và nâng cấp chợ Hội An (xây chợ kiên cố, lắp cửa...)

* Vì chúng tôi chỉ thu thập được các bản vẽ chính chứ không có bản thuyết minh của dự án này nên trên đây chỉ là những điều ghi chép lại qua thuyết minh tóm tắt.

** Đường cấp nước đã có từ trước, nhưng hiện nay chất lượng nước rất kém nên đang tiến hành thực hiện kế hoạch làm lại nguồn cấp nước. Hiện tại mỗi hộ đều có giếng ở sân trong, nước giếng được dùng cho mọi sinh hoạt hàng ngày của những người dân hiện đang sống trong khu phố cổ. Ngoài ra trong khu phố cổ cũng có một vài giếng công cộng, trong số đó có cả giếng đã có từ thời Chămpa.

Tóm lại, theo tôi dự án qui hoạch này là một đồ án qui hoạch trang bị công cộng chứ không phải là một đồ án qui hoạch sử dụng đất. Nó không bao gồm những nguyên tắc về vùng và qui chế cho việc xây dựng các công trình kiến trúc.

14.1.c. Những điều lệ ở Hội An và hiệu quả thu được

Chúng tôi rất vui mừng khi thấy đô thị cổ Hội An đã và đang biến đổi một cách nhanh chóng so với thời điểm cuộc điều tra mới bắt đầu. Trong khoảng thời gian này, không một ngôi nhà cổ nào bị phá đi, nhưng bên cạnh đó cửa hàng phục vụ khách du lịch thì tăng lên một cách đáng kể, gần đây hình thức khách sạn mini cũng được ra đời. Từ nay về sau phải chăng không thể tránh khỏi việc xây dựng rầm rộ trong khu phố cổ. Một mặt, có một số nhà cổ không được tu sửa mà để nguyên tình trạng xuống cấp nặng nề dùng để sinh hoạt (nhất là những nhà thuộc quyền sở hữu nhà nước hiện đang sử dụng là nhà tập thể cho nhiều hộ gia đình ở thì bị rơi vào tình trạng rất tồi tệ). Mặt khác, từ sau khi được công nhận là Di sản Văn hoá quốc gia vào năm 1985, chính phủ và các cấp chính quyền mới có sự lưu ý nhiệt tình hơn trong công việc này. Đặc biệt, từ năm 1994 khi ông Nguyễn Sự lên làm chủ tịch thị xã Hội An, một số qui định cụ thể đã được ban hành như: đảm bảo thuế du lịch, thuế buôn bán, cấm kinh doanh khách sạn mini và một số qui định khác như không được để xe ngoài vạch đỏ... Tôi nghĩ rằng trong tương lai để bảo tồn được đô thị cổ này thì cần thiết phải có một hệ thống qui chế chặt chẽ và cụ thể hơn nữa. Dưới đây là một vài gợi ý của chúng tôi:

- Những tiêu chuẩn trong việc cấp giấy phép xây dựng cần phải rõ ràng và có kế hoạch, thời hạn cụ thể.
- Xây dựng một đội ngũ cán bộ chuyên môn về kiến trúc và bảo tồn của địa phương.
- Cần sửa chữa ngay lập tức những ngôi nhà cổ đang trong tình trạng xuống cấp nặng nề.
- Phổ biến cho mọi người dân cùng biết những phương châm cơ bản trong việc xây dựng và bảo tồn khu phố cổ.

Năm 1997, thị xã Hội An ban hành một số điều lệ bảo tồn phố cổ, những vấn đề này đã được đưa ra để cùng bàn bạc và quyết định một cách công khai sôi nổi.

Cho đến nay, phía Nhật Bản chúng tôi đã tiến hành những công việc trùng tu cụ thể như sau: 1) Tiến hành sửa chữa hai ngôi nhà được công nhận là di sản văn hoá, 2) Lợp lại mái và sửa chữa cho một số nhà ở trong tình trạng xuống cấp nghiêm trọng. Phải nói rằng, đây là một giai đoạn có nhiều chuyển biến đáng kể, chúng tôi nghĩ rằng hiện nay cần phải xem xét những điều trên, cân nhắc kỹ lưỡng cho những quyết định tiếp theo được đúng đắn.

14.2. NGUYÊN TẮC VÀ MỤC TIÊU BẢO TỒN KHU PHỐ

14.2.a. Xác định mục tiêu bảo tồn phố cổ

Từ nay về sau Việt Nam sẽ bước sang giai đoạn hội nhập và phát triển kinh tế. Thu nhập của người dân sẽ tăng lên và các hoạt động thương nghiệp cũng tấp nập hơn. Chính vì vậy, những cách thức quản lý hiện nay có lẽ sẽ không đáp ứng được với những nhu cầu trong tương lai. Một lần nữa chúng ta hãy cùng xem xét những vấn đề căn bản để soi sáng lại mục tiêu bảo tồn phố cổ, chúng tôi nghĩ rằng cần thiết phải đưa ra vấn đề này để các cơ quan có liên quan và nhân dân cùng góp ý.

Mục đích đầu tiên của việc bảo tồn phố cổ là nhằm nâng cao mức sinh hoạt và môi trường sống của người dân trong khu phố cổ. Để làm được điều này phải bảo đảm được 3 yếu tố chủ yếu sau:

1. Bảo tồn di sản văn hoá
2. Duy trì, cải tạo môi trường sống
3. Phát triển kinh tế-xã hội

Tuy nhiên ba điểm này cũng có những điều đối lập nhau, ví dụ như:

- Di sản văn hoá ↔ Kinh tế

- Phát triển kinh tế thì rất khó bảo tồn được di sản văn hoá
- Du lịch hoá dễ dàng thì dễ làm tổn hại đến nhiều mặt của di sản văn hoá
- Bảo tồn di sản văn hoá thì khó có thể phát triển được kinh tế

→ Cần thiết phải tạo được một cấu trúc kinh tế thúc đẩy việc bảo tồn di sản văn hoá, ngược lại cũng cần thiết phải tách rời sự phát triển kinh tế xã hội với việc bảo tồn di sản văn hoá.

- Kinh tế ↔ Sinh hoạt

- Du lịch hoá đã lấn chiếm dần không gian sinh hoạt của người dân sống trong ngôi nhà, làm cho không gian sinh hoạt bị thu hẹp lại.
- Cần thiết phải tạo được cấu trúc tái phân phát lợi nhuận thu được từ du lịch.
- Dân cư ở Hội An không nhiều, cần tránh tình trạng đô thị với tràn ngập khách sạn, nhà hàng và cửa hàng lưu niệm. Vẻ đẹp quyến rũ của Hội An chính là những hình ảnh của ngôi nhà có chủ nhân đang sinh sống.

- Sinh hoạt ↔ Di sản văn hoá

- Nếu nhấn mạnh quá những lý luận về di sản văn hoá thì sẽ gây ra nhiều bất tiện trong sinh hoạt thường nhật của người dân.
- Nếu theo đuổi hiện đại hoá sinh hoạt thì không phải không có những ảnh hưởng đến di sản văn hoá

→ Làm sao để cho những ngôi nhà truyền thống phù hợp với sinh hoạt hiện đại, cần thiết phải nghiên cứu một lý thuyết gọi là "Thực hiện không gian sinh hoạt phong phú".

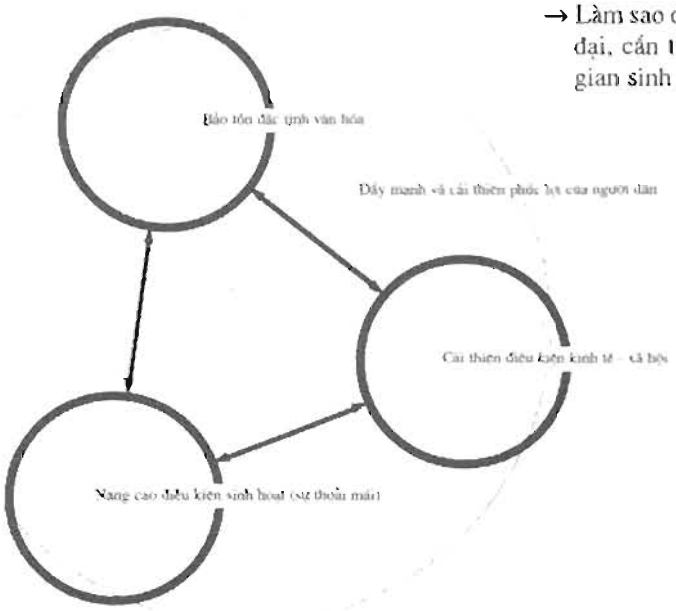

Hình 14.3. Mục tiêu và những vấn đề còn tồn tại trong việc bảo tồn phố cổ

Từ đó cần tìm ra một giải pháp qui hoạch đô thị và quản lý sử dụng đất sao cho giữa 3 yếu tố nói trên không còn tồn tại những mối quan hệ đối lập.

14.2. b Ba vấn đề

Những giải pháp quản lý như thế nào thì được coi là hợp lý? Ví dụ như: không tán thành những dự án xây dựng khách sạn trong khu phố này (đã có những đề án như vậy nhưng tại thời điểm hiện tại đang bị tạm dừng). Dựa vào những nguyên tắc về bảo tồn phố cổ nêu trên, chúng ta hãy cùng bàn bạc về những dự án đã được đề ra ở trên.

Mục đích cơ bản của bảo tồn phố cổ, phát triển kinh tế-xã hội nhằm hướng vào cuộc sống sinh hoạt của người dân trở nên tốt hơn. Nói cụ thể hơn là sử dụng 3 công cụ nêu trên để nâng cao hiệu quả bảo tồn khu phố cổ, thử đặt ra và cùng giải quyết 3 vấn đề sau:

a. Dựa trên tư liệu lịch sử, việc bảo tồn tính cách của phố cổ Hội An có đem lại hiệu quả không?
b. Có nâng cao được môi trường sống của người dân không?
c. Có đem lại sự phát triển kinh tế - xã hội cho người dân ở đây không?

Vấn đề thứ nhất

"Ảnh hưởng trực tiếp" hoặc nếu nói cụ thể hơn thì phải đưa ra những qui định sao cho việc sử dụng những công trình lịch sử được trùng tu và những công trình không mang tính lịch sử phải hài hoà với cảnh quan phố cổ. Giai đoạn này, đề án đưa ra đã đáp ứng được những điều kiện nói trên, đề cập đến nhiều vấn đề cơ bản và nhìn chung thì dự án này có nhiều hợp lý. Dựa theo dự án này, có thể hy vọng những ngôi nhà mang tính lịch sử sẽ được trùng tu lại đồng thời sử dụng chúng một cách có hiệu quả.

Tuy nhiên, trên thực tế các di sản văn hoá có giá trị ở mức độ như thế nào thì được chọn làm đối tượng của dự án? Nội thất phải cải tạo đến mức độ nào thì mới được chấp nhận? Đó là những vấn đề cần được đặt ra và xem xét một cách cụ thể. Về những điều này, ngay từ bước lựa chọn khu đất, thiết kế kiến trúc và những giai đoạn cần thiết khác cần được thảo luận kỹ càng với sự tiếp xúc mật thiết giữa các bên có liên quan với nhau.

Vấn đề "ảnh hưởng của tính dở dang" là ảnh hưởng từ những công trình kiến trúc bị xây dựng còn dở dang. Cụ thể, điều dập ngay vào mắt đối với khách tham quan là việc tràn ngập cửa hàng và các dịch vụ, nên khi đó không thể trùng tu ngôi nhà truyền thống một cách nghiêm túc, e rằng khi đó sẽ nảy sinh đến vấn đề phá bỏ ngôi nhà. Vấn đề này cho dù không có trong dự án này nhưng chúng tôi nghĩ rằng sớm muộn rồi cũng sẽ xảy ra (với dự án này sẽ làm cho vấn đề nêu trên tiến triển nhanh hơn). Hơn nữa cùng với sự nghiệp thúc đẩy phát triển kinh tế -xã hội trước tiên cần nhanh chóng thiết lập những qui tắc, bổ sung những chủ trương chính sách nhằm bảo tồn khu phố.

Vấn đề thứ hai

Chúng tôi nghĩ rằng cần phải xem xét lại vấn đề có nên để khách sạn tồn tại trong phố cổ hay không? Việc này có ảnh hưởng như thế nào đến môi trường sinh hoạt của những người hiện đang sống xung quanh khách sạn?

Những cơ sở hạ tầng như: hệ thống cấp thoát nước, xử lý rác, giao thông... là những vấn đề cơ bản cần được đề cập đến trước tiên. Tuy nhiên tình trạng của cơ sở hạ tầng công cộng hiện tại không đạt được tiêu chuẩn tối thiểu,do vậy trong phạm vi xây dựng công trình riêng biệt nhất thiết phải xử lý hạ tầng một cách hoàn hảo. Đặc biệt đối với các khách sạn xây dựng trong khu phố cổ cần phải cố gắng hết sức tránh không để ô tô đi lại nhiều trong phố cổ.

Vấn đề thứ ba

Cần phải xem xét việc kinh doanh khách sạn, nên chú ý đến những việc như: tận dụng tối đa năng lực sẵn có ở địa phương vào việc phục vụ trong khách sạn, một phần lợi nhuận thu được của khách sạn cần được đóng góp vào quĩ bảo tồn và trùng tu phố cổ.

Cần kiểm tra xem những dịch vụ này có hiệu quả về kinh tế và xã hội hay không? Có nên phát triển lan rộng hay không? Nói chung chúng tôi nghĩ rằng nếu chỉ xét riêng về hiệu quả kinh tế thì chắc chắn có nhiều hy vọng đạt được

hiệu quả và với hình thức dịch vụ này Hội An sẽ mang tính chất của một khu du lịch. Tuy nhiên nếu xét về hiệu quả trong khía cạnh xã hội thì e rằng có một vài vấn đề lớn cần được đặt ra xung quanh dự án này.

Nếu biến Hội An thành khu du lịch thì có khả năng sẽ không bảo tồn được những yếu tố mà Hội An cần phải bảo tồn. Điều này đã được bàn bạc ở vấn đề thứ nhất (chúng tôi e rằng những công trình trong dự án này sẽ gây "ảnh hưởng dở dang" đến các công trình xung quanh).

Tính cộng đồng, cuộc sống sinh hoạt, tính cách của người dân cùng sự giản dị của phố cổ... là những đặc điểm cần phải bảo tồn của phố cổ Hội An. Chúng tôi cho rằng những đặc tính không phụ thuộc vào kiến trúc này là một phần giá trị vô cùng quan trọng có tính thuyết phục mà chỉ ở Hội An mới có được. Do đó khi Hội An trở thành khu du lịch thì e rằng sẽ có một sự biến đổi lớn về thực chất. Khi trở thành khu du lịch thì không thể lường trước được điều gọi là hiện tượng ăn mòn tài nguyên du lịch.

Ngoài ra, e rằng khi giá cả ở đây càng ngày càng tăng lên thì những người dân bình thường không thể tiếp tục cuộc sống ở đây được nữa. Hoặc có nhiều khả năng họ sẽ nghĩ đến việc làm sao cho cuộc sống trở nên sung túc hơn khi đó sẽ phải tạm quên và vi phạm vào một trong những mục đích bảo tồn phố cổ và hoạt tính hoá của nó. Việc biến khu phố thành hàng loạt những khách sạn cao cấp nằm kề nhau không phải là mục đích bảo tồn của phố cổ Hội An. Vấn đề này đã được đúc kết lại từ những kinh nghiệm của các khu phố cổ Nhật Bản cũng như nhiều khu phố khác ở Đông Nam Á, do đó không thể không thận trọng trước vấn đề này. Tất nhiên đây có lẽ là vấn đề rất khó, nhưng Việt Nam cần phải nhìn nhận đây là một sai lầm của các nước và luôn phải nhìn vào đó để tránh mắc phải sai lầm này một lần nữa.

Đương nhiên đây không phải là lý do để khu phố cổ không được phát triển. Khu phố cổ rất cần được phát triển, nhưng vấn đề lại là nội dung của sự phát triển là gì và giải pháp như thế nào? Điều cần thiết nhất là tránh những biến đổi nhanh chóng và đột ngột, tìm một giải pháp tiến hành phát triển chậm rãi và thận trọng. Càng phát triển với qui mô nhỏ thì càng tránh được những sai lầm cần phải điều chỉnh.

Những điểm lưu ý cụ thể

Qua những phân tích nêu trên, nếu chấp nhận phương án phát triển theo dự án đã đề ra thì cần phải lưu ý đến những điểm sau:

a. Trong trường hợp khách sạn được xây dựng trong khu phố cổ, cần tiến hành điều tra một cách kỹ lưỡng (kể cả việc khai quật khảo cổ), đối với công trình truyền thống cần chấp hành các nguyên tắc bảo tồn và trùng tu.

b. Hạn chế đến mức tối thiểu việc để lộ những trang thiết bị hạ tầng hiện đại như đường cấp thoát nước, xử lý rác... ra phía ngoài, khi thiết kế cần nghiêm chỉnh chấp hành nguyên tắc trong phố cổ không được phép cho xe cơ giới ra vào.

c. Nhất thiết phải đem lại hiệu quả kinh tế cho địa phương: ví dụ như ưu tiên sử dụng thực phẩm địa phương, nhân viên phục vụ trong khách sạn cũng ưu tiên tuyển người của địa phương, khuyến khích phát triển thể loại hàng lưu niệm truyền thống và sản xuất từ nguyên liệu đơn giản của địa phương.

d. Lợi nhuận cần được tái đầu tư tại địa phương. Ví dụ như: thành lập "Quỹ xây dựng cơ bản cho Hội An", cần phải qui định bao nhiêu phần trăm của lãi suất sẽ phải đóng góp cho quỹ này. Hoặc thiết lập một mối quan hệ chặt chẽ thường xuyên trao đổi, hội ý và tiếp thu những phản ánh có liên quan đến các công ty kinh doanh hay liên doanh tại địa phương với những bộ phận có quyền hạn ở Hội An.

e. Sự phát triển của Hội An cần được bắt đầu từ những dự án có quy mô nhỏ, tức là phát triển một cách thận trọng, đó chính là hướng phát triển cơ bản nhất. Tuy nhiên, cần phải xác định rằng việc phê duyệt dự án này sẽ không phải là tiền lệ cho những dự án tiếp theo (chúng tôi hy vọng qua dự án này sẽ ban hành những chủ trương cơ bản và những nguyên tắc nhất định cho các dự án).

***

Dựa vào kết quả khảo sát ở trên, chúng tôi xin đưa ra một vài nguyên tắc thông thường nhất cho việc phát triển Hội An.

14.3. ĐỂ ĐẢM BẢO SỰ CÂN BẰNG CHO PHỐ CỔ HỘI AN

Cho dù nói đến "bảo tồn di sản văn hoá", "xây dựng một cuộc sống lành mạnh sung túc", " thực hiện sự phát triển kinh tế-xã hội" thì vấn đề xây dựng cơ sở hạ tầng như: đường sá, cấp thoát nước, đê điều là vấn đề cơ bản nhất cần được đặt lên hàng đầu. Tuy nhiên ở Nhật Bản thì việc xây dựng cơ sở hạ tầng (đường sá, đê điều) đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến những môi trường có tính lịch sử.

Vẻ đẹp của khu phố cổ là xung quanh nó có làng mạc, đồng quê. Đối lập hẳn với những khu phố nằm trong đô thị sầm uất, phong cảnh đồng ruộng trù phú đóng vai trò rất quan trọng. Do đó, cần bảo tồn các khu vực hiện đang là ruộng nông nghiệp, bên cạnh đó nhất thiết phải có những qui chế và qui hoạch sử dụng đất cho việc phát triển khu vực ngoại vi phố cổ theo đường lối đúng đắn.

Đối với những công trình là di sản văn hoá có giá trị (từ cấp 3 trở lên), cần phải bảo tồn và trùng tu đúng như hình thức ban đầu, còn đối với công trình xây mới hoặc công trình cấp 4 cần phải nghiên cứu hình thức của những công trình này sao cho phù hợp với cảnh quan chung. Do đó cần ban hành những qui tắc rất cụ thể về bảo tồn một ngôi nhà đơn lẻ và phải xây dựng được một hệ thống quản lý để có thể duy trì được những nguyên tắc ấy.

Cần tìm ra giải pháp hạn chế tối đa những ảnh hưởng xấu của việc phát triển du lịch nhưng cũng kích thích những ưu điểm của nó.

Trên đây là một số vấn đề đưa ra một cách riêng lẻ và cần phải tổng hợp lại. Cuối cùng, trong báo cáo này chúng tôi muốn kết luận bằng cách đưa ra những qui tắc và phương hướng cụ thể cho phố cổ Hội An và hy vọng chúng sẽ được ứng dụng trong thực tế, ở đây chúng tôi đã vận dụng ngôn ngữ thành phần của C. Alexander để xử lý và phân tích các vấn đề.

1. Ruộng cây nông nghiệp

Những vùng đất thấp cần tiếp tục duy trì là những cánh đồng lúa, còn khu vực nằm trong qui hoạch cần được xây dựng trên những khu đất cao hơn. Một kinh nghiệm rút ra từ thất bại của Nhật Bản đó là đã quá vội vàng lấy đất đồng ruộng để qui hoạch một khu sản xuất rượu Sake. Các thảm ruộng lúa hay cây nông nghiệp không chỉ đóng vai trò cung cấp thực phẩm cho đô thị mà chúng còn được coi như một vành đai xanh quan trọng. Hơn nữa, ruộng cây nông nghiệp còn có thể giúp chúng ta điều chỉnh lượng thực phẩm cho thị xã. Cần chú ý đến việc bảo vệ những ruộng cây nông nghiệp này sao cho chúng không bị rác và nước thải của khu vực qui hoạch mới làm ô nhiễm.

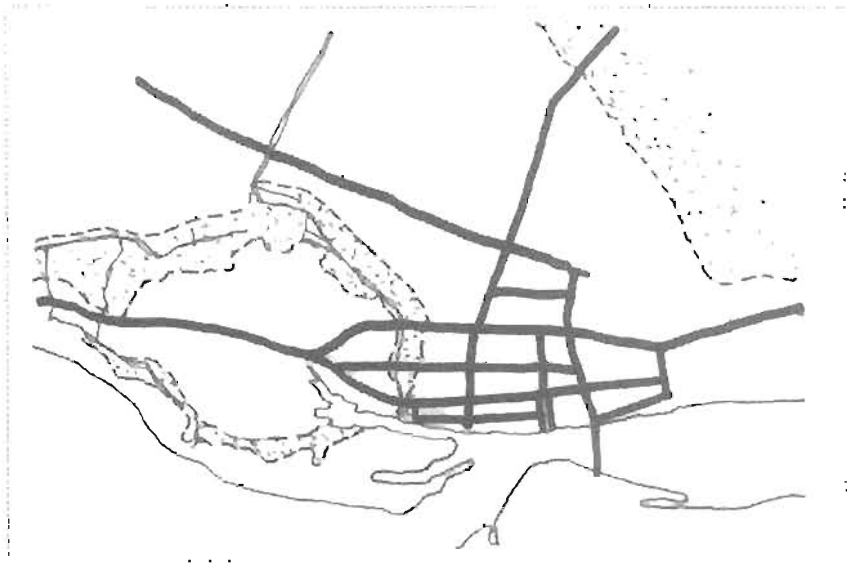

2. Cộng đồng cổ/ Cộng đồng thân thiết/ Giới hạn giữa các cộng đồng

Một đô thị bao gồm sự kết hợp của nhiều cộng đồng. Ngay ở Hội An cũng có nhiều cộng đồng riêng biệt như cộng đồng làng mộc và làng gốm. Chúng ta cần phải duy trì những đặc tính riêng của các cộng đồng này.

Cần xác định biên giới giữa các cộng đồng, đặc biệt là giữa khu vực mang tính lịch sử và khu vực qui hoạch mới. Ngoài ra, cần có một vài ranh giới chuyển tiếp giữa khu cũ và mới. Những thảm ruộng nông nghiệp có thể đóng vai trò là ranh giới chuyển tiếp lý tưởng cho hai khu vực nêu trên. Do đó cần khẩn trương thiết lập những qui chế thích hợp đối với việc sử dụng đất.

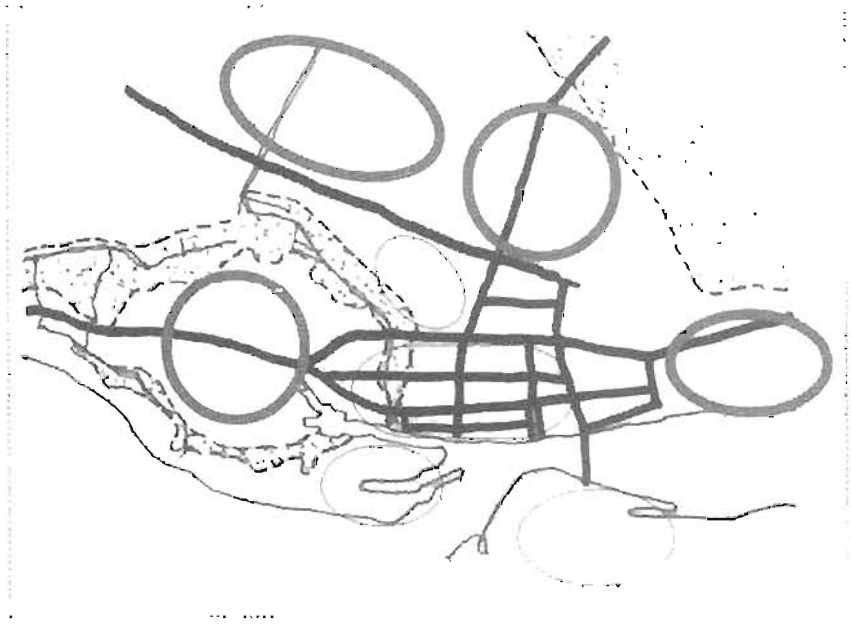

3. Duy trì đô thị cổ như một thế giới thương nghiệp

Một trong những nét quyến rũ của Hội An chính là không khí sinh động, nhộn nhịp như một trung tâm thương nghiệp. Chức năng này của Hội An cần phải được duy trì. Do đó, không nhất thiết chợ Hội An hiện nay phải di chuyển ra ngoài khu phố cổ. Ngoài ra đường Trần Phú cũng nên duy trì như một dãy phố cửa hàng. Tuy nhiên chúng ta cần tìm cách giảm bớt lượng xe máy vào chợ và làm sao giảm bớt sự đông đúc như hiện tại. Để thực hiện được điều này, cần thiết phải có chính sách và kế hoạch cụ thể nhằm duy trì chức năng trong khu phố cổ một cách qui củ có tổ chức. Gần đây, có xu hướng chuyển bớt một số cửa hàng phục vụ khách du lịch ra ngoại vi phố cổ, gần các bãi đỗ xe du lịch... Cần lưu ý rằng việc làm giảm đi chức năng thương nghiệp trong chính khu phố cổ đã là vấn đề cần được rút kinh nghiệm ở Nhật Bản và một số nước khác.

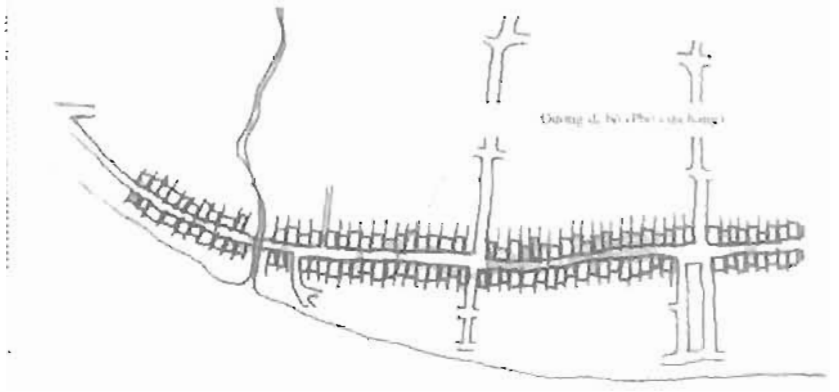

4. Khu vực giao thông địa phương/ Đường vành đai

Để nhằm mục đích cấm không cho các phương tiện giao thông có động cơ đi vào phố cổ thì ngay từ những cửa ngõ bên ngoài cần phải bố trí đường vành đai khép kín trên tuyến giao thông. Khi đó khu vực phố cổ sẽ được sử dụng dành riêng cho người đi bộ.

Hiện nay, hầu như không có vấn đề gì quá nghiêm trọng đối với đường vành đai ở Hội An. Tuy nhiên, để đối phó với vấn đề số lượng xe du lịch cỡ lớn đến Hội An sẽ ngày càng tăng thì cần thiết phải xây dựng những bãi đỗ xe gắn với lối vào khu phố cổ.

Tại Kawagoe khu phố cổ điển hình của Nhật Bản, xe ô tô đi lại làm mất cảnh quan của phu cố cổ

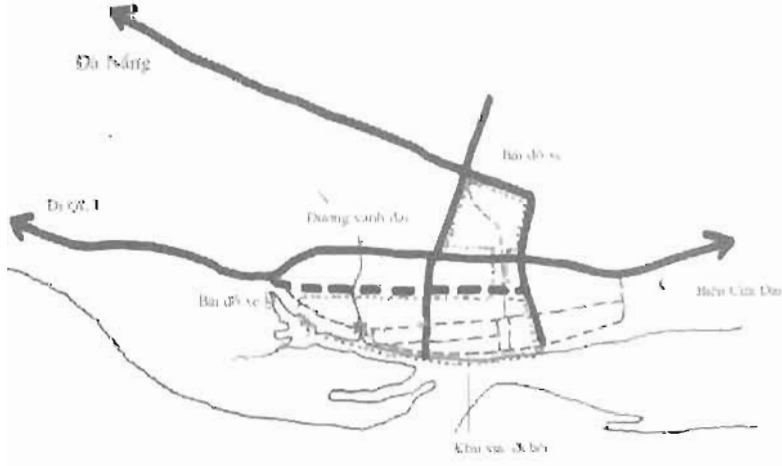

5. Hướng đến không gian mặt nước

Có thể nói sông Thu Bồn chính là trái tim của Hội An. Chắc không ai có thể tin rằng, ở Nhật Bản người ta đã xây dựng rất nhiều con đường bên cạnh bờ sông hay bờ biển vì tình trạng thiếu đất. Hơn nữa, bờ sông hay bờ biển còn bị lấn chiếm để xây dựng các quần thể khách sạn lớn. Chúng tôi hy vọng điều này sẽ không bị lặp lại tại Hội An.

Không cho phép lấn chiếm mặt nước

6. Đa gia đình

Một đô thị lý tưởng là một đô thị luôn luôn sinh động với sự tham gia cùng vận động của các thành viên trong gia đình vào cuộc sống chung (đây cũng chính là điểm hấp dẫn khách tham quan). Ngoài ra, mỗi gia đình trong đô thị cũng cần có sự đa dạng như bao gồm cả thế hệ trẻ, người già, vợ chồng trẻ... Nói một cách khác, Hội An cũng cần được trở thành một đô thị thích ứng được với nhiều hình thức gia đình khác nhau. Hiện nay ở Hội An đang là một khu tập thể đông đúc, nhưng bên cạnh đó vẫn còn rất nhiều nhà trống. Đây là điều cần phải chú ý khi thực hiện kế hoạch giãn dân từ 9000 xuống còn 2000 trong khu vực phố cổ.

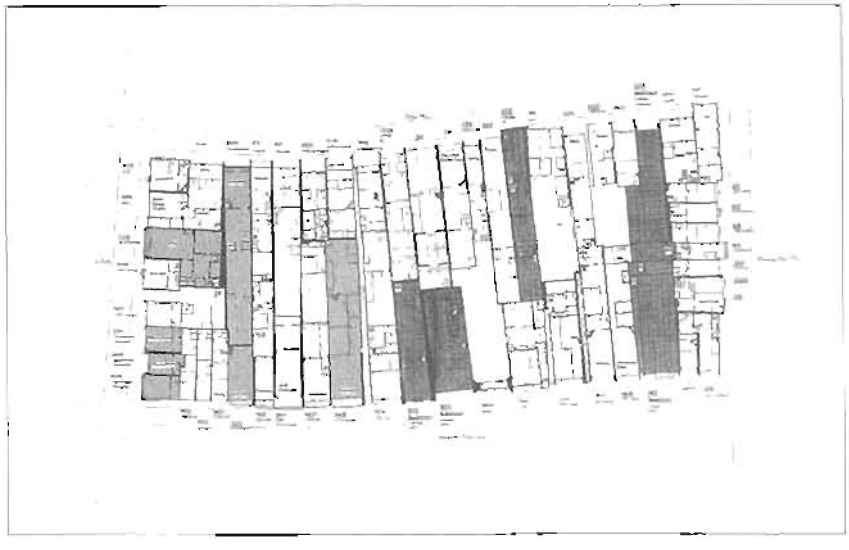

* Trong ô phố ở hình vẽ bên, có tổng số 58 hộ gia đình (289 nhân khẩu) hiện đang sinh sống trong 54 khuôn viên (không rõ 4 khuôn viên còn lại). Trong đó 19 gia đình (67 nhân khẩu) hiện đang sống trong 5 khu tập thể của nhà nước. Ngoài ra, có 6 căn nhà hiện đang không có người sinh sống, còn lại 39 hộ gia đình đang ở trong 39 ngôi nhà riêng biệt (222 nhân khẩu), với mật độ nhân khẩu trung bình trong mỗi căn nhà là 5,69 người. Như vậy trên thực tế, những ngôi nhà thuộc sở hữu tư nhân không quá đông đúc hơn những ngôi nhà tập thể của nhà nước.

7. Tuyến du lịch/ Cụm bảo tàng/ Bảo tàng rải rác

Kế hoạch xây dựng các trung tâm văn hoá cần được bắt đầu từ khái niệm đô thị cổ hiện tại là một bảo tàng sống. Điều này không những chỉ phục vụ khách du lịch mà còn mang tính xã hội sâu sắc và cũng là một cách giáo dục rất khoa học cho chính trẻ em địa phương.

Một điều hoàn toàn có thể thực hiện được ở Hội An là mở ra những tuyến du lịch khác nhau. Ví dụ như tuyến tham quan nhà cổ truyền thống, tuyến tham quan các làng nghề, tuyến du lịch thiên nhiên, tuyến tham quan di tích văn hoá Chăm...

Ngoài ra, cũng có thể xây dựng những bảo tàng nhỏ trên các tuyến tham quan. Chắc chắn sẽ càng hấp dẫn khách du lịch hơn nếu sử dụng chính những ngôi nhà cổ ở Hội An để trưng bày bảo tàng (tuy nhiên vẫn phải ưu tiên hàng đầu đến cuộc sống của người dân trong những ngôi nhà cổ này).

Cuối cùng, khi bảo tàng trung tâm được xây dựng thì khách du lịch có thể dễ dàng tìm hiểu về cơ sở văn hoá địa phương tại đây.

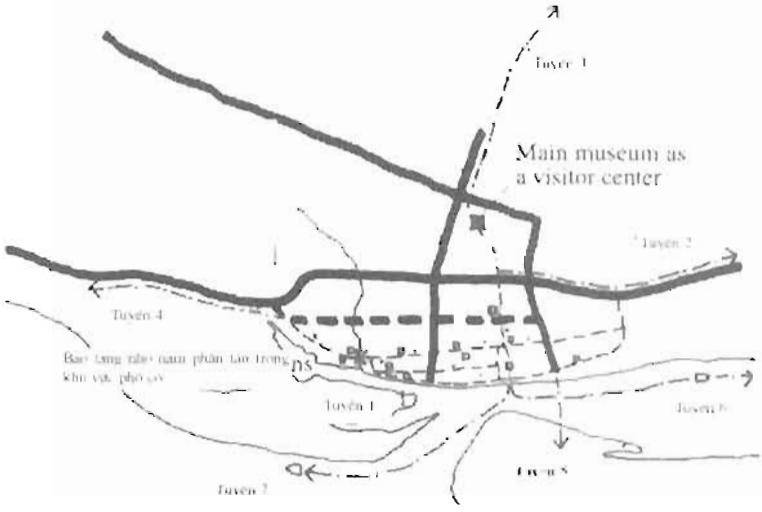

8. Số tầng

Về nguyên tắc không được phép xây dựng nhà cao tầng trong thị xã Hội An. Đặc biệt, trong khu phố cổ các công trình bắt buộc phải giới hạn dưới hai tầng, trừ trường hợp ngoại lệ đặc biệt cũng có thể cho phép xây dựng đến ba tầng.

Ở Kyoto, những bức tường của nhà cao tầng phá vỡ bộ mặt chung của phố cổ

9. Bãi đỗ xe kín

Tốc độ tăng xe máy ở Hội An chưa đến mức đáng phải lo ngại nhưng có thể dễ dàng hình dung được một ngày không xa vấn đề bãi đỗ xe sẽ là một vấn đề nổi cộm. Do đó ngay từ bây giờ cần thiết phải đưa ra những giải pháp cho vấn đề này. Vấn đề phải đặt ra khi xây dựng một bãi đỗ xe số lượng lớn là làm sao để không phá vỡ môi trường cảnh quan xung quanh. Do đó cần phải cố gắng giới hạn qui mô và tính chất của công trình càng ít phô trương ra ngoài càng tốt.

Bãi đỗ xe như thế này trong khu phố cổ có thể tháo lắp được, đặt ở trước lối vào nhà

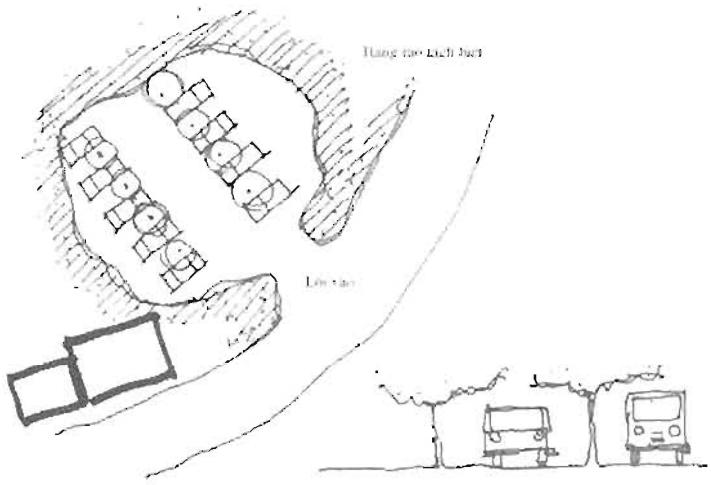

10. Vai trò của sân trong

Cần phải duy trì hình thức điển hình của nhà phố truyền thống ở Hội An bao gồm cấu trúc tiếp sau nhà trước là sân trong và nhà cầu. Đặc biệt, sân trong đóng vai trò rất quan trọng trong việc bảo đảm môi trường sống tốt cho con người.

Ở Việt Nam hay Nhật Bản, một sân trong đẹp có một sức quyến rũ rất lớn (Trái: Hội An; Phải: Kawagoe)

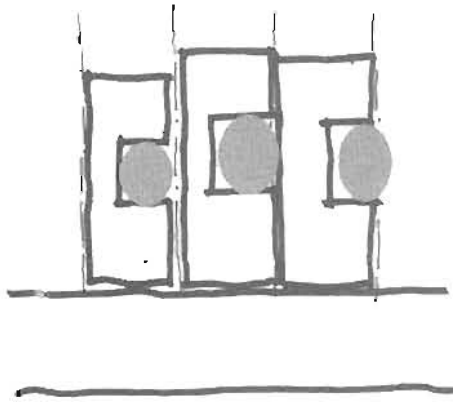

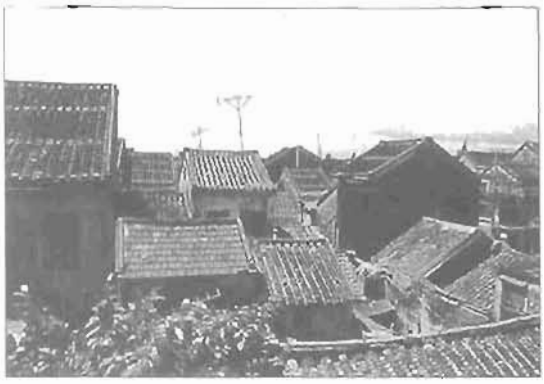

11. Mái che/ Mái dốc

Hình thức mái phù hợp nhất với Hội An là mái dốc. Bản chất nguyên thuỷ của ngôi nhà là bảo vệ con người khỏi những tác động của thiên nhiên, trong đó mái nhà đóng vai trò quan trọng hơn cả. Do đó, nếu như mái không được nhìn thấy hoặc không có mái thì chức năng che chắn bảo vệ cũng không còn. Đặc biệt đối với Việt Nam là một nước có khí hậu nhiệt đới mưa nhiều nên thiết yếu cần phải duy trì hình thức mái dốc.

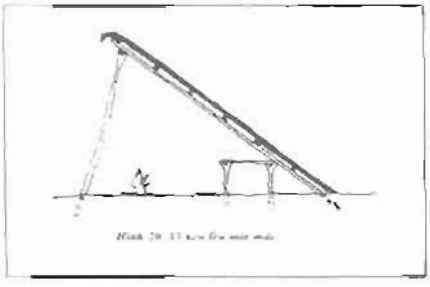

Bản chất của kiến trúc mái (Nhà ở cổ truyền, Nguyễn Khắc Tung, tr.63)

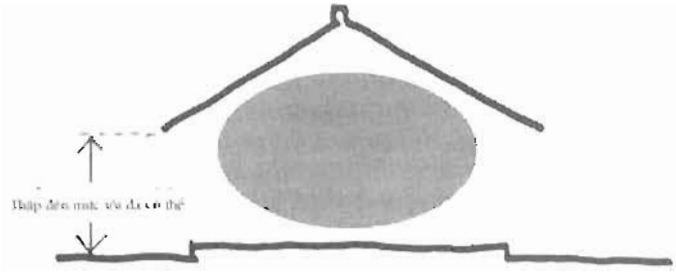

12. Mặt trước công trình

Trong khu phố cổ, mặt trước của nhà phải nằm sát với đường. Ở một vài phố cổ của Nhật Bản, nhiều người đã tự ý xây ngôi nhà của mình lùi vào trong để lấy không gian làm nơi đỗ xe... Phải ngăn cấm ngay những trường hợp có chủ ý cải tạo như vậy. Tuy nhiên tường của mặt đứng trước cũng không nên quá sát với đường mà nên để ra một không gian hiên vừa đủ để bảo đảm cho sự tách biệt giữa không gian trong nhà với không gian ngoài đường phố.

Ở Nhật Bản, sau khi ô tô trở nên phổ biến có nhiều nhà đã cải tạo lùi vào trong để tạo chỗ đỗ xe

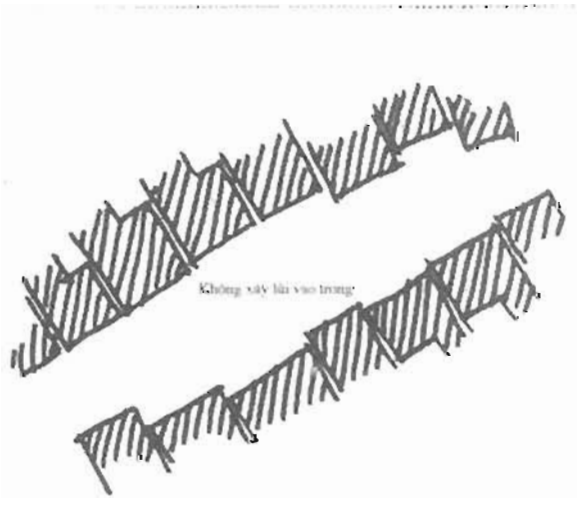

13. Bậc thềm

Một ưu điểm nữa của phố cổ Hội An chính là dọc theo dãy phố dài có rất nhiều không gian nghỉ ngơi, ví dụ như: người ta có thể ngồi ở bậc thềm dưới mái hiên trước mỗi nhà hay trước các hội quán... Những không gian như vậy nên khuyến khích để duy trì cùng với tổng thể phố cổ.

14. Hiên rộng/ Sân riêng trên đường phố/ Ban công "sáu chân"

Việc để ra một không gian hiên chuyển tiếp giữa trong nhà và ngoài đường phố đã đảm bảo sự yên tĩnh cho không gian riêng của những người trong gia đình trong khi vẫn duy trì sự thu nhập cho những người sống nhờ vào việc buôn bán bám theo mặt đường. Đây cũng là một đặc tính của nhà phố truyền thống Hội An. Trong nhà dân gian truyền thống của Việt Nam, hình thức để ra một khoảng hiên sâu trước nhà là một hình thức độc đáo. Đối với những nhà có mặt đứng theo kiểu châu Âu thì hàng hiên được thay thế bằng ban công. Ngoài ra, những không gian này còn có tác dụng làm nơi trú nắng, trú mưa cho những người đi trên đường. Do đó, cần tiếp tục duy trì những không gian hiên này không chỉ đối với những nhà cổ mà đối với cả những nhà xây mới nữa.

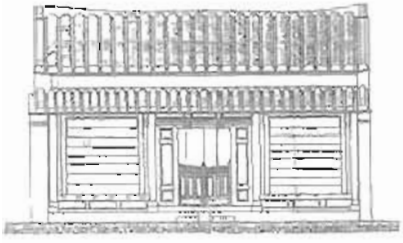

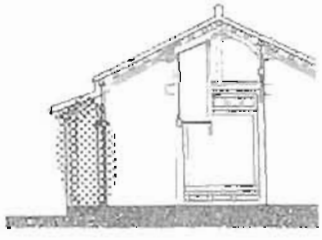

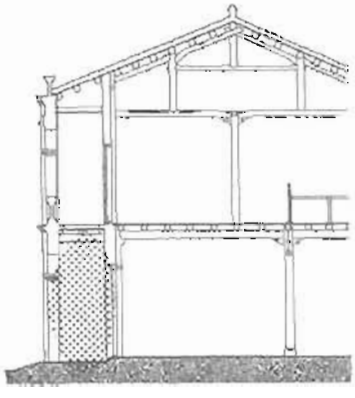

Trường hợp trong và ngoài nhà hoàn toàn tách biệt, chỉ có 1 lối vào, rất hay gặp ở nhà tập thể Nhật Bản

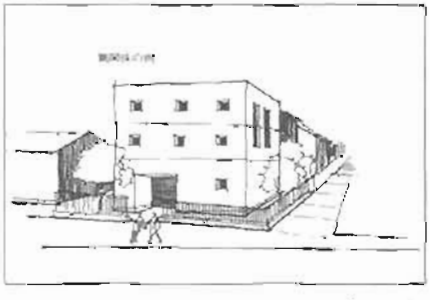

Mặt đứng của công trình hiện đại là điểm chốt rất quan trọng, cần làm sao cho phù hợp với quang cảnh trên phố

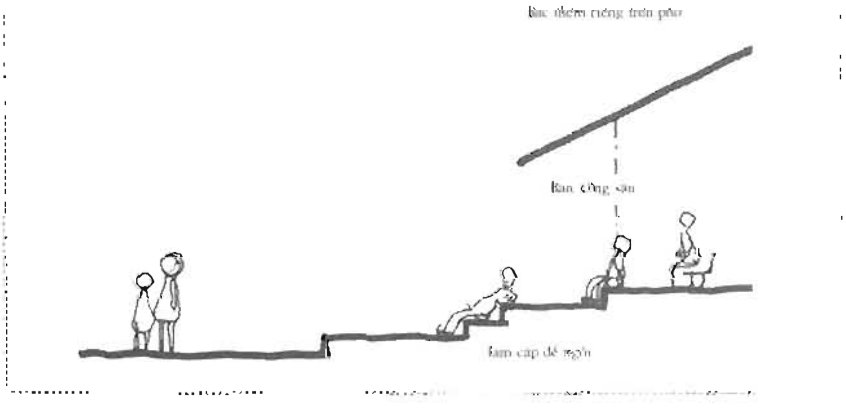

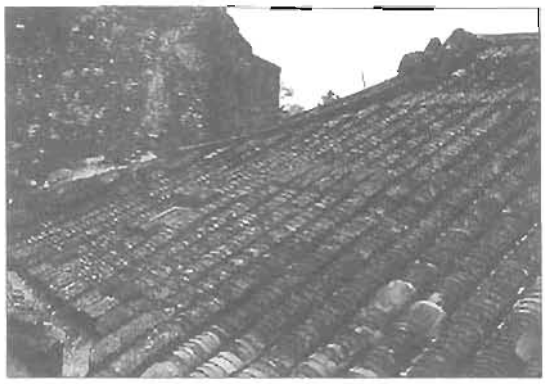

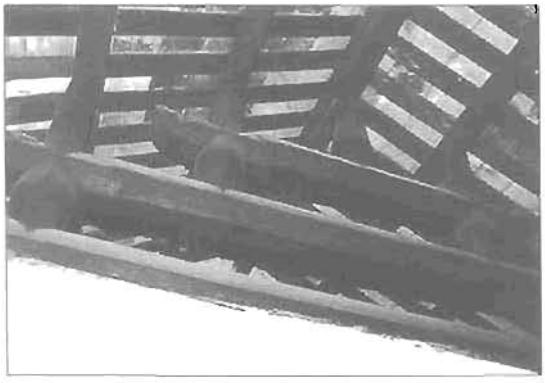

15. Sử dụng vật liệu tốt

Nên tận dụng tối đa vật liệu thiên nhiên và vật liệu địa phương trong việc xây dựng nhà ở và những công trình khác. Tránh đến mức tối đa việc sử dụng những vật liệu công nghiệp hiện đại, bởi vì việc sử dụng vật liệu tự nhiên sẽ đem lại hiệu quả cao hơn và chúng còn thể hiện một quá khứ huy hoàng. Nếu so sánh với vật liệu thiên nhiên, vật liệu công nghiệp chỉ đẹp lúc còn mới, nhưng qua thời gian thì không còn hấp dẫn nữa. Ngoài ra, có thể nói rằng với vật liệu công nghiệp thì không thể diễn tả được những tính cách đặc trưng của địa phương.

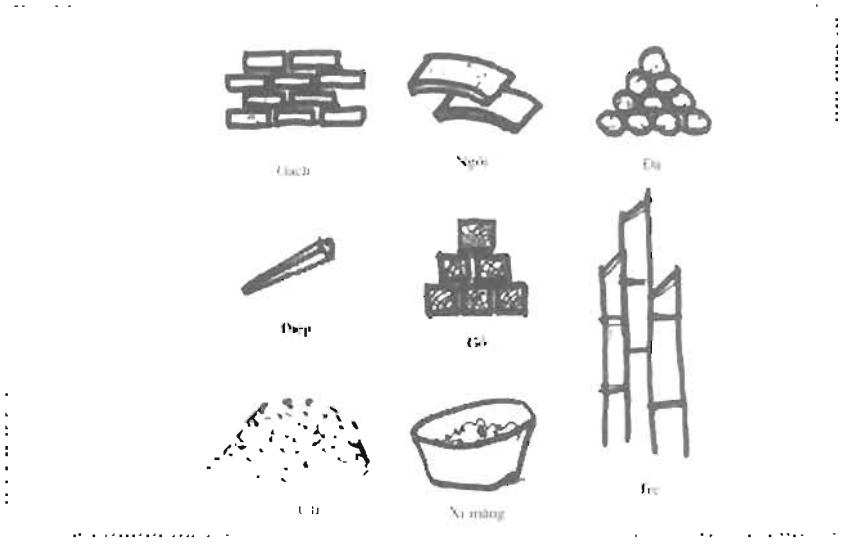

16. Màu ấm

Mỗi đô thị đều mang trong mình một màu sắc mà qua đó bộc lộ rõ ràng đặc thù riêng. Phố cổ Hội An cũng có mầu sắc riêng của mình, tuy nhiên thật khó có thể diễn tả một cách cụ thể chúng nên tôi xin đưa ra một vài chỉ dẫn như sau:

1. Màu cơ bản của công trình là màu ấm
2. Sử dụng tối đa hiệu quả màu tự nhiên của vật liệu
3. Chỉ sử dụng màu mạnh đối với những điểm nhấn của công trình.

Màu lạnh không phù hợp với phố cổ Hội An

LỜI CÁM ƠN

Dự án "Bảo tồn phố cổ Hội An" bắt đầu được khởi xướng bởi giáo sư MIYAZAWA Tomoji -Vụ trưởng Vụ Bảo tồn Di sản văn hoá và Công trình kiến trúc và giáo sư SAITO Hedetoshi -Tổng cục Văn hoá Nhật Bản, phụ trách điều tra.

Hai ông đã trực tiếp đến Hội An tìm hiểu.Tháng 9/1992 Viện Nghiên cứu Văn hoá quốc tế của trường Đại học nữ Chiêu Hoà đã tập hợp các nhà nghiên cứu tiến hành điều tra thí điểm. Tháng 3/1993 cuộc điều tra kiến trúc và khảo cổ học chính thức được bắt đầu. Tháng 9/1993 tiến hành trùng tu số nhà 80 Trần Phú với mục đích chuyển giao kỹ thuật. Cho đến nay cuộc điều tra của chúng tôi đã có nhiều tiến triển tốt đẹp. Chúng tôi đã đạt được những thành quả cụ thể như: Chứng minh được sự giao thương mật thiết giữa Nhật Bản và Hội An thông qua việc phát hiện sứ Imari, trùng tu nhà số 80 Trần Phú và khai trương Viện Bảo tàng gốm sứ mậu dịch, kết hợp với Trung tâm Nghiên cứu Kiến trúc của trường Đại học Kiến trúc Hà Nội tiến hành lập hồ sơ toàn bộ các nhà trong khu phố cổ. Ngoài ra chúng tôi đã kết hợp với chính quyền địa phương tiến hành lợp lại ngói cho gần 40 ngôi nhà trong khu phố cổ.

Tháng 9/1996 chúng tôi đã tổ chức hội thảo tại Hội An về các kết quả nêu trên với sự tham gia của nhiều nhà chuyên môn và những người có liên quan của hai phía Việt Nam và Nhật Bản.Tập báo cáo này khi đó mới chỉ là bản thảo, tuy nhiên nó cũng đã được đưa ra thảo luận tại hội nghị và tham khảo ý kiến. Chúng tôi hy vọng rằng ấn phẩm này sẽ là tư liệu tốt góp phần vào công cuộc bảo tồn phố cổ Hội An. Tiếp sau tập báo cáo này, chúng tôi dự định sẽ tiếp tục phát hành tập báo cáo về khảo cổ học và trùng tu công trình kiến trúc.

Cho đến nay, dự án " Bảo tồn phố cổ Hội An " bước đầu đã thu được những kết quả nhất định. Để đạt được kết quả này, điều đầu tiên phải nói đến sự nhiệt tình giúp đỡ của phía Việt Nam, chúng tôi luôn cảm nhận được điều này từ những người dân sinh sống tại Hội An cho đến những cán bộ lãnh đạo của chính phủ. Cuối tập báo cáo này, xin được phép nêu danh sách những người đã ủng hộ chúng tôi, đặc biệt là những nhà chuyên môn của phía Việt Nam đã cùng hợp tác với chúng tôi trong công tác điều tra và trùng tu tại Hội An.

Mặt khác, chúng tôi cũng xin chân thành cảm ơn những chuyên gia phía Nhật Bản đã tình nguyện tham gia dự án này và cũng xin phep được nêu tên trong tập báo cáo này. Những hoạt động của dự án này còn được sự ủng hộ kinh phí dưới nhiều hình thức khác nhau, nhưng chủ yếu là kinh phí hỗ trợ nghiên cứu của phía Nhật Bản. Tuy nhiên, kinh phí này chỉ được giới hạn sử dụng cho việc điều tra tại hiện trường và chuyển giao kỹ thuật trùng tu, nên thật khó khăn khi sử dụng vào mục đích rất quan trọng là "Điều tra và trùng tu, các hoạt động thực tế cùng với phía Việt Nam hình thành hệ thống trùng tu". Do đó,chúng tôi đã đề nghị thiết lập nên "Hội Bảo trợ Hội An", đó là tổ một tổ chức gồm đại diện phía Việt Nam có nhiệm vụ tiếp nhận các nguồn viện trợ trong và ngoài nước, phía Nhật Bản tiến hành các thủ tục xin viện trợ của các tập đoàn Hỗ trợ học thuật, của sự ủng hộ từ phía các doanh nghiệp. Phần lớn kinh phí để trùng tu có được là từ sự hỗ trợ nêu trên. Ngoài ra chúng tôi cũng không quên những cá nhân đã tự nguyện đóng góp kinh phí vào công việc trùng tu mang tính thử nghiệm. Cùng với sự giúp đỡ của Hội Bảo trợ Hội An, tại Nhật Bản chúng tôi cũng đã phát hành "Báo Hội An" kêu gọi sự ủng hộ của các nhà hảo tâm Nhật Bản.

Chúng tôi xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành đến những người đã cùng tham gia cuộc điều tra này, không chỉ những cán bộ của các cơ quan mà kể cả những sinh viên đến với dự án này từ lòng say mê nghiên cứu. Đặc biệt là sự hợp tác của các hội viên Hội giáo dục của các tỉnh thuộc Tổng cục văn hoá Nhật Bản, những chuyên gia kỹ thuật trùng tu tình nguyện, cùng các cơ quan đã nhiệt tình giúp đỡ chúng tôi trong thời gian qua. Chúng tôi rất mong sẽ tiếp tục nhận được sự hợp tác và giúp đỡ của quí vị.

Mùa thu năm 1996, cầu Nhật Bản bị xuống cấp bởi một cơn bão lụt rất nặng nề, Chính phủ Việt nam đã kêu gọi sự hợp tác giúp đỡ trùng tu với Đại sứ quán Nhật Bản tại Hà Nội. Hiện nay Đại sứ quán Nhật Bản đã tiến hành hoạt động quyên góp của các Công ty Báo chí Nhật Bản. Đại sứ quán Nhật Bản đã chuyển kinh phí này cho Hội Bảo trợ Hội An và chỉ còn chờ sự cho phep trùng tu từ phía Việt Nam.

Dưới đây chúng tôi xin phep được công bố những tập đoàn, cá nhân đã tài trợ kinh phí cho dự án và chúng tôi hy vọng rằng từ nay về sau dự án sẽ tiếp tục nhận được sự giúp đỡ quí báu này.

Một lần nữa xin chân thành cám ơn.

Trung tâm Nghiên cứu Văn hoá quốc tế trương Đại học nữ Chiêu Hòa

GS TOMODA HIROMICHI
Cùng nghiên cứu viên Mark Chang

***

Những tổ chức hỗ trợ kinh phí nghiên cứu

Hiệp hội hỗ trợ học thuật Kajima

Quỹ hỗ trợ nghiên cứu khoa học Bộ Giáo dục Nhật Bản

Trung tâm phổ cập giáo dục kỹ thuật kiến trúc

Hiệp hội hỗ trợ tư học Nhật Bản

Tổ chức hỗ trợ kinh phí đào tạo kỹ thuật trùng tu

Tập đoàn Sumitomo (Duy trì di sản văn hóa và hỗ trợ kinh phí trung tu)

Tập đoàn kiến trú Taisei, quỹ tín dụng phục vụ lợi ích chung
(Hỗ trợ kinh phí cơ bản bảo tồn môi trường lịch sử và tự nhiên)

Tổ chức hỗ trợ thêm kinh phí cho nghiên cứu học thuật và hợp tá nghiên cứu

Tập đoàn xây dựng Seimizu, phòng nghiên cứu kỹ thuật

Cemina kiến trúc Nhật Bản

Tập đoàn hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho cá nhân để phát huy tư học
(phần lớn từ các công ty)

Công ty Shiseido

Công ty Kuryudo

Công ty bảo hiểm phòng cháy trên biển Yasuda

Công ty Canon

Ông Kawamura Shigekuni

Công ty điện lực

Hỗ trợ kinh phí cho việc nghiên cứu học thuật từ các tổ chức bảo trợ trường Đại học nữ Chiêu Hòa

Công ty Kinkasha

Công ty xây dựng Toda

Đài phát thanh truyền hình Chyukyo

Công ty Sitta

Ông AOKI Rou

Ông KUSUSHIRO Koji

Ông IWAI Ichiro

Ông SEKIGUCHI Kinya

Bà EUJWARA Miyoko

Ông FUKUMURO Okomu

Ông NAKAGAWA Shizuyasu

CÁC NHÓM ĐIỀU TRA VÀ CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA CỘNG TÁC CÙNG CHƯƠNG TRÌNH

Xin lược bớt chức danh
** Cố vấn chương trình,
* Chịu trách nhiệm trực tiếp các nhóm điều tra

Điều hành chung

Chủ tịch Thị xã Hội An — Nguyễn Sự
Giáo sư, Viện nghiên cứu văn hóa quốc tế
Trường Đại học nữ Chiêu Hòa — TOMADA Hiromichi

Nhóm chỉ đạo kỹ thuật trùng tu di sản văn hóa

Giám đốc trung tâm quản lý di tích Hội An — Hồ Tấn Cường*
Phụ trách điều tra Vụ bảo hộ di sản văn hóa
Bộ văn hóa Nhật Bản — NAKAMURA Masaharu
Phó giám đốc trung tâm quản lý Hội An — Trần Anh
Cán bộ trung tâm quản lý di tích Hội An — Nguyễn Đức Minh
Giám đốc trung tâm thiết kế và trùng tu di sản văn hóa
Hoàng Đạo Kính
Cán bộ trung tâm thiết kế và trùng tu di sản văn hóa
Trần Vĩnh Trung
Cán bộ trung tâm thiết kế và trùng tu di sản văn hóa
Hoàng Đạo Cương
Cán bộ trung tâm thiết kế và trùng tu di sản văn hóa
Đặng Khánh Ngọc
Cán bộ viện thiết kế quy hoạch Đà Nẵng — Nguyễn Duy Hòa
Vụ trưởng Vụ bảo tồn di sản văn hóa kiến trúc
- Bộ Văn Hóa — MURAKAMI
Vụ trưởng vụ công trình kiến trúc - Bộ Văn Hóa
KIRINOKA Hiromichi
Quản lý điều tra di sản văn hóa - Bộ Văn Hóa — KAMEI Nobuo
Quản lý điều tra di sản văn hóa - Bộ Văn Hóa — KARYA Hasao
Cán bộ phòng quản lý điều tra di sản văn hoa - Bộ Văn Hóa
HAYASHI Yoshihiko
Cán bộ quản lý kỹ thuật thuộc Vụ bảo hộ di sản văn hóa
- Bộ Văn Hóa — MUTO Masayuki
Quyền trưởng phòng Vụ bảo hộ di sản văn hóa - Bộ Văn Hóa
YAMAZAKI Katsunari
Quyền Vụ trưởng Vụ bảo hộ di sản kiến trúc
- Bộ Văn Hóa — MIYAZAWA Tomoji
Giảng viên hệ cao học ngành bảo tồn di sản văn hóa
- Đại học nghệ thuật Tokyo SAITO Hidetoshi
Giảng viên khoa kiến trúc - Đại học Tokyo — YOSHIDA Sei
Hiệp hội kỹ thuật bảo tồn di sản văn hóa — HIGASHIZAWA Kazuhiro
Phòng xây dựng tỉnh Chiba — HAYASHI Ayumu
Hội đồng giáo dục tỉnh Chiba — TOYOSHIRO Hiroyuki
Hội đồng giáo dục tỉnh Nara — INOMATA Noriyuki
Hội đồng giáo dục tỉnh Nara — TATE Toshihide
Hội đồng giáo dục tỉnh Nara — NAKAMURA Nobuo
Hội đồng giáo dục tỉnh Nara — MIKITA Hideo
Hội đồng giáo dục tỉnh Nara — BABA Hiromichi
Trưởng phòng điều tra Viện nghiên cứu di sản văn hóa
quốc gia tỉnh Nara — TAKASE Youichi
Trưởng đại diện văn phòng Semina kiến trúc Nhật Bản
MASUDA Senjiro
Semina kiến trúc Nhật Bản — KUMO Ichiro
Semina kiến trúc Nhật Bản — IEIZUMI Hiroshi
Semina kiến trúc Nhật Bản — KAMIMURA Miniru
Semina kiến trúc Nhật Bản — EJIMA Akiyoshi
Semina kiến trúc Nhật Bản — OOUCHI Sakae
Semina kiến trúc Nhật Bản — KANEDA Masao
Semina kiến trúc Nhật Bản — KAWATA Tsuneo
Semina kiến trúc Nhật Bản — KAWABE Hideki
Semina kiến trúc Nhật Bản — HAMADA Toichiro
Semina kiến trúc Nhật Bản — NAKAUJI Osamu
Công ty xây dựng Murai — SATO Mitsuo
Giảng viên khoa lịch sử văn hóa Nhật Bản
- Đại học nữ Chiêu Hòa — TAKEDA Akiko
Viện nghiên cứu kĩ thuật - Tập đoàn xây dựng Simizu
MATSUNAMI Hideko

Nhóm điều tra kiến trúc, phố cổ

Phó giám đốc viện nghiên cứu kiến trúc - Bộ xây dựng
Nguyễn Bá Đang
Giảng viên hệ cao học Khoa nghiên cứu khoa học tự nhiên
- Đại học Chiba — FUKUGAWA Yuichi
Giảng viên Đại học Kiến trúc Hà Nội — Vũ Tam Lang
Giảng viên Đại học Kiến trúc Hà Nội — Nguyễn Quốc Hùng
Giảng viên Đại học Kiến trúc Hà Nội — Hoàng Mạnh Nguyên
Viện nghiên cứu kiến trúc - Bộ xây dựng — Nguyễn Ngọc Quỳnh
Cán bộ nghiên cứu Viện nghiên cứu kiến trúc thuộc Bộ xây dựng
và giảng viên, sinh viên trường Đại học kiến Trúc Hà Nội
40 người
Giảng viên Khoa kiến trúc - Đại học Tokai — HANYU Shuji
Giảng viên Khoa kiến trúc - Đại học Toritsu — YAMADA Yukimasa
Giảng viên ngành nghệ thuật - Đại học Tsukuba — IZUMIDA Hideo
Cán bộ nghiên cứu Viện nghiên cứu văn hóa quốc tế
- Đại học nữ Chiêu Hòa — SHINORAKI Masahiko
Arie Monuman — TAIRA Yukio
Sinh viên cao học ngành nhà ở - Đại học nữ Chiêu Hòa — LEE
Sinh viên cao học ngành nhà ở
- Đại học nữ Chiêu Hòa — UTSUMI Wako
Sinh viên cao học ngành nhà ở - Đại học nữ Chiêu Hòa — ANN
Sinh viên cao học (đã tốt nghiệp) chuyên ngành kiến trúc
- Đại học Chiba — YUMOTO Atsuji
Sinh viên cao học (đã tốt nghiệp) chuyên ngành kiến trúc
- Đại học Chiba — SAKUMA Hirosiha
Sinh viên cao học (đã tốt nghiệp) chuyên ngành kiến trúc
- Đại học Chiba — KUBUSHIRO Noriyuki
Sinh viên cao học (đã tốt nghiệp) chuyên ngành kiến trúc
- Đại học Chiba — MATSUMOTO Kenichi
Sinh viên cao học (đã tốt nghiệp) chuyên ngành kiến trúc
- Đại học Chiba — SAKUMOTO Masaaki
Sinh viên cao học (đã tốt nghiệp) chuyên ngành kiến trúc
- Đại học Chiba — MATSUDA Takayuki
Sinh viên cao học (đã tốt nghiệp) chuyên ngành kiến trúc
- Đại học Chiba — KAKIUCHI Noriyuki
Sinh viên cao học chuyên ngành bảo tồn di sản văn hóa
- Đại học nghệ thuật Tokyo — YOSHIDA Naoko
Sinh viên cao học chuyên ngành kiến trúc
- Đại học Tokai — TAKANO Tomoco
Sinh viên cao học chuyên ngành kiến trúc
- Đại học Chiba — ITO Norihiro
Sinh viên cao học chuyên ngành kiến trúc
- Đại học Chiba — KUROMIZU Ken
Sinh viên cao học chuyên ngành bảo tồn di sản văn hóa
- Đại học nghệ thuật Tokyo — KITAGAWA Suguru
Sinh viên cao học chuyên ngành nhà ở

- Đại học nữ Chiêu Hòa — Trần Thị Quế Hà
Sinh viên cao học chuyên ngành thiết kế
- Đại học Chiba — KASHIWAZAKI Ayako
Sinh viên Khoa kiến trúc (đã tốt nghiệp)
- Đại học Chiba — OKAMURA Kenji
Sinh viên Khoa mỹ học đời sống (đã tốt nghiệp)
- Đại học nữ Chiêu Hòa — MORI Akiko
Sinh viên Khoa mỹ học đời sống (đã tốt nghiệp — MORIZAWA Mayumi
Sinh viên Khoa mỹ học đời sống (đã tốt nghiệp)
- Đại học nữ Chiêu Hòa — KITAMURA Yuri
Sinh viên Khoa mỹ học đời sống (đã tốt nghiệp)
- Đại học nữ Chiêu Hòa — INAMURA Yuko?
Sinh viên Khoa mỹ học đời sống (đã tốt nghiệp)
- Đại học Nữ Chiêu Hòa — AITANI Hiromi
Sinh viên Khoa mỹ học đời sống (đã tốt nghiệp)
- Đại học nữ Chiêu Hòa — OOFUNA Madoka
Sinh viên Khoa lịch sử văn hóa Nhật Bản (đã tốt nghiệp)
- Đại học nữ Chiêu Hòa — Phan Hải Linh
Sinh viên Khoa kiến trúc - Đại học Tokai — OKADA Yoshikazu
Sinh viên đại học Tokai — Tsuhkane
Sinh viên Khoa mỹ học đời sống (đã tốt nghiệp)
- Đại học nữ Chiêu Hòa — FUKUSHIMA Izumi
Sinh viên Khoa mỹ học đời sống (đã tốt nghiệp)
- Đại học nữ Chiêu Hòa — YAMANA Tsukane
Sinh viên Khoa mỹ học đời sống (đã tốt nghiệp)
- Đại học nữ Chiêu Hòa — MUTA Junco
Sinh viên Khoa mỹ học đời sống (đã tốt nghiệp)
- Đại học nữ Chiêu Hòa — SEKIYA
Sinh viên Khoa mỹ học đời sống (đã tốt nghiệp)
- Đại học nữ Chiêu Hòa — SENO Yoshi
Sinh viên Khoa kiến trúc đã tốt nghiệp
- Đại học Chiba — FUTAMIRA Rieko

Nhóm điều tra khảo cổ học lịch sử

Giảng viên viện nghiên cứu văn hóa quốc tế
- Đại học nữ Chiêu Hòa — SAKURAI Kiyhiko
Cán bộ trung tâm quản lý di tích Hội An — Nguyễn Chí Trung
Cán bộ Viện nghiên cứu văn hóa quốc tế
- Đại học nữ Chiêu Hòa — KIKUCHI Seichi
Chủ nhiệm bộ môn lịch sử - Viện khảo cổ — Trịnh Cao Tưởng
Giảng viên khoa lịch sử - Đại học Quốc Gia Hà Nội — Nguyễn Trung
Viện bảo tàng tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng — Hồ Xuân Tiêu
Cán bộ trung tâm quản lý di tích Hội An — Trần Văn An
Cán bộ viện nghiên cứu văn hóa quốc tế
- Đại học nữ Chiêu Hòa — Mark CHANG
Hội trưởng hiệp hội khảo cổ học Kyusyu - Okinawa — HAYASHIDA Kenzo
Giám đốc viện khảo cổ học Kamakura — TEZUKA Naoki
Cán bộ viện khảo cổ học Kamakura — KIKUGAWA Izumi
Trợ lý trưởng phòng phòng di sản văn hóa thuộc hội đồng giáo dục tỉnh Saga — OOHASHI Yauji
Ban bảo tồn di sản văn hóa thuộc hội đồng giáo dục thành phố Sakai — SHIN Ichiro
Hội đồng giáo dục thành phố FUkuoka — TANAKA Katsuko
Nguyên cán bộ trung tâm khai quật di sản văn hóa thành phố Toki — TSUDA Taketoku
Giảng viên Đại học ngoại ngữ Tokyo — OGAWA Hidefumi
Giảng viên Khoa lịch sử văn hóa Nhật Bản
- Đại học nữ Chiêu Hòa — YOSHINARI Kaoru
Sinh viên hệ cao học - Đại học Waseda — KUMAZAKI Tamori
Sinh viên hệ cao học - Đại học Waseda — KUSAKA Ryoko
Sinh viên hệ cao học - Đại học Tổng hợp Tokyo — NISHIMURA Masanari
Sinh viên hệ cao học - Đại học Kanazama — NISHINO Junko
Sinh viên hệ cao học - Đại học nữ Showa — ABE Yuriko
Sinh viên hệ cao học - Đại học nữ Showa — SAITO Junka

Các cá nhân hợp tác điều tra thực địa cùng nhóm điều tra lịch sử khảo cổ học

Giảng viên Đại học Eizumi Gakuen — HASEBE Rakuya
Giảng viên Đại học Kyusyu — NISHITANI Tadashi
Giảng viên Đại học Shophia — AOYGHI Yoji
Viện bảo tàng mỹ thuật Nezu — NISHIDA Hiroko
Hội đồng giáo dục thành phố Fukuoka — MORIMOTO Asako
Hội đồng giáo dục thành phố Dazaifu — YAMAMOTO Nobuo
Hội đồng giáo dục thành phố Osaka — SAKUMATAKASHI Takashi
Viện nghiên cứu di sản văn hóa khai quật thành phố Kyoto — NAGATA Nobukazu
Viện bảo tàng quốc gia thành phố Tokyo — TOKIEDA Tsutomu
Đại học tổng hợp Tokyo — YAMAGATA Marico
Đoàn thể nghiên cứu di sản văn hóa khai quật tỉnh Gunma — KIKUCHI Minoru
Hội đồng giáo dục khu Nida tỉnh Gunma — KOMIYA Toshihisa
Trường nữ sinh cấp 3 Oonota tỉnh Gunma — SUGIYAMA Hidehiro
Viện bảo tàng Godo thành phố Chofu — KANAI Yasuko
Đoàn thể nghiên cứu di sản văn hóa khai quật tỉnh Gunma — IRIZAWA Kumoe

Những cá nhân khác cùng hợp tác điều tra thực địa

Giảng viên đại học kỹ thuật Tokyo — SASANO Shiro
Trợ giáo Khoa kiến trúc đại học Nihon — SHIGEDA Y utaka
Giám đốc trung tâm giáo dục số 2 Đại học Hoso — HONMA Hirofumi
Sinh viên cao học ngành xã hội học ứng dụng
- Đại học Rikkyo — TAKINO Sunta
Phòng quốc tế - Công ty Nihon Sekkei — TAKIGAWA Kozo
Trưởng nhóm thiết kế kiến trúc số 1
- Công ty Nihon Sekkei — KOSADA Toshio
Phụ trách kế hoạch - Công ty Padeko — HOSHINO Kanji
Phó giám đốc Văn phòng đại diện Magumi-Việt Nam — ABE Toshiyuki
Điều hành phòng thông tấn - Đài phát thanh truyền hình Chukyo — HIGUCHI Yukio
Điều hành phòng thông tấn - Đài phát thanh truyền hình Chukyo — OOWAKI Michiyo
Trưởng chi cục NHK tại Hà Nội — HASHIMOTO
Phóng viên nhiếp ảnh chi cục NHK tại Hà Nội — CHIBA Haruji
Ban xã hội báo Sankei — TSUJINO
Biên tập viên báo Mainichi — OHARA Hiroto
Biên tập viên báo Mainichi, phụ trách nhiếp ảnh — NAKAMURA Taro
Ban văn hóa báo Nihon Keizai — NAGATA Hiroshi
Biên tập viên báo Asahi — AMANO Yukihiro
Hãng thủ công Akiba (đồng trưởng biên tập viên báo Hội An) — AKIBA Yukihiro
Phóng viên nhiếp ảnh - Nguyệt san Hoseki — MURATA Rinya
Phóng viên nhiếp ảnh - Hội xuất bản Kashima — SUZUKI Yutaka

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI
46 Trần Hưng Đạo, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 8253841 - Fax: (84-4) 8269578
Email: thegioi@hn.vnn.vn
Website: www, thegioipublishers.com.vn

KIẾN TRÚC PHỐ CỔ HỘI AN - VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản
TRẦN ĐOÀN LÂM

Biên tập: Phạm Hoàng Hải
Kỹ thuật vi tính: Phạm Đức Hoàng
Sửa bản in: Bích Ngọc

In 700 cuốn, khổ 21 x 29,7 cm, tại Trung tâm Công nghệ Thông tin Chế bản và In - Nhà xuất bản Thế Giới. Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số: 806-2006/CXB/5-195/ThG, cấp ngày 23/10/2006. In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2006.

Viện Nghiên Cứu Văn Hóa Quốc Tế
Trường Đại Học Nữ Chiêu Hòa

Kiến trúc phố cổ Hội An - Việt Nam

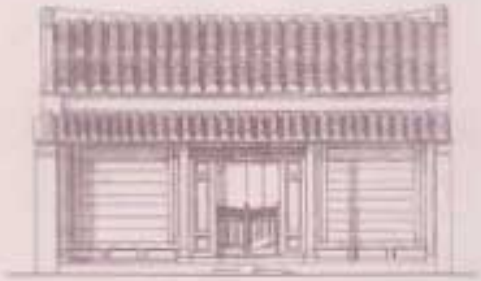

I. LỊCH SỬ PHỐ CỔ HỘI AN
1. Sự hình thành phố cổ Hội An
2. Hoàn cảnh lịch sử Hội An
3. Hội An từ góc độ điều tra văn tự cổ và khảo cổ học

II. KIẾN TRÚC NHÀ Ở TRUYỀN THỐNG HỘI AN
4. Nhà số 48 Trần Phú
5. Phân loại kiến trúc nhà ở truyền thống Hội An thông qua mặt đứng của công trình
6. Kết cấu vì kèo
7. Tổ chức không gian mặt bằng
8. Trang trí
9. Hình thức kiến trúc và sự biến thiên niên đại
10. Đặc trưng của nhà phố Hội An

III. PHỐ CỔ VỚI CUỘC SỐNG HIỆN ĐẠI
11. Cách sinh hoạt trong nhà phố truyền thống
12. Cải tạo, cơi nới trong các nhà phố
13. Xu hướng của những nhà phố kiểu mới
14. Hướng đến việc bảo tồn phố cổ

Kiến trúc cổ Hội An-130-T...
3001000049102
-BITG 130,000 đ

Giá: 130.000 đ